



BÁCH KHOA TOÀN THƯ
TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN
TRUNG QUỐC

Lễ Ký

KINH ĐIỂN VỀ VIỆC LỄ

NHỮ NGUYỄN biên soạn
TRẦN KIẾT HÙNG hiệu đính

NHÀ XUẤT BẢN
ĐỒNG NAI - 1996



LỄ KÝ
(KINH ĐIỂN VỀ VIỆC LỄ)

TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

LỄ KÝ
(KINH ĐIỂN VỀ VIỆC LỄ)

Biên soạn: **NHỮ NGUYỄN**
Hiệu đính: **TRẦN KIẾT HÙNG**

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

1996

LỜI GIỚI THIỆU

Sự ra đời của bộ sách Lễ ký, trước tiên có lẽ từ thời xa xưa người đời nghe nhiều, đọc nhiều về Kinh văn và thấy nhiều về lễ nghi trong đời sống xã hội, mà lòng mình hiểu ra được cái ý nghĩa của Lễ, nên đã bộc lộ tình cảm đối với cuộc sống ở đời, tiện tay ghi chép lại những ý kiến nhận xét của ở Kinh văn. Về sau tự nhiên hình thành một phụ kinh, rồi diễn biến thành những bài văn có ý nghĩa lý luận đối với Lễ của người đời.

Lễ ký, còn gọi là “Tiểu đối ký” hoặc “Tiểu đối Lễ ký”. Một tuyển tập Kinh điển của Nho gia thời Tiên Tần Lương Hán. Trong đó gồm có: “Khúc lễ”, “Đàn Cung”, “Vương Chế”, “Nguyệt lệnh”, “Lễ vận”, “Học ký”, “Nhạc ký”, “Trung Dung”, “Đại học” v.v... gồm 49 thiên. Do các đời đệ tử của Khổng Tử ghi chép lại, có cả luận bàn về lễ của sách xưa. Bộ sách mang tính chất nghiên cứu tình hình xã hội và học thuyết Nho gia thời cổ đại Trung Hoa. Các học giả còn thông qua Lễ ký biên soạn thành tư liệu tham khảo cho việc dạy học, như: “Lễ ký chú” của Trịnh Huyền đời Đông Hán; “Lễ ký chánh nghĩa” của Đường Khổng Vĩnh Đạt đời Đường; “Lễ Ký huấn soạn” của Chu Bán đời Thanh; “Lễ,

ký tập giải” của Tôn Hi Đán...

Trong *Lễ ký* có “*Lễ Vận*” là một thiên lý luận về lễ. Ra đời từ thời hậu kỳ Xuân thu Chiến quốc đến sơ kỳ đời Tần. Ghi lại những lời vấn đáp của các học giả Nho gia, về cái đạo lý ở đời Ngũ đế tam vương là “tương biến dịch âm vương xoay chuyển”, trong đó đối với lý tưởng của Nho gia được miêu tả một cách điển hình là lấy thiên hạ làm mái nhà chung của một xã hội đại đồng, trị vì “*Tiểu Khang*” (tầng lớp trung lưu trong xã hội) ở giai đoạn thấp, trước khi bước vào thế giới “*Đại Đồng*”. Tư tưởng “*Đại Đồng*” này, đối với các nhà tư tưởng đời sau như: lãnh tụ nông dân Hồng Tĩ Toàn, Tôn Trung Sơn... đều chịu sự ảnh hưởng rất sâu sắc.

“*Nhạc Ký*” một thiên lý luận về âm nhạc trong *Lễ ký*. Nhạc ký nói lên quan điểm của Nho gia học phái một cách tương đối khái quát hệ thống và hoàn chỉnh về nghệ thuật triết học, và tư tưởng mỹ học trong âm nhạc của thời Xuân thu Chiến quốc. Quan điểm ấy thể hiện: “Cố trị thế chi âm an, dĩ nhạc kỳ chánh hòa; loạn thế chi âm oán, dĩ nộ kỳ chánh quái; vong quốc chi âm ai, dĩ tư kỳ dân khốn”. Cho rằng âm nhạc và chính trị có mối tương quan mật thiết. Âm nhạc “khả dĩ thiện dân tâm, kỳ cảm nhân thâm, kỳ di phong dịch tục”. Điều này khẳng định âm nhạc có tác dụng to lớn đối với xã hội.

TRẦN KIẾT HÙNG

MỤC LỤC

Phần 1: Lời nói đầu	5
I. Lễ, Lễ Kinh và Lễ ký	12
II. Tính chất và nội dung Lễ ký	24
III. Giá trị nghiên cứu Lễ ký	34
Phần 2: Lễ ký Hội Biên	39
I. Những câu chuyện về Lễ (Trần thuật Lễ sự)	39
1. Khổng Tử hợp táng phụ mẫu	39
2. Khổng Tử tu mộ	40
3. Khổng Tử nghe tin Tử Lộ chết	42
4. Khổng Tử khóc tang Bá Cao	44
5. Nhan Hữu thay Khổng Tử gửi lễ phúng viếng	46
6. Khổng Tử khóc tang của chủ nhân nhà khách	47
7. Khổng Tử xem người đưa tang	48
8. Chính trị hà khắc mạnh hơn hổ	50
9. Em bé Uông Ý hy sinh vì nước	52
10. Tư Thành Tử Hãn khóc cái chết của người vệ sĩ	54
11. Lập thái tử không lập đích tôn	56
12. Khổng Tử chủ trì xạ lễ	58
13. Sự qua đời của Khổng Tử	62
14. Đệ tử để tang Khổng Tử	67
15. Phần mộ của Khổng Tử	68
16. Đệ tử thảo luận những lý luận của Khổng Tử	71
17. Tử Hạ khóc tang con trai	76

18. Tang phục của anh em cùng mẹ khác cha	78
19. Tặng Tử ngọc ca Áng Anh biết lễ	80
20. Tặng Tử trách Quý Thượng thất lễ	82
21. Tặng Tử thái quá hóa dở	85
22. Tặng Tử thay chiếu khi lâm trọng bệnh	86
23. Kêu lại ăn, không ăn	89
24. Thạch Kỳ Tử tri lễ	91
25. Lỗ Trang Công truy tặng tước hiệu văn tể cho kẻ sĩ	93
26. Tấn Hiến Công giết thái tử Thân Sinh	95
27. Tấn Mục Công diếu công tử Trùng Nhĩ	98
28. Quý Vũ Tử cho phép Đỗ thị khóc mai táng trong sân nhà	104
29. Cách Lỗ Tương Công dâng lễ vật cho tang lễ Sở Khang Vương	105
30. Chu Lâu Định Công luận về hung án nghịch luận	108
31. Sự cưỡng vọng vô tri của Dung Cư	110
32. Lời chúc hay, lời nguyện cầu tốt	113
33. Triệu Văn Tử luận về con người	115
34. Liễu Trang khuyên Vệ Hiến Công không nên quá thành kiến	121
35. Vệ Hiến Công diếu tang Liễu Trang	123
36. Di ngôn của Thành Tử Cao	125
37. Quốc Tử Cao luận việc mai táng	127
38. Đỗ Quý phạt rượu	128
39. Thái Tể Bĩ mượn lễ uốn nắn Phù Sai	132
40. Tử Phục Huệ Bá không vì chuyện tư mà hoãn việc công	135

41. Chu Phong phúng dụ Lỗ Ai Công	136
42. Lỗ Ai Công để tang cho người thiếp	139
43. Mạnh Kinh Tử bắt thủ lễ	140
44. Lỗ Mục Công khóc tang quan đại phu nước Tề	143
45. Bãi chợ cầu mưa	145
46. Tử Tư luận về chuyện bế tôi để tang cho vua cũ	148
47. Tử Tư khóc tang người mẹ đã tái giá	151
48. Tử Tư không lo liệu việc tang cho mẫu thân đã tái giá	153
49. Trần Tử Cang phá hủy việc dùng người để tuần táng	155
50. Lý Tử Cao an táng vợ	157
<i>II: Thuyết minh Lễ Ý</i>	159
1. Ý nghĩa của quan lễ (1)	159
2. Ý nghĩa của quan lễ (2)	162
3. Ý nghĩa của quan lễ (3)	167
4. Ý nghĩa của hôn lễ (1)	170
5. Ý nghĩa của hôn lễ (2)	176
6. Ý nghĩa của hôn lễ (3)	180
7. Ý nghĩa của hôn lễ (4)	182
8. Ý nghĩa của tang lễ (1)	185
9. Ý nghĩa của tang lễ (2)	189
10. Ý nghĩa của thời kỳ để tang (1)	193
11. Ý nghĩa của thời kỳ để tang (2)	195
12. Ý nghĩa của thời kỳ để tang (3)	198
13. Ý nghĩa của tế lễ (1)	205
14. Ý nghĩa của tế lễ (2)	208

15. Ý nghĩa của tế lễ (3)	210
16. Khổng Tử luận về sự khác nhau giữa chủ tế và trợ tế	213
17. Khổng Tử luận về công dụng của lễ giáo	221
18. Khổng Tử luận về thái độ biểu hiện của lễ giáo	224
19. Khổng Tử luận về dụng ý của thủ chế	227
20. Khổng Tử luận về tiêu chuẩn lễ táng	228
21. Tăng Tử luận về lễ Chạp	230
22. Tăng Tử luận về tiếng khóc	232
23. Tăng Tử luận về cách dùng lễ khí	233
24. Lễ nghi biến đổi thích nghi	235
25. Khổng Tử luận về hiếu	237
26. Tăng Tử luận về hiếu	239
27. Lạc Chính Tử Xuân luận về hiếu	240
28. Khổng Tử luận về Đại đồng và Tiểu khang	244
29. Nhân tố của lễ chế	252
III: Tử Dương Đức Phẩm	256
1. Điển hình của Nho gia (1)	256
2. Điển hình của Nho gia (2)	259
3. Điển hình của Nho gia (3)	261
4. Điển hình của Nho gia (4)	262
5. Điển hình của Nho gia (5)	264
6. Điển hình của Nho gia (6)	266
7. Điển hình của Nho gia (7)	267
8. Điển hình của Nho gia (8)	269
9. Điển hình của Nho gia (9)	270
10. Điển hình của Nho gia (10)	272

11. Điển hình của Nho gia (11)	274
12. Điển hình của Nho gia (12)	275
13. Điển hình của Nho gia (13)	276
14. Điển hình của Nho gia (14)	278
15. Điển hình của Nho gia (15)	279
16. Điển hình của Nho gia (16)	280
17. Điển hình của Nho gia (17)	282
18. Lễ Tam Cương Bát Mục Đại Học để tu dưỡng đạo đức, phát triển sự nghiệp	284
19. Cái gì là "Thành Kỳ Ý"	290
20. "Trung" và "Hòa"	293
21. Tu dưỡng "Thành"	296
22. "Hiếu học, Lưu hành, Tri sĩ"	299
23. Nội hàm âm nhạc và công dụng của nó	302
24. Nội hàm âm nhạc và công dụng của nó	305
25. Giá trị tinh thần của lễ nhạc	310
26. Tử Hạ luận nhạc	316
IV. Quy phạm của cuộc sống	319
1. Lễ đối với cha mẹ (1)	319
2. Lễ đối với cha mẹ (2)	323
3. Lễ đối với cha mẹ (3)	327
4. Lễ đối với bậc trưởng lão	330
5. Lễ đối với thầy giáo	334
6. Lễ về giới hạn giữa nam và nữ	337
7. Giáo dục thiếu niên nhi đồng (1)	340
8. Giáo dục thiếu niên nhi đồng (2)	342
9. Quy củ sinh hoạt chung	344

LỜI NÓI ĐẦU

I. LỄ, LỄ KINH VÀ LỄ KÝ

1. Lễ

Sau khi xã hội bộ lạc hình thành, con người sống hợp cư, tổ chức thành gia đình. Do tác dụng của tình cảm và lý trí, trong quan hệ nhân tế tự nhiên phát sinh một số nguyên tắc cần thiết để duy trì mối thực tế sinh hoạt của cộng đồng đôi bên. Những nguyên tắc này mới đầu có lẽ chỉ là vài khái niệm trừu tượng, nhưng kinh qua sự quan tâm mạnh mẽ của các bậc lãnh đạo sáng suốt thời cổ đại, đã làm cho nó ngày càng được cụ thể hóa. Những nguyên tắc này sau khi được đem thực hành phổ biến rộng rãi, thì quả thực đã phát sinh những hiệu quả duy trì trật tự trong quần chúng xã hội. Thế là nó dần dần phát triển và hình thành.

Bởi vì người và người cùng chung sống với nhau, nên lễ tự nhiên sẽ nảy sinh tình cảm. Nhưng thời gian tiếp xúc có khi dài lâu có khi tạm thời, đương nhiên biểu hiện tình cảm sẽ có màu sắc nông sâu đậm nhạt khác nhau,

quan hệ nhân tế đôi bên sẽ có mức độ thân sơ xa gần không giống nhau. Giả như lại thêm mối quan hệ huyết thống bà con xa gần thì tính khác biệt này càng trở nên chông chéo phức tạp, tuyệt không thể dựa vào những điều lý đơn giản để nói rõ được. Thánh hiền thời xưa không những đã chú ý đến sự tồn tại của tính khác biệt này, mà còn phát hiện rằng nó có khả năng phát sinh tác dụng ảnh hưởng rất lớn trong sinh hoạt nhân chúng. Họ liền nhân xu thế phát triển của sự việc, y cứ vào tình trạng gia tộc hiện hữu để chế định tông pháp và chế độ tang tế. Một mặt thông qua sự nhấn mạnh về tính khác biệt của mức độ thân sơ xa gần mà xướng nên đạo người dân cần phải tôn kính sùng bái tổ tiên, và yêu thương giáo dục con cháu thế hệ sau. Đồng thời cũng kích thích quan niệm của bản thân đối với trách nhiệm lịch sử, trách nhiệm thừa tiên hậu khởi và tư tưởng lý luận. Mặt khác do sự nhấn mạnh về tính khác biệt này, trước tiên tất phải quan sát tinh tế, phân khu những quan hệ nhân tế phức tạp, rồi so sánh cấp độ đối đãi với nhau của hai bên, thì như vậy hàm ẩn trong "Lễ" còn kiêm cả quan niệm về thứ bậc và danh phận. Sự kiến lập quan niệm thứ bậc và danh phận trên thực tế chính là chương bản của chế độ xã hội và tổ chức quốc gia. Do vậy phạm các hạng sự về tôn ti đẳng cấp, thiết quan phân chức, quan tượng thụ thời, thế quốc kinh dã v.v... đều qui thuộc vào phạm trù của Lễ.

Hơn nữa sau khi người và người tiếp xúc, tất nhiên sẽ có nhiều sự tình phát sinh. Có chân có ngụy, có khúc có trực, cũng có đa có thiếu, có đắc có thất, trong đó tự nhiên không tránh khỏi có không ít những tranh chấp phiền nhiễu. Nhưng do sự phát huy của lý trí, lại thêm ảnh hưởng của nhân tố tự nhiên như khí hậu ôn hòa, môi trường bao la mà dần dần đã xác định được những nhận thức chung về quan niệm thị phi và tiêu chuẩn bình phán. Như vậy mới đủ để khiến những tình huống này có khả năng đạt được cách giải quyết hợp lý, mới đủ để làm cho sinh hoạt của nhân chúng xã hội giữ được an ninh và hòa bình một cách bền vững. Sự hình thành nhận định chung về quan niệm thị phi và tiêu chuẩn bình phán, căn bản là do trong quá trình phát triển của bất cứ dân tộc nào tất nhiên cũng đều phải có đầy đủ. Thánh hiền thời xưa đã từng đặc biệt chú ý đến những quan niệm này và chất lọc cô đọng lại, hình thành tư tưởng trung dung và quan niệm đạo đức truyền thống. Lại tiếp tục truyền bá phát huy qua nhiều người, cuối cùng đã hình thành phạm qui hành vi sinh hoạt cá nhân và trật tự quần chúng, được gọi là nguyên tắc cơ bản về tu dưỡng nhân. Những đặc điểm quan trọng đại diện cho nền văn hóa Trung quốc thuần túy cũng qui thuộc vào phạm trù của Lễ. Vì thế Khổng Tử nói: “Bất học lễ vô dĩ lập”, ý muốn nói rằng không học lễ thì không cách nào đứng vững trong xã hội, thậm chí có thể nói

không đủ khả năng để trở thành người Trung Quốc đường đường chính chính. Tăng Quốc Phiên đời Thanh từng nói: “Tiên Vương chi đạo, sở vị tu dĩ trị nhân, kinh vĩ vạn hồi giả hà qui hồ? Diệc viết lễ nhi dĩ hỷ?”. Sở vị tu dĩ trị nhân, kinh vĩ vạn hồi đó chính là nói từ việc nhỏ tự tu thân đến việc lớn là trị quốc bình thiên hạ đều bao hàm trong Lễ, do vậy có thể thấy ngụ ý bên trong và tác dụng bên ngoài của Lễ phạm vi thật rộng rãi to lớn.

2. Lễ hình

Mặc dù phạm vi và tác dụng của Lễ thì rộng lớn, mục tiêu lý tưởng lại cao xa như vậy, nhưng hàm ý của Lễ chỉ hạn chế trong tư tưởng và khái niệm trừu tượng. Nếu như chỉ dựa vào sự tuyên truyền và nhận thức của thiểu số phần tử trí thức, thì có thể tưởng tượng kết cuộc không thể có hiệu quả to lớn được. Vì vậy trong yêu cầu kỳ vọng hiệu quả thực tế được phổ biến, tất nhiên phải suy nghĩ phương pháp để cho lý tưởng kết hợp với thực tế, trừu tượng hóa thành cụ thể, cái đạo lý mà chỉ thiểu số người nhận thức sẽ trở thành kiến thức phổ thông đại chúng hóa. Điều tối giản tiện và dễ làm là căn cứ vào tình trạng sinh hoạt vốn có để hình thành phương thức sinh hoạt cố định và qui luật hóa. Một mặt khiến cho con người dễ dàng tuân hành theo nguyên tắc sinh hoạt đã qui định, một mặt có thể làm cho tất cả mọi người vô hình chung tiếp thu những yêu cầu có tính xây dựng và hạn chế trong

tập quán, mặt khác đối với những người tri thức tương đối cao, cũng có thể từ phương thức sinh hoạt này dần dần, nhận thức thực chất tinh thần đã được uỷ thác của nó, từ đó sẽ lại tiếp tục khởi xướng, tuyên truyền. Như vậy lý tưởng cực kỳ trừu tượng cao xa mới có khả năng sinh rễ trong nhân chúng xã hội, cũng mới có thể gặt hái được hiệu quả truyền bá rộng rãi và sâu sắc trong sinh hoạt hiện thực. Thế là những mục tiêu phù hợp lý tưởng, lại thích hợp với lễ chế cần thiết trong sinh hoạt cộng đồng, trải qua những chỉnh lý sửa đổi liên tục vẫn thông dụng theo các triều đại như cũ.

Tuy rằng thời đại biến đổi, không ít chế độ đã sớm theo sự biến chuyển thời đại dần dần trở nên cứng nhắc mất đi tác dụng, nhưng ngược lại lễ chế với tinh thần cơ bản chủ yếu hàm ẩn trong nó và phù hợp dân tình vẫn không bao giờ thay đổi, mà giá trị xã hội đã sản sinh lúc đương thời của nó vĩnh viễn có giá trị để cho hậu thế noi theo. Hay nói cách khác, nếu như ngày nay muốn biết quần chúng xã hội thời xưa đã làm như thế nào để gắn bó với trật tự sinh hoạt cộng đồng? Giáo dục truyền thống như thế nào để đạt được yêu cầu lý tưởng của nó? Sắc thái độc đáo mà văn hóa phương Đông đã thể hiện được hình thành ra sao? Diện tích lãnh thổ rộng lớn như vậy, nhân khẩu chủng tộc nhiều và phức tạp như vậy, từ mấy nghìn năm nay bằng cách nào vẫn có thể duy trì được tình trạng

thống nhất, sáng tạo ra nền lịch sử lâu đời của nó (ý nói Trung Quốc)? Những đề tài nghiên cứu vĩ đại tương tự như vậy đều phải dựa trên những nghiên cứu sâu sắc về phương diện lễ chế mới có được đáp án mãn nguyện.

Lễ chế đương thời, nếu như dùng văn tự ghi chép lại để tiện lưu truyền, những tư liệu này có khả năng được lưu lại, ví như các sử gia nhà Hán về sau nhận biết được sự quan trọng của Lễ, khi tu sửa sách sử đều luôn ghi chép các quyển như Lễ Thư, Lễ Nhạc Chí, Lễ Nghi Chí... với số lượng tương đối nhiều, thì tư liệu cung cấp để nghiên cứu sẽ vô cùng phong phú. Thế nhưng tư liệu thể chế liên quan đến thời đại Tiên Tần lại bảo tồn không nhiều. Chính Lễ chế trong thời kỳ này, về mặt lý luận thì vô cùng quan trọng, bởi vì một mặt nó chính là nguồn gốc của mọi lễ chế hậu thế, mặt khác những thể chế này qua quá trình chỉnh lý của Chu Công và Khổng Tử, có thể được xem là giáo khoa thư, lấy Lễ nhạc làm trọng tâm của Nho gia. Trong đó sẽ tìm thấy được những nguyên tắc lễ chế và thông tin lễ nghi, đương nhiên rất là quan trọng. Vì vậy trong sách Trang Tử Thiên Vận, lễ được liệt vào hàng thứ nhất trong Lục Kinh, điều này nói lên được tình hình lưu truyền và thể hiện bằng văn tự của Lễ kinh trong thời chiến quốc. Sách Lễ ký lễ chí nói: “Cố kinh lễ tam bách, khúc lễ tam thiên”. Trong sách Trung Dung cũng có nói: “Lễ nghi tam bách, uy nghi tam thiên”. “Khúc” ý là khúc

chiết tường tận, khúc lễ để chỉ những qui định chi tiết về phương diện cử chỉ, diện mạo, hành vi trong cuộc sống. Đây là qui củ chuyên nói về những hành vi nhỏ nhất trong sinh hoạt thường nhật. Như vậy Khúc Lễ cổ đại và dụng ý qui định hầu như tương đồng với nhau.

Những qui củ chi tiết phức tạp này sau khi được viết thành văn, số chữ của tam thiên điều kỳ thực không nhiều, đã vậy những qui củ này đều thuộc về phương diện cử chỉ dung mạo hành vi sinh hoạt, vì vậy cũng có thể gọi là “uy nghi”. Toàn văn của tam thiên điều, đến ngày nay đã sớm thất truyền, nhưng ở trong các sách Lễ Thiên, Thiếu Nghi Thiên, Nội Tắc Thiên của Lễ ký, ít nhiều cũng còn có thể thấy một phần, có lẽ đây là những tư liệu lễ văn của thời đại Chu, Tần cũng nên?

Nội dung của Lễ kinh đều là điển lễ trọng đại và chính thức, có công dụng chuyên môn cố định, và cũng có thứ tự nghi tiết nhất định. Ví dụ quan lễ, hôn lễ, tang lễ, tế lễ v.v... cùng với nội dung và tính chất. Ngay cả con số ba trăm, đương nhiên cũng là cách tính đại khái. Trong những năm đầu đời Hán, chỉ có Cao Đường Sanh truyền lại 17 thiên, đó chính là lễ nghi còn truyền đến ngày nay, đương thời gọi là lễ Kinh, gọi ngược lại là Kinh Lễ.

Các thiên mục của 17 thiên có lẽ có nghi, vì vậy gọi nó là Nghi lễ, hoặc gọi là Lễ nghi đều như nhau. Sau này trên các bức vách trong nhà Khổng Tử lại được phát hiện

ra 56 thiên cổ văn Lễ nghi. 56 thiên này hiện tại không thấy, tuy nhiên 56 thiên này chưa là toàn bản, nhưng ít nhất cũng cho chúng ta tin tưởng con số 300 thiên nguyên bản, không thể nào không tin được. Thật đáng tiếc bao nhiêu tư liệu lễ văn như vậy, đến nay chỉ còn thấy được 17 thiên, nói về số lượng bảo tồn thật là quá ít. Trong thời đại Chu, Tần, các lễ chế được hoàn chỉnh và sắp xếp thành bộ, cũng chỉ có mười mấy thiên này để cung cấp nền tảng mà đào sâu nghiên cứu. Vì vậy kể từ nhà Hán đến nay đều một mực rất coi trọng phần ghi chép lễ văn này, bởi lẽ suy cho cùng thì đây là những tư liệu đã có thể thấy được sớm nhất và có tính cách hoàn chỉnh rất cao. Hán Vũ Đế năm thứ năm Kiến Nguyên thiết lập bác học ngũ kinh, lớp lớp các học giả chuyên môn giảng thụ Lễ kinh tại Quan học, có Hậu Thương và các đệ tử của ông như Đái Đức, Đái Thánh v.v... trong đó nói chung có nhị Đái là nổi tiếng nhất. Những điều mà nhị Đái giảng thụ tuy đồng là Lễ kinh, nhưng cách an bài sắp xếp thứ tự mười bảy thiên không giống nhau nên người đời sau để tiện mục đích phân biệt đã gọi là “Đại Đái và Tiểu Đái”. Đối với những đã giảng thụ của các ông từ sau đó cũng được phân biệt gọi là “Đại Đái Lễ” và “Tiểu Đái Lễ”. Do sự khác nhau về thứ tự các thiên Lễ kinh của nhị Đái mà chỉ thiếu cũng có thể thấy được cách nhìn của các ông đối với giá trị trọng điểm của Lễ kinh, có thể có khoảng cách

tương đối lớn, nhưng ảnh hưởng trực tiếp của khoảng cách này chính là do nhị Đái mỗi người tự tuyển biên nội dung tiêu đề “Lễ ký” không giống nhau.

3. Lễ ký

Lễ Kinh vốn chỉ để tiện giới thiệu phổ biến rộng rãi trong xã hội mới được thể hiện bằng văn tự, vì vậy công năng thực dụng của nó chủ yếu là giá trị học thuật. Nói một cách nghiêm túc, đó chẳng qua chỉ là bản ghi thứ tự việc hành lễ đúng như nghi thức mà thôi. Người đời sau nếu như hy vọng từ trong đó tìm ra một vài quan niệm xã hội đương thời, hình thái ý thức của người đương thời; hoặc là mong muốn hiểu được giá trị tinh thần của một vài điển lễ nào đó, sự an bài của một tiết mục nào, đó là các vấn đề dụng ý gì; điều này tất phải dựa vào những văn tự trình bày cặn kẽ và giải thích rõ ràng mới được, mà loại văn tự này được bảo tồn không ít trong Lễ ký. Vì vậy có thể nói không có Lễ Kinh, chúng ta không tài nào biết được lễ chế cổ đại cuối cùng là cái gì? Nhưng không có Lễ ký, chúng ta càng không cách nào hiểu được tinh thần và dụng tâm chân chính của những lễ chế này. Nói như vậy, Lễ Kinh cố nhiên có giá trị, nhưng giá trị của Lễ ký có thể còn cao hơn.

Về việc ra đời của Lễ ký, mới đầu có lẽ có người đọc Nghi lễ, sau khi lĩnh hội thấu triệt, phát sinh cảm hứng liền tiện tay phụ chú ý kiến vào mặt sau của kinh văn.

Ngày nay trong mười bảy thiên nghi lễ, phần cuối cùng của mười một thiên đều có phần phụ “Ký” văn, đây là những vết tích của thời kỳ đầu Lễ ký phụ chú Kinh lễ. Thế nhưng phần dư ở mặt sau mỗi thiên rốt cuộc cũng có giới hạn, mà ý kiến của mỗi người cần biểu đạt lại rất nhiều, người trước đã chiếm hữu hết phần dư, người sau phải nghĩ biện pháp khác. Cho nên lễ tự nhiên là từ điển biến thay đổi hình thức phụ kinh đã dẫn đến việc hình thành những thiên độc lập. Đơn độc trở thành tản nhiên, thoát khỏi sự hạn chế trong khoảng thừa mặt sau kinh văn, số lượng nhất định tăng nhiều lên, nội dung nhất định sẽ mở rộng phạm vi hơn. Khi người đời sau thu thập chỉnh lý, tất nhiên sẽ căn cứ vào tính chất tương cận của nội dung để qui xếp thành loại, như sự ghi chép trong Hán thư văn nghệ chí, có ba mươi ba thiên Minh Đường Âm Dương, hai mươi ba thiên Nhạc ký, bảy thiên Khổng Tử tam triều ký..., rõ ràng đó cũng là kết quả của sự suy tính và tập hợp các loại tương đồng. Nếu như tính chất nội dung không giống, không cách nào để xuất tiêu đề để qui về các chủng loại chung, thì chỉ đành tập trung tất cả loại, tổng quát gọi nó là: “Ký Bách tam thập nhất thiên”. Bất luận là phân ra qui thành loại, hay là tổng hợp lại với nhau, nhưng phương thức ghi chép trong “Tam thập tam thiên”, “Thất thiên”, “Bách tam thập nhất thiên”... đã đủ để chứng minh rằng “Lễ ký” vốn bắt nguồn từ hình thức

các tân thiên độc lập. Mãi cho đến sau khi nhị Đái giảng thụ nghi lễ tại Học Quan, mỗi người tự biên tuyển Lễ ký, thì Lễ ký mới chính thức từ tân nhiên trở thành chuyên thư.

Nghi Lễ chỉ là bản trình tự diễn lễ chi tiết, khi bắt đầu giảng đã cảm thấy kém thú vị, ngoài những cách vái chào tiến thoái, tuân lễ hành nghi; mà quả thực cũng không có gì hay để mà nói. Nếu như muốn giảng nghi lễ một cách sinh động hoạt bát, mà có ý nghĩa, thì tất phải mượn những nội dung vô cùng phong phú đa dạng của tân thiên. Lễ ký thì mới đạt. Thế là nhị Đái mỗi người dựa vào yêu cầu trọng điểm giảng dạy của mình, từ những bài Lễ ký trong tân thiên và các thư tịch khác có liên quan, tuyển biên thành những tư liệu tham khảo dùng hỗ trợ việc giảng dạy. Đái Đức đã tuyển tám mươi lăm thiên, Đái Thánh tuyển được bốn mươi chín thiên, tự tổng biên thành sách, từ đó về sau người đời gọi sách của Đái Đức biên soạn là Đại Đái Lễ ký, của Đái Thánh sở biên là Tiểu Đái Lễ ký. Hậu Hán Trịnh Huyền nhận Tiểu Đái Lễ ký từ Mã Dung, sau đó ghi chú cho Tiểu Đái Lễ ký; Tiểu Đái Lễ ký không những nhờ vậy mà trở thành bản cố định được bảo tồn mà hơn nữa đến khi Hán Linh Đế khắc Hi Bình Thạch Kinh, bộ sách này cũng được liệt vào hàng thứ nhất trong bảng kinh, nên được lưu truyền mãi cho đến ngày nay. Nhưng thật đáng tiếc Đại Đái Lễ Kinh lại không có vận

may như vậy, không được một đại Nho gia như Trịnh Huyền ghi chú nên đương nhiên không được lưu truyền rộng rãi; thế là dần dần bị thất tán, nay bảo tồn chỉ có bốn mươi thiên mà thôi, không có được đến ngay cả một nửa. Trong quá trình thay chuyển thế sự, tuy là có may mắn, có bất hạnh, có cái được bảo tồn, có cái sớm bị thất lạc, có cái được liệt thành kinh thư mà những đi học đời sau đều phải học, có cái không được thành kinh và không được người xem trọng lắm; nội dung các thiên mục của nó cũng có chỗ giống nhau, chỗ khác biệt, thế nhưng nếu như truy cứu về sự uyên thâm thì có thể nói là hoàn toàn tương đồng. Vì vậy nếu nói về giá trị học thuật thì nên có sự đánh giá công bằng, không được phép phớt bỏ bên nào. Chẳng qua trước đây những người đi học chỉ học phần lớn Tiểu Đái Lễ ký; nguyên nhân chính là có thể do Tiểu Đái Lễ ký đã từng được liệt là Kinh thư, hơn nữa bộ Đại Đái Lễ ký đã thất lạc quá nửa trong khi Tiểu Đái Lễ kinh tương đối hoàn chỉnh. Với lý do như vậy, chi bằng chỉ chuyên giảng Tiểu Đái Lễ ký, hiệu quả thu được còn có thể nhiều hơn. Vì thế phạm vi thảo luận của bản văn cũng chỉ lấy Tiểu Đái Lễ ký làm chính. Kỳ thực giá trị và tính chất của hai bộ Lễ ký này cũng như nhau, nếu có sự hiểu biết tương đối khá về Tiểu Đái Lễ ký thì sau này khi đọc tiếp Đại Đái Lễ ký chắc hẳn cũng không cảm thấy gì xa lạ.

II. TÍNH CHẤT VÀ NỘI DUNG LỄ KÝ

1. Tính chất Lễ ký

Đã biết được quá trình hình thành của Lễ ký, cũng nên hiểu rằng đây là một bộ tổng hợp các tạp văn tản thiên chuyên ký lễ sự. Nguyên tác giả của mỗi thiên là ai, trước đây có nhiều truyền thuyết khác nhau, nhưng rõ ràng hoàn toàn không phải là thủ bút của một người, một địa phương hoặc một thời đại. Sau Khổng Tử, mãi cho đến đầu thời kỳ Tây Hán vẫn có rất nhiều người có thể viết tiếp loại văn này. Đại khái trong khoảng khu vực nước Tề và Lỗ, nhưng không thể khẳng định chính xác được. Vì vậy tính chất nội dung của nó hoàn toàn không đơn thuần, như là có hệ thống và quan niệm thống nhất của một cá nhân biên thuật được.

Lấy hình thức phụ chú kinh mà nói, căn cứ chủ yếu vẫn là trong Lễ Kinh, bởi vì đại khái nội dung không ngoài thuyết minh lễ nghi, hoặc bổ sung phần thể văn còn thiếu. Về sau khi biệt lập trở thành tản thiên, không còn bị hạn chế của Lễ kinh thì tự nhiên phạm vi nội dung được mở rộng. Chỉ cần nhằm đúng lễ sự mà phát huy trình bày thấu đáo hoặc thêm đề mục thảo luận đều có thể gộp vào trong phạm vi này; thậm chí ngay cả vài tiết mục lễ chế nào đó trước đây, do nhân tố ngẫu nhiên đã dẫn đến phát sinh biến đổi, hoặc là vài người nào đó

hành sự thích hợp với lễ nghĩa, những ai đó chấp lễ có sự lệch lạc, đã được ghi chép lại bằng hình thức ký sự, nhằm cống hiến cho người đời sau làm văn liệu tham khảo; đều cũng có thể qui thuộc vào Lễ ký.

Ý nghĩa chính trong Lễ ký của Khổng Dĩnh Đạt được nói dưới đề mục Lễ ký, “Hoặc lục Thư lễ chi nghĩa, hoặc lục biến lễ sở do, hoặc kiêm ký thể lý, hoặc tạp tư đắc thất, cố biên thư lễ chi nghĩa, dĩ vi ký dã”. Do vậy có thể thấy nội dung những tạp văn Lễ ký này quả thực rất đa dạng. Cho đến khi nhị Đái tuyển biên thành sách, tác dụng của nó là để phụ trợ việc giảng dạy, nhưng trọng điểm mỗi người chọn không giống nhau, cho nên trong lúc biên soạn các ông không nhất thiết tiến dẫn toàn bộ thiên mà phần lớn đều là đông tuyển một đoạn, tây tuyển một đoạn, sau đó căn cứ vào các nội dung có tính chất tương cận mà ghép chung lại với nhau. Ví dụ rõ ràng nhất như bộ Khúc Lễ, Đàn Cung v.v..., được hình thành do sự nối kết hơn trăm bài văn ngắn rời rạc, hoặc ít rõ ràng hơn như Tam niên vấn thiên, đó là sự hợp thành từ một đoạn trong Tuân Tử Lễ Luận thiên và một đoạn trong Luận Ngữ Dương Hóa thiên. Cũng tình trạng như vậy, trong Lễ ký của nhị Đái có thể nói là hiện diện khắp nơi, thường luôn phát hiện sự trùng lặp lẫn nhau, trước sau không giống, thậm chí cũng xuất hiện các bài mâu thuẫn nhau; vì vậy bộ sách Lễ ký này không thể có hệ thống hoàn

chỉnh, cũng không cách nào yêu cầu tính thống nhất quan niệm của nó, không những phức tạp mà còn hỗn loạn nữa. Nhưng chúng ta không thể vì chuyện này mà nhận định đây là một tác phẩm biên soạn hỗn tạp, và đánh thấp giá trị học thuật, bởi nó không như tác phẩm của riêng cá nhân hay là một tập thể người nào đó; về các phương diện biểu hiện hình thái tư tưởng, luôn luôn trải qua quá trình chỉnh lý và chọn lọc, để sau đó có được tính thống nhất quán triệt từ đầu đến cuối. Quan niệm hỗn tạp này có thể xem là một nét đặc sắc có giá trị, được lưu truyền và phải có một sự đánh giá cao hơn nữa thì mới được.

2. Nội dung Lễ ký

Như phần trước đã nói, bản văn chủ yếu lấy Tiểu Đái Lễ ký làm hệ thống thảo luận. Theo tương truyền, Tiểu Đái Lễ ký có tất cả bốn mươi chín thiên, bản ngày nay cũng có bốn mươi chín thiên, nhưng trong đó ba thiên Khúc Lễ, Đàn Cung và Lễ ký phần lớn là quá dài, lại phân phần thượng phần hạ, cho nên nếu như tính toán theo đề mục của thiên, thực tế chỉ có bốn mươi sáu. Nội dung bốn mươi sáu thiên này giản lược như sau:

2-1. Khúc Lễ: chủ yếu là những qui củ hành vi nhỏ nhặt, tinh tế trong sinh hoạt thường nhật và kèm các kiểu thuyết minh xưng hô trong xã hội, triều đình.

2-2. Đàn Cung: tập ký những lời nói hoặc sự tích hay dở trong việc hành lễ của người đương thời, đại để là đa

số các sự việc có liên quan đến vấn đề tang lễ.

2-3. Vương Chế: ghi chép các chế độ hành chính nên có của các bậc vương giả, tuy cũng dựa vào bối cảnh lịch sử, nhưng trong đó vẫn có không ít những ý tưởng thay đổi chế độ thông qua những tích cổ.

2-4. Nguyệt lệnh: ghi chép đặc trưng biến hóa của khí hậu tự nhiên trong một năm mười hai tháng và sự thay đổi khí hậu thích ứng trong mỗi tháng, thiết lập và an bài các loại sự việc nên làm.

2-5. Tăng Tử vấn: dùng hình thức vấn đáp giữa Khổng Tử và Tăng Tử về phương diện tang lễ và tang phục để thảo luận về những vấn đề đặc thù một cách tương đối sâu sắc và bổ sung đầy đủ những thiếu sót trong Nghi Lễ.

2-6. Văn Vương thế tử: ghi chép phương pháp bồi dưỡng phẩm đức, tu sửa ngôn hành, và nói rõ những hành vi thái độ nên có của thế tử khi thờ phụng phụ thân.

2-7. Lễ Văn: thuyết minh sự hưng khởi của Lễ, cùng xu thế phát triển và diễn biến phát sinh để ứng đáp với sự tiến hóa của thời đại.

2-8. Lễ Khí: Từ việc quan sát hình thức biểu hiện bên ngoài của Lễ, và nghiên cứu tìm hiểu tinh thần nội hàm trong Lễ, đề xuất năm loại: thời, thuận, thể, nghi, xưng để thảo luận về nguyên tắc thiết lập Lễ.

2-9. Giao đặc sinh: tập luận các hạng mục cần chú ý trong chuyện Lễ, và thảo luận về nguyên tắc và dụng ý

thiết đặt một vài lễ tiết nào đó.

2-10. Nội tắc: đại để ghi chép vô số nguyên tắc nhỏ nhất nhắc nhở người con trai con gái nên phụng thờ cha mẹ ông bà như thế nào trong sinh hoạt gia đình, cũng như thảo luận các vấn đề liên quan tới trình tự nội dung, phương pháp ăn uống và dạy dỗ con cháu.

2-11. Ngọc Tảo: ghi chép các hạng mục cần chú ý thích ứng trong phương diện sinh hoạt thường ngày của Thiên Tử, chư hầu, đại phu và những người thuộc tầng lớp sĩ phu, và qui định phương pháp về y phục, ăn uống, dung mạo, xưng hô...

2-12. Minh Đường vị: ghi chép lý do tại sao nước Lỗ là một chư hầu mà có được Lễ nhạc của Thiên Tử, và thuyết minh âm nhạc nước Lỗ bao gồm cả nội dung và tình hình hưng thịnh của Lễ nhạc bốn nhà Ngu, Hạ, Thương, Chu.

2-13. Tang phục tiểu ký: ghi chép thêm vào phần lễ nghi tang phục, tương đối thiên nhiều về phương diện chế phục tang sĩ. Ngoài việc bổ sung ghi chép những điều chưa có của tang phục cũng như trần thuật lại các nguyên do của nó, lại còn thuyết minh để cập đến lễ chế tông pháp.

2-14. Đại truyện: thuyết minh rằng trị thiên hạ cần phải lấy tình thân làm cơ sở, rồi sau đó là đạo lý phát triển mở rộng ra ngoài, và từ đây suy luận đến các vấn đề tông pháp và phục chế...

2-15. Thiếu nghi: tập ghi vô số qui phạm về hành vi nhỏ nhất cần phải chú ý trong giao tiếp với con người, gần giống như nội dung tính chất của quyển Khúc Lễ; nhưng quyển này có tương đối nhiều các loại chuyện để thiếu niên noi theo đó mà phát triển, sửa đổi thói xấu thành tốt.

2-16. Học ký: ghi chép mục đích, phương pháp hiệu quả và lý luận cơ bản của việc dạy học trong trường đại học ngày xưa, và nghiên cứu nguyên do sở dĩ có sự hưng phế mất còn trong dạy học.

2-17. Nhạc ký: nói rõ công năng giáo hóa tâm hồn con người trong xã hội của Lễ Nhạc, và trần thuật ngoại diễn cũng như nội hàm của lý luận âm nhạc.

2-18. Tập Ký: tập ghi từ tang lễ của chư hầu cho đến các bậc sĩ, và phần lớn là thuyết minh bổ sung các tình tiết nhỏ nhất liên quan đến tang chế.

2-19. Tang đại ký: Tập ký tang chế của các loại địa vị chức phận khác nhau từ chư hầu, đại phu, cho đến kẻ sĩ, và đặc biệt giới thiệu tường tận về phương diện các vật dụng liên quan.

2-20. Tế Pháp: tập ghi những việc liêm tắng ai điều trong lễ và những lễ tế ngoài trời có liên quan đến mặt trời, mặt trăng, sông núi, và các câu chuyện về chế độ tông miếu...

2-21. Tang nghĩa: nói rõ tác dụng và nguồn gốc của

nghĩa lý trong tế tự. Do cúng tế là để duy trì kéo dài việc ghi nhớ công lao, nên từ đó suy luận ra đạo lý hiếu với người thân, kính với người già. Phần giữa có xen vào một đoạn văn tắt của sách Nhạc ký.

2-22. Tế Thống: nói rõ ý chủ yếu chính trong bản thân việc tế tự, phân ra tế tự vốn có mười loại, và mỗi loại đều có lời giải thích ý nghĩa hiện thực, sau đó đều qui về tác dụng xã hội trong việc thực hiện rộng rãi chính giáo.

2-23. Kinh Giải: Từ ảnh hưởng và tác dụng chỉ đạo sâu sắc của lục kinh đối với phong tục dân tộc trong xã hội, để nói lên nét khác biệt đặc sắc và tôn chỉ giáo dục của lục kinh, mà qui rằng lễ là mấu chốt chủ yếu lãnh đạo chính giáo.

2-24. Ai Công Vấn: ghi chép chuyện Lỗ Ai Công hỏi Khổng Tử về lễ, về chính trị, nội dung chủ yếu là giải thích rằng làm chính trị trước tiên phải có lễ, lễ chính là lý luận cơ bản của chính giáo.

2-25. Trọng Ni Yên Cư: ghi chép Khổng Tử giảng luận đạo lý của chính giáo trong Lễ nhạc cho đệ tử, chủ yếu là nói rõ tác dụng chỉ đạo vốn có của lễ đối với chính giáo xã hội.

2-26. Khổng Tử nhân cư: ghi chép mấy đoạn hỏi đáp giữa Tử Hạ và Khổng Tử, cũng chính là để trình bày tác dụng và đặc tính của Lễ Nhạc, nhưng tương đối thiên về

hình thức giải thích các ý nghĩa nội hàm trong phương diện tinh thần một cách trừu tượng.

2-27. Phường ký: nói rõ lễ vốn cũng có đặc tính tác dụng hạn chế tiêu cực, với mục đích là ngăn ngừa trước các sự việc, nhằm giảm thiểu những phát sinh tội ác lầm lỗi, từ đó xây dựng chuẩn mực hành vi hoàn hảo.

2-28. Trung Dung: trình bày và giải thích nội dung tư tưởng ôn hòa công minh chánh trực, nói rõ đây là cách tu thân để trị nhân hoàn mỹ nhất, và cũng là mục tiêu tu dưỡng được sử dụng phổ biến nhất.

2-29. Biểu Ký: Từ việc bồi dưỡng tư tưởng đạo đức ở bên trong, đến thái độ cung kính cẩn thận được biểu hiện qua hành vi cử chỉ bên ngoài, để nói lên các loại mục tiêu mà người quân tử cần phải nỗ lực tu dưỡng duy trì.

2-30. Tri y: nói về nhà vua khi trị vì cần phải chuẩn bị đầy đủ chuẩn mực đạo đức tương xứng, lấy đức giáo hóa dân chúng, lấy mình để nêu gương, sau đó mới có thể đạt được mục đích chính trị lý tưởng là an dân trị quốc.

2-31. Bôn Tang: ghi chép nghi lễ khi kẻ sĩ đang ở ngoài, được tin người thân qua đời, dù ở nơi xa xôi vẫn phải về chịu tang. Quyển này lễ ra nên qui thuộc vào Nghi Lễ, chứ không phải tính chất của Lễ ký.

2-32. Vấn Tang: giải thích dụng ý thiết đặt một vài lễ tiết nào đó trong Nghi lễ của tang lễ kẻ sĩ, và hơn nữa nói rõ tác dụng của tang lễ vốn được chế định trên tình

cảm con người, và ảnh hưởng quan trọng đến chính giáo của xã hội.

2-33. Phục Ván: dựa theo Nghi lễ tang phục, để làm một bước thuyết minh đối với lễ chế của tang phục.

2-34. Nhân truyện: là một sự ghi chép có tính tổng hợp đối với nghi tiết của tang lễ và chế phục, và đặc biệt chú ý đến sự khác nhau giữa tình thân sơ xa gần, nặng nhẹ mặn nhạt, đều có thuyết minh tỉ mỉ.

2-35. Tam niên vấn: trình bày và giải thích tại sao thời gian để tang lại có dài có ngắn, và đạo lý chế định đã dựa trên tình cảm mà lập thành văn để phân biệt thứ bậc, nhằm nói lên mục đích cuối cùng của tang lễ là thúc đẩy sự đoàn kết của gia tộc, sự an ninh và ổn định của xã hội.

2-36. Thâm Y: nói về chế độ thâm y, và dụng ý tính toán cho phù hợp với qui củ của nó.

2-37. Đầu Hồ: ghi chép lễ chế giữa người chủ và khách mời trong buổi yến tiệc, giảng luận về tài nghệ của trò chơi ném thẻ vào bình rượu. Quyển này cũng nên qui thuộc cùng một loại với Nghi Lễ.

2-38. Nho Hành: từ những góc độ khác nhau, thuyết minh hành vi đạo đức đặc hữu của bậc Nho giả, nhằm để chứng tỏ chỗ thật sự đáng quý của bậc Nho giả khác với những kẻ phàm tục khác.

2-39. Đại Học: kể về phương pháp tự tu của Nho gia

là cá nhân tự tu thân mới đến việc trị quốc bình thiên hạ, từ nội thánh mà đạt được lý tưởng cuối cùng của ngoại vương. Là một hệ thống hoàn chỉnh, nội dung học tinh thâm quảng đại.

2-40. Quan Nghĩa: giải thích nguồn gốc ý nghĩa thiết đặt của một vài nghi tiết nào đó trong Nghi Lễ Quan Lễ của người con trai, từ đó thuyết minh tác dụng của quan lễ là để thành nhân, và tính trọng yếu ảnh hưởng đến chính giáo xã hội của nó.

2-41. Hôn Lễ: giải thích nguồn gốc ý nghĩa thiết đặt một vài nghi tiết nào đó trong Nghi Lễ Hôn Lễ của người con trai, từ đó thuyết minh tác dụng của Hôn Lễ có thể khiến cho gia tộc trường cửu, hưng thịnh, và đoàn kết, và tính trọng yếu ảnh hưởng đến chính giáo xã hội của nó.

2-42. Hương ẩm tửu nghĩa: giải thích nguyên ý nghĩa thiết đặt của một vài nghi tiết trong Nghi Lễ của Lễ mừng đồng hương cùng uống rượu, từ đó thuyết minh tác dụng của Hương ẩm tửu Lễ nhằm giúp cho mình nhìn nhận được tôn ti, người già trẻ nhỏ, ngưỡng mộ người hiền tôn kính người già, và tính trọng yếu ảnh hưởng đến chính giáo xã hội của nó.

2-43. Xạ Nghĩa: giải thích nguyên ý nghĩa thiết đặt một vài lễ tiết nào đó trong Nghi thức Đại xạ, Lễ Hương Thôn, từ đó thuyết minh tác dụng của việc bắn tên là có thể thấy được tài đức, qua đó mà chọn lựa kẻ sĩ, và tính

trọng yếu ảnh hưởng đến chính giáo xã hội của nó.

2-44. Yên Nghĩa: giải thích nguyên ý nghĩa thiết đặt một vài nghi tiết nào đó trong Nghi Lễ Yên Lễ, từ đó thuyết minh tác dụng của Yên Lễ là làm cho vua tôi thành một thể, lòng dân hòa thuận, chính trị thông suốt và các cấp bậc uy nghi thị dân thường có.

2-45. Sính nghĩa: giải thích nguyên ý nghĩa thiết đặt một vài nghi tiết nào đó trong Nghi Lễ Sính Lễ, từ đó thuyết minh tác dụng của Sính Lễ là để thăm hỏi ngoại giao lẫn nhau giữa các chư hầu, lễ tuy nhẹ nhưng nặng lễ nghĩa.

2-46. Tang Phục Tứ Chế: trình bày và giải thích rõ ý nghĩa hàm ẩn trong bốn nguyên tắc: ân tình, nghĩa lý, tiết chế, quyền nghi, mà dựa trên bốn nguyên tắc này đã chế định tang phục. Đồng thời từ đó thuyết minh tác dụng và tinh thần nội hàm của chế độ tang phục.

III. GIÁ TRỊ NGHIÊN CỨU LỄ KÝ

Như phần trước đã nói: “Lễ” là một nhân tố quan trọng để duy trì trật tự sinh hoạt của con người trong xã hội trước đây, và cũng đã từng là một đơn nguyên trọng yếu ảnh hưởng sâu sắc nhất, mang đậm màu sắc văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Vào lúc này đây khi biết kim mà không biết cổ, tôn sùng mà không biết cái gốc của

phong tục tập quán, nhưng đối với hình thái ý thức sinh hoạt của nhân dân Trung Quốc ngày nay, “Lễ” vẫn vốn có tác dụng chỉ đạo nhất và vẫn có hiệu quả thiết thực nhất. Thật đáng tiếc, con người nói chung lại nhận biết quá ít đối với tinh hoa văn hóa truyền thống này. Đến đời nhà Chu Tần những chế độ lễ văn đặc sắc uyên bác nhất vào thời kỳ đầu này, do thời gian mai một, đại bộ phận đã bị thất truyền, phần còn sót lại tương đối hoàn chỉnh là chỉ có mười bảy thiên Nghi Lễ này mà thôi. Thì xem như khi chuyên tâm nghiên cứu đọc mười bảy thiên Lễ văn này, chẳng qua là để hiểu rõ trình tự tiến hành nghi tiết của nó mà thôi. Phương thức và hình thái sinh hoạt của kim và cổ đã có rất nhiều khác biệt, e rằng rất khó nhìn ra vài đạo lý gì đó, hơn nữa ngày nay chúng ta nghiên cứu lễ chế cổ đại, tuyệt đối không có ý phục cổ, bởi vì trên thực tế lễ chế cổ đại cũng hoàn toàn không thể tái thi hành một lần nữa trong hiện đại; vì vậy sở dĩ nỗ lực nghiên cứu đây, là nhằm để tìm ra một thứ gì đó cần thiết phù hợp với tính chất dân tộc, đã đang tiềm tàng trong những lễ chế cũ này. Đó chính là ý nghĩa sử dụng từ thuở ban sơ tại sao phải thiết đặt những nghi tiết lễ chế này, cũng chính là nguyên tắc và tinh thần trong mọi khía cạnh, mà đương thời đã đủ sức để duy trì giá trị và tác dụng thực tế của xã hội nhân tâm. Những thứ này nếu chỉ đơn thuần dựa vào bản thân lễ văn, nhất định không thể tìm ra được nguyên

cơ của nó. May ra thì trong Lễ ký hiện còn tồn giữ không ít những bài vở chuyên về trình bày và giải thích lễ nghĩa, tuy phần lớn chỉ là điểm ra rồi thôi, hoặc rút ra giới thiệu một bộ phận nhưng đối với công việc di nghiên cứu tìm hiểu nguồn gốc ý nghĩa thiết lập lễ từ trong những chế độ lễ văn khô khốc như thế này, chỉ ít cũng có thể dựa vào đây để có thể thu lượm được không ít gợi ý và định được hướng nghiên cứu.

Kế đó, từ đời Hán trở lại đây, đều luôn luôn tôn sùng tư tưởng Nho gia làm trung tâm học thuật. Nếu như có thể nắm vững nguồn gốc lý luận học thuật chân chính của Nho gia, trên thực tế phần lớn đều là những tư liệu gián tiếp biểu đạt phương thức. Tỉ như là các quyển Chu Dương, Thi Kinh, Thương Thư, Chu Lễ, Nghi Lễ, Xuân Thu Tam Truyện... trong kinh điển Nho gia, xét trên bề mặt văn tự, những quyển sách cổ này, không phải chỉ liếc qua một cái là đã dễ dàng thấy được tư tưởng trung tâm của nó, mà phải sau khi trải qua quá trình giảng giải trình bày, mới có thể biết được một phần thông tin. Có khả năng phương thức giới thiệu trực tiếp, chính thức thuyết minh rõ, trừ Luận Ngữ, Mạnh Tử, Hiếu Kinh ra, chỉ có trong Lễ ký là còn bảo tồn nhiều nhất. Lấy Luận, Mạnh ra mà nói, dường như Luận Ngữ tương đối thiên nhiều về bình diện hành vi sinh hoạt thực tế, còn trong Mạnh Tử lại chen lẫn rất nhiều bài kể thuật chuyện. So sánh trong đó, thì Lễ ký

mới là quyển chuyển tải nhiều bài thuyết minh, trực tiếp có liên quan đến lý luận tư tưởng học thuật, đích thật phải công nhận đó là những tư liệu vô cùng phong phú. Vì vậy, nếu nói về việc nghiên cứu thảo luận trọng tâm lý luận của Nho gia, thì Lễ ký là một bộ sách cần phải đọc.

Phần trên chẳng qua chỉ là lấy ví dụ để minh chứng cho một quan điểm giá trị tương đối to lớn mà thôi, chứ nếu như xem xét từ quan điểm Lễ Học, thì giá trị sở dĩ nó xứng đáng được nghiên cứu đương nhiên không phải chỉ dừng tại đó. Chỉ cần có hứng thú, chúng ta đi vào cửa bộ sách Lễ ký này, chậm chậm tiến sâu vào, phần chúng ta thu lượm được không những chắc chắn là phong phú, mà hơn nữa còn phát hiện ra phía bên trong này tòa sảnh đường đặc biệt lớn rộng, không có ranh giới, và những đồ vật đáng để nghiên cứu thật sự là quá nhiều.

Khi bắt đầu tiếp xúc với bộ sách này, đối với một vài phân tương đối sâu xa khó hiểu hoặc là có tính chuyên môn, như là: Vương Chế, Minh Đường vị chỉ thuần túy thảo luận về chế độ; Ngọc Tảo, Thạm Y thì giới thiệu phục sức; Bôn Tang, Đẩu Hồ chuyên ghi chép nghi tiết; Tang Phục Tiểu Ký, Tang Đại Ký toàn thuyết minh tang chế v.v..., không tránh khỏi phải tạm thời gác sang một bên. Trước hết phải đi từ những nội dung đơn giản, câu chữ ngắn gọn rồi dần dần thâm nhập vào những bài viết tương đối mang tính thú vị, khơi gợi. Ví như trong Lễ ký

có không ít những câu chuyện nhỏ, mà qua cách miêu tả hành động và lời nói của vài nhân vật cổ đại này, ít nhất chúng ta cũng có thể có được một vài khái niệm mang tính khái quát đối với Lễ. Sau đó quay trở lại nhắm vào cách thức an bài các tiết mục nghi thức trong chuyên lễ đương thời mà xem xét, sẽ thấy nói lên rất nhiều dụng ý sâu sắc, đủ để dẫn dắt chúng ta từ trên bình diện xơ cứng của các tư liệu lễ văn, nhận thức được sức sống mãnh liệt và vững chắc của nó. Hơn thế nữa, còn hướng dẫn chúng ta đi sâu vào nghiên cứu giá trị chỉ đạo vốn có của Lễ đối với xã hội nhân sinh. Tiếp theo đó, có thể chọn lấy vài bài viết có liên quan đến việc rèn luyện phẩm cách, tu dưỡng đạo đức của cá nhân mà đọc, từ đây có thể hiểu rõ mục đích và tôn chỉ giáo dục của Nho gia, và những yêu cầu đối với ý thức hành vi cá nhân.

Phần 2:

LỄ KÝ HỘI BIÊN

I. NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ LỄ

1. Khổng Tử hợp táng phụ mẫu

Khi Khổng Tử ba tuổi, phụ thân đã sớm qua đời, vì vậy Khổng Tử không hề biết phần mộ của phụ thân được an táng tại nơi nào. Về sau khi mẫu thân của ông mất đi, theo tục lệ thì nên hợp táng cùng với phụ thân của ông, nhưng hiềm một nỗi không biết chỗ, nên ông tạm thời đành phải để quan cữu bên vệ đường cái Ngũ Phụ, nhằm mượn điều này thu hút sự tò mò của người khác, sau đó mới có thể nghe ngóng chính xác nơi chốn.

Người vãng lai trông thấy quan cữu nằm bên đường, đều đinh ninh là chuẩn bị hạ táng, nhưng lại thấy miếng vải liệm phủ nắp quan trên xa cữu lại không phải là miếng vải thường dùng để quấn tạm thời. Quan cữu lẽ ra phải được quấn trong nhà làm sao lại đặt ở nơi đường cái lớn này? Đương nhiên sẽ có người lấy làm kỳ quặc mà hỏi dò nguyên do, có người đến hỏi, tức là có người để

nghe ngóng. Mà người vãng lai trên đường cái thì nhiều, chung qui cũng sẽ có người biết. Kết quả có người đã nói cho Khổng Tử là mẫu thân của Trâu Man Phụ có thể biết được nơi ngôi mộ đang tọa. Khổng Tử liền tìm đến mẫu thân của Trâu Man Phụ, hỏi kỹ lưỡng địa điểm chính xác của ngôi mộ, sau mới đưa quan cữu mẫu thân hợp táng tại nơi đó.

Phụ lục nguyên văn

Khổng Tử thiếu cô, bất tri kỳ mộ, tẩn vu Ngũ Phụ chi cù. Nhân chi kiến chi giả, giai dĩ vi táng dã, kỳ thận dã, cái tẩn dã. Vấn vu Trâu Man Phụ chi mẫu, nhiên hậu đắc hợp táng vu phòng. (Đàn Cung thượng)

Thuyết minh

Trong tang lễ khi quan tẩn tạm thời và khi đưa linh cữu đi chuẩn bị hạ táng, thì cách trang bày trên quan cữu hoàn toàn không giống nhau. Đã quan tẩn tất phải tại nhà, đã ra ngoài đường chắc phải là đưa linh cữu chuẩn bị hạ táng. Khổng Tử đưa cữu xa của mẫu thân đến đường cái, nhưng trên nắp quan lại bày trí theo cách dùng cho quan tẩn. Tuy là không hợp cho lễ chế, nhưng nhờ vào đó mà mới dò hỏi ra nơi sở tại của ngôi mộ phụ thân, như vậy mới có thể hợp táng phụ mẫu. Điều này nói lên lễ có thể được biến đổi để thích ứng kịp thời.

2. Khổng Tử tu mộ

Khổng Tử cuối cùng đã tìm thấy phần mộ của phụ

thân. Sau khi hợp táng chung quán cữu mẫu thân xong, bèn cảm khái nói rằng: “Ta đã từng nghe người đời nói thời cổ đại chỉ có mộ huyết, chứ không có đắp đất thành ngôi mộ cao cao như thế này. Nhưng mà ta đây là kẻ phải bốn ba khắp bốn phương, không thể thường xuyên ở mãi nơi đây, vì thế không thể không có cái gì để mà ghi nhận”.

Thế là theo tập tục thông thường, Khổng Tử cũng đắp đầu mộ cao lên bốn xích (đơn vị đo lường thời cổ), xong việc Khổng Tử liền ra về trước. Học trò của ông còn lưu lại để tiếp tục tu chỉnh thêm cho ngôi mộ. Sau đó trời đổ mưa một trận rất to. Khi học trò về đến, Khổng Tử liền hỏi:

“Vì sao các trò lâu về như vậy?”.

“Ngôi mộ đã bị mưa to làm đổ sụp rồi!”.

Khổng Tử không đáp lời nào, học trò nói đến ba lần, Khổng Tử mới rơi nước mắt mà rằng:

“Ta đã từng nghe người đời nói, từ cổ nhân xưa cho đến nay không cần việc xây đắp mộ”.

Phụ lục nguyên văn

Khổng Tử kế đắc hợp táng vu phòng, viết: “Ngô văn chi, cổ dã mộ nhi bất phần. Kim Khâu dã Đông Tây Nam Bắc chi nhân dã, bất khả dĩ phát thức dã. Vu thị phong chi, sùng tứ xích. Khổng Tử tiên phần, môn nhân hậu. Vũ thậm, chí, Khổng Tử văn yên viết: “Nhĩ lai hà trì

dã?”. Viết: “Phòng mộ băng!”. Khổng Tử bất ứng. Tam, Khổng Tử huyền nhiên lưu thế viết: “Ngô văn dã, cổ bất tu mộ”.

Thuyết minh

Bất kỳ sự việc nào cũng đều có cái lợi cái hại, thế nên trong sự lựa chọn hoặc bỏ đi hoặc giữ lại tất phải suy nghĩ đến tính thích hợp giữa cái lợi hại, được mất đối với chúng ta. Lễ chế cổ đại chỉ có mộ huyết, lấp bằng là khá dễ rồi. Nhưng không có dấu hiệu ghi nhớ đặc biệt, thật không dễ dàng để nhận biết. Về sau đắp đất thành phần mộ cao cao, phân biệt rõ ràng, có thể tránh được sự tùy tiện chà đạp của người khác, nhưng lại không tránh khỏi sự xâm thực của mưa gió, cần phải thường xuyên tu bổ. Không dễ dàng nhận biết, hoàn toàn không phải là không thể nhận biết; thế nhưng khi mộ phần phụ mẫu bị hư tổn tàn phá, trong lòng người con trai con gái cảm thấy vô cùng đau buồn xót xa, nếu như so sánh với tình trạng không dễ dàng nhận biết, e còn nặng hơn rất nhiều. Vì thế Khổng Tử mới cảm khái linh hội rằng suy cho cùng thì cổ nhân đã rất cẩn thận so với chúng ta, có thể họ đã sớm nghĩ đến sự xâm thực của mưa gió, mà không làm ngôi mộ cao cao, và vì vậy cũng không có việc tu sửa mộ mã.

3. Khổng Tử nghe tin Tử Lộ chết

Tử Lộ mất tại Vệ quốc, tin tức lan truyền. Khổng Tử

đã chuẩn bị sẵn kỹ án tế lễ ở trong sân phía trước gian nhà chính. Khi có người đến phúng điệu, Khổng Tử tự thân đại diện tang chủ mà bái đáp lễ với người tế lễ. Điếu tế xong, ông bèn mời vị sứ giả thông tri tin tức đến, hỏi về diễn biến tình hình thực tế lúc đó, sứ giả nói:

“Đã bị băm nát như tương!”.

Khổng Tử lập tức kêu người đem chính tương trong nhà đi đổ.

Phụ lục nguyên văn

Khổng Tử khóc Tử Lộ vu trung đình, hữu nhân điệu giả, nhi phụ tử bái chi. Kì khốc, tiến sứ giả nhi vấn kỳ cố, sứ giả viết: “Hải chi hỹ”. Toại mệnh phúc hải. (Đàn Cung thượng)

Thuyết minh

Khổng Tử và Tử Lộ không có quan hệ thân thuộc, thế nhưng quan hệ tình cảm giữa thầy trò vô cùng sâu đậm. Vì vậy ông đã đặc biệt lập cho Tử Lộ nơi khóc tế, hơn nữa lại đứng ra đại diện tang chủ, tiếp nhận tế điệu của người khác. Và an bài vị trí trong sân nhà, là để phân biệt với người có quan hệ thân thuộc, đây chính là tình thần đặc biệt trọng thị sự thân sơ xa gần trong tang lễ. Đến nỗi nghe nói Tử Lộ chết thì thể rất thảm, liền cho người đi chính tương; ý nói Khổng Tử không muốn nhìn thấy loại đồ vật có hình dạng tương tự như vậy nữa, nói lên thánh nhân nhân đức mang trong lòng, có ý không

chịu đựng nổi.

4. Khổng Tử khóc tang của Bá Cao

Bá Cao mất tại Vệ quốc, có người mang tin đến báo cho Khổng Tử, Khổng Tử nói rằng: “Ta và Bá Cao quen biết chưa lâu, ta nên khóc Bá Cao ở đâu đây? Nếu là huynh đệ của ta, ta có thể khóc trong miếu; nếu là bằng hữu của phụ thân, ta có thể khóc ở ngoài ở cửa miếu; nếu là thầy của ta, ta có thể khóc trong phòng riêng của ta; nếu là bằng hữu của ta, ta có thể khóc ở phía ngoài cửa chính ngôi nhà; người quen biết bình thường, thì có thể khóc ở một nơi bên ngoài ngôi nhà. Ngày nay đối với cái chết của Bá Cao, theo mức độ nông sâu thỏa đáng trong quan hệ tình cảm, nếu như ta đến một nơi bên ngoài ngôi nhà để mà khóc thì dường như tỏ ra hơi quá xa lạ; nếu như khóc trong phòng riêng, thì e rằng lại hơi quá nghiêm trọng; đây thật là một chuyện khó xử lý. Nhớ rằng mới đầu là do kinh qua Tử Cống giới thiệu Bá Cao đến gặp ta, thế thì ta có thể đến phần đất phía ngoài cửa chính nhà Tử Cống mà khóc Bá Cao”.

Thế là bèn gọi Tử Cống làm chủ tang cho Bá Cao, còn dặn dò Tử Cống rằng: “Đợi đến một lát có người đến điều tế, nếu như là bằng hữu của người vì việc người khóc Bá Cao mà đến vấn an người, thì người có thể đáp lễ hỏi bái người đó; nếu như là bằng hữu của Bá Cao, vì việc truy điệu Bá Cao mà đến điều tế, người không được đáp lễ hỏi

bái người đó”.

Phụ lục nguyên văn

Bá Cao tử vu Vệ, phó vu Khổng Tử, Khổng Tử viết: “Ngô ô hô khốc chư? Huynh đệ khốc chư miếu, phụ chi hữu ngô khốc chư miếu môn chi ngoại; sở tri ngô khốc chư dã. Vu dã tắc dĩ sơ, vu tẩm tắc dĩ trọng. Phu do tứ dã kiến ngã, ngô khốc chư tứ dân. Toại mệnh Tử Cống vị chi. Viết: Vị nhĩ khốc dã lai giả, bái chi. Tri Bá Cao nhĩ lai giả, vật bái dã”. (Đàn Cung thượng)

Thuyết minh

Người tiếp xúc với người, do sự bất đồng về mức độ thân sơ xa gần, mà tự nhiên tình cảm cũng có tính đậm nhạt nông sâu khác nhau, vì vậy thái độ đối xử với nhau cũng phải có sự phân biệt về thứ bậc, việc đặt định lễ chế, công dụng rõ ràng chính nhất là ở chỗ phân biệt thứ bậc, khả năng tuân thủ những qui định của lễ chế này, thì tự nhiên trong cử chỉ hành vi sẽ biết cách thủ lễ. Những điều Khổng Tử đã suy nghĩ, chính là trong mối quan hệ tình cảm nông sâu dày mỏng phải biết dung hòa như thế nào thì mới hợp lễ. Lời dặn dò Tử Cống trong đoạn cuối cùng, đó là vì Tử Cống chỉ tạm thời thay quyền tang chủ, không thể giống như người nhà của Bá Cao chính thức làm tang chủ, vì vậy đã nói cho Tử Cống chừng mực nên ứng đối đáp lễ như thế nào, đây cũng chính là ý tứ phân biệt mức độ khác nhau của tình cảm.

5. Nhan Hữu thay Khổng Tử gửi lễ phúng viếng

Bá Cao mất tại Vệ quốc, Khổng Tử lúc đó đang ở Lỗ quốc, sau khi nhận được tin, liền phái người mang lễ vật đi phúng viếng. Người đi chưa kịp đến, Nhan Hữu học trò của Khổng Tử đã dùng danh nghĩa của Khổng Tử, đại diện mang gửi một súc vải và bốn con ngựa.

Khổng Tử sau khi biết được, bèn nói: “Làm như vậy là không đúng rồi! Như vậy chỉ khiến cho ta bị mất đi thành ý bày tỏ lòng thương tiếc đối với Bá Cao”.

Phụ lục nguyên văn

Bá Cao chỉ tang, Khổng Tử chỉ sử giả vị chí, Nhan Tử nhiếp thức bạch thừa mã nhi tương chi. Khổng Tử viết: “Dị tai, đồ sứ ngā bất thành vu Bá Cao”. (Đàn cung thượng)

Thuyết minh

Tang lễ nặng ở tình nghĩa của đôi bên, chứ không phải ở hình thức bề ngoài. Phải có tình cảm thì mới có cách biểu hiện lòng thương tiếc thích hợp với tình cảm đó, đương nhiên cách biểu hiện này hoàn toàn xuất phát từ những tình cảm chân thành. Như Nhan Hữu tự làm theo chủ trương riêng của mình như vậy, thay thế Khổng Tử gửi phẩm vật phúng viếng, thì hóa ra vì phải theo hình thức tặng lễ mà gửi vật phúng viếng. Hơn nữa Nhan Hữu đã gửi đi lễ vật không xuất phát từ lòng thành ý. Nếu như Khổng Tử lại tiếp tục gửi đến lần nữa, thì không những

đã trùng lặp, mà càng tỏ ra không hề thành ý, vì vậy Khổng Tử mới có biểu hiện không vui như thế.

6. Khổng Tử khóc tang của chủ nhân nhà khách.

Khổng Tử đến Vệ quốc, gặp đúng khi Vệ Vương đang đãi tiệc tang của người phụ trách nhà khách mà lần trước Khổng Tử đã ở nghỉ, Khổng Tử tiến vào khóc tế tỏ ra vô cùng bi thương. Sau đó đi ra ngoài liền bảo Tử Cống đem con ngựa cột bên giá xe ra để làm vật lễ phúng viếng tang gia. Tử Cống nói:

“Đối với tang sự của học trò mình, thầy đều không gửi tặng ngựa. Nay phải tặng ngựa cho người phụ trách nhà khách, há không phải coi trọng hơn sao?”.

Khổng Tử rằng:

“Khi ta vừa mới bước vào điệu tế, ta thấy tang chủ bởi vì ta đến điệu tế mà khóc lóc vô cùng bi thảm, khi đó ta cũng cảm động sâu xa mà rơi lệ. Mặc dù lúc đó rơi lệ, nhưng không thể nói là sự rơi lệ của ta không có lý do, vì vậy người hãy cứ nghe theo lời ta mà làm là được rồi”.

Phụ lục nguyên văn

Khổng Tử chi Vệ, ngô cụ quán nhân chi tang, nhập nhi khóc, chi ai. Xuất sử Tử Cống thuyết tham nhi phụ chi. Tử Cống viết: “Vu môn nhân chi tang, vị hữu sở thuyết tham, thuyết tham vu cứu quán, vô nãi dĩ trọng hồ?”. Phụ tử viết: “Dư hương giả nhập nhi khóc chi, ngô vu nhất ai nhi xuất thế, dư ố phù thế chi vô tông dã, tiểu tử hành

chi". (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

Lễ trọng hay khinh, đó là phải hợp với quan hệ tình cảm sâu đậm hay hời hợt. Cảm tình giữa Khổng Tử và người phụ trách nhà khách đương nhiên không so bì được với cảm tình của Khổng Tử đối với học trò, vì vậy khi thấy đối với tang sự của người phụ trách nhà khách mà Khổng Tử phải gửi lễ trọng như vậy nên Tử Cống đương nhiên cảm thấy hoài nghi. Khi Khổng Tử bước vào điều tế, tang chủ biểu hiện hết sức bi thương, khiến cho Khổng Tử cảm thấy tang chủ đích thực là bộc lộ tình cảm chân tình đối với mình, nên đã xúc động sâu sắc, cũng rơi nước mắt theo. Người ta đã biểu hiện thâm tình và chân thành như vậy đối với ta, làm sao ta lại có thể quá lạnh nhạt được? Vì vậy nhất định phải gửi tặng trọng lễ. Đó chính là tình thận đối xử có qua có lại giữa hai bên trọng lễ nghi, hoàn toàn không có gì là sai trái cả.

7. Khổng Tử xem người đưa tang.

Khi Khổng Tử ở tại Vệ quốc, có một lần tình cờ trông thấy hàng ngũ của một đoàn người đi đưa tang. Khổng Tử đứng bên vệ đường quan sát chăm chú, sau cùng mới nói với học trò rằng:

"Người nhà này làm tang lễ quả là rất hay, đáng được lấy làm kiểu mẫu, để cho người khác theo đó mà học tập. Các trò hãy nên nhìn cho rõ, nhớ lấy cho kỹ".

Tử Cống hỏi:

“Tại sao thấy lại tán dương người ấy đến như vậy?”.

Khổng Tử rằng:

“Trò xem con người hiếu tử kia, khi đưa quan cữu đến mộ địa mai táng, khóc lóc suốt trên đường đi, khóc nức nở nghẹn ngào, bám chặt lấy phía sau của quan cữu y như đứa trẻ không thể rời xa cha mẹ, quỳnh quáng, cuống cuống đuổi theo; sau khi đã táng xong, trên đường trở về, lại có vẻ trù trừ do dự mấy lần, dường như không dám tin những điều người ta thường nói là linh hồn của người chết thật sự có thể theo cùng với mình đi về nhà”.

Tử Cống không cho là như vậy, nói:

“Cách đi ba bước quay đầu lại, năm bước quay đầu lại như vậy, chẳng bằng quay về sớm hơn một chút, nhanh chóng lo xếp đặt cúng tế linh hồn, thì không phải càng hay hơn sao?”

Khổng Tử đáp:

“Các trò hãy ghi nhớ kỹ cho ta là được rồi, nói thật ra, bản thân ta e rằng cũng không làm tốt được như họ đâu”.

Phụ lục nguyên văn

Khổng Tử tại Vệ, hữu tống táng giả, nhi phụ tử quan chi, viết: “Thiện tại vị tang hồ! Túc dĩ vị pháp hỹ! Tiểu tử tri chi”. Tử Cống viết: “Phụ tử hà thiện nhĩ dã?”. Viết: “Kỳ vãng dã như mộ, kỳ phản dã như nghi”. Tử Cống viết:

“Khí nhược tốc phản nhi ngu hồ?”. Tử viết: “Tiểu tử tri chi! Ngã vị chi năng hành dã”. (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

“Kỳ vãng dã như mộ, kỳ phản dã như nghi”, đủ để bộc lộ cho thấy được tấm chân tình thương yêu của hiếu tử, tuyệt không thể cho là làm bộ làm tịch. Tang lễ vốn lấy tình cảm là chính, có thể bằng tình cảm chân thực để tiến hành làm tang lễ; vì vậy Khổng Tử mới cho rằng đủ mức độ khó khăn để có thể làm một kiểu mẫu quý báu. Tuy nhiên lo cúng tế an vị linh hồn cũng rất quan trọng, nhưng nếu xem nó như là một tiết mục cần phải làm, mà phải vội vàng quay trở về để tổ chức, thì hóa ra lại quá sức xem trọng hình thức, mà không chú ý đến thực chất quý báu. Chỉ một chút này mà nói thôi, ngay cả Khổng Tử cũng tự nhận vị tất đã có thể làm được.

8. Chính trị hà khắc mạnh hơn hổ.

Một hôm Khổng Tử đang ngồi xe chạy ngang qua núi Thái Sơn, ông trông thấy một người đàn bà khóc lóc rất thương cảm trước một ngôi mộ. Khổng Tử gác tay lên đòn gỗ để vịn phía trước tỏ ý kính phục rất chăm chú lắng nghe. Sau đó mới phái Tử Cống đến hỏi thiếu phụ:

“Nàng khóc một cách thương tâm như vậy, xem ra nàng nhất định phải có nỗi thống khổ gì thật sâu đậm?”.

Thiếu phụ đó khóc lóc một lúc, mới hồi đáp rằng:

“Người nói không sai, trước đây cha chồng tôi chết vì miệng hổ, sau đó chồng tôi cũng chết vì miệng hổ, bây giờ con trai tôi cũng lại chết vì miệng hổ, hỏi sao mà tôi không lấy làm thương tâm cho được?”.

Khổng Tử hỏi thiếu phụ:

“Ở chốn này hổ đã hung ác như vậy, thế cơ sao các người không rời bỏ nơi đây mà đi?”.

Thiếu phụ đáp rằng:

“Nơi đây không có nhiều thuế khóa và lao dịch nặng nề!”.

Khổng Tử vô cùng cảm khái nói với học trò:

“Các trò phải ghi nhớ kỹ, áp lực của các loại thuế khóa và lao dịch nặng nề đối với dân chúng còn hung tợn hơn là mãnh hổ”.

Phụ lục nguyên văn

Khổng Tử quá Thái Sơn trắc, hữu phụ nhân khốc vu mộ giả nhi ai. Phu tử thức nhi thính chi, sử Tử Cống vấn chi viết: “Tử chi khốc dã, nhất tư trọng hữu ưu giả”. Nhi viết: “Nhiên, tích nhật ngô cữu tử vu hổ, ngô phu hựu tử yên, kim ngô tử hựu tử yên”. Phu tử viết: “Hà vi bất khứ dã?”. Viết: “Vô hà chính”. Phu tử viết: “Tiểu tử tri chi! Hà chính mãnh vu hổ dã!” (Đàn cung Hạ).

Thuyết minh

Tuy rằng con hổ hung hãn, nhưng vẫn có thể nghĩ cách trốn lánh, còn các thứ thuế má lao dịch nặng nề,

chính quyền hà khắc, khiến người dân không có đường mà né tránh. Vì vậy lễ chế xã hội hợp tình hợp lý, đối với đương thời mà nói, đích thực là rất cần thiết.

9. Em bé Uông Ý hy sinh vì nước.

Vào mùa xuân năm Lỗ Ai Công mười một, nước Tề đem quân sang xâm lược nước Lỗ, hai bên giao chiến tại Lang Ấp ngoại thành khúc phụ Sơn Đông. Công Thúc Ngu Nhân của nước Lỗ trông thấy một người vác binh tượng, tiến bước một cách mệt nhọc về phía thành lũy để nghỉ ngơi. Công Thúc Ngu Nhân vô cùng cảm kích nói:

“Trong thời chiến, việc điều động binh dịch tuy rằng đã khiến nhân dân khốn khổ chịu đựng không nổi; việc trưng thu thuế má cũng đã quá nhiều và nặng nề khiến nhân dân gồng gánh không xiết; nhưng thử xem các bậc cấp trên của chúng ta kia? Các bậc công khanh đại phu đang tại vị, không có một ai chân chính để có thể vì quốc gia mà tận tâm định lược kế sách; các bậc sĩ phu đảm đương chức vụ trung hạ tầng cũng chẳng có mấy người chịu vì bảo vệ quốc gia mà hy sinh thân mình, nếu như toàn quốc trên dưới đều giống y nhau như thế thì sao mà được đây? Ta đã nói ra thế này rồi, chỉ ít bản thân ta nên biết thực hiện thì mới phải”.

Thế là liền cùng với Uông Ý, một thiếu niên hàng xóm chung sức xông pha vào địch trận; kết quả cả hai đều

vì quốc gia mà chết tại chiến trường.

Người nước Lỗ tiến hành liêm táng cho hai người, nhưng do Uông Ý là trẻ vị thành niên, mọi người vì muốn tỏ lòng kính trọng không định dùng tang lễ liêm táng của một đứa bé, mà phải xem Uông Ý như là một người đã trưởng thành, dùng lễ của người trưởng thành mà cử hành tang lễ cho Uông Ý. Nhưng lại không biết làm như vậy có hợp lễ hay không, nên liền đi thỉnh giáo Khổng Tử. Khổng Tử rằng: “Uông Ý đã có thể cầm lấy vũ khí bảo vệ tổ quốc, các người không muốn đối xử với cậu bé như là một trẻ vị thành niên, mà dùng lễ của người trưởng thành để lo tang sự, như vậy thì ở đây có gì mà không hợp lý?”.

Phụ lục nguyên văn

Chiến vu lang. Công Thúc Ngụ Nhân ngô phụ trượng nhập bảo giả tức, viết: “Sử chi tuy bệnh dã, nhâm chi tuy trọng dã, quân tử bất năng vi mưu dã. Sỹ phát năng tử dã, bất khả. Ngã tắc ký ngôn hỷ”. Dữ Kỳ lân đồng Uông Ý vãng, giai tứ yên. Lỗ nhân dục vật thượng đồng Uông Ý, văn vu Trọng Ni. Trọng Ni viết: “Năng chấp cán qua đi vệ xã tắc, tuy dục vô thương dã, bất diệc khả hồ?”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Người con trai ngày xưa năm vừa tròn hai mươi tuổi, sau khi anh đã được cử hành quan lễ liền được xem là “thành nhân” (người trưởng thành). Sau khi tròn hai mươi

tuổi mà chết đi, sẽ được làm tang lễ theo cách thức của người trưởng thành. Nếu như người chưa đến hai mươi tuổi mà chết đi thì gọi là “thương” (chết yếu). Trong “thương” còn có phân chia thứ bậc nghi lễ tang phục, như trong Thiên tứ Hạ tác truyện có giải thích: từ 19 đến 16 tuổi gọi là trưởng thương, từ 15 đến 12 tuổi gọi là trung thương, từ 11 đến 8 tuổi gọi là hạ thương, 8 tuổi trở xuống gọi là vô phục chi thương. Tang sự hay tang phục cử hành cho người vị thành niên đương nhiên là đơn giản hơn nhiều so với người đã trưởng thành. Thế nhưng Uông Ý đã biết cảm vũ khí bảo vệ quốc gia, biểu hiện của cậu bé ấy giống như là của người đã trưởng thành; vì vậy Khổng Tử đã tán thành việc dùng lễ của người trưởng thành để liệm tang cho cậu bé. Đồng thời qua sự việc này có thể thấy được là lễ chế không hoàn toàn không thể cải biến, mà chẳng qua cũng chỉ là dựa vào tình hình thực tế để có được cách giải quyết thích hợp mà thôi.

10. Tư Thành Tử Hân khóc cái chết của người vệ sỹ.

Tại Dương Môn nước Tống có một người vệ sỹ giữ thành chết đi. Tư Thành Tử Hân khi tiến vào linh đường lễ tế, khóc lóc vô cùng bị thương. Người do thám của nước Tấn phái sang thám thính tình hình nước Tống lúc bấy giờ, sau khi biết được chuyện này mới về báo cáo với vua Tấn rằng:

“Có một người vệ sỹ tại Dương Môn mất đi, Tử Hân đã vì người ấy mà khóc lóc thật thương tâm, nhân dân thấy đều cảm động sâu sắc. Cứ theo tình hình này mà xét, e rằng bây giờ chúng ta vẫn không thể đi chinh phạt họ được”.

Sau khi nghe được tin này, Khổng Tử nói:

“Người tình báo này thật là lợi hại! Anh ta do thám quan sát tình thế của nước địch thật quả là vô cùng nhạy bén thay! Trong thiên Bội Phong Cốc Phong của thư kinh nói rằng: “Mỗi khi nhân dân của các nước lân cận có tang sự, ta đều nên nhanh chóng tận lực giúp đỡ họ”. Có một viên đại tướng được lòng dân sâu đậm như vậy, không cần nói nước Tấn, mà cả trong toàn thiên hạ còn có ai dám đối địch với một quốc gia trên dưới một lòng như vậy không?

Phụ lục nguyên văn

Dương Môn chỉ giới phu tử, Tư Thành Tử Hân nhập nhi khóc chi ai. Phổ nhân chi siêm ống giả, phản báo vu Tấn hầu viết: “Dương Môn chỉ giới tử, nhi tử Hân khóc chi ai, nhi dân thuyết, đãi bất khả phạt dã”. Khổng Tử văn chi, viết: “Thiện tai siêm quốc hồ! Thi vấn: Phẩm dân hữu tang, phù phục cứu chi. Tuy vi Tấn nhi dĩ. Thiên hạ kỳ thực năng đương chi?”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Lễ vốn lấy tình cảm làm chính, do sự phổ biến rộng

rãi của tang lễ mà tự nhiên có thể khiến cho quan hệ giữa người và người mượn sợi dây tình cảm để càng gần bó thân thiết hơn. Từ đó dễ dàng thúc tiến sự đoàn kết và hợp tác của gia tộc và quốc gia. Trong Lễ Ký tam niên vấn thiên, khi nói đến tác dụng của việc để tang ba năm đã chỉ ra “Thực tế sinh hoạt trong cộng đồng giữa người và người, sở dĩ có thể hòa thuận chung sống với nhau, có đạo lý đoàn kết tương trợ lẫn nhau, đều nằm trong đây”. (Nguyên văn: “Nhân chi sở dĩ quần cư “hòa”, “nhất” chi lý tận hĩ”). Vì vậy Tử Hãn có thể vì cái chết của một người vệ sỹ mà khóc lóc thật bi thương, xem ra tuy chỉ là một việc nhỏ, nhưng từ chuyện này lại có thể phản ánh được sự đoàn kết tương trợ trên dưới một lòng của nước Tống, do đó đã khiến cho người dò thám của nước Tấn lấy làm khâm phục và Khổng Tử cũng không hết lời khen ngợi.

11. Lập thứ tử không lập đích tôn.

Đám tang của Công Nghi Trọng Tử vì Đàn Cung có quan hệ thân thuộc nên đã buộc lên đầu dải khăn tang khi đến dự tang lễ. Sau khi đến nhà Trọng Tử, phát hiện Trọng Tử không dùng đích tôn mà lập con thứ làm chủ tang, Đàn Cung lấy làm kinh ngạc liền nói:

“Chuyện này là như thế nào? Tôi từ trước tới giờ chưa từng nghe qua chuyện như thế”.

Nói xong liền chạy vội qua bên phải đại môn, tìm

người bác Tử Phục hỏi:

“Trọng Tử không dùng đích tôn của ông mà lập con thứ làm chủ tang, vậy đây là đạo lý gì?”

Người bác đáp:

“Trọng Tử cũng chiếu theo lễ xưa ấy mà làm! Ngày trước Chu Văn Vương không lập đích tử Bá Ấp Khảo mà lập Vũ Vương; Vi Tử nước Tống không lập đích tôn Đột mà lập thứ tử Diễn, há không phải là những tiền lệ rất đáng học hỏi hay sao? Tuy Trọng Tử không tuân hành theo cách thức của đời xưa, nhưng cũng không có gì là không đúng cả!”.

Về sau Tử Du đem chuyện này đi thỉnh giáo Khổng Tử, ông đáp rằng:

“Họ làm sai rồi, nên lập đích tôn!”.

Phụ lục nguyên văn

Công Nghi Trọng Tử chi tang, Đàn Cung miễn yên. Trọng Tử xá kỳ tôn nhi lập kỳ tử. Đàn Cung viết: “Hà cư? Ngã vị chi tiên văn dã”. Xu nhi tự Tử Phục Bá tử vu môn hữu, viết: “Trọng Tử xá kỳ tôn nhi lập kỳ tử, hà dã?”. Bá Tử, viết: “Trọng Tử diệc do hành cổ chi đạo giả. Tích giả văn Vương Bá Ấp Khảo nhị lập Vũ Vương; Vi Tử xá kỳ tôn Đột nhi lập Diễn dã; phu Trọng Tử diệc do hành cổ chi đạo dã”. Tử Du vấn gia Khổng Tử, Khổng Tử viết: “Phu! Lập tôn”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Trong đám tang ai đứng ra làm chủ lễ thì đó chính là người đại diện cho cả gia tộc, cũng đồng nghĩa là người thừa kế trong nhà. Vì thế chỉ cần nhìn trong đám tang người nào được lập làm chủ lễ, tức là có ý về sau sẽ lập người đó lên. Vậy nên việc lập ai làm tang chủ tất sẽ liên quan đến vấn đề kế thừa. Cách truyền ngôi của hai triều đại Ân, Chu thì khác nhau. Cách của nhà Ân thì anh truyền em kế, cũng như là anh em kế thừa lẫn nhau. Đến đời nhà Chu, chế độ tông pháp đã kiến lập xong, chỉ truyền ngôi cho đích không truyền cho thứ, nếu như đích tử chết đi, liền truyền lại cho thứ tôn. Đây chính là nguồn gốc của chế độ chi trưởng, không thể truyền cho chi hai, chi ba trong các triều đại sau này. Công Nghi Trọng Tử là người nhà Chu, hơn nữa Trịnh Huyền còn chú rằng Trọng Tử đồng họ với Lỗ, nên đương nhiên chiếu theo chế độ nhà Chu, thì chỉ được lập đích tôn, mà không thể lập thứ tử. Ngay cả hai ví dụ của người bác Tử Phục dẫn ra, thì vào thời Văn Vương vẫn còn thuộc về triều đại nhà Ân, và nguồn gốc của nước Tống chính là hậu duệ của nhà Ân; nếu như đưa ra hai ví dụ này cũng chỉ có thể chứng minh cho việc anh em kế thừa lẫn nhau của nhà Ân, chứ không thể cho rằng đó là những căn cứ của chế độ triều đại nhà Chu, vì vậy Khổng Tử mới nói rằng họ đã làm sai rồi.

12. Khổng Tử chủ trì xạ lễ.

Một lần, Khổng Tử chủ trì buổi lễ bắn tên trên khoảng đất trống tại vùng Quắc Tương. Lúc bấy giờ người đến xem chật cứng như tường thành, nước cũng không thể xuyên qua được. Khi người tiền nhiệm chức vụ Tư Chính chuyển nhiệm cho Tư Mã, sắp sửa chuẩn bị tiến hành lễ bắn tên, Khổng Tử lệnh cho Tử Lộ phụ trách điều khiển cuộc thi bắn. Tử Lộ bước ra trong tay cầm cung tên, thỉnh mời đám đông đứng xem chung quanh tham dự buổi lễ. Tử Lộ lớn tiếng tuyên bố rằng:

“Phàm những tướng quân đã thua trận, những đại phu của những quốc gia đã bị diệt vong, những người mà đi làm cháu con cho người khác để mưu đồ gia sản của người ta, không được phép vào; những người còn lại mời tiến vào bên trong”.

Sau đợt tuyên bố này, số người bỏ đi khoảng một nửa, còn một nửa tiến vào trường thi. Khổng Tử gọi Công Vọng Chi Cầu và Tự Điểm mời rượu và tuyên bố qui tắc. Công Vọng Chi Cầu nâng cốc trước nói:

“Có ai trên dưới hai ba mươi tuổi đã thấu được lẽ hiếu thuận với phụ mẫu, thương yêu anh em hay không? Có ai trên sáu bảy chục tuổi, bình thường yêu thích lễ nghĩa, không bị ảnh hưởng của phong tục đương thời, có thể lấy việc tu dưỡng phẩm chất đạo đức làm mục tiêu trong cả cuộc đời mình hay không? Nếu như có, mời làm khách ngồi lên phía trên này”.

Thế là lại đi bớt một nửa, chỉ có một nửa lên phía trên ngời. Kế đó Tự Điểm lại nâng cốc, tiến thêm một bước nói rằng:

“Có ai trẻ tuổi mà siêng năng học hành không cảm thấy chán ngán, yêu thích lễ nghĩa mà không bao giờ thay đổi hay không? Có ai cao niên cỡ như tám chục, chín chục hoặc thậm chí một trăm tuổi mà từ xưa đến nay chỉ phụng hành chính đạo, tuyệt không hồ đồ làm càn bậy hay không? Nếu như có, hãy tiến thêm một bước, lên phía trên hàng khách quý này”.

Hoàn toàn đầy đủ tư cách như vậy thì còn không được bao nhiêu người.

Phụ lục nguyên văn

Khổng Tử xạ vu Quắc Tương chi phố, cái quan giả như đồ tường. Xạ chí vu Tư Mã, sử Tử Lộ chấp cung hỹ, xuất diên xạ viết: “Bôn quân chi tướng, vong quốc chi đại phu, dữ vị nhân hậu giả bất nhập, kỳ dư giai nhập”. Cái khứ giả bán, nhập giả bán. Hựu sử Công Vọng Chi Cầu, Tự Điểm dương trí nhi ngữ viết: “Ấu tráng hiếu đệ, mao diệt hảo lễ, bất tòng lưu tục, tu thân dĩ sĩ tử giả bất? Tại thử vị giả”. Cái khứ giả bán, xử giả bán. Tự Điểm hựu dương trí nhi ngữ viết: “Hảo học bất quyện, hảo lễ bất biến, mao kỳ xưng đạo bất loạn giả bất? Tại thử vị giả”. Cái hữu tồn giả. (Xạ nghĩa)

Thuyết minh

Thời cổ đại có lễ đồng hương ẩm tửu, đó là vào khoảng mùa xuân, mùa thu, khi các việc nông đã làm xong, do viên quan lớn ở địa phương đứng ra, tụ họp những người dân đồng hương đồng khu, cùng chung uống rượu với nhau, mục đích chủ yếu là để cho tình cảm chan hoà thương yêu lẫn nhau. Khi tụ họp, phải tuân thủ theo thứ tự già trẻ lớn bé, nếu những lớn sáu chục tuổi ngồi dự lễ thì những người năm chục phải cung kính đứng chầu một bên, vì thế có thể nói đây là một hành vi xã giao vốn có giá trị giáo dục của thời xưa. Sau lễ đồng hương ẩm tửu, những người trẻ tuổi chung lại với nhau, thường có tiết mục tranh tài đầy hứng thú đó chính là hương xạ lễ. Hương xạ là một cuộc thi tài bắn tên, rồi từ những biểu hiện trong tác phong tư thế, động tác kỹ thuật của người dự thi, mà sẽ thấy được mức độ tu dưỡng đạo đức và khí chất nhân phẩm của người đó. Vào thời bấy giờ chưa có chế độ khoa cử thi tuyển, nên thường lợi dụng hình thức này để chọn lựa nhân tài cần thiết cho quốc gia. Vì vậy tuy chỉ là một tiết mục tranh đua thi tài, nhưng trong quá trình tiến hành, thì vô cùng cẩn thận và nghiêm túc, và những người khách mà ngồi xem lễ tất cũng đã phải trải qua tuyển chọn rồi. Từ những điều kiện tuyên bố của Tử Lộ, Công Ưng Chi Cầu, Tự Điểm mà xét, thì hoàn toàn không phải bất cứ người nào cũng có thể bước vào trong trường thi, và chỉ có một số ít

người mới có đủ tư cách ngồi chỗ khách mời. Ở đây có một chút vấn đề cần phải nói rõ là trong điều kiện tuyên bố mời khách của Công Vãng Chi Cầu, chỉ nhắc đến những người trong khoảng hai ba chục và sáu chục tuổi trở lên, không đề cập đến những người trên ba mươi và dưới sáu mươi, bởi vì trong độ tuổi này vẫn là tráng niên, mà đã là tráng niên thì phải tham dự thi tuyển, xếp thứ tự trên dưới theo kết quả bắn tên, đó là lý do không mời hạng tuổi này.

13. Sự qua đời của Khổng Tử.

Một hôm mới sớm tinh mơ, Khổng Tử đã thức dậy, đi qua đi lại phía trước cửa, hai tay chấp sau lưng kéo lê theo cây trượng, dáng vẻ ủ rũ, hoàn toàn không giống với thần thái trang nghiêm tề chỉnh thường ngày, mà còn khẽ ca rằng:

“Ngọn Thái Sơn cao cao kia cũng sẽ có ngày sụp đổ, chiếc cầu gỗ to to kia cũng sẽ có ngày mục nát, bậc thánh hiền thông thái uyên bác kia cũng sẽ có ngày suy sụp”.

Ca dứt, Khổng Tử lững thững bỏ vào trong, lừ đừ ngồi xuống đối diện cửa ra vào, Tử Cống biết được chuyện như vậy, nghĩ ngợi rằng:

“Ngọn Thái Sơn cao cao kia cũng sẽ phải sụp đổ, thế thì chúng ta còn cái gì có thể lấy làm mục tiêu để mà ngưỡng vọng đây? Những rường cột chống đỡ toàn bộ chiếc cầu kia rồi sẽ mục nát, những bậc thánh hiền đang lãnh

đạo chúng ta cũng sẽ đến lúc suy kiệt; vậy chúng ta còn cái gì có thể đưa ra làm ví dụ điển hình đây? Cứ theo những lời của bài hát mà suy xét, e rằng sự phụ của chúng ta sắp lâm trọng bệnh, không thể cứu chữa được!”.

Thế rồi liền chạy vội vào trong, Khổng Tử nói với Tử Cống rằng:

“Tử (tên của Tử Cống) này, ta có chuyện muốn bàn cùng con, sao con lại đến muộn vậy? Ta được biết rằng trong ba triều đại chế độ tẩm liệm quan cữu không giống nhau, Nhà Hạ thì quản liệm tại phía trên đông giới, bình thường việc ra vào của chủ nhân nhất định từ phía trên hoặc dưới đông giới, khi chết đi được tẩm liệm quan cữu tại phía trên đông giới, đó là muốn chứng tỏ vẫn xem người chết như là chủ nhân, chứ không phải là vì chết đi mà có sự thay đổi. Vào thời đại Thương Ân, thì được quản liệm tại vị trí chính giữa hai cây trụ cột nhà trong gian nhà chính. Ý muốn nói là đã mất đi, thì không thể tiếp tục xem là chủ nhân, nhưng cũng không thể hoàn toàn là một người ngoài, cho nên đành phải đặt quan tài giữa hai trụ cột nhà, nơi trung tâm nhà chính, vị trí ranh giới giữa chủ và khách. Đến đời nhà Chu, thì tẩm liệm quan cữu ở phía trên Tây giới, bình thường Tây giới là nơi lên xuống ra vào của tân khách, đó là muốn biểu thị rằng khi mất đi, sẽ được đối xử như là một người khách. Chế độ quản liệm của ba triều đại đã khác nhau, thế thì căn cứ vào

nguyên quán của ta mà xét, ta là người hậu duệ nhà Thương Ân, theo như lý thì ta nên sử dụng lễ chế của nhà Thương Ân mới phải. Nhân vì đêm qua ta nằm mơ, trong giấc mơ ta thấy mình ngồi ngay chính giữa hai trụ cột nhà, như vậy là ý gì đây? Ta nghĩ việc này có thể có hai cách giải thích: “Thứ nhất là vị trí ở giữa hai cây cột, ngay chính giữa gian nhà chính, đây là một vị trí vô cùng tôn quý, nó nói lên ý kính ngưỡng tôn sùng của vạn dân; một cách giải thích khác là dựa theo lễ chế nhà Thương Ân, sau khi người ta mất đi, quan tài phải được đặt giữa hai cây trụ nhà. Ta đã suy nghĩ từ lâu, trước mắt đã không được sự cảm động của bậc vương giả thánh minh, thiên hạ sẽ có những ai biết tôn sùng ta, để cho ta cái vị trí được lòng dân kính trọng tôn ngưỡng như vậy? Vậy cách giải thích thứ nhất là không thể chấp nhận, chỉ có cách thứ hai thôi, e rằng ta không còn ở trong nhân thế bao lâu nữa đâu!”

Từ đó ngã bệnh nằm suốt trên giường khoảng bảy ngày thì từ trần.

Phụ lục nguyên văn

Khổng Tử tảo tác, phụ thủ duệ trượng, tiêu dao vu môn. Ca viết: “Thái Sơn kỳ đồi hồ, lương mộc kỳ hoại hồ, triết nhân kỳ uy hồ!” Ký ca nhi nhập, đương hộ nhi tọa. Tử Cống văn chi, viết: “Thái Sơn kỳ đồi, tắc ngô tương an ngưỡng? Lương mộc kỳ hoại, triết nhân kỳ uy, tắc ngô

tương an phóng? Phu tử đãi tương bệnh dã” Toại xu nhi nhập. Phu tử viết: “Tứ, nhĩ lai hà trì dã! Hạ hậu thị tấn vu đông giới chi thượng, tắc do tại tộ giã. Ân nhân tấn vu lưỡng doanh chi gian, tắc dư tân chủ giáp chi dã. Chu nhân tấn vu tây giới chi thượng, tắc do tân chi dã. Nhi khâu dã, Ân nhân dã. Dư trừ tích chi dạ, mộng tọa diện vu lưỡng doanh chi gian, phu minh vương bất hưng, nhi thiên hạ kỳ thực năng tông dư? Dư đãi tương tử dã!”. Cái tẩm tạt thất nhật nhi tử. (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

Vào thời kỳ đầu khi mới hình thành, bất luận chế độ lễ nghĩa hoặc nghi thức lễ tiết nào nhất định đều có dụng ý sâu sắc của nó. Và bất kỳ một lễ chế hoặc nghi thức nào đã từng được đem ra thực hành trong thời gian qua, tất nhiên đều có giá trị xã hội thực tế của nó. Tuy nhiên cũng có rất nhiều lễ chế cũ đã sớm trở thành chuyện quá khứ, đã sớm trở nên lỗi thời không sử dụng được theo sự chuyển hóa của thời đại. Nhưng chúng ta tuyệt đối không thể vì vậy mà xem thường dụng ý sâu sắc đã được các bậc thiết tạo giao phó, càng không nên mù quáng phủ định một cách tùy tiện giá trị xã hội thực tế của lễ chế cũ. Những người có thái độ nhận thức phủ định, tất nhiên do họ căn bản là không thấu hiểu hết giá trị và tinh thần nội hàm trong lễ chế cũ. Nếu như có cơ hội để cho họ hiểu nhiều hơn một chút, tin chắc rằng họ

cũng sẽ vui vẻ đón nhận. Bởi vì rốt cuộc thì những điều đó mới chính là qui luật đạo đức đã được đúc kết từ hành vi ý thức và quan niệm sinh hoạt. Vấn đề là những người thời xưa đã thực hành những lễ chế này quá sức bình dị, không cần phải thấu hiểu trước rồi sau đó mới thi hành, mà luôn luôn là từ trong thói quen sinh hoạt thường ngày rồi tự nhiên vô hình chung biến hóa thay đổi dần dần mà lộ tả lên được giá trị tinh thần ở trong nó, vì vậy vào thời đó không cần phải có nhiều lời giải thích hoặc thuyết minh tường tận. Thế nhưng trải qua thời gian quá dài, thêm vào đó lễ chế phải không ngừng thay đổi cải biến theo nhu cầu của thời đại, nên đến ngày hôm nay nếu không có sự giải thích hoặc thuyết minh, đương nhiên không thể hiểu được và không có cách lý giải cặn kẽ được. Từ những lý do như vậy mà những sách vở thuyết minh về ý nghĩa của lễ chế đã trở thành những tư liệu vô cùng quý giá. Mặc dù bởi vì nó không cần thiết vào thời bấy giờ nên đã được ghi chép hết sức giản lược, nhưng dù sao những tư liệu giản lược này cũng đủ để gợi mở cho chúng ta biết được phương thức suy nghĩ để có thể lãnh hội hiểu biết về ý nghĩa của lễ chế cũ. Nhờ vào phương thức suy nghĩ này, nó có thể giúp chúng ta có khả năng tự do nhận thức những tư liệu giản lược vốn không một lời bàn giao này, mà vẫn bảo tồn giá trị tinh thần của lễ ý trải qua nghìn năm văn hiến. Đoạn văn

này chính là mượn lời nói của Khổng Tử để nói lên sự khác nhau của chế độ tang lễ trong ba triều đại, và ý nghĩa nội hàm sở dĩ bất đồng của nó, từ đó có thể xem đây là một tư liệu giải thích về lễ ý.

14. Chế độ tang lễ Khổng Tử.

Khổng Tử qua đời, để tỏ lòng tưởng nhớ công ơn dạy dỗ chăm sóc của thầy, các học trò của Khổng Tử đều muốn biểu lộ lòng thương tiếc một cách cụ thể. Thế nhưng trong chế độ tang lễ lại không hề có qui định học trò nên biểu thị thế nào đối với thầy dạy, vì vậy việc này liền trở thành một vấn đề. Sau đó lại vẫn chính Tử Cống đưa ra một ý kiến rất hay, rằng:

“Lúc trước khi Nhan Uyên mất, thái độ bày tỏ lòng thương tiếc của thầy đối với Nhan Uyên giống như là nỗi khổ mất đi đứa con ruột thịt của mình, nhưng thầy không mặc bất kỳ loại tang phục nào; về sau khi Tử Lộ mất đi cũng đối xử y như vậy. Đây là thái độ biểu thị cố hữu của thầy đối với sự mất mát những người học trò của mình lúc đương thời. Ngày nay thầy đã mất đi, chúng ta là những học trò của thầy, chỉ ít cũng nên có thái độ biểu thị báo đáp tương ứng. Mong rằng các vị khi đến ai điều thầy cũng đều đau khổ như đã mất đi chính người cha thân yêu của mình vậy, mà không cần phải mặc bất kỳ loại tang phục nào”.

Phụ lục nguyên văn

Khổng Tử chi tang, môn nhân nghi sở phục. Tử Cống viết: “Tích giả phu tử chi tang Nhan Uyên, nhược tang tử nhi vô phục; tang Tử Lộ diệc nhiên. Thỉnh tang phu tử, nhược tang phụ nhi vô phục”. (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

Chế độ tang phục, đó là chế định cho những người vốn có quan hệ thân thuộc; còn giữa thầy trò, hoàn toàn không có bất kỳ quan hệ thân thuộc nào, thế nhưng tấm lòng yêu thương và dạy dỗ của người thầy đối với học trò thì vô cùng ân nặng như núi. Huống chi là Khổng Tử và học trò đã sống chung với nhau lâu ngày, tình cảm càng thấm thiết sâu đậm. Với những người ân tình sâu nặng như vậy, một khi mất đi, thường phải có cách bày tỏ nỗi niềm bi thống nội tâm trong thái độ thì mới phải.

Tuy trong lễ văn của tang phục không có điều luật qui định về mối quan hệ không thân thuộc này, nhưng qua ý kiến của Tử Cống, noi theo thái độ của thầy đối với học trò mà báo đáp với thầy, đó đúng là một biện pháp vô cùng hợp tình hợp lý. Điều này nói lên rằng tuy lễ chế căn bản là do con người định đặt, nhưng tuyệt đối không phải là không thể cải biến thay đổi, chỉ với những yêu cầu như thế này, mà biện pháp lại hợp tình hợp lý, tất nhiên mọi người đều có thể tiếp nhận được.

15. Phần mộ Khổng Tử.

Tang lễ của Khổng Tử, đặc biệt có một người từ Yên

quốc cũng nhanh chóng đến thăm dự, ở nhờ tại nhà Tử Hạ. Tử Hạ nói với người ấy:

“Bất luận là thánh nhân dự lễ mai táng người bình thường, hoặc người bình thường dự lễ mai táng của thánh nhân, kỳ thực là không giống nhau? Ông từ xa xôi vội đến đây là hy vọng nhìn thấy điều gì? Chẳng là vì trước đây thầy đã từng nói sơ lược về chuyện thế này, thầy kể: “Ta đã từng thấy có người đắp đất thành ngôi mộ cao cao, dạng hình vuông vuông, như là một gian nhà; cũng như đã thấy qua những ngôi mộ hình dài dài, mặt trên phẳng hẹp, hai bên dốc xuống, dạng như cái đê; cũng có những ngôi mộ rộng rộng thấp thấp, giống y như mái che mặt đất của những ngôi nhà đời Hạ; và cũng nhìn qua những ngôi mộ đẹp dài, phía trên hẹp phía dưới rộng, hình dạng như là cái rìu, có sống dao hướng lên. Ta cho rằng dạng mộ như cái rìu hướng lên đó là tương đối thích hợp, bởi vì trên hẹp dưới rộng, người ta không thể leo lên trên, hơn nữa hình dáng này tương đối làm đơn giản và dễ dàng. Thầy đã từng nói những ngôi mộ dạng cái rìu, chính là hình dạng “Mã hiệp phong” bình thường hay thấy, nơi lông bờm dài ở cổ con ngựa thịt tương đối ít, rất giống với tạo hình của ngôi mộ, cho nên dân gian quen gọi dạng mộ này là “Mã hiệp phong”. Ngày nay ngôi mộ mà chúng ta xây cho thấy chính là kiểu này. Trước hết dùng những tấm ván vây thành phần đế, phía

ngoài dùng dây thừng cột chặt lại, sau khi đổ đất sét vào lấp đầy cố định xong, lấy dao chặt đứt dây thừng, tháo tấm ván ra, rồi tiếp tục làm cái khung cho tầng giữa và phần đỉnh. Chẳng bao lâu trong một ngày, ba lần làm khung, ba lần chặt dây thừng, đã làm xong toàn bộ ngôi mộ. Chúng ta làm như vậy, chính là hy vọng có thể chiếu theo tâm ý tiết kiệm trong chủ trương của thầy mà thực hành vậy”.

Phụ lục nguyên văn

Khổng Tử chi tang, hữu tự Yên lai quan giả, xá Vu Tử Hạ thị. Tử Hạ viết: “Thánh nhân chi táng nhân, dĩ nhân chi táng thánh nhân dã, tử hà quan yên? Tịch giả phu tử ngôn chi viết: ‘Ngô Kiến Phong chi nhược đường giả hỹ, kiến nhược phường giả hỹ, kiến nhược phúc hạ ốc đắc hỹ, kiến nhược phục giả hỹ. Tòng nhược phủ giả yên’. Mã hiệp phong chi vị dã. Kim nhất nhật nhị tam trăm bán nhị dĩ phong, thượng hành phu tử chi chí hồ dai”. (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

Thời bấy giờ có rất nhiều kiểu dáng để xây mộ, nhưng Khổng Tử nhận thấy rằng hình dáng ngôi mộ như cái rìu hướng lên là tương đối thích hợp, lý do là vừa dễ làm, mà vừa giản dị tiết kiệm không phải lãng phí nhiều thời gian. Điều này cũng nói lên lễ nghĩa của mai táng, chủ yếu là ở sự hiếu đạt tấm lòng đau thương, chứ không coi trọng sự

xa xỉ phô trương hình thức bề ngoài.

16. Đệ tử thảo luận những lý luận của Khổng Tử. (Đệ tử đối Khổng Tử ngôn luận đích thảo luận)

Sau khi Khổng Tử mất đi, các đệ tử của ông có khi cùng ngồi lại với nhau để thảo luận về những luận lý của Khổng Tử. Hữu Tử hỏi Tăng Tử rằng:

“Anh đã có bao giờ nghe thầy nói qua một người sau khi mất đi chức quan của quốc gia, đối với cuộc sống của riêng mình nên an bài như thế nào không?”.

Tăng Tử đáp rằng:

“Về điểm này, ta có nghe thầy nói qua. Nếu như một người làm mất đi chức quan, phải lập tức tìm biện pháp nhanh nhất để làm cho mình trở thành người khốn cùng; nếu như một người đã chết, phải lập tức tìm biện pháp nhanh nhất làm cho thân xác mau thối rửa ra”.

Hữu Tử nói:

“Đây không phải những lời của bậc quân tử tâm ý trung hậu đã nói ra!”.

Tăng Tử đáp:

“Thế thì như thế nào? Đây là những lời chính tai ta nghe thầy nói, điều này có gì sai?”.

Hữu Tử lắc lắc đầu, vẫn nói:

“Đây căn bản không phải những lời người quân tử đã nói ra!”.

Tăng Tử vẫn kiên trì đáp:

“Khi thấy nói những lời này, ta cùng với Tử Du đều ở đó, đều nghe thấy chính xác là thầy đã nói như vậy”.

Hữu Tử nói:

“Được rồi, cứ cho là thầy đích thực đã từng có nói như vậy, thế thì tôi nghĩ lúc đó chắc thầy cũng có nguyên nhân đặc biệt gì, mới có thể thốt nên lời như vậy”.

Sau đó, Tăng Tử đem những lời Hữu Tử đã nói, kể hết cho Tử Du nghe, Tử Du nói:

“Quả thật là phi thường, lời của Hữu Tử nói thật đúng với khẩu khí của thầy năm đó. Khi trước, lúc thầy cư trú tại Tống quốc, nhìn thấy Hoàn Tư Mã tự làm cho mình một cái quách (quan tài lớn bọc bên ngoài) bằng đá, miệt mài suốt ba năm mà vẫn chưa xong. Thấy vậy thầy bèn nói:

“Nếu như một người đối với chuyện sau khi chết của mình, mà phải phung phí xa xỉ như thế này, chi bằng sau khi chết đi, nhanh chóng làm cho nó thối rữa ra thì tốt hơn nhiều”. Sở dĩ có những lời này: “Sau khi con người chết đi, mong cho nó nhanh chóng thối rữa ra”, chẳng qua là chỉ chuyên về chuyện của Hoàn Tư Mã lúc ấy, mới nói ra như vậy. Còn câu chuyện của quan đại phu Nam Cung Kính Thúc ở Lỗ quốc, sau khi mất đi chức quan liền chạy ra nước ngoài, mỗi lần quay trở về, nhất định đều mang theo nhiều đồ vật đáng giá triều kiến quốc vương nước Lỗ, vì vậy thầy mới nói: “Nếu như có thể dựa vào tiền tài để

mua quan như vậy, thì một người sau khi mất đi quan chức, chỉ bằng mau chóng làm cho người đó trở thành khốn cùng còn tốt hơn nhiều!" Sở dĩ có những lời: "Sau khi mất đi quan chức, mong cho người đó chóng trở thành người khốn cùng", thực chất là chỉ chuyên về chuyện của Nam Cung Kính Thúc, mới nói ra như vậy".

Tăng Tử lại đem những lời nói của Tử Du kể lại cho Hữu Tử nghe, Hữu Tử nói:

"Đúng chưa! Trước đây tôi đã từng nói rồi, đây không phải là những lời thầy dạy!".

Tăng Tử hoài nghi hỏi:

"Vậy thì làm sao anh lại biết được?".

Hữu Tử nói:

"Ngày trước khi thầy đương nhiệm chức quan ở Trung Đô, đã từng qui định chế độ cho người dân ở đất đó rằng quan tài bên trong phải dày bốn tấc, quan tài bên ngoài phải dày năm tấc. Từ điều này có thể biết thầy không thể chủ trương rằng người ta sau khi chết đi, thì mong người đó mau chóng thối rữa ra. Còn nữa, trước đây khi thầy mất đi chức vị Tư Khấu của Lỗ quốc, sau đó khi phải sang nước Sở để đáp lời mời, dường như có sai Tử Hạ đi trước để liên lạc, kể đó lại phái Nhan Hữu đi sắp xếp. Chính từ điểm này là có thể biết được, thầy không thể chủ trương rằng sau khi mất đi quan chức, thì mong cho người đó mau chóng trở thành người khốn cùng thì mới được".

Phụ lục nguyên văn

Hữu Tử vấn vu Tăng Tử viết: “Vấn tang vu phu tử hô?” Viết: “Vấn chi hỹ, tang dục tốc bản, tử dục tốc hủ”. Hữu Tử viết: “Thị phi quân tử chi ngôn dã”. Tăng Tử viết: “Tham dã văn độc phu tử dã”. Hữu Tử hựu viết: “Thị phi quân tử ngôn dã”. Tăng Tử viết: “Tham dã dữ Tử Du văn chi”. Hữu Tử viết: “Nhiên, nhiên tắc phu tử hựu vị ngôn chi dã”. Tăng Tử dĩ tư ngôn cáo vu Tử Du. Tử Du viết: “Thậm tai, Hữu Tử chi ngôn tự phu tử dã. Tích giả phu tử củ vu Tống, hiến Hoàn Tư Mã tự vi thạch quách, tam niên nhi bất thành, phu tử viết: “Nhược thị kỳ mị dã, tử bất như tốc hủ chi dữ dã. Tử chi dục tốc hủ, vị Hoàn Tư Mã ngôn chi dã. Nam Cung Kính Thúc phản, tất đại bảo nhi triều, phu tử viết: “Nhược thị kỳ hóa dã, tang bất tri tốc bản chi dữ dã. Tang chi dục tốc bản, vị Kính Thúc ngôn chi dã”. Tăng Tử dĩ Tử Du chi ngôn cáo vu Hữu Tử. Hữu Tử viết: “Nhiên, ngô cố viết phi phu tử chi ngôn dã”. Tăng Tử viết: “Tứ hà dĩ tri chi?” Hữu Tử viết: “Phu tử chế vu Trung đô, tứ tắc chi quan, ngũ tắc chi quách, dĩ tư tri bất dục tốc hủ dã. Tích giả, phu tử thất Lỗ quốc khẩu, tương chi kinh, cái tiên chi dĩ Tử Hạ, hựu thân chi dĩ Nhan Hữu, dĩ tư tri bất dục tốc bản dã”. (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

Chuyện hợp lễ hay không hợp lễ, không nhất thiết

phải căn cứ vào biểu hiện sự thật hành vi của nó để phán đoán, mà nên coi trọng cái mục đích và phương thức trong hành vi của nó. Xét về phương diện sự thật hành vi, thì thời gian ba năm mà Hoàn Tư Mã bỏ ra để làm một chiếc quách, và những qui định của Khổng Tử về độ dày bất buộc thống nhất của chiếc quách, chiếc quan tài, dụng ý bề ngoài dường như không khác nhau là mấy. Thế nhưng, một người thì quá lãng phí, một người thì có chừng mực; một người vì bản thân mình, một người vì sự thân hữu của tất cả người dân, tự nhiên giữa hai việc này có sự khác biệt rất lớn. Còn chuyện Nam Cung Kính Thúc sau khi mất đi chức quan, đã dùng rất nhiều của cải quý giá nhằm lấy lòng vua để được phục chức. Nếu xét về phương diện bên ngoài; so với hành động Khổng Tử phái Tử Hạ và Nhan Hữu sang Sở quốc để liên hệ sắp xếp, thì dường như không có gì khác biệt nhiều. Thế nhưng một người dùng châu báu để mua chuộc, một người được tiếp đón chính thức; một người thuần túy kinh doanh vì quan chức bổng lộc của riêng mình, một người thì nắm lấy cơ hội để mà thực hiện lý tưởng lấy đức trị dân, từ giữa hai chuyện này có sự khác biệt rất xa. Vì vậy giữa suy nghĩ của bậc thánh hiền và hành vi của kẻ tiểu nhân rất khác nhau và sự chọn lựa giữa những việc nên làm và việc không nên làm, tất cả đều phải xem xét đến mục tiêu lý tưởng và cách thức con đường sử

dụng để đạt được mục tiêu mong muốn rồi căn cứ vào đó mà quyết định.

17. Tử Hạ khóc tang con trai (Tử Hạ khóc nhi tử chi tang).

Tử Hạ vì ai điếu con trai của mình, mà khóc đến nổi mù cả hai mắt. Tăng Tử an ủi Tử Hạ rằng:

“Tôi nghe nói, nếu như có bằng hữu bị mù, khi cảm thấy vô cùng đau khổ, nên đi đến nhà thăm hỏi anh ta, và khóc than cho anh ta”.

Vì vậy Tăng Tử khóc lên, Tử Hạ cũng khóc theo rằng: “Trời ơi! Tôi chưa từng làm việc gì không phải, vậy mà tại sao trời lại bất công như thế này?”.

Tăng Tử tức giận trách Tử Hạ :

“Hãy xem, ông không phải là không có làm việc sai, ngày trước tại vùng Chu Thủy, Tứ Thủy ta cùng ông theo thầy học hỏi, thế mà ngày nay, ông lại từ quan ẩn dật đến hết đời ông tại vùng Tây Hà này, khiến cho người dân của cả vùng Tây Hà hoài nghi rằng ông chẳng hề học được kiến thức gì từ nơi thầy, do đó cũng không tin tưởng lắm đối với học vấn đạo đức của thầy, đây là lỗi thứ nhất của ông. Ông chỉ cầu sự ẩn dật cho mình, đến nỗi ngay cả chuyện qua đời của phụ mẫu cũng không cho ai biết, đây là lỗi thứ hai của ông. Thế nhưng ông lại khóc quá nhiều cho cái chết của con trai ông, đến nỗi mù cả mắt, đây là lỗi thứ ba của ông. Tất cả những chuyện này đều là sự

thật, vậy ông còn có thể nói rằng ông không có việc gì sai không?”.

Tử Hạ liệng cây gậy trong tay, lập tức bái tạ Tăng Tử rằng: “Ta sai rồi, ta sai rồi, ta đã xa rời quần chúng, bằng hữu, an nhân ẩn dật tại gia, thực ra cũng đã quá lâu rồi, nên có nhiều đạo lý không thấu hiểu!”.

Phụ lục nguyên văn

Tử Hạ tang kỳ tử, nhi tang kỳ minh. Tăng Tử điều chỉ, viết: “Ngô văn chi dã, bằng hữu tang minh tắc khốc chi”. Tăng Tử khốc, Tử Hạ diệc khốc viết: “Thiên hồ! Tử chi vô tội dã”. Tăng Tử nộ viết: “Thương, nhữ hà vô tội dã? Ngô dữ nhữ sự phu tử vu Chu, Tứ thủy gian, thoái nhi lão vu Tây Hà chi thượng, sử Tây hà chi dân nghi nhữ dữ phu tử, nhi tội nhất dã. Tang nhĩ thân, sử dân vị hữu văn yên, nhĩ tội nhị dã. Tang nhĩ tử, tang nhĩ minh, nhĩ tội tam dã. Nhi viết nhữ hà vô tội dã?”. Tử Hạ đầu kỳ tượng nhi bái viết: “Ngô quá hỹ, ngô quá hỹ! Ngô ly quần nhi sách cư, diệc dĩ cửu hỹ”. (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

Yêu cầu của lễ chính là ở chỗ vừa phải thích hợp, nếu như thái quá hoặc là không đầy đủ, đều là thất lễ. Lễ cũng có cái lý, thất lý cũng chính là không hợp tình lý. Việc qua đời của phụ mẫu Tử Hạ, Tử Hạ đều không cho ai biết, vậy mà đối với cái chết của con trai, lại khóc lóc quá sức bi thương đến nỗi mù cả mắt. Điều này chứng tỏ rằng

Tử Hạ nặng với con mà bạc với song thân, vì vậy Tăng Tử đã trách Tử Hạ. Tăng Tử đã có thể thẳng thắn trách móc bằng hữu như vậy và Tử Hạ đã có thể thành ý tiếp nhận như vậy; điểm này thật đáng cho chúng ta học tập noi theo hành vi của thánh hiền.

18. Tang phục của anh em cùng mẹ khác cha.

Công Thúc Mộc có một người anh em cùng mẹ khác cha chết đi, nhưng không biết nên mặc tang phục như thế nào, bèn đi thỉnh giáo Tử Du, Tử Du thuyết:

“Đại để là mặc tang phục Đại Công!”.

Địch Nghi cũng có một người anh em cùng mẹ khác cha chết đi, liền đi thỉnh giáo Tử Hạ, hỏi mình nên mặc tang phục gì, Tử Hạ đáp:

“Về mối quan hệ thân thuộc này nên mặc loại tang phục gì, từ trước đến giờ ta cũng chưa từng nghe qua, nhưng có người ở nước Lỗ đã mặc tang phục Tề ai cho mối quan hệ thân thuộc này”.

Thế là Địch Nghi liền nghe theo lời Tử Hạ mặc tang phục Tề ai. Mãi cho đến ngày nay phàm để tang cho những anh em cùng mẹ khác cha đều mặc tang phục Tề ai, đó chính là do từ câu chuyện của Địch Nghi mà ra.

Phụ lục nguyên văn

Công Thúc Mộc hữu đồng mẫu đệ phụ chi còn đệ tử, vấn vu Tử Du. Tử Du viết: “Kỳ Đại công hồ?”. Địch Nghi hữu đồng mẫu đệ phụ chi còn đệ tử, vấn vu Tử Hạ. Tử Hạ

viết: “Ngã vị chi tiền văn dã, Lỗ nhân tác vị chi Tê ai”.
Địch Nghi hành Tê ai. Kim chi Tê ai, Địch Nghi chi văn
dã. (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

Cùng mẹ mà không cùng cha, theo lý mà nói thì không có mối quan hệ thân thuộc nào. Thế nhưng nếu như người mẹ trước đây đã sinh một đứa trẻ, rồi sau đó cái giá mang đứa trẻ đi theo, cùng sinh sống với nhau, thì như vậy mới có tình cảm huynh đệ, và sau khi chết đi mới có lý do để tang cho người anh em đó. Vả lại tình huống này thực tế rất hiếm thấy, cho nên trong các quyển sách về nghi lễ tang phục chuyên môn ghi chép các loại tang phục khác nhau cho từng mối quan hệ thân thuộc đã không liệt kê mối quan hệ thân thuộc này. Câu trả lời của Tử Du, Tử Hạ, do cách nghĩ của mỗi người không giống nhau, vì vậy cách trả lời mới tương phản như thế. Bởi vì nếu như là huynh đệ, theo lễ thì nên mặc tang phục “Tê ai”, để tang một năm, lời Tử Hạ nói có thể đã căn cứ trên mối quan hệ này. Còn lời của Tử Du, đại ý cho rằng đã không cùng cha, thì phải giáng xuống một cấp mặc tang phục “đại công”, để tang chín tháng. Hai người nói không giống nhau, đó là sự suy đoán theo ý kiến riêng của mỗi người, nhưng từ đó về sau đều sử dụng loại tang phục Tê ai, cũng có thể xem là đã được qui định. Đoạn văn này gọi cho chúng ta hai điểm: thứ

nhất, bất kỳ chế độ lễ chế nào cũng không thể yêu cầu ở đó sự thấp toan thấp mỹ được; thứ hai, lễ chế nếu như có chỗ không được hoàn bị, đương nhiên có thể dựa theo tinh thần cố hữu để mà sáng tạo bổ sung.

19. Tặng Tử ngụy ca Ân Anh biết lễ.

Có một lần Tặng Tử ca ngợi Ân Anh của nước Tề rằng: “Ân Tử thật xứng đáng được gọi là con người am hiểu lễ nghĩa, ông ấy không những có thái độ bên ngoài khiêm tốn lễ độ mà bên trong còn là cả một tấm lòng thành kính. Thật là một nhân vật khó mà có được!”.

Hữu Nhược không tán thành ý kiến của Tặng Tử, nói: “Theo chỗ tôi được biết, Ân Tử chỉ mặc một cái áo choàng lông cáo trong ba mươi năm, có phần hơi quá tiết kiệm, những người tiết kiệm như vậy làm sao mà hiểu lễ được? Còn nữa, khi nhà ông ấy cử hành tang lễ, chỉ dùng toàn là từng phần của gia súc, đã vậy thân phận của ông là đại phu của quốc gia, mà khi sử dụng xe táng, di chuyển đến mộ địa, lại chỉ dùng có một chiếc. Thậm chí khi đưa đến mộ địa, mãi cho đến lúc hạ táng hoàn tất, lại bỏ qua mọi lễ tiết chiêu đãi khách, lập tức quay trở về nhà. Việc này là quá sức tiết kiệm, không hợp với lễ nghi phép tắc. Theo qui định của lễ, khi hạ táng quốc vương, gia súc dùng để chôn theo gồm tất cả bảy bao, xe táng phải dùng bảy chiếc, đại phu thì dùng năm bao gia súc, năm chiếc xe táng. Đây là qui định của lễ chế, vì tiết kiệm mà đã phá

vỡ lễ chế, loại người như Ân Tử này làm sao có thể gọi là người am hiểu lễ được?”.

Tăng Tử giải thích rằng:

“Khi nền chính trị quốc gia không lý tưởng, có bậc quân tử tu dưỡng đạo đức, đương nhiên không những không muốn y chiếu theo những lễ tiết vô nghĩa đó mà hơn nữa còn muốn phải làm cho nó thật hoàn hảo. Vì vậy khi toàn quốc trên dưới đều quen thói xa xỉ lãng phí, thì chúng ta phải lấy mình làm trước, nêu ra một tấm gương tiết kiệm, để mọi người thấy mà suy nghĩ, và từ đó có thể yêu cầu cải thiện tập tục; nếu khi toàn quốc trên dưới đều quá sức tiết kiệm, chúng ta lại phải đưa ra một tiêu chuẩn của lễ cho họ xem, khiến người người đều biết được mức tối giản của lễ mà thi hành cho thiết thực.

Phụ lục nguyên văn

Tăng Tử viết: “Ân Tử khả vi tri lễ dã dĩ, cung kính chi hữu yên”. Hữu Nhược viết: “Ân Tử nhất cô cầu tam thập niên, khiến xa nhất thặng, cập mộ nhi phản. Quốc quân thất cá, khiến xa thất thặng. Ân Tử yên tri lễ”. Tăng Tử viết: quốc vô đạo quân tử sĩ doanh lễ yên. Quốc xỉ, tắc thị chi dĩ kiệm; quốc kiệm, tắc thị chi dĩ lễ”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Nhìn từ phía bên ngoài, lễ là biểu hiện của lễ nghi tiết độ, bởi vì nói chung những sự việc mà con người phải

tiếp xúc chỉ là hình thức bên ngoài của lễ. Nếu như quá sức xem trọng hình thức, thì rất dễ dàng khiến cho lễ rơi vào tình trạng thừa thãi ngụy tạo, trở nên vô nghĩa, vì vậy bậc quân tử không hề muốn làm theo như vậy. Xét về phương diện tinh thần nội hàm, lễ là những yêu cầu bình thường thỏa đáng, nếu vượt quá hoặc theo không kịp những yêu cầu này, thì đều cần có sự điều chỉnh sửa chữa. Vì vậy nếu toàn quốc từ trên xuống dưới đều quen thói xa xỉ nên đem chuyện Ân Anh tiết kiệm ra mà làm gương, để văn hồi tập tục xã hội đến một mức độ thích hợp. Tuy nhiên, một tấm áo choàng da mặc trong ba mươi năm, thân thể đại phu mà chỉ dùng một cỗ xe, lại cắt giảm đi lễ tiết chiêu đãi khách v.v... quả thật biểu hiện của Ân Anh có phần hơi quá đáng, nhưng tất cả điều đó chỉ là nhằm uốn nắn lại tập tục mới phải làm như vậy.

Thế nhưng nếu như toàn dân trong nước đều tiết kiệm chi li như vậy, rất có thể ngay cả mức thấp nhất của lễ cũng không chắc được tuân hành, trong tình hình này, lại phải đưa ra qui định tiêu chuẩn thấp nhất cho mọi người theo đó học hỏi.

20. Tăng Tử trách Quý Thượng thất lễ.

Nhà Quý Thượng có tang sự, Lỗ Ai Công phái sứ giả đến ai điệu, nhưng rốt cuộc sứ giả gặp đoàn xa cữu đưa tang đang trên đường đi an táng. Quý Thượng liền dừng lại tránh qua lễ đường tìm một khoảng đất trống, vẽ ra sơ

đồ vị trí như khi đang quần liệm tại nhà, rồi cứ như vậy tiếp nhận lễ vật phúng điệu của sứ giả. Sau đó câu chuyện này lan truyền đi, Tăng Tử hay được, bèn phê bình Quý Thượng rằng:

“Tay Quý Thượng này còn không hiểu lễ bằng vợ của Khởi Lương ngày trước vậy! Vào năm Tương Công thứ 23, Tề Trang Công từ tiểu lộ đánh úp Cử quốc, Khởi Lương quan đại phu của Tề quốc chết trong trận đánh này. Khi quay trở về, vợ của Khởi Lương nghênh tiếp quan cữu của chồng ngay giữa đường, khóc lóc vô cùng thảm thiết. Tề Trang Công phái người đến ai điệu, vợ Khởi Lương đáp rằng: “Nếu như đức vua có thể xá miễn tội hình cho bề tôi người, như vậy mới có thể mang thi hài đặt ngoài đường lớn, cho mọi người đến xem, đồng thời cũng nên cho người bắt vợ của ông ấy đi; nếu như đức vua có thể xá miễn tội hình cho thần thiếp, thì chúng thần hiện còn có một ngôi nhà rách nát của tổ tiên truyền lại, hãy để chúng thần quay trở về đến nhà rồi nói chuyện sau. Ngay tại chỗ này, e rằng không tiện làm theo những lời chỉ bảo của người.

Phụ lục nguyên văn

Ài Công sứ nhân điệu Quý Thượng, ngộ chư đạo. Tịch vu lộ, họa cung nhi thụ điệu yên. Tăng Tử viết: “Quý Thượng bất như khởi lương chi thê chi trì lễ dã. Tề Trang Công tập cử vu đoạt, Khởi Lương tử yên. Kỳ thê nghênh kỳ cữu

vu lộ, nhi khốc chi ai. Trang Công sử nhân điều chi. Đối viết: “Quân chi thần bất miễn vu tội, tắc tương tứ chư thị triều nhi thê thiếp chấp; quân chi thần miễn vu tội, tắc hữu tiên nhân chi tề lô tại, quân vô sở nhục mệnh”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Nếu như là tang sự của giới sỹ, thì theo lễ, chư hầu phải đến nhà phúng điệu trong thời gian quân liệm, việc này được thấy ghi chép trong phần tang lễ của Lễ ký. Khi Lễ Ai Công phái người đi ai điệu, thì quan cữu trong nhà Quý Thượng cũng đã mang ra khỏi nhà, phải đến giữa đường mới gặp nhau, đủ thấy rằng sứ giả đến quá muộn, rằng không hợp với lễ nghĩa. Trong khi đó, Quý Thượng lại tạm thời dựng đặt quan tài của tiên nhân bên vệ đường, tiếp nhận tế lễ, rõ ràng là không hề có phép tắc. Vì vậy Tăng Tử mới phê phán Quý Thượng xử sự không phải, nói Quý Thượng không thấu lễ nghĩa bằng nữ nhi. Câu nói của vợ Khởi Lương đã nói lên rằng nếu như đặt quan tài ngay trên đường cho mọi người xem, trừ khi có lý do gì đặc biệt, thì đó cũng xem như người đã chết là một người có tội, làm như vậy đương nhiên là không thể chấp nhận. Nếu như sứ giả đã đến trễ như vậy, thì nên ứng xử như thế nào cho đúng đây? Căn cứ theo sự ghi chép trong Nghi Lễ Kí Tịch Lễ, còn có thể thanh chóng cử người đến bên cửa thành mà thành kính

gửi lễ vật tống táng, chứ không thể làm lễ tiếp nhận lễ phúng diếu trên đường đi.

21. Tăng Tử thái quá hóa đở.

Tăng Tử nói với Tử Tư:

“Cấp (tên của Tử Tư) này, khi tôi lo lắng tang lễ cho người thân đã từng bảy ngày không uống một hột nước, không ăn một cái gì”.

Tử Tư nói:

“Việc chế định lễ chế của thánh hiền cổ đại đều đã trải qua sự suy xét nhiều mặt rồi sau đó mới quyết định. Vậy thì những người tình cảm quá sức sâu đậm phải hơi kềm chế bản thân mình một chút, để phù hợp với lễ chế đã được định đặt; còn những người tương đối lạnh nhạt phải tự cưỡng ép mình một chút để có thể đúng với qui định. Nếu như người quân tử muốn hợp với lễ chế, đối với việc để tang người thân, chỉ yêu cầu trong ba ngày không ăn không uống, dựa vào gậy tang để chống lên đứng dậy di chuyển là được rồi”.

Phụ lục nguyên văn

Tăng Tử vị Tử Tư viết: “Cấp, ngô chấp thân chi tang dã, thủy tương bất nhập khẩu giả thất nhật”. Tử Tư viết: “Tiên vương chi chế lễ dã, quá chi giả phủ nhi tỵ chi, bất chí yên giả xí nhi cập. Cố quân tử chi chấp thân chi tang dã. Thủy tương bất nhập khẩu giả tam nhật, trượng nhi hậu năng khởi”. (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

Việc đặt định lễ chế lúc ban đầu chắc chắn là phải thuận theo sự đòi hỏi của nhân tình, nhưng đồng thời cũng phải xem xét đến tính khả thi đối với mọi người. Thí dụ như việc qua đời của người thân, hiếu tử trong lòng bi thương cực độ, còn bụng dạ nào để ăn uống nữa? Vì thế liền thuận theo nhân tình mà chế định trong ba ngày có thể không ăn không uống. Nhưng ba ngày trở lên là chuyện không phải tất cả mọi người đã có thể làm được. Mà mọi người đã không làm được, tức là đã thiếu tính khả thi, cũng chính là phản lại với nguyên tắc của việc định đặt lễ chế. Tăng Tử nói bản thân đã từng bảy ngày không ăn không uống, đó là ít nhiều có ý trách móc những người thời đó đối với tình thân tỏ ra quá hờ hững. Nhưng những lời của Tử Tư, lại nói rõ là lễ chế chú trọng ở tính thích đáng, nếu như quá đáng sẽ hóa dở vậy.

22. Tăng Tử thay chiếu khi lâm trọng bệnh.

Tăng Tử ngã bệnh nằm trên giường, bệnh tình vô cùng trầm trọng. Học trò của ông Lạc Chánh Tử Xuân ngồi phía dưới giường, con trai ông là Tăng Nguyên, Tăng Thân ngồi phía dưới chân, và một đứa bé ngồi trong góc nhà tay cầm bó thuốc chiếu sáng. Đứa bé này bỗng nhiên phát hiện ra rằng:

“Máu tre sáng bóng đẹp dễ như thế này và được bào chuốt trơn tru nhẵn nhụi, cái chiếu này lẽ ra là quan đại

phu mới được sử dụng”.

Lạc Chánh Tử Xuân nói: “Không được nói vậy”.

Dường như Tăng Tử đã nghe thấy, thần sắc biến đổi thở gấp những làn hơi yếu ớt. Đứa bé cố ý nói lại:

“Mẫu tre sáng bóng đẹp dễ như thế này và được bào chuốt trơn tru nhẵn nhụi, rõ ràng là cái chiếu của đại phu dùng đấy!”

Hít một làn hơi, Tăng Tử nói:

“Đúng đấy. Đây là chiếc chiếu mà trước đây quan đại phu Lý Tôn đã thưởng tặng cho ta. Từ lúc lâm bệnh đến giờ ta vẫn nằm suốt trên đây, không đủ sức để thay nó đi. Tăng Nguyên, hãy đứng dậy thay dùm ta chiếc chiếu này”.

Tăng Nguyên đáp:

“Bệnh tình của cha rất là nghiêm trọng, không thể tùy tiện di chuyển. Đợi khi trời đẹp, sức khỏe cha khá hơn một chút, rồi sẽ thay chiếu cho cha như vậy có được không?”

Tăng Tử nói:

“Lòng yêu thương ta của các người thật thua xa đứa bé kia! Khi một người quân tử mà yêu thương một người chắc chắn sẽ làm những việc tốt để tạo cho người đó có phẩm chất đạo đức. Khi một kẻ tiểu nhân yêu thương một người, luôn luôn không quản đến chuyện có đạo lý hay không, chỉ cốt được sao hay vậy, có thể cầu an tạm bợ trong chốc lát là được rồi. Bây giờ ta còn có thể cầu cái gì đây? Ta chỉ cầu có mỗi việc này, hãy để cho ta làm

theo phận mình là được chết trên chiếc chiếu mà ta nên nằm, tâm tình cuối cùng của cuộc đời là chỉ bấy nhiêu thôi”.

Tăng Tử đã nói như vậy, mọi người chỉ còn cách cùng nhau nâng đỡ ông dạy thay cho ông chiếc chiếu khác. Tăng Tử vừa trở về giường, chưa kịp đặt nằm yên xuống đã qua đời rồi.

Phụ lục nguyên văn

Tăng Tử ốm tât, bệnh. Lạc Chánh Tử Xuân tọa vu sàng hạ, Tăng Nguyên, Tăng Thân tọa vu túc, đồng tử ngung toạ nhi chấp chúc. Đồng tử viết: “Họa nhi hoãn, đại phu chi trách dữ?”. Tử Xuân viết: “Chí”. Tăng Tử văn chi, cù nhiên viết: “Hô!”. Viết: “Họa nhi hoãn, đại phu chi trách dữ?”. Tăng Tử viết: “Nhiên, tử Lý Tôn chi tứ dã, ngã vị chi năng dị. Nguyên, khởi dị trách”. Tăng Nguyên viết: “Phu tử chi bệnh cách hỷ, bất khả dĩ biến. Hạng nhi chí vu đán, thỉnh kính dị chi”. Tăng Tử viết: “Nhĩ chi ái ngã dã, bất như bỉ. Quân tử chi ái nhân dã dĩ đức, tể nhân chi ái nhân dã dĩ cô tức. Ngô hà cầu tai? Ngô đắc chánh nhi tề yên. Tư dĩ hỹ”. Cử phù nhi dị chi. Phản tịch vị an nhi một. (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

Đại thiện đại ác, người người đều có thể có khả năng phán đoán, thường chỉ ở những chỗ cực kỳ tinh tế mới có thể nhận ra được điểm khác nhau giữa người quân tử và

kẻ tiểu nhân. Những người bình thường hay nhân nhượng vô nguyên tắc, hoặc quá cương nên hóa dở, đối với những lỗi nhỏ, thường tự tha thứ cho mình. Còn người này trong lúc lâm trọng bệnh, tuyệt không còn khả năng làm gì nữa, mà vẫn nghiêm ngặt tuân thủ lễ chế bốn phận, kiên quyết đòi đổi chiếc chiếu tre mà mình không được quyền sử dụng. Chỉ có những bậc đại thánh đại hiền mới có thể trong một chút nhỏ này vẫn kiên trì giữ vững mình không một chút cầu thả.

23. Kêu lại ăn, không ăn.

Tê quốc bị mất mùa đói khổ nghiêm trọng, Kiêm Ngao làm một ít thức ăn thức uống, để bên lề đường chuẩn bị bố thí cho những dân đói khát qua đường. Một người đàn ông ốm đói từ xa đi lại, dáng điệu không còn chút sức lực nào, áo xống rũ rượi, tay buông thõng không nhấc lên được, giấy dép xộc sệch bước lê trên đường. Đói đến nỗi nhân quang dờ dẩn, đục mờ, mắt mở không ra. Kiêm Ngao tay trái cầm một chén cơm, tay phải bưng một chén canh, gào to về hướng người đó:

“Ê! Đến đây ăn đi!”.

Người đó ngẩng đầu lên, mắt nhìn chăm chăm vào Kiêm Ngao nói:

“Chính bởi vì tôi không muốn ăn những thứ mà kêu gọi mời kiểu như ông, cho nên ngày hôm nay mới ra nông nỗi này!”.

Kiểm Ngao biết rằng khi này mình hơi quá lỗ mãng, vội chạy lại người ấy xin lỗi. Nhưng người đàn ông đó vẫn một mực không chịu ăn, cuối cùng đói mà chết. Tăng Tử sau khi nghe được chuyện này, bèn nói:

“Người đàn ông đó làm như vậy e rằng không đúng lắm! Khi người ta lớn giọng kêu mình lại cho ăn, thì có thể cự tuyệt không nhận; nhưng sau khi người ta đã xin lỗi mình, có lẽ lúc đó cũng nên ăn!”.

Phụ lục nguyên văn

Tề đại cơ. Kiểm Ngao vi thực vụ lộ, dĩ đãi ngã giả nhi thực chi. Hữu ngã giả mông duệ tập lữ, mậu mậu nhiên lai, Kiểm Ngao tả phụng thực, hữu chấp ẩm, viết: “Giai! Lai thực!”. Dương kỳ mục nhi thị chi, viết: “Dư duy bất thực giai lai chi thực, dĩ chí vu tư dã”. Tông nhi tạ yên. Chung bất thực nhi tử. Tăng Tử vấn chi, viết: “Vi dữ! Kỳ giai dã khả khứ, kỳ tạ dã khả thực”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Cái khó của việc làm người là ở chỗ làm sao giữ vững được sự chừng mực. Đã gọi là “chừng mực”, nói chung để chỉ thái độ vững vàng của chúng ta khi đối nhân, điểm này đương nhiên là rất khó; nhưng điều khó chắc chắn nhất e rằng vẫn là ranh giới giữa bỏ đi và giữ lại. Quả thật những vấn đề nan giải này vẫn thường khiến lòng chúng ta do dự phân vân hoặc rơi vào tình trạng tranh đấu, không thể có được quyết định kịp thời

đúng đắn. Quan điểm của lễ, có thể giúp chúng ta thường xuyên kiểm nghiệm lập trường và bốn phận của mình, và phán đoán mức độ nặng nhẹ, phải trái của sự kiện mà chúng ta đã gặp. Mà đã có được thói quen kiểm nghiệm và phán đoán này, chắc chắn sẽ không hề gặp khó khăn khi quyết định bất cứ chuyện gì. Kiêm Ngao nhận ra sự quá lỗ mãng trong thái độ của mình, liền lập tức sửa chữa cải chính, như vậy vẫn không mất đi tính cách quân tử. Còn người đàn ông đói khát nọ không chịu nhận thức ăn mà bị mời gọi kiểu như vậy, thì đây là khả năng phán đoán chính xác của cái đáng bỏ mà bỏ đi; nhưng đến khi Kiêm Ngao đã nhận ra sai sót xin lỗi rồi mà người ấy vẫn không chịu nhận lấy, trong mức độ nào đó có lẽ hơi thái quá. Đến nỗi cuối cùng kết liễu cuộc đời mình vì đói khát, điều này chứng tỏ rằng đã đánh mất đi cái chừng mực trong khi quyết định mức độ nặng nhẹ của sự việc, vì vậy Tăng Tử mới phê bình người đàn ông đó như vậy.

24. Thạch Kỳ Tử tri lễ.

Quan đại phu nước Tề Thạch Thái Trọng mất đi. Chánh thiếp của ông không có con mà thứ thiếp sanh đến những sáu đứa, chỉ còn cách dùng hình thức bói mu rùa để quyết định xem ai sẽ là người kế vị. Người phụ trách xem bói nói:

“Trước tiên phải tắm gội sạch sẽ, rồi phục sức thêm

một viên ngọc thật đẹp, nhất định mu rùa sẽ chọn lựa được chính xác hơn”.

Thế là có năm đứa trẻ đều chạy vội đi tắm gội, đeo lên mình một viên ngọc, chỉ có Thạch Kỳ Tử nói:

“Đang trong lúc để tang phụ thân, thì làm sao có thể đi tắm rửa gội đầu được, rồi lại còn đeo ngọc lên nữa?”.

Rồi Kỳ Tử kiên quyết không chịu đi tắm, cũng không đeo ngọc. Kết quả bói mai rùa cho thấy chỉ có Thạch Kỳ Tử xứng đáng làm người thừa kế. Sau khi câu chuyện này lan truyền, tất cả người dân Vệ quốc đều cho rằng mai rùa quả thật là vô cùng linh nghiệm?

Phụ lục nguyên văn

Thạch Thái Trọng tốt. Vô thích tử, hữu thứ tử lục nhân, bốc sớ dĩ vi hậu giả. Viết: “Mộc dục bội ngọc tắc triệu”. Ngũ nhân giả giai mộc dục bội ngọc. Thạch Kỳ Tử viết: “Thục hữu chấp thân chi tang, nhi mộc dục bội ngọc giả hồ?”. Bất mộc dục bội ngọc. Thạch Kỳ Tử triệu. Vệ nhân dĩ qui vị hữu tri dã. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Nhà đang gặp phải tang sự quan trọng như việc cha mẹ qua đời tất trong lòng bi thương thống khổ cực độ, thì còn tâm trí rảnh rỗi nào để mà chú ý điểm trang vẻ ngoài của mình nữa.

Bởi vì đang có tang sự, nếu không có gì cần thiết, thì sẽ chẳng nghĩ gì đến việc tắm gội, đặc biệt là việc lấy

ngọc đẹp ra trang sức thì lại càng không thể chấp nhận. Thạch Kỳ Tử đã thấu hiểu đạo lý này, thì đương nhiên đó là người biết lễ.

25. Lễ Trang Công truy tặng tước hiệu văn tể cho kẻ sỹ.

Lễ Trang Công và người nước Tống đánh nhau tại Thặng Khâu nước Lỗ, Trang Công ngự giá trên chiến xa do Huyện Bôn Phụ điều khiển ngựa, có võ sĩ Bốc Quốc đứng phò bên hữu.

Giữa lúc hai xe đang giao chiến, con ngựa kéo xe Trang Công đột nhiên dường như có gì kinh hãi, không tuân theo mệnh lệnh, điều này đã làm ảnh hưởng đến toàn cục, cuối cùng Trang Công bị thua trận. Đúng vào lúc Lễ Trang Công té ngã ra ngoài xe, vừa vịn lúc xa giá phía sau kịp chạy đến, quăng cho Trang Công một sợi dây thừng rồi lôi lên xe. Lễ Trang Công nói:

“Bốc Quốc quá yếu hèn, hấn ta căn bản không có ra tay, vì vậy nay mới bị bại trận”.

Huyện Bôn Phụ, người điều khiển chiến xa cũng tự trách mình rằng: “Từ trước đến giờ điều khiển xe ra trận, chưa từng thất bại lần nào. Thế mà ngày hôm nay lại bị đánh bại, nguyên nhân có lẽ là do chúng ta không đủ dũng cảm!”.

Thế là cả hai người Bốc Quốc và Huyện Bôn Phụ cùng nhau dũng cảm xông vào quân địch, và bị giết chết

trên chiến trường.

Về sau người chuyên nuôi dưỡng ngựa, trong lúc tắm chải cho ngựa chiến, đã phát hiện con ngựa kéo xe Trang Công, ở phía bên trong của chân sau có một vết tên bắn. Điều này đã nói lên được nguyên nhân tại sao con ngựa bị kinh hãi nhảy lên không nghe theo lệnh khống chế. Lỗ Trang Công nói:

“Hóa ra căn bản là không phải do tội lỗi của hai người đó”.

Rồi lấy việc họ liễu mình chiến đấu, chết vì nạn nước, viết thành bài văn tế tuyên đọc cho cả hai người, truy tặng tước hiệu để thưởng công cho họ. Từ đó về sau mới có chuyện lấy thân phận kẻ sỹ viết thành bài văn tế, phong tặng tước hiệu, là do bắt đầu từ câu chuyện này.

Phụ lục nguyên văn

Lỗ Trang Công cấp Tống nhân chiến vu. Thặng Khâu Huyện Bôn Phụ ngự, Bốc Quốc vi hữu. Mã kinh, bại tích. Công đội, tá xa thụ tuy. Công viết: “Mạt chi Bốc dã”. Huyện Bôn Phụ viết: “Tha nhật bất bại tích, nhi kim bại tích, thị vô dũng dã”. Toại tử chi. Ngữ nhân dục mã, hữu lưu tiền tại bạch nhục. Công viết: “Phi kỳ tội dã”. Toại lỗi chi. Sỹ chi hữu lỗi, tự thứ thủy dã. (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

Lễ chế đương thời sau khi chế định xong, tự nhiên ở các thế hệ sau cũng sẽ có không ít những biến hóa đổi

thay. Chẳng qua đôi khi do yếu tố cá nhân mà tạo ra sự thay đổi làm trái với nguyên tắc, cũng có thể được ghi chép lại để người đời sau hiểu rõ nguyên do sở dĩ thất lễ của nó. Lễ chế triều đại nhà Chu thì thân phận kẻ sỹ tương đối thấp, không được văn tế phong tặng; kẻ sỹ mà có văn tế, chính là khởi đầu từ câu chuyện này. Vì vậy ở đây đặc biệt ghi chép dùng để cảnh giới người đời sau rằng trật tự chế độ đã được thiết lập, không cho phép con người được tùy tiện phá vỡ nó đi.

26. Tấn Hiến Công giết thái tử Thân Sinh.

Vua nước Tấn là Tấn Hiến Công vì tin lời nói xấu của Ly Cơ mà tức giận đòi giết thái tử Thân Sinh của mình. Trùng Nhĩ em của Thân Sinh khuyên thái tử rằng:

“Tại sao anh không đem những lời nói từ đáy lòng mình để giải thích cho vua cha được rõ?”.

Thái tử đáp:

“Ta không thể làm như vậy. Hiện nay vua cha rất sủng ái Ly Cơ, không thể nào không có người thiếp đó. Nếu như ta đem nói rõ hết tất cả sự thật, Ly Cơ rất có thể sẽ bị giết vì chuyện này, và như vậy cũng giống như là chính ta cố ý làm tổn hại đến tình cảm của vua cha”.

“Vậy thì tại sao anh không nghĩ cách rời khỏi đây, tạm thời tránh đi?”.

Thái tử rằng:

“Như vậy cũng không được, bởi vì vua cha sẽ nói ta

muốn giết hại người, mưu đoạt ngôi vua, ta sẽ trở thành một tội nhân giết cha giết vua. Thiên hạ tuy lớn rộng, nhưng có quốc gia nào mà không thừa nhận là có phụ thân không? Vậy ta còn có thể trốn đến nơi nào đây?”.

Liền sai người đến nói rõ cho sư phụ của mình là Hồ Đột rằng:

“Con đã phạm lỗi tày trời, đó là vì lúc đầu không nghe lời của thầy lánh ra bên ngoài, để ngày hôm nay không tránh khỏi tội chết. Kỳ thực là con không thể không chết được, nhưng khi con chết đi, vẫn còn rất nhiều chuyện không thể an lòng. Vua cha tuổi đã già, người con mà người muốn cho thừa kế ngôi vị hãy còn nhỏ quá, lại thêm quốc gia gặp phải quá nhiều tai ương, những người giống như thầy thì lại lui về nhà ở ẩn, không chịu ra giúp vua trừ hoạch quốc chính, vậy nên có thể giải quyết như thế nào đây? Nếu như thầy bằng lòng nguyện ra giúp vua cha trừ hoạch quốc chính, thì con nguyện vì quốc gia chịu nhân ân đức của thầy mà chết, có chết đi cũng không có gì lấy làm hối tiếc”.

Rồi quay mặt về hướng nhà Hồ Đột ở bái chào từ biệt, sau đó tự thắt cổ chết.

Toàn dân nước Tấn vô cùng cảm kích trước chuyện này, phong tặng cho thái tử danh hiệu “Cung Thế Tử”, có nghĩa tôn xưng Thân Sinh là một thái tử biết cung kính thủ phận.

Phụ lục nguyên văn

Tấn Hiến Công tương sát kỳ thế tử Thân Sinh. Công tử Trọng Nhĩ vị chi viết: “Tử cái ngôn tử chi chí vu công hồ?”. Thế tử viết: “Bất khả, quân an Ly Cơ, thị ngã thương Công chi tâm dã”. Viết: “Nhiên tắc cái hành hồ?”. Thế Tử viết: “Bất khả. Quân vị ngã dục sát quân dã, thiên hạ khí hữu vô phụ chi quốc tai! Ngô hà hành như chi?”. Sử nhân từ vu Hồ Đột viết: “Thân Sinh hữu tội, bất niệm Bá thị chi ngôn dã, dĩ chí vu tử. Thân Sinh bất cảm ái kỳ tử, tuy nhiên, ngô quân lão hỹ, tứ thiếu, quốc gia đa nạn, Bá thị bất xuất nhi đồ ngô quân. Bá thị cầu xuất đồ ngô quân, Thân Sinh thụ tử nhi tử”. Tái bái kê thủ nãi tốt. Thị dĩ vi cung thế chi dã. (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

Thân Sinh sau khi chết được tôn xưng là “Cung Thế Tử”, có hai ý nghĩa:

1. Ý nghĩa chính diện là nói Thân Sinh đã phục tùng theo mệnh lệnh của phụ thân, đã biết chú trọng sự an nguy của quốc gia.

2. Ý nghĩa phản diện là Thân Sinh chỉ biết một mực cung thuận, mà không biết rằng cách làm này ngược lại đã khiến cho phụ thân của mình dần sâu vào tội ác bất nghĩa bất nhân, vì vậy chỉ có thể tôn xưng Thân Sinh là cung thuận, chứ không thể gọi là hiếu tử.

Chúng ta cũng thường gặp phải những tình huống

tiến không được mà lùi cũng không xong, lúc ấy tất phải thận trọng suy nghĩ, cân nhắc nặng nhẹ, tận lực chọn lựa phương thức nào mà tác hại của nó tương đối ít để làm theo. Sự phán đoán của Thân Sinh về lẽ đúng sai, có phần hơi quá thiên về chữ “thuận” của một bề tôi đối với một vị vua. Kết cục là đã bỏ qua chữ “hiếu” của một người con đối với cha mình. Khổng Tử đã từng nói rằng vua Thuấn đối với phụ thân của mình là: “tiểu chùy tắc dãi đáp, đại trượng tắc đào”. (Xem Hán Tự Ngoại truyện), chính là cái ý này.

27. Tấn Mục Công điều công tử Trùng Nhĩ.

Khi Tấn Hiến Công băng hà, lúc đó công tử Trùng Nhĩ đang lưu vong ở Trác Địa (nay là huyện Phần Dương tỉnh Sơn Tây). Tấn Mục Công đặc biệt phái sứ giả Tử Hiến sang vấn an Trùng Nhĩ, và hơn nữa với thân phận trưởng bối, Tấn Mục Công đã truyền đạt đến Trùng Nhĩ một lời khuyên bảo:

“Ta đã từng nghe người khác nói một câu như thế này: khi vua cũ của quốc gia băng hà, đó là một cơ may rất lớn! Nếu như không cố gắng bắt lấy cơ hội thì sẽ mãi mãi mất đi vị trí ngôi vua, đương nhiên đó chính là lúc này đây; còn nếu như tài giỏi bắt kịp cơ hội, nhằm giành lấy ngôi vua, thì cũng chính là vào ngay đúng thời điểm giao tranh giữa mới và cũ này đây. Thừa công tử, bây giờ tuy công tử trăm mặc trang nghiêm, không vui đùa cười

nói, một lòng để tang cha, sống trong bi thương đau khổ; nhưng công tử cũng phải nghĩ đến việc công tử sống lưu vong nước ngoài như thế này chắc chắn không phải là kế hoạch lâu dài. Đặc biệt là cơ hội thuận lợi to lớn như thế này, cũng không nên khinh suất mà bỏ qua. Vì thế thưa công tử! Công tử nên thật sự suy xét kỹ càng, thận trọng tính toán một chút mới được!”.

Những lời này của Tần Mục Công đương nhiên hàm ẩn ý tứ sâu sắc. Dụng ý của Tần Mục Công là dò ý công tử Trùng Nhĩ, nếu như công tử có biểu hiện muốn quay về thừa kế ngôi vua, đương nhiên là có thể đàm thảo tiếp tục, trong điều kiện trao đổi hai bên cùng có lợi; Tần Mục Công sẽ cử một đoàn quân hộ tống công tử Trùng Nhĩ về nước, kế vị làm vua nước Tấn, vì lẽ đó Tần Mục Công mới yêu cầu Trùng Nhĩ suy nghĩ kỹ càng.

Sau khi sứ giả tạm thời lui ra ngoài, công tử Trùng Nhĩ lập tức đem chuyện này kể lại cho nhũ mẫu Tử Phạm. Trong những năm lưu vong khắp mọi nơi này, Tử Phạm một lòng theo hầu bên Trùng Nhĩ, không những hết sức trung thành mà còn đa mưu túc trí nữa, cho nên bất luận chuyện to nhỏ gì Trùng Nhĩ cũng đều đem ra bàn bạc trước tiên với Tử Phạm. Tử Phạm suy nghĩ một lúc rồi nói:

“Thưa công tử, công tử nên từ tạ những ý tốt này của ông ấy, đây là điều không thể chấp nhận được. Chúng ta

là những người trốn ra nước ngoài, lưu lạc ly hương, ngược mắt nhìn chẳng thấy ai thân thích, không có vật gì quý báu hoặc có giá trị, duy nhất chỉ có một thứ quý giá và được coi trọng, đó là sự tưởng nhớ và ái mộ đối với người thân. Công tử hãy thử nghĩ, phụ thân của công tử đã mất đi, đây là một biến cố trọng đại và hung nguy biết bao, thế mà công tử lại muốn lợi dụng cơ hội này để tư lợi, vậy thì những người trong thiên hạ còn ai có thể hiểu và bỏ qua cho công tử đây? Thưa công tử, già thấy hay là công tử nên từ tạ ông ấy là rất đúng đó!”.

Thế là công tử Trùng Nhĩ liền ra nói với Tử Hiến rằng:

“Đức vua quý quốc hiện tại đối với ta quá tốt, xa xôi thế mà cũng phái người đến đây vấn an ta, một kẻ trốn ra ngoại quốc, thật vô cùng cảm tạ. Bản thân ta đào tẩu tại ngoại, phụ thân qua đời, mà ta lại không có cách nào nhanh chóng quay về, để được gào khóc trước linh hồn phụ thân. Đức vua của quý quốc đã vì ta mà lo nghĩ đến chuyện này, thật là vô cùng áy náy. Thế nhưng xin hãy an tâm, phụ thân đã băng hà, đây là biến cố trọng đại và hung nguy biết bao, vào thời điểm này, ta nào dám có ý nghĩ làm chuyện trái bốn phận như vậy. Nếu như ta thật không biết tốt xấu, muốn lợi dụng cơ hội này để tranh đoạt lấy chính quyền nước Tấn, há chẳng phải đã hoàn toàn phụ đi tám thịnh tình cao nghĩa mà đức vua

quí quốc đặc biệt ưu ái quan tâm đến ta từ trước đến giờ hay sao?”.

Lý lẽ của Trùng Nhĩ rất hay, cự tuyệt một cách uyển chuyển, khéo léo những lời khuyến dụ của Tần Mục Công, mà lại không có ý trêu chọc đối phương.

Khi Tử Hiến chính thức bước vào điệu tể, Trùng Nhĩ phủ phục trên mặt đất, đầu cúi rạp xuống. Cứ như vậy cho đến khi sứ giả hành lễ hoàn tất, Trùng Nhĩ cũng không hồi bái đáp lễ, chỉ là một mực vừa khóc vừa đứng dậy. Sau khi đứng lên, cũng không trò chuyện riêng với sứ giả một lời nào.

Sau đó Tử Hiến trở về Tấn quốc, báo cáo lại với Tần Mục Công tình hình diễn biến, Tần Mục Công khen ngợi rằng:

“Công tử Trùng Nhĩ thật là một người nhân hậu đức độ! Khi người vào điệu tể, Trùng Nhĩ đầu cúi rạp sát đất, mà không bái đáp hoàn lễ cho người, đây là có ý cho người biết rằng công tử không thừa nhận mình là người thừa kế của toàn gia tộc, vì vậy công tử không thể lấy thân phận chủ nhân để mà bái tạ đáp lễ tất cả sự ai điều của khách khứa. Người nói công tử vừa khóc vừa đứng dậy, điều này nói lên tấm lòng thương yêu chân thành của công tử đối với phụ thân. Sau khi công tử đứng lên, không hề nói chuyện riêng với người một lời nào, thì rõ ràng là chứng tỏ thái độ của công tử đối với lợi ích trọng đại có ý lẫn

tránh!”.

Phụ lục nguyên văn

Tấn Hiến Công chi tang, Tấn Mục Công sứ nhân điều công tử Trùng Nhĩ, thả viết: “Quả nhân văn chi; vong quốc hăng vu tư, đắc quốc hăng vu tư. Tuy ngô tử nghiêm nhiên tại ưu phục chi trung, tang diệc bất khả cứu dã, thời diệc bất khả cứu dã; nhũ tử kỳ đồ chi”. Dĩ cáo cứu phạm. Cửu phạm viết: “Nhũ tử kỳ tử yên! Tang nhân vô bảo, nhân thân dĩ vi bảo. Phụ tử chi vị hà? Hựu nhân dĩ vi lợi, nhi thiên hạ kỳ thực năng thuyết chi? Nhũ tử kỳ tử yên”. công tử Trùng Nhĩ đối khách viết: “Quân huệ điều vong thần Trùng Nhĩ, thân tang phụ tử, bất đắc dĩ vu khốc khắp chi ai, dĩ vi quân ưu. Phụ tử chi vị hà? hoặc cảm hữu tha chí, dĩ nhục quân nghĩa?”. Khế tằng nhi bất bá, khốc nhi khởi, khởi nhi bất tư. Tử Hiến dĩ chí mệnh vu Mục Công, Mục công viết: “Nhị phu công tử Trùng Nhĩ! Phu kê tằng nhi bất bá, tác vị vi hậu dã, cố bất thành bá, khốc nhi khởi, tác ái phụ dã; khởi nhi bất tư, tác viễn lợi dã”.

Thuyết minh

Trong chế độ gia tộc thời xưa ở Trung Quốc, vị trí của con đích trưởng vô cùng đặc biệt, người con trai đó được xem như là người thừa kế pháp định của gia tộc, vì vậy vạn nhất nếu như người con đích trưởng đó chết trước, thì người cha phải đại diện gia tộc mặc bộ tang phục “Trảm

suy” nặng nhất. Nếu như phụ thân qua đời, lễ dĩ nhiên là phải do người con trai đó đứng ra tổ chức tang sự. Chủ nhân của tang sự, cũng chính là người ngày sau sẽ thừa kế gia nghiệp, cũng chính là người lãnh đạo toàn bộ gia tộc sau này. Vì vậy nếu như có người đến điều tế, thì chỉ có người đó mới có tư cách đại diện toàn gia bái tạ đáp lễ với khách khứa. Sở dĩ khi đó công tử Trùng Nhĩ chỉ phủ phục cúi đầu sát đất là ý muốn biểu thị sự bi thương ai thống mà thôi, chứ không hề chính thức bái đáp tạ lễ với khách, rõ ràng biểu thị rằng công tử không phải là chủ nhân của tang lễ. Nếu như công tử bái đáp tạ lễ với khách, điều đó cũng bằng với tự thừa nhận mình là người chủ trì tang lễ lần này, là nhân vật đại diện toàn gia, cũng như chấp nhận mình sẽ là vị vua kế tiếp của nước Tấn. Trùng Nhĩ không bái đáp, chính là tỏ ý không tiếp nhận ngầm ý đề nghị của Tần Mục Công.

Theo ghi chép trong Quốc Ngữ Phổ Ngữ, sau khi Tử Hiến đến vấn an Trùng Nhĩ, thì tiếp tục đi thăm công tử Di Ngô đang trốn ở đất Lương. Cũng truyền đạt những lời lẽ giống y như những gì đã nói với công tử Trùng Nhĩ, thế nhưng biểu hiện của công tử Di Ngô lại khác hoàn toàn. Khi sứ giả đến điều tế, Di Ngô chính thức bái đáp, sau khi đứng dậy không những không khóc, lại còn tự ý trò chuyện với Tử Hiến, và lập tức đồng ý cắt nhượng năm huyện thành phía ngoài sông Hoàng Hà dâng tặng Tần quốc để

làm điều kiện trao đổi. Sau đó Tần Mục Công phái một đội quân lớn hộ tống công tử Di Ngô trở về Tần quốc, lên ngôi vua tức là Tấn Huệ Công, Đoạn ghi chép này có thể làm tài liệu tham khảo đối chiếu.

28. Quý Vũ Tử cho phép Đỗ thị khóc mai táng trong sân nhà.

Quý Vũ Tử xây dựng mở rộng nhà ở, vừa đúng với phần nghĩa địa của nhà họ Đỗ bị rào vây vào trong, nằm ngay phía dưới bậc thềm của một trước gian nhà chính. Thoạt đầu cũng không chú ý, về sau khi nhà họ Đỗ có tang sự, đến xin phép cho hợp táng lại với nhau, thì Quý Vũ Tử chỉ còn cách phải đáp ứng.

Khi người nhà họ Đỗ khiêng quan cữu tiến vào, trong bụng nghĩ rằng nhà này đã chấp nhận cho đem người chết vào chôn trong sân thì đã tốt lắm rồi, làm sao mà dám làm kinh động nhà người ta thêm nữa? Vì vậy mỗi người đều cố gắng kềm chế không khóc ra tiếng. Quý Vũ Tử phát hiện được, liền nói:

“Về lý mà nói, hợp táng người chết, hoàn toàn không phải là chế độ của đời xưa, mà đại khái là khoảng từ sau Chu Công mới có! Thế nhưng cho đến bây giờ vẫn không có gì cải biến cả, vì vậy ta mới đồng ý để cho họ hợp táng ở trong sân nhà ta. Để cho người được hợp táng quan cữu trong sân nhà mình, đó là một đại sự, có người khóc trong nhà ta, thì đương nhiên coi đó như là một chuyện nhỏ,

việc đại sự ta đã đáp ứng mà chuyện nhỏ lại không cho phép, thì đâu nào đạo lý lại như vậy?”.

Thế là Quý Vũ Tử nói rõ ý của mình với họ, để cho họ được khóc với tất cả tình cảm chân thật của họ.

Phụ lục nguyên văn

Quý Vũ Tử thành tám, Đỗ thị chi táng tại Tây giai chi hạ. Thỉnh hợp táng yên, hứa chi. Nhập cung nhi bất cảm khốc, Vũ Tử viết: “Hợp táng, phi cổ dã; tự Chu Công dĩ lai, vị chi hữu cải dã. Ngô hứa kỳ đại, nhi bất hứa kỳ tế, hà cứ?”. Mệnh chi khốc. (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

Không bàn đến việc xây dựng mở rộng nhà ở của Quý Vũ Tử, như thế nào mà lại vây phần nghĩa trang của người ta vào sân nhà mình, chỉ từ chuyện Quý Vũ Tử có thể cho phép đem quan cữu của người nhà khác vào mai táng trong sân nhà mình, lại còn bản khoản suy nghĩ đến chuyện người ta cần được khóc lóc bi ai, từ những điểm này mà xét, con người thật đáng được ca ngợi.

29. Cách Lễ Tương Công dâng lễ vật cho tang lễ của Sở Khang Vương.

Lễ Tương Công sang Sở quốc triều kiến vua Sở, gặp phải lúc vua Sở băng hà. Khi đó nước Sở rất cường thịnh, nên muốn có này làm nhục Lễ Tương Công, người nước Sở nói:

“Khang Vương băng hà, nhất thiết ông phải đích thân

làm lễ dâng tặng y khâm cho Khang Vương”.

Người tùy tùng của Lỗ Tương Công nói:

“Điều này không phải quá bất hợp lễ sao?”.

Nhưng người nước Sở nhất định kiên quyết yêu cầu Lỗ Tương Công phải làm như vậy, thế là Lỗ Tương Công liền đem theo người phụ trách cúng tế tiến vào, trước tiên dùng những cành đào bó thành chổi, phẩy phẩy phía trên quan cữu một lượt, tỏ ý xua đuổi tà ma, rồi sau đó mới tiến hành lễ dâng tặng y khâm. Chuyện xảy ra như vậy, người nước Sở muốn cầu vinh thì ngược lại chỉ càng thấy chuốc thêm nhục, có hối hận cũng không kịp nữa rồi.

Phụ lục nguyên văn

Tương Công triệu vu Kinh, Khang Vương tốt. Kinh nhân viết: “Tất thính khâm”. Lỗ nhân viết: “Phi lễ dã”. Kinh nhân cường chi. Vu tiên phạt cữu, Kinh nhân hối chi. (Đàn cung Hạ).

Thuyết minh

Khâm, là một nghi tiết mặc y phục cho người chết trước khi tiểu liệm trong tang lễ, thông thường là cử hành khi vừa mới chết. Thế nhưng sự việc này lại được ghi chép hơi khác nhau trong Tả truyện. Vào năm thứ hai mươi tám Lỗ Tương Công của Tả truyện ghi rằng Tương Công đi sang Sở quốc, trên đường đi nghe tin Sở Khang Vương đã băng hà. Năm hai mươi chín ghi chép rằng Sở quốc yêu cầu đích thân Tương Công dâng tặng “y

khâm", hoàn toàn không phải là "khâm". Chỉ xét về mặt thời gian, khi Tương Công đến được nước Sở, Sở Khang Vương nhất định đã trải qua tiểu liễm và đại liễm, đến giai đoạn được quần liễm trong công đường, không thể tiếp tục để Tương Công lại mặc thêm một lần áo ngoài cho Khang Vương. Hơn nữa chữ cữu trong "phật cữu" của bài này, cũng đủ nói lên rằng Khang Vương đã nhập quan rồi. Vì vậy chữ "khâm" ở đây e rằng không chính xác như chữ "dịch" (𣦵) được ghi trong Tả truyện. "Dịch" (𣦵) là một lễ nghi dâng tặng y khâm cho người chết. Thế nhưng nếu như chư hầu muốn dâng tặng y khâm, nhất định phải phái sứ giả đi làm, chứ tuyệt đối không thể chính mình đi dâng tặng. Khi đó người nước Sở đưa ra yêu cầu, một mực kiên quyết bắt Lỗ Tương Công đích thân dâng tặng, ý chỉ thừa nhận Lỗ Tương Công là thân phận của một người sứ giả, mà không cho rằng Lỗ Tương Công là vua của một quốc gia, rõ ràng là có âm mưu muốn làm nhục Lỗ Tương Công. Ngược lại Lỗ Tương Công cũng vô cùng thông minh, đã mang theo người thầy cúng tiến vào linh đường với mình, trước tiên dùng cảnh đào bó thành chối phẩy phẩy quan cữu, đây là một công việc chuẩn bị để xua đuổi tà khí trước khi nhà vua đến điều tang nhà bề tôi của mình. Ở thiên Đàn Cung Thượng có ghi chép "quân lâm thân tang, dĩ vu chúc đào (𣦵) chấp qua". Như vậy chính Lỗ Tương Công mới trở thành người

lấy cương vị là vua hạ giá đến dự tang lễ của bề tôi. Người nước Sở đã không tiên liệu trước tình huống này, nhưng lúc đó có ngăn cản cũng không kịp, vì vậy hóa ra muốn cầu vinh mà lại chuốc nhục, đương nhiên là phải hối hận rồi.

30. Chu Lâu Định Công luận về hung án nghịch luân.

Vào thời của Chu Lâu Định Công, có xảy ra vụ án nghịch luân con trai giết chết phụ thân. Khi viên quan chủ quản báo cáo sự việc này với Định Công, Định Công liền biến sắc mặt, lập tức rời khỏi chỗ ngồi, vô cùng đau khổ nói:

“Tất cả đều do ta không tận tình quan tâm dạy dỗ dân chúng, để cho dân chúng thiếu hiểu biết về tội lỗi đối với lễ nghĩa rồi!”.

Sau đó lại nói:

“Đối với vụ án trọng đại phạm tội nghịch luân này, ta đã từng được biết qua nên phán xử như thế nào. Nếu như bề tôi sát hại vua, phạm là nhân viên nhậm chức triều đình, đối với hung thủ đều có thể ra lệnh bắt giết bất cứ lúc nào, không thể khoan dung tha thứ. Nếu như là con trai giết chết phụ thân, phạm là bất kỳ người nào trong gia tộc, đối với hung thủ đều có thể ra lệnh bắt giết bất cứ lúc nào, không được khoan dung tha thứ. Đồng thời ngoài việc bắt giết hung thủ ra, còn phải hoàn toàn phá

hủy ngôi nhà, đào bới đến tận nền móng rồi đổ tươi nước lên, không để sót lại một tí vết tích nào. Và nhà vua cũng nên đợi sau một tháng mới có thể phong tước uống rượu”.

Phụ lục nguyên văn

Chu Lâu Định Công chi thời, hữu sát kỳ phụ giả Hữu tư dĩ cáo, công cù nhiên thất tịch, viết: “Thị quả nhân chi tội dã”. Viết: “Quả nhân thường học đoán kỳ ngục hỹ. Thần thí quân, phạm tại quan giả sát vô xá; tử thí quân, phạm tại cung giả sát vô xá. Sát kỳ nhân, hoại kỳ thất, ô kỳ cung nhi trú yên. Cái quân du nguyệt nhi hậu cử tước”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Loại sự kiện nghịch luân này, trước đây được xem tương đương với việc xử lý các án kiện cực kỳ nghiêm trọng. Nếu như vào đời nhà Thanh xảy ra sự kiện này, ngoài việc truy bắt hung thủ, từ phủ quan của địa phương đó trở lên đều bị giáng xuống ba cấp, tường thành của huyện thành bị phá vỡ một mặt để nói lên không cần phải bảo vệ sự an toàn của dân chúng ở huyện đó nữa, trong vòng ba năm dân chúng ở huyện đó không được phép tham dự thi khoa cử. Cách trừng trị khắc nghiệt như vậy, đương nhiên mục đích là cảnh giới dân chúng, ngăn chặn không cho phát triển thêm, nhưng vẫn không bì được với cách trừng trị của Chu Lâu Định Công. Định Công xử

như vậy ý muốn là sự kiện này tuyệt đối không còn được lưu lại một mảy may vết tích nào, vì vậy phải đập vỡ ngôi nhà, đào bới tận nền móng, rồi lại đổ tươi nước lên, để cho nơi này biến thành một vũng bùn hôi thối, mọi người sẽ tránh đi con đường này. Thế là bất kỳ những ấn tượng nào về sự việc này tự nhiên sẽ được loại bỏ đi trong lòng dân chúng, và đương nhiên ý nghĩ tà ác này cũng sẽ bị trừ bỏ.

Thế nhưng điều quan trọng nhất vẫn là như Định Công đã nói, phải tận tình quan tâm giáo dục dân chúng, để cho họ có thể hiểu được lễ nghĩa, khiến mọi người đều có thể lấy lễ để tự kiềm chế mình, phát huy hiệu quả của tinh thần tự kỷ luật, nâng cao tiêu chuẩn đạo đức công dân, từ đó những chuyện thế này sẽ không thể tiếp tục phát sinh được nữa.

31. Sự cuồng vọng vô tri của Dung Cư.

Người nước Chu Lâu đang cử hành tang lễ cho quốc vương Khảo Công của họ, quốc vương nước Từ mới phái quan đại phu Dung Cư sang điều tang, và đại diện nhà vua tiến hành lễ dâng tặng “hàm ngọc”. “Hàm ngọc” là viên ngọc để người chết ngậm trong miệng, có thể tránh được tà ma. Sau khi Dung Cư đến đó, lời lễ khẩu khí giống như là thiên tử phái sứ giả đến chư hầu điều tang “hàm ngọc”:

“Quốc vương của chúng ta cử ta đến đây, muốn ta

ngồi đây làm lễ hàm ngọc cho quốc vương quý quốc, trao tặng viên bảo ngọc thường dùng cho hầu tước, bây giờ hãy để Dung Cư ta đại diện cử hành”.

Người quản sự của nước Chu Lâu nói:

“Vì tang sự của quốc vương nước tôi mà được chư hầu các nước đến thăm viếng tề quốc, thật vô cùng cảm tạ. Có điều, nếu như là bề tôi được phái đến, số lễ nghi sẽ giản lược chút ít, chúng tôi sẽ dùng lễ tiết đơn giản; còn nếu như là chư hầu đích thân đến, thì đương nhiên số lễ nghi sẽ tương đối long trọng, chúng tôi cần phải dùng các lễ tiết long trọng để mà tiến hành. Thế nhưng nếu như người đến là bề tôi và cần phải cử hành các lễ tiết của quốc vương, thì nên giản lược và bớt long trọng đi, chuyện quân thần trên dưới hỗn loạn không rõ ràng này, chẳng qua là từ trước đến giờ chúng tôi chưa từng phải gặp”.

Dung Cư đáp lại rằng:

“Trước đây ta đã từng nghe nói, bề tôi khi lo cử hành tang lễ cho quốc vương, không dám khinh suất quên đi lời căn dặn của quốc vương, cũng không dám tùy tiện quên đi sự vinh quang của tổ tiên. Lúc trước, tiên quân Câu Vương của chúng ta; khi đi chinh thảo về phương Tây, xa nhất cũng đã từng vượt qua sông Hoàng Hà. Khi đó là bất luận là đi tới nơi nào, cũng đều dùng lời lễ khẩu khí như vậy. Ta là một kẻ thô lỗ, thế nhưng chí ít ta vẫn biết rằng không được quên đi sự quang vinh của tổ tiên”.

Phụ lục nguyên văn

Chu Lâu Khảo Công chi tang, Từ quân sử Dung Cư lai điều hàm, viết: “Quả Quân sử Dung Cư tọa hàm, tiến hầu ngọc, kỳ sử Dung Cư dĩ hàm”. Hữu Tư viết: “Chư hầu nhi lai nhục tề ấp giả, dĩ tắc dĩ, vu tắc vu; dĩ vu tạp giả, vị chi hữu giả”. Dung Cư đối viết: “Dung Cư văn chi, sự quân bất cảm vong kỳ quân, diệc bất cảm dĩ kỳ tổ. Tích ngã tiên quân Câu Vương, tây thảo tề vu Hà, vô sở bất dụng tư ngôn dã. Dung Cư, lỗ nhân dã, bất cảm vong kỳ tổ”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Thời cổ đại, người ta sau khi chết đi mới được đem một viên ngọc đặt vào trong miệng, dùng để xua đuổi tà ma, nghi tiết này gọi là “hàm lễ”. Theo sự ghi chép trong Lễ ký tạp thiên, nếu như các nước chư hầu dâng tặng hàm ngọc cho nhau, thì sứ giả được phái đi chỉ nói mấy lời: “Quốc vương của ta phái ta đến tiến hành hàm lễ”, còn như Dung Cư đã nói: “Ngồi đây để tiến hành hàm lễ”, thì đó là khẩu khí của sứ giả được Thiên tử phái đi dâng tặng hàm ngọc cho chư hầu, vì vậy người quân sự Chu Lâu không đồng ý tiếp nhận. Thế thì vì sao mà Dung Cư lại có thể cuồng vọng như vậy? Đó là vì tổ tiên của nước Từ đã từng tự xưng vương, vua nước Từ ngày nay có lẽ vẫn tự cho là bậc vương giả như xưa, vì vậy viên sứ giả được phái đi cũng nghiễm nhiên xem như là ở phần đất của mình, khẩu

khí như là phụng mệnh thiên tử ban hàm ngọc cho chư hầu, mà không biết như thế là đã quá sức lỗi thời thất lễ, khiến cho người ta cảm thấy chán ghét. Vì lý do này nên có người đã lưu tâm ghi chép lại đoạn đối thoại trên, để cảnh giới hậu nhân không được tự cường tự đại như vậy mà phản lễ thất nghĩa.

32. Lời chúc hay lời nguyện cầu tốt.

Hiển Văn Tử Triệu Vũ nước Tấn tổ chức khánh thành tòa điện mới xây của mình. Các quan đại phu nước Tấn chuẩn bị đi chúc mừng, cùng hẹn nhau đi tham quan tòa điện mới này. Lúc đó có vị đại phu Trương Lão khen ngợi rằng:

“Thật là vừa đẹp mắt vừa cao to, vừa tráng lệ lại vừa hoành tráng làm sao! Có một tòa điện to lớn rộng rãi như thế này, nếu như phải cử hành lễ lạc cúng tế, tấu nhạc ca xướng, ta nghĩ rằng ở đây cũng vừa đủ dùng rồi; nếu như phải tổ chức tang sự, khóc lóc bi ai, ta nghĩ rằng nơi này cũng đủ dùng đấy; còn nếu như phải cử hành yến hội to lớn, chiêu đãi bằng hữu quan lại, đồng tông đồng tộc, thế thì cũng đủ sử dụng”.

Sau khi lắng nghe lời của Trương Lão, Văn Tử đã lĩnh hội thấu đáo ý nghĩa trong lời chúc này, ngoài cái ý ngợi khen ra, còn hàm ẩn rất nhiều ý tứ khuyên bảo, liền hồi đáp rằng:

“Nếu thật sự giống như những lời ông nói, Triệu Vũ

tôi để từ nay về sau còn có thể cử hành lễ lạc, tấu nhạc ca xướng tại nơi này; có thể tổ chức tang sự, khóc lóc bi ai tại đây; có thể bày yến hội, chiêu đãi khách khứa bạn bè gia tộc, thì tất yếu cần phải e dè thận trọng, cân nhắc suy nghĩ kỹ càng, để bảo toàn tính mệnh, về sau mới có thể được chết yên lành thanh thản, và mới có thể hợp táng cùng với tiên nhân của tôi dưới cửa tuyền”.

Nói rồi liền quay mặt về phương bắc, bái từng cái một, đầu phủ phục trên cánh tay bái một hồi lâu mới ngẩng đầu lên, để nói lên ý cảm tạ từ trong lòng của mình.

Các bậc quân tử đức độ khi nghe câu chuyện này đều cho rằng Trương Lão giỏi về khen tụng và Triệu Vũ thì rất thành tâm tự cầu phúc cho mình.

Phụ lục nguyên văn

Tấn Hiến Văn Tử thành thất, Phổ đại phu phát yên. Trương Lão viết: “Mỹ tai luân yên, mỹ tai hoan yên! Ca vu tư, khóc vu tư, tộ quốc tộc vu tư!”. Văn Tử viết: “Vũ dã, đắc ca vu tư, khóc vu tư, tộ quốc tộc vu tư, thị toàn yếu linh dĩ tòng tiên đại phu vu cửa tuyền dã”. Bắc diện tái bái khế thủ. Quân tử vị chi thiện tụng thiện đảo. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Tuy Trương Lão ca tụng về sự hoàn mỹ hoàn thiện của tòa điện mới, nhưng cũng ngầm ám chỉ rằng một tòa điện cao to rộng lớn như vậy, là đã vượt quá qui định của

lễ chế, giống như là khi một người ở địa vị quá cao, quyền lực quá lớn, thì dễ dàng chuốc lấy sự đố kỵ, ganh ghét và sát hại. Vì vậy Trương Lão đã khuyến cáo Văn Tử rằng không chỉ xây dựng cung thất thật hoàn thiện hoàn mỹ mà điều quan trọng hơn, đó là có thể sử dụng nó được lâu dài. Trương Lão trong lời ca tụng vẫn không quên thiện ý khuyên bảo, chính điều này được gọi là thiện tụng. Triệu Vũ đã nghe ra được ý tứ trong lời nói của Trương Lão, vì vậy không những vô cùng cảm kích, mà còn lập tức chứng tỏ rằng từ nay về sau phải vô cùng thận trọng, suy xét, cẩn thận từ tốn, để tự cầu phúc đức, chính điều này được gọi là thiện đảo.

33. Triệu Văn Tử luận về con người.

Một hôm quan đại phu nước Tấn Triệu Văn Tử và Thúc Dự cùng nhau đi tản bộ nơi cửu tuyền. Phong cảnh tại chốn cửu tuyền này vô cùng xinh đẹp, vì vậy lúc trước rất nhiều quan đại phu hiền thần khi mất đi đều mai táng ở đây.

Văn Tử bỗng nhiên nảy ra một ý nghĩ kỳ quặc, hỏi Thúc Dự rằng:

“Nếu như những con người đã chết rồi kia, mà vẫn có thể quay về tiếp tục sống, thì trong vô số các quan đại phu hiền thần của nước Tấn, rốt cuộc chúng ta nên đi theo vị nào cho đúng đắn đây?”.

Thúc Dự đáp:

“Dương Xứ Phụ của thời Tấn Tương Công, mọi người đều cho rằng tài trí của con người đó rất cao, còn ông cảm thấy người đó như thế nào?”.

Văn Tử lắc lắc đầu nói:

“Cũng không thấy được có điều gì hay ho cả. Việc trong việc ngoài triều đình nước Tấn, con người này đều thích độc quyền, chuyện gì cũng đều muốn chen chân vào. Thêm vào đó ông ấy lại tự cho rằng tài trí mình rất cao, nên luôn luôn tỏ ra bảo thủ cố chấp, chính vì lẽ này mà đã đắc tội với rất nhiều người, để kết cục chẳng được cái chết yên lành. Ông xem con người này, ngay cả tính mạng của bản thân và của gia đình mình mà cũng không thể bảo toàn được, như vậy tài trí của ông ấy rất hạn hẹp, thực ra ông ấy không xứng đáng để được mọi người ca tụng đến như vậy”.

“Thế thì ông nhận thấy người cậu Tử Phạm của Tấn Văn Công như thế nào? Trong suốt mười chín năm Tấn Văn Công đào vong ở nước ngoài, ông ta vẫn một mực theo phò tá sát bên, mọi người đều cho rằng đây đúng là một bậc quân tử chân chính nhân hậu”.

Văn Tử cũng lắc đầu nói:

“Ông ấy theo phò Tấn Văn Công đào vong mười chín năm thì không sai, nhưng đúng ngay khi Tấn Văn Công kết thúc đào vong, chuẩn bị vượt sông Hoàng Hà trở về lên ngôi vua thì ông ấy đã đòi chia tay ngay lúc đó. Tấn

Văn Công lưu lạc ở ngoài nước mười chín năm, một chút nền móng ở trong nước đều chưa có, chính vào lúc cần có một trợ thủ nhất, thì ngược lại ông ấy lại yêu cầu ly khai, đây rõ ràng có ý thừa cơ hội làm áp lực. Rốt cuộc Tấn Văn Công bị ép quá chỉ còn cách phải thể ngay tại chỗ, rằng sau khi trở về nước, nhất định sẽ đồng tâm đồng đức với người cậu, có như vậy ông ấy mới chịu cùng trở về với Tấn Văn Công. Loại người không quan đến sự an nguy của chúa của mình mà chỉ lo chụp lấy cơ hội, thuận tiện nhất cho lợi ích riêng tư như vậy, mà ông bảo ông ấy là bậc quân tử nhân hậu, theo tôi thì e rằng lòng nhân đức của ông ấy cũng không xứng đáng để được khen ngợi như vậy!”.

Ngừng một chút, Văn Tử tiếp:

“Nếu như theo ý tôi, vào những năm đó còn có Tùy Vũ Tử mới đích thực là một nhân vật xuất chúng. Bất luận về tài trí hay nhân đức, đều cao hơn người một bậc. Nói chung, lòng tận trung của các bề tôi đối với chủ, chúa, thường là hăng hái quên mình, hy sinh tính mạng không hề tiếc, nhưng lại không biết rằng bản thân mình hy sinh, lẽ nào đó không phải sự tổn thất của quốc gia hay sao? Tùy Vũ Tử không như vậy, một mặt ông vẫn tận trung với bốn phận trọng trách của mình, rất có lợi cho chủ chúa, một mặt vẫn không quên bảo trọng bản thân mình trong suốt cuộc đời, từ lúc sống cho đến khi chết chưa từng gặp

phải bất kỳ một tai họa nào, từ chỗ đây đã có thể thấy được tài trí của con người này. Ông ấy không những có thể bảo trọng bản thân mà đồng thời cũng không quên bảo vệ cho bằng hữu của ông ấy. Có được bất kỳ một cái lợi nào, thường luôn nghĩ đến những khó khăn của bạn bè mà hết lòng chia xẻ, chiếu cố những điều đó đến cho họ. Từ đây cũng có thể biết được sự nhân hậu của con người này”.

Đoạn đàm thoại này về sau được lưu truyền ra ngoài, tất cả mọi người dân trong toàn nước Tấn đều nhận thấy rằng tầm nhìn của Văn Tử thật là chính xác, có thể thực sự thâm nhập hiểu rõ những ưu điểm và khuyết điểm của một con người.

Dáng vẻ bên ngoài của Triệu Văn Tử rất là yếu ớt, nhỏ nhoi, đến nỗi dường như chỉ khoác thêm một bộ y phục lên người cũng có thể làm cho ông ấy bị dè dặt. Bình thường ông không thích nói chuyện, nhưng đến khi nói, âm thanh cũng rất yếu ớt, nghe như không phải là ông ấy đang nói chuyện. Thế nhưng mỗi một câu mà ông nói ra thì đều là những lời vô cùng chính xác, vô cùng chân thật. Vì thế quốc vương cực kỳ tín nhiệm ông, chỉ cần những lời ông đã nói, là không có điều gì mà không nghe theo; người mà ông đã tiến cử, thì không có ai mà không được trọng dụng. Một người mà lúc đầu có lẽ chỉ là quản lý kho, đây là hạng người xuất thân có địa vị thấp

hèn, nhưng kinh qua sự tiến cử của ông với triều đình, thì sẽ được dùng làm đại phu hoặc sỹ phu, cộng hết lại từ trước đến giờ, tất cả đã không dưới hơn bảy chục người. Từ chỗ này mà nói, thứ nhất là nó đủ để thấy được sự tín nhiệm của quốc vương đối với ông, thứ hai là đủ để thấy được ông đã quan sát một con người rất là tỉ mỉ, phán đoán được sở trường sở đoản của con người rất chính xác, thứ ba là cũng nói lên được ông đã một mực vì quốc gia mà tuyển lựa nhân tài. Đây là điều mà những người bình thường không làm được.

Tùy trên dưới khắp nước Tấn, có không ít người do kinh qua sự đề cử hoặc dạy dỗ của Văn Tử đã có thể vượt lên cao hơn người, quốc gia cũng chính nhờ có những nhân tài do ông nâng đỡ mà nền chính trị đã tỏ ra trong sạch, có nhiều đất để thi thố tài năng; thế mà trong những năm còn sống, ông chưa từng mượn việc này để tăng công cầu thưởng với quốc vương, càng tuyệt nhiên không hề yêu cầu sự đền đáp của những người được ông nâng đỡ. Mãi cho đến ông chết là hết, ngay cả con trai của ông, ông đều cương quyết không giao cho bất kỳ người nào để được nhiều chiếu cố hay để bạt, cho dù đó là những người đã từng được ông chiếu cố hay để bạt trước đây.

Phụ lục nguyên văn

Triệu Văn Tử dũ Thúc Dự quan hồ cửu tuyền. Văn Tử viết: "Tử giả như khả tác dã, ngô thù dĩ dũ qui?". Thúc Dự

viết: “Kỳ Dương Xứ Phụ hồ?”. Văn Tử viết: “Hành tịnh thực vụ Tấn quốc, bất một kỳ thân, kỳ tri bất túc xưng dã”. “Kỳ cừu Phạm hồ?”. Văn Tử viết: “Kiến lợi bất cố kỳ quân, kỳ nhân bất túc xưng dã. Ngã tắc Tùy Vũ Tử hồ! Lợi kỳ quân bất vong kỳ thân, mưu kỳ thân bất di kỳ hũ”. Phổ nhân vị Văn Tử trị nhân. Văn Tử kỳ trung thoái nhiên, như bất thắng y. Kỳ ngôn niết niết nhiên, như bất xuất chư kỳ khẩu. Sở cử vụ Tấn, quốc quán khổ chi sỹ thất thập hũ dư gia. Sanh bất giao lợi, tử bất thuộc kỳ tử yên. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Chúng ta xem lịch sử, tác dụng đầu tiên là để hiểu rõ sự thật lịch sử của quá khứ, lý giải được nguyên nhân thắng bại mất còn của nó, cung cấp cho ta tham khảo giải quyết các sự việc từ nay về sau. Ngoài tác dụng rút ra những bài học kinh nghiệm, thêm vào đó chúng ta có thể từ trong rất nhiều nhân vật lịch sử, tìm ra đối tượng có đặc điểm thích hợp với chúng ta, tích cực học tập mô phỏng theo, để tạo nhân cách lý tưởng cho chúng ta, vun đắp thêm phương châm làm người cho chúng ta. Đây chính là ý nghĩa của Triệu Văn Tử hỏi Thúc Dự, nếu như các hiền đại phu của nước Tấn còn sống đến ngày hôm nay, thì chúng ta nên chọn ai để làm gương. Vì vậy Văn Tử nêu gương Tùy Vũ Tử, thì đó cũng chính là sự miêu tả về chính ông ấy.

“Sanh bất giao lợi, tử bất thuộc kỳ tử yên” đã nói lên được sự liêm khiết vì người của nó; nâng đỡ nhân tài, bất luận địa vị xuất thân thấp hèn của họ, đã nói rõ được sự công minh chính đại trong cách giải quyết của Văn Tử. Xử sự với mọi người vẫn giữ được liêm khiết công chánh, điều này chứng tỏ Văn Tử nắm rất vững sự chừng mực giữa cái bỏ đi và cái giữ lại. Chỉ cần thật sự là nhân tài, có lợi đối với quốc gia, đáng thu dụng là thu dụng. Thế nhưng Văn Tử lại không muốn mượn chuyện này để lợi dụng, thậm chí để tránh tiếng xấu, ngay cả con trai của chính mình cũng không muốn để cho những người đã từng chịu ơn dạy dỗ của mình chiếu cố, đủ để thấy rằng Văn Tử đích thực cái gì không cần là tuyệt đối không làm. Một con người có thể thủ phận một cách nghiêm ngặt như vậy, đương nhiên đó phải là một bậc quân tử có tri thức về lễ và biết tuân thủ chánh nghĩa.

34. Liễu Trang khuyên Vệ Hiến Công không nên quá thành kiến.

Vệ Hiến Công bị Tôn Văn Tử đuổi ra khỏi nước, lưu vong ở ngoài suốt trong mười hai năm, sau đó cuối cùng Vệ Hiến Công quay trở về nước Vệ, tiếp tục lên làm vua. Khi vừa mới đến ngoại ô đô thành, Hiến Công nghĩ trước tiên sẽ ban thưởng ruộng đất cho những người thuộc hạ đã theo Hiến Công lưu lạc, sau đó khi nhập thành, sẽ lấy hành động này để răn đe những người năm đó còn lưu lại

trong nước, không chạy trốn cùng mình. Thái sử Liễu Trang khuyên can Hiến Công đừng nên làm như vậy, ông nói:

“Năm ấy khi người rời bỏ đất nước, nếu như mọi người đều ở lại trong nước bảo vệ quốc gia, thì còn có ai thắng dây cương dắt ngựa đi theo hầu hạ người? Thế nhưng nếu như nói ngược lại, tất cả mọi người đều theo người chạy ra nước ngoài, thì còn có ai để thay thế người giữ gìn quốc gia? Giờ đây người vừa mới quay trở về, trước hết đã khiến cho mọi người cảm thấy người xử sự không công bằng, như vậy e rằng không được hay lắm?”.

Vệ Hiến Công ngẫm nghĩ thấy rất có đạo lý, cho nên không ban thưởng nữa.

Phụ lục nguyên văn

Vệ Hiến Công xuất bọn, phản vu Vệ, cấp giao, tương ban áp vu tông giả nhi hậu nhập. Liễu Trang viết: “Nhu giai thủ xā tắc, tắc thực chấp kị nhi tông? Nhu giai tông, tắc thực thủ xā tắc, quân phản kỳ quốc, nhi hữu tư dã, vô nãi bất khả hồ?”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Xử lý một sự việc, mà vẫn giữ được thái độ không thiên kiến, không dao động, bình tĩnh và công chính, thì tự nhiên sẽ có thể tìm ra được phương thức xử lý thích đáng nhất, đây chính là đạo lý của “Trung Dung”. Đạo lý này người người đều biết, hơn nữa mỗi một người đại khái

cũng có thể làm được. Thế nhưng yêu cầu đối với mỗi sự việc hoặc trong từng giờ từng phút đều phải giữ vững trạng thái tâm lý cân bằng, thì lại là một chuyện không dễ dàng gì. Người theo phò vua lưu lạc khắp bốn phương, cố nhiên đều là người hết sức trung thành; nhưng mà những người thúc thủ ở trong nước, bảo vệ xã tắc, thì lẽ nào lại không có công với quốc gia hay sao? Liễu Trang có thể nghĩ đến vấn đề này, cũng đủ để thấy ông là một bậc quân tử bình tĩnh công minh, một mực giữ lấy đạo trung dung.

35. Vệ Hiến Công điều tang Liễu Trang.

Nước Vệ có một quan Thái sử tên gọi Liễu Trang, bị bệnh nằm ở trên giường, tình trạng rất nghiêm trọng. Ngay khi đó Vệ Hiến Công đang chuẩn bị phải cử hành một lễ cúng lớn, bèn bảo những thân cận bên mình rằng:

“Nếu như bệnh tình của Liễu Trang có gì nguy hiểm, tuy rằng ta đang phải chủ trì một buổi tế lễ lớn, các người nhất định cũng phải đến báo cho ta biết”.

Quả nhiên, trong lúc Vệ Hiến Công tiến vào tế đường, chủ trì tế lễ thì Liễu Trang qua đời. Sau khi có người đến tế đường báo tin, Vệ Hiến Công lập tức quay vào trong lễ tế, cho người khác đứng ra đại diện làm thi chủ cúng tế, bái lạy hai cái, cúi đầu sát đất, thỉnh cầu rằng: “Có một vị đại thần tên gọi Liễu Trang, người ấy không phải là bề tôi của ta, mà là bề tôi của cả xã tắc chúng ta, vừa lúc này

được tin người ấy đã qua đời, hãy đặc chuẩn cho ta tạm thời ngưng cúng tế, để ta mau chóng đến nhà người ấy điếu tang”.

Ngay cả y phục cũng không kịp thay, Vệ Hiến Công vội vàng đi đến nhà Liễu Trang. Vừa nhìn thấy thi thể của Liễu Trang. Hiến Công liền lập tức cởi bộ y phục tế lễ đang mặc trên người đắp lên trên thi thể Liễu Trang. Hiến Công còn phong tặng ấp Cầu Thị và huyện Phạm Thi cho Liễu Trang, và đặc biệt còn ghi một quyển sách tre bỏ vào trong áo quan. Trong đoạn cuối cùng của quyển sách tre có ghi là:

“Thế thế đại đại, thiên vạn tử tôn, vĩnh viễn bất đắc biến canh ngã đích mệnh lệnh!”.

(Con cháu ngàn vạn đời đời sau, mãi mãi không được thay đổi mệnh lệnh của ta).

Phụ lục nguyên văn

Vệ hữu thái sử viết Liễu Trang, tẩm tật. Công viết: “Nhược tật cách, tuy nhiên tế tất cáo”. Công tái bái kê thủ, thỉnh vu thi viết: “Hữu thần Liễu Trang dã giả, phi quả nhân chi thần, xā tác chi thần dã. Văn chi tử, thỉnh vãng”. Bất thích phục nhi vãng, toại dĩ (殯) chi; dĩ chi ấp Cầu thị, dĩ huyện Phạm thị, thư nhi hà chư quan viết: “Thế thế vạn tử tôn vô biến dã”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Lễ tế tông miếu của nhà Chu diễn ra là từ sáng sớm

cho mãi đến xế chiều, thời gian tương đối dài. Hơn nữa một khi lễ cúng đã bắt đầu rồi, thì trừ một khoảng thời gian được tạm nghỉ trong buổi lễ ra, các nghi tiết cứ liên tục nối tiếp nhau, không thể ngưng ngắt ngang giữa chừng được. Khi cúng tế tổ tiên tại tông miếu, bầu không khí lúc này hết sức trang nghiêm, nên trong quá trình đang tiến hành cúng tế, tuyệt đối không cho phép bất kỳ người ngoài nào vào trong làm gián đoạn. Chính bởi vì sự dạn dò cẩn thận của Hiến Công, đủ để thấy rằng đây là một trường hợp đặc biệt ngoại lệ. Trong khoảng thời gian dài đang cử hành lễ tế, nếu như rủi ro Liễu Trang qua đời, thì đều được vào báo tin. Tiếp đó, nghi lễ vua chư hầu dâng tặng y khâm cho người chết, được gọi là “*紕*”, tế phục là một loại phục trang tôn quý nhất trong tất cả các loại phục trang, dùng bộ tế phục đang mặc trên người để dâng tặng cho người chết, điều này đã nói lên sự vô cùng kính trọng của Hiến Công đối với Liễu Trang. Đương nhiên đã dùng tế phục của chư hầu để đắp lên thi thể người chết, thì nhất định không thể lấy lại được, vì vậy tiếp đó có thể cử hành đại liệm.

36. Di ngôn của Thành Tử Cao.

Quan đại phu nước Tề Thành Tử Cao ngộ bệnh nằm trên giường, Khán Di vào trong phòng thăm hỏi và thỉnh giáo vài chuyện hậu sự rằng:

“Bệnh tình của người đã rất là nguy khẩn rồi, thí dụ

như thật sự đã đến nước vô cùng nghiêm trọng, thế thì nên giải quyết như thế nào mới được đây?”.

Tử Cao hồi đáp rằng:

“Ta đã từng nghe người ta nói: một người khi còn đang sống ở trên đời, nhất định phải làm được vài chuyện có ích cho con người, khi chết đi không được phương hại đến người khác. Trong những ngày tháng ta còn sống, ta chưa hề từng làm một điều gì có lợi cho thế nhân, thì sau khi chết đi, ta còn làm phương hại đến người khác hay sao? Vì vậy người cần phải ghi nhớ kỹ cho ta, sau khi ta chết đi, tìm một miếng đất không thể nào trông trọt được, mai táng ta ở đó là được rồi”.

Phụ lục nguyên văn

Thành Tử Cao tấm tạt, Khánh Di nhập thỉnh viết: “Tử chi bệnh cách hỹ, như chí hồ đại bệnh, tắc như chi hà?”. Tử Cao viết: “Ngô văn chi dã; sanh, hữu ích vu nhân; tử, bất hại vu nhân. Ngô túng sanh vô ích vu nhân, ngô khả dĩ tứ hại vu nhân hồ tai? Ngã tử, tắc trạch bất thực chi địa nhi táng ngã yên”. (Đàn cung Thượng).

Thuyết minh

Con người sau khi chết đi, đem mai táng ở vùng đất không thể trông trọt được, tuy đó là nguyên tắc chọn lựa mộ địa truyền thống, nhưng cũng có thể nói lên ý nghĩa của nguyên tắc này, từ ngàn xưa đến nay, chắc là cũng chỉ có một người Thành Tử Cao mà thôi. Đặc biệt là điều ông

nói, sống nên có ích cho đời, chết đi không được phương hại đến con người, càng thể hiện rõ hơn giá trị sinh tồn và ý thức sinh hoạt truyền thống của người Trung Quốc.

37. Quốc Tử Cao luận việc mai táng.

Quốc Tử Cao nói:

“Việc mai táng sau khi con người chết đi, kỳ thực nó mang ý nghĩa của sự lẩn trốn. Sở dĩ gọi là lẩn trốn, cũng chính là ý nghĩa hy vọng con người không nhìn thấy. Vì vậy y khâm của người chết nhất định phải đủ che kín toàn thân, bên ngoài y phục còn có áo quan bọc lại, phía ngoài áo quan còn dùng cái quách bao quanh, chung quanh cái quách là đất cát che phủ, đây chính là có ý lẩn trốn tận cùng không để con người trông thấy. Thế nhưng ngày nay, bên trên ngôi mộ có khi lại được trồng cây để làm dấu hiệu, cố ý cho con người trông thấy, việc này có ý nghĩa gì đây?”.

Phụ lục nguyên văn

Quốc Tử Cao viết: “Táng dã giả, tàng dã. Tàng dã giả, dục nhân chi phát đắc kiến dã. Thị cố y túc dĩ tu thân, quan chu vu y, quách chu vu quan, thổ chu vu quách. Phản hoại thụ chi tai?” (Đàn cung Thượng)

Thuyết minh

Quốc Tử Cao chính là Thành Tử Cao của bài trước, Quốc là họ của gia tộc, Tử Cao là tên của ông, Thành là Thụy hiệu.

Từ thời thượng cổ xa xưa, con người sau khi mất đi, chỉ cần đào một cái lỗ, bỏ thi thể vào đó, phía trên chất đầy nhánh cây và củi gỗ là được rồi, không cần phải đắp đất lên thành một ụ đất, cũng không phải trồng cây bên cạnh mộ để làm dấu hiệu. Đây chính là điều mà Quốc Tử Cao đã nhắc đến, ý nghĩa chủ yếu của việc mai táng là sự lẫn trốn. Thế nhưng càng về sau, con người dần dần đông lên, sự biến động thay đổi nhân khẩu càng nhiều, nếu như không đắp mộ đất cao, không trồng cây bên cạnh ngôi mộ, thì có thể sẽ rất khó tìm ra ngôi mộ tổ tiên trong quần thể hỗn loạn đó, vì vậy ngôi mộ được cải biến đắp cao lên và trồng cây làm dấu hiệu nhận biết. Đây chỉ là sự thay đổi cần phải có của phương thức chế độ để phù hợp với nhu cầu thời đại, chứ không có sự phân biệt cái nào đúng hoặc cái nào không đúng. Chẳng qua những điều mà Quốc Tử Cao đã nhấn mạnh đó, chính là ý nghĩa khởi nguồn đầu tiên của việc mai táng, sự thay đổi về sau này tuy rằng có điều tất yếu của nó, nhưng rốt cuộc lại làm mất đi cái ý nghĩa nguyên thủy đã có.

38. Đỗ Quý phạt rượu.

Quan đại phu nước Tấn Trí Diệu Tử qua đời, vẫn chưa hạ táng mà Tấn Bình Công lại ở trong cung vui vẻ uống rượu. Bên cạnh có quan phụ trách âm nhạc họ Khoáng và quan cận thần Lý Diệu là người Bình Công yêu thích nhất làm bầu bạn, còn gõ chuông tấu nhạc để không khí

thêm phần rộn ràng. Vừa lúc đó viên quan phụ trách các bữa ăn hàng ngày của Bình Công là Đỗ Quý từ bên ngoài bước vào, nghe thấy bên trong có tiếng gõ nhạc, liền hỏi tên lính canh rằng:

“Tiếng nhạc ở chỗ nào vậy?”.

Tên lính canh thưa:

“Trong gian chánh tẩm”.

Đỗ Quý đi thẳng một mạch vào gian chánh tẩm, vội đến nỗi cứ sải mỗi bước hai bậc tam cấp mà chạy lên. Vào đến tẩm cung, đầu tiên đi rót một cốc rượu, nói:

“Khoảng, mời uống cốc rượu này”.

Lại rót ra một cốc nữa, nói:

“Điệu, mời uống cốc rượu này”.

Sau đó tiếp tục rót thêm một cốc, rồi lên gian nhà chính ngồi xuống day mặt về phương Bắc, tự mình uống một hơi cạn cốc rượu. Kế đó Đỗ Quý liền bước xuống tam cấp, mau chóng rời khỏi chánh tẩm. Bình Công gọi Đỗ Quý ra lệnh tiến lại gần, hỏi rằng:

“Đỗ Quý, nãy giờ ta vẫn biết rằng nhà ngươi có lẽ có ý đồ muốn nói với ta vài lời khuyên bảo gì đó, cho nên từ đầu đến cuối ta không hỏi chuyện ngươi để tránh làm gián đoạn. Bây giờ ta có thể hỏi ngươi được rồi, vậy ngươi bắt Khoảng uống hết một cốc rượu là có lý gì đây?”.

Đỗ Quý đáp lại rằng:

“Phàm gặp phải ngày Tý hoặc ngày Mão, nhất thiết

đều không được phép diễn tấu âm nhạc. Bởi vì vua Trụ nhà Ân tự thiêu mà chết vào ngày Giáp Tý, vua Kiệt nhà Hạ bị đưa đi đày vào ngày Ất Mão, vì vậy mỗi khi đến ngày Giáp Tý hoặc Ất Mão, đều bị liệt vào ngày cấm kỵ. Dụng ý để cảnh giới hậu nhân, không thể uống rượu, hoan lạc vô độ giống như vua Kiệt vua Trụ. Nay linh cửu Trí Diệu Tử còn quàn ở trên chánh đường, một trọng thần của triều đình vừa mới mất chưa hạ táng, mà bệ hạ thì lại ở đây vừa uống rượu vừa diễn tấu âm nhạc, việc này so với những ngày kỵ Giáp Tý và Ất Mão e rằng còn nghiêm trọng hơn nhiều. Khoáng là bậc thầy phụ trách về âm nhạc, nhưng không nói cho người biết đạo lý này, vì vậy thần phạt Khoáng một cốc rượu”.

“Vậy người cũng bắt Diệu uống một cốc rượu là lý do gì?”.

Đỗ Quý nói:

Diệu là bề tôi thân cận người nhất, nhưng ông ấy chỉ vì lợi được ăn được uống, mà quên đi rằng cần phải khuyên bảo những sơ suất của người, vì vậy thần phạt ông ấy một cốc rượu”.

“Sau đó người lại tự mình uống một cốc, vậy là ý nghĩa gì?”.

Hồi đáp rằng:

“Thần chỉ là viên quan chuyên quản về việc ăn uống của người, lại không làm những việc thuộc trong chức phận

của mình đáng làm là thái rau xắt thịt, mà còn dám vượt quá quyền hạn, can dự vào chuyện khuyên bảo can gián, vì vậy thần cũng phải tự phạt mình một cốc rượu”.

“Nói như vậy, ta cũng có sơ suất, vậy người hãy đi rót rượu lại đây, phạt ta một cốc”.

Đỗ Quý lấy cốc rượu rửa sạch sẽ xong, rót rượu vào, nâng cốc rượu cao cao lên, dâng cho Bình Công.

Bình Công bảo người hầu bên mình rằng:

“Người hãy nhớ thay ta, từ đây cho đến sau khi ta qua đời, không được phép bãi bỏ nghi thức dâng rượu này”.

Vì vậy mãi đến bây giờ, nếu như phải dâng rượu hầu, thì đều phải làm động tác nâng cao cốc rượu, nên được gọi là “Đỗ cử”.

Phụ lục nguyên văn

Trí Diệu Tử tốt, vị táng, Bình Công ẩm tửu. Su Khoáng, Lý Diệu thị, cổ chung. Đỗ Quý tự ngoại lai, văn chung thanh, viết: “An tại?”. Viết: “tại tẩm”. Đỗ Quý nhập tẩm, lịch giai nhi thăng, chúc viết: “Khoáng ẩm tử”. Hựu chúc viết: “Diệu ẩm tử”. Hựu chúc, đường thượng Bắc diện tọa ẩm chi. Giáng, xu nhi xuất. Bình Công hô nhi tiến chi viết: “Quý, năng giả nhĩ tâm hoặc khai dư, thị dĩ bất dữ nhĩ ngôn. Nhĩ ẩm Khoáng, hà dã?”. Viết: “Tử, Mão bất lạc. Trí Diệu Tử tại đường. tư kỳ vị Tử, Mão dã đại hỹ; Khoáng dã, đại sư dã, bất dĩ chiếu, thị dĩ ẩm chi dã”. “Nhĩ ẩm diệu, hà dã?”. Viết: Diệu dã, quân chi tiết thân dã, vị

nhất ẩm nhất thực, vong quan chi tật, thị dĩ ẩm chi dã”. “Nhĩ ẩm, hà dã?”. Viết: “Quý dã, tể phu dã. Phi đao chủ thị cộng, hựu cảm dữ tri phòng, thị dĩ ẩm chi dã”. Bình Công viết: “Quả nhân diệc hữu quá yên, chúc nhi ẩm quả nhân”. Đỗ Quý tẩy nhi dương trí. Công vị thị hầu viết: “Như ngã tử, tắc tất vô phế tư tước dã”. Chí vu kim, ký tất hiến, tư dương trí. Vị chi “Đỗ cử”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Dại thần vừa mất, vẫn chưa hạ táng, mà vua cứ điêm nhiên vừa uống rượu, vừa tấu nhạc, đương nhiên là không hợp tình hợp lý, không hợp tình hợp lý cũng chính là không hợp lễ. Vì vậy việc phạt rượu của Đỗ Quý, mọi người đều chấp nhận, ngay cả Bình Công cũng tự nguyện chịu phạt một cốc. Còn Đỗ Quý do can dự vào việc khuyên ngăn can gián, đã vượt quá phạm vi quyền hạn của bản thân, vì vậy cũng tự phạt mình một cốc, nên càng tỏ rõ hơn về tinh thần tri lễ thủ phận của mình.

39. Thái Tể Bì mượn lễ uốn nắn Phù Sai.

Quân nước Ngô khi xâm lược nước Trần, đã đồn ngã cây cối cạnh miếu thờ thần thổ địa trên lãnh thổ nước Trần, lại còn giết đi những người mắc bệnh truyền nhiễm.

Khi Ngô rút lui ra khỏi địa phận nước Trần, chuẩn bị quay về nước, thì nước Trần phái quan Thái tể sang Ngô làm sứ giả. Vua Phù Sai của nước Ngô có ý thích thú đối với cái tên của viên sứ giả ngoại giao của bản quốc,

nói:

“Nghe nói con người này rất biết ăn nói, vậy thì tại làm sao chúng ta không nhân cơ hội này thử tài hấn một phen?”.

Phù Sai liền nghĩ ra một vấn đề hỏi Thái tể:

“Phàm một đội quân chính thức, nhất định đều phải có một danh nghĩa. Vậy đối với đội quân của ta, người dân trong đất nước nhà ngươi đã gọi như thế nào?”.

Thái tể Bì trả lời rằng:

“Quân đội cổ đại khi công kích nước địch, thì đã không chặt ngã cây cối ở lân cận miếu thờ thần thổ địa của người ta, đã không giết chết những người mắc bệnh, và cũng đã không bắt những người già đầu tóc đã hoa râu làm tù binh. Nhưng ngược lại đội quân lớn mạnh này của các người, không phải đã đi giết không ít những người mắc bệnh hay sao? Vậy thì không phải là đã có thể gọi nó là đội quân giết hại bệnh nhân hay sao?”.

Dương nhiên Phù Sai không được cao hứng nữa, nhưng vẫn tiếp tục hỏi:

“Nếu như ta đem tất cả đất đai hoàn lại cho các người, và giao trả những người dân nam nữ bị bắt làm tù binh lại cho các người, thì với tình huống này, đội quân của ta sẽ được xưng danh như thế nào?”.

Thái tể Bì rằng:

“Do quốc gia của chúng thần có lầm lỗi, khiến cho

người phải khổ cực đem quân đến để thảo phạt nước thần như vậy, rồi lại chiêu cố đến sự khốn khổ của chúng thần mà xá miễn cho, thì đây quả là một đội quân đại nhân đại nghĩa chân chính, làm sao mà không có danh nghĩa chính thức được?”.

Phụ lục nguyên văn

Ngô xâm Trần, trăm tự sát lịch. Sư hoàn xuất cảnh, Trần Thái tổ Bì sứ vu sư. Phù Sai vị hành nhân nghi viết: “Thị phu dã đa ngôn, hạp thường vấn yên”. “Sư tất hữu danh, nhân chi xưng tư sư dã giả, tắc vị chi hà?”. Thái tổ Bì viết: “Cố chi xâm phạt giả, bất trăm tự, bất sát lệ, bất hoạch nhị mao; kim tư sư dã, sát lệ dữ? Kỳ bất vị chi sát lệ chi sư dữ?”. Viết: “Phản nhĩ địa, sư nhĩ tử, tắc vị chi hà?”. Viết: “Quân vương thảo tộ áp chi tội, hựu cằng nhi xá chi, sư dữ, hữu vô danh hồ?”. (Đàn cung Hạ).

Thuyết minh

Hai nước giao chiến, mục đích là phải đánh thắng địch đến cùng, cho nên tránh không khởi chuyện phá hoại và giết người. Thế mà Thái tổ Bì lại có thể lấy việc thảo phạt đời xưa, không chém người chặt cây, không giết người bệnh hoạn, không bắt người già cả làm tù binh để ca ngợi dẫn dụ, khiến vua Phù Sai của nước Ngô phải hoàn trả tất cả đất đai và con người lại cho nước Trần. Thái tổ Bì không những là có tài nói chuyện, mà còn có thể dụng lễ để chinh đối phương, đây là một việc rất khó làm và đáng

trân trọng.

40. Tử Phục Huệ Bá không vì chuyện tư mà hoãn việc công.

Đường Thành Công tạ thế, Lỗ quốc phái Tử Thúc Kính Thúc sang Đường quốc điếu tang, và mang theo bức thư thăm hỏi chia buồn của vua Lỗ quốc, cẩn thận hơn nhà vua còn phái Tử Phục Huệ Bá đi theo trợ giúp Kính Thúc. Hôm đến được ngoại vi Đường quốc, nhằm đúng ngày ngày kỵ của thúc phụ Ý Bá của Tử Phục Huệ Bá qua đời. Thế nên Tử Thúc Kính Thúc cho rằng sẽ không tốt lắm đối với Huệ Bá, vì vậy quyết định không nhập thành trong ngày hôm đó, mà dừng lại ở phía bên ngoài, ngày mai sẽ tiếp tục nhập thành. Huệ Bá liền nói:

“Đây là việc công, đừng nên vì chuyện riêng tư là gặp đúng ngày ngày kỵ của thúc phụ của tôi, mà làm ảnh hưởng đến nỗi việc công cũng không giải quyết được”.

Thế là vẫn tiếp tục mau chóng tiến vào thành ngay ngày hôm đó.

Phụ lục nguyên văn

Đường Thành Công chỉ tang, Sử Tử Thúc Kính Thúc điếu, tiến thư, Tử Phục Huệ Bá vị giới. Cập giao, vi Ý Bá chi kỵ, bất nhập. Huệ Bá viết: “Chánh dã, bất khả dĩ thúc phụ chi tư, bất tương công sự”. (Đàn cung Hạ).

Thuyết minh

Có thể biết được mức độ trọng khinh, phân minh

giữa chuyện công và chuyện tư, chánh là rất hợp với yêu cầu của lễ.

41. Chu Phong phúng dụ Lỗ Ai Công.

Ở nước Lỗ có một người tên gọi Chu Phong, tiếng đồn rằng phẩm chất đạo đức học vấn của người đó đều rất tuyệt vời. Lỗ Ai Công chuẩn bị lễ vật muốn thân chinh đến thăm con người ấy. Chu Phong tỏ ý bái tạ không dám nhận lễ, Lỗ Ai Công bèn nói:

“Đã như thế này, ta cũng đành phải thôi vậy”.

Nhưng vẫn phái người đến thỉnh giáo Chu Phong rằng:

“Vào thời vua Thuấn nhà Ngụ, không hề ca tụng tín nghĩa để răn dạy người dân, mà người dân lại rất tin tưởng ông ấy. Đến đời nhà Hạ, cũng không chú trọng ca ngợi lòng thành kính để răn dạy người dân, mà ngược lại người dân đều rất kính trọng ông ấy. Chung qui những người đó đã lấy điều gì để răn dạy người dân, mà có thể đạt được hiệu quả tốt như vậy?”

Chu Phong hồi đáp rằng:

“Đứng trước mộ phần của tổ tiên, không cần phải răn dạy người dân nên biểu lộ sự bi ai như thế nào, mà tự nhiên người dân đều có thể bộc lộ được tình cảm xót xa; còn trong những ngôi miếu hay đền thờ thần thánh, không cần phải răn dạy người dân nên giữ vẻ nghiêm túc kính cẩn như thế nào, mà tự nhiên người dân đều có thể hiểu sự nghiêm trang đó. Từ đời nhà Thương Ân người dân gặp

phải một sự việc rất thời thượng, đó là yêu cầu kết liên minh và ước thệ với nhau, để rồi từ đó về sau trong người dân mới phát sinh sự kiện phải gánh vác khối liên minh mà hối hận về lời thề; đến đời nhà Chu, lại lưu hành cách ước hẹn tín hiệu để tập hợp, để từ đó về sau, trong người dân mới phát sinh sự kiện hoài nghi về việc thất tín. Từ đây mà xem xét, nếu như từ đầu đến cuối chúng ta không có tấm lòng trung tín lễ nghĩa, thành khẩn trung thực đối diện với người dân, thì cho dù có tận lực suy nghĩ phương cách để lôi kéo người dân, người dân sẽ không tự biết nên tránh xa bỏ đi hay sao?”.

Phụ lục nguyên văn

Lỗ nhân hữu Chu Phong dã giả, Ai Công chấp chí thỉnh kiến chi, nhi viết bất khả. Công viết: “Ngã kỳ dĩ hồ”. Sử nhân vấn yên, viết: “Hữu Ngu thị vị thi tín vu dân, nhi dân tín chi; Hạ hậu thị vị thi kính vu dân, nhi dân kính chi. Hà thi nhi dắc tư vu dân dã?”. Đối viết: “Khư mộ chi gian, vị thi ai vu dân, nhi dân ai; xã tác tông miếu chi trung, vị thi kính vu dân, nhi dân kính. Ân nhân tác thệ, nhi dân thủy ban; Chu nhân tác hội, nhi dân thủy nghi. Cầu vô lễ nghĩa trung tín thành xác chi tâm dĩ lệ chi, tuy cố kết chi, dân kỳ bất giải hồ?”.

Thuyết minh

Trong câu đầu tiên của Lễ ký toàn thư, chính là dẫn ra những điều: “Vô bất kính” đã được nói trong lễ, cũng

chính là để nói rõ hơn điều quan trọng trong tất cả Lễ Nghĩa là cần phải có tâm ý thật sự thành kính. Nếu không thì tất cả đều trở thành hư văn nguy tạo. Muốn khiến cho người người đều có thể thành thật, việc việc đều có thể được kính trọng thì điều kiện cơ bản của nó phải chăng là ở những chuẩn mực đạo đức vốn có. Đặc biệt là các nhà đạo đức chính trị, nhất thiết phải có đầy đủ những điều kiện hoàn mỹ này, mới có thể trên làm dưới bắt chước mà phát triển thành trào lưu. Sở dĩ vào đời nhà Ngu, nhà Hạ các nhà lãnh đạo không cần phải chiêu dụ, không phải răn dạy điều gì, mà tự nhiên người dân đã có thể phù hợp với yêu cầu, đó là vì các bậc bề trên đã lấy ngay bản thân vô cùng đầy đủ đạo đức của mình để mà lãnh đạo người dân. Đến thời kỳ nhà Ân, nhà Chu trong khi những điều kiện về bản thân mình các bậc bề trên đã không có đầy đủ, mà lại còn bày đặt ra các loại hình thức ràng buộc để mà yêu cầu đòi hỏi người dân, thì tự nhiên người dân sẽ phản ứng lại và không chịu tiếp nhận điều đó. Cũng với đạo lý như vậy, Lỗ Ai Công muốn đến thăm hỏi Chu Phong, còn Chu Phong cứ theo lễ tiết của kẻ sỹ, chiếu lệ cần phải từ tạ những bậc tôn quý, biểu thị sự nhún nhường không dám nhận; nếu như Lỗ Ai Công một lần nữa nhắc lại yêu cầu thăm hỏi, thì đương nhiên Chu Phong chỉ còn cách phải tiếp nhận. Thế nhưng Lỗ Ai Công ngược lại đã nói: “đã

như thế này, thì đành thôi vậy”, dù thấy được những lời nói về cái ý muốn đến thăm hỏi vừa nãy, không hề có chút thành ý, chẳng qua nói chỉ để nói rồi thôi. Vì vậy đoạn thoại này của Chu Phong, thực chất chính là dùng để trách Lỗ Ai Công đã thiếu đi cái tâm thành khẩn và trung tín với lễ nghĩa.

42. Lỗ Ai Công để tang cho người thiếp.

Mẫu thân của Lỗ Diệu Công là nàng thiếp của Lỗ Ai Công. Khi nàng thiếp này mất, Lỗ Ai Công đã mặc bộ tang phục “Tề Suy” để tang cho nàng. Hữu Nhược học trò của Khổng Tử cảm thấy chuyện này không được hợp lý, liền hỏi:

“Vì cái chết của một nàng thiếp, mà mặc bộ tang phục “Tề Suy”, điều này có phù hợp với lễ chế không?”.

Lỗ Ai Công đáp rằng:

“Ta có thể không làm như vậy được không? Tất cả mọi người dân nước Lỗ đều đối xử xem nàng như là chánh thê của ta, ta còn có cách giải quyết nào đây?”.

Phụ lục nguyên văn

Diệu Công chi mẫu tử, Ai Công vị chi Tề suy. Hữu Nhược viết: “Vị thiếp Tề suy, lễ dữ?”. Công viết: “Ngô đắc dĩ hồ tai? Lỗ nhân dĩ thê ngã!”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Trong sách nghi Lễ Tang Phục, nói rõ rằng có thể mặc tang phục Tề Suy cho người vợ chánh, để tang một

năm; còn thân phận của người thiếp rất thấp hèn, chỉ sau khi làm thiếp mà có sanh con, thì khi mất đi: nếu người chồng là một kẻ sỹ, mới có thể mặc loại sô gai nhẹ nhất, và chỉ để tang trong ba tháng mà thôi, nếu như người chồng là bậc đại phu trở lên, cần bản không cần phải để tang cho người thiếp. Lỗ Ai Công là chư hầu, đương nhiên càng khỏi phải để tang, nhưng chỉ do quá sùng ái nàng, tự ý muốn mặc bộ tang phục dành cho chánh thê để tỏ ý thương tiếc nàng. Nói rằng tất cả người dân nước Lỗ đều cho là như vậy nhu vậy, dĩ nhiên đó chỉ là do Lỗ Ai Công mượn cớ để che giấu việc thất lễ của mình mà thôi.

43. Mạnh Kính Tử bất thủ lễ.

Sau khi Lỗ Diệu Công tạ thế. Lý Chiêu Tử người nắm bộ toàn quyền lực ở nước Lỗ hỏi Mạnh Kính Tử rằng: “Bê tôi trong thời gian lo tang sự của nhà vua, ba bữa nên ăn những thứ gì?”.

Kính Tử trả lời rằng:

“Theo lý nên uống cháo loãng, đây là chế độ tang lễ phổ biến thông thường trong thiên hạ. Thế nhưng ba nhà chúng ta đây Trọng Tôn Hề, Thúc Tôn Thị, Lý Tôn Thị, quyền lực còn hơn cả vua. Thường nhật đã không làm được cái lễ của bê tôi phải kính trọng nhà vua, khắp các nước lân cận xung quanh đều biết rõ điều này. Nếu như ngày nay nhà vua qua đời, miễn cưỡng bắt ta phải tuân theo qui định của tang lễ, không ăn không uống,

giả vờ như là đau thương thống khổ mà hao mòn sức vóc, điểm này ta cũng đủ khả năng làm được; nhưng cách làm như vậy, há không phải càng khiến người ta thêm hoài nghi căn bản chúng ta không có tình cảm chân thực lại còn giả vờ vì bị thương quá mà trở nên xanh xao gầy ốm. Vậy có phải tất cả những việc làm đó hoàn toàn là một động tác giả làm bộ làm tịch hay không? Đã như thế này, theo ta nghĩ, chúng ta vẫn cứ ăn cơm như thường ngày cho xong”.

Phụ lục nguyên văn

Điều Công chi tang, Lý Chiêu Tử vấn vu Mạnh Kính Tử viết: “Vị quân hà thực?”. Kính Tử viết: “Thực chúc, thiên hạ chi đạt lễ dã. Ngô tam thần giả chi bất năng cung thất dã, tứ phương mạc bất văn hỹ. Miễn nhi vi tích tắc ngô năng, vô nãi sử nhân nghi phu bất dĩ tình cư tích giả hồ tai? Đa tắc thực thực”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Nếu xét trên bề mặt, câu nói của Mạnh Kính Tử dường như rất có lý. Thực tế mà nghiệm, chế độ băng hoại, đạo đức suy đồi có thể nói tất cả đều xuất phát từ hành vi, tư tưởng của loại người này. Ba gia đình quyền thần ở nước Lỗ, bình nhật ngang ngược tàn bạo, không coi vua ra gì. Đến khi vua qua đời, ngay cả một tí quy củ tang lễ nhỏ nhất cũng không tự nguyện tuân hành, mà còn nói ra những lời lệch lạc đạo lý để bào chữa bênh

vực mình, thật đúng là cuồng vọng quá đáng. Đôi khi tác dụng của lễ là hạn chế bớt những hành vi cử chỉ bên ngoài của con người, nhưng bởi vì con người không thích bị hạn chế quá nhiều, cho nên tinh thần của lễ thường thường lấy sự khiêm tốn nhả nhận làm chính. Tuy lễ yêu cầu phải cố hết sức nhún nhường một cách bất đắc dĩ, nhưng ngược lại càng miễn cưỡng chấp hành những yêu cầu với mức độ thấp nhất, cũng chính là đã hạ mình đến mức độ thấp nhất trong vòng qui định của lễ, thì bất luận như thế nào nhất định phải làm cho thật nghiêm túc. Nếu như ngay cả một chút này mà làm cũng không xong, kết quả tất nhiên sẽ là do sự khinh suất coi thường đã dần dần làm mất đi giá trị tồn tại của nó. Thế là toàn bộ trật tự xã hội bị phá vỡ, chuẩn mực đạo đức do đã mất đi động lực thúc đẩy nên càng ngày càng suy đồi. Đặc biệt đối với việc tang lễ, chủ yếu là lấy tình cảm của con người làm cơ sở. Nếu như người người đều coi thường sự biểu lộ tình cảm qua lại này, cho rằng người đã chết đi là hết, thậm chí ngay cả một chút nghi thức bày tỏ lòng thương tiếc sau chót hết cũng lẩn tránh không chịu thực hiện; thế thì giữa người và người chỉ còn lại giá trị của cái lợi và hại, đây là một mối quan hệ xã hội đáng sợ và tàn khốc biết bao! Thế nên trong sách Tử Hân Luận Ngữ có ghi chép một câu của Khổng Tử, đặc biệt nhấn mạnh: “Vô luận như hà, tang lễ bất năng bất miễn

cương khư tố đao tha!”. (Bất luận như thế nào, tang lễ không thể không miễn cưỡng làm cho thấu đáo), cũng chính là nói lên cái ý trên.

44. Lễ Mục Công khóc tang quan đại phu nước Tề.

Nước Tề có một quan đại phu đầy quyền thế, tên là Trần Trang Tử qua đời, tin báo đến triều đình nước Lỗ. Cả triều đình nước Lỗ từ trên xuống dưới đều cho rằng Trang Tử chỉ là quan đại phu của lân quốc, vua nước Lỗ không phải vì một quan đại phu lân quốc mà bày đặt lễ chế thương khóc bi ai. Thế nhưng vua Lỗ vẫn đặc biệt triệu kiến quan đại phu Huyện Tử của nước Lỗ, hỏi ý kiến ông ấy như thế nào? Huyện Tử rằng:

“Các quan đại phu cổ đại, cho dù chỉ mang món lễ vật đạm bạc là một tí thịt khô tặng cho người cũng không thể tùy tiện tự ý rời bỏ địa phận quốc gia mình. Dụng ý của chế độ này là nhằm để hạn chế thanh thế của các bậc đại phu, không được phép giao thiệp riêng tư với bất kỳ người nào ở quốc gia khác. Vì vậy dù có người muốn khóc lóc bi ai vì sự qua đời của ông ấy, thì làm sao có thể có được cơ hội mà khóc đây? Các quan đại phu hiện tại lại không giống như vậy. Có vài người nắm toàn bộ quyền hạn của quốc gia mình, tự phong mình là đại diện quốc gia đứng ra ngoại giao hoặc giao thiệp về mặt quân sự với các quốc gia khác của Trung Nguyên. Vì vậy cho dù không

muốn khóc lóc thương tiếc vì sự qua đời của những người đó, nhưng làm sao có thể không khóc cho những người đó một cách chính đáng đây? Hơn nữa thần đã từng nghe nói rằng, khóc vì người chết có hai lý do: một là do yêu mến người đó người đó mà khóc, một là do sợ hãi người đó mà khóc”.

Lỗ Mục Công trả lời:

“Đúng vậy, ta chính vì sợ hãi con người đó, mới phải có vài biểu thị khóc lóc bi ai, thế thì khanh xem nên làm như thế nào mới được đây?”

Huyện Tử rằng:

“Vậy xin mời bề hạ hãy đến tông miếu của nhà những người không cùng dòng họ mà khóc đi!”.

Thế là Lỗ Mục Công cùng với các quan đại thần và tông miếu của nhà họ Huyện khóc điệu một hồi.

Phụ lục nguyên văn

Trần Trang Tử tử, phó vu Lỗ. Lỗ nhân dục vật khốc. Mục Công triệu Huyện Tử nhi vấn yên. Huyện Tử viết: “Cổ chi đại phu, thúc tu chi vấn bất xuất cảnh, tuy dục khốc chi, an đắc nhi khốc chi? Kim chi đại phu, giao chánh vu Trung quốc, tuy dục vật khốc, yên đắc nhi vật khốc? Thả thần văn chi, khốc hữu nhị đạo: hữu ái nhi khốc chi; hữu ỷ nhi khốc chi”. Công viết: “Nhiên! Nhiên tắc như chi hà nhi khả?”. Huyện Tử viết: “Thỉnh khốc chư dị tính chi miếu”. Vu thị dữ khốc chư Huyện thị.

(Đàn cung Hạ).

Thuyết minh

Nhân viên công vụ có thân thể trọng yếu trong quốc gia, cần phải công khai trung thành với bốn quốc, không có chỉ thị mệnh lệnh của nguyên thủ quốc gia, đương nhiên không thể giao thiệp riêng tư với các quốc gia khác. Đây không phải là Pháp, mà là Lễ. Về mặt biểu hiện của sự việc này mà xét, Lễ đúng là một giới hạn rất hợp lý. Kế đó, đối với cái chết của người không có quan hệ thân thuộc với mình, tuyệt đối không thể biểu thị khốc lóc bi ai tại tông miếu hay nhà của chính mình. Như khi Lỗ Mục Công thừa nhận rằng chính vì sợ hãi thế lực của quyền thần đại quốc mà phải có một trận khốc lóc, thì cũng chỉ có thể đến khốc ở tông miếu của người không cùng dòng họ, đây cũng là sự hạn chế hợp tình hợp lý của Lễ.

45. Bài chợ cầu mưa.

Trong một năm nay trời hạn hán rất dữ, Lỗ Mục Công cho mời Huyện Tử đến, thỉnh giáo ông rằng:

“Trời đã lâu rồi mà vẫn chưa mưa xuống, ta định bắt những người đang lâm trọng bệnh, gầy ốm đến nỗi hai mắt thâm quầng, gò má hóp cao, đem phơi dưới ánh mặt trời, cầu xin trời xanh hãy thương xót những con người đó mà mưa xuống, Khanh cảm thấy cách làm này như thế nào?”.

Huyện Tử đáp:

“Vì lẽ trời đã lâu không mưa xuống, mà bắt người bệnh của nhà người ta đem phơi ngoài nắng, điều này thật tàn nhẫn vô cùng, e rằng không thể làm như vậy được!”.

“Thế thì ta nghĩ hay là bắt mấy bà đồng phụ trách cầu mưa, bỏ đem phơi dưới ánh nắng mặt trời, Khanh xem như thế nào?”.

Huyện Tử rằng:

“Trời cao đã nhất định không mưa, mà còn đem hy vọng ủy thác vào thân phận của những người phụ nữ ngu muội này. Dùng phương thức này để cầu mưa, không phải đã lạc đề quá xa hay sao?”.

“Thế thì ta quyết định bãi chợ, cấm chỉ mọi hình thức giao dịch mua bán chính thức trên khắp các chợ, để bày tỏ sự ai điều, Khanh thấy như thế nào?”.

Huyện Tử hồi đáp rằng:

“Căn cứ theo lễ chế, nếu như gặp phải thiên tử băng hà, cần bãi chợ bảy ngày; chư hầu tạ thế, bãi chợ ba ngày, làm như vậy để biểu thị lòng đau đớn tưởng nhớ của toàn dân. Ngày nay trời không mưa đã lâu, đã trở thành thiên tai hạn hán, người dân đều vô cùng thống khổ, vì vậy mà bãi chợ, điều này có thể được”.

Phụ lục nguyên văn

Tuế hạn, Mục Công triệu Huyện Tử nhi vấn nhiên viết: “Thiên cửu bất vũ, ngô dục bạo nhi hề nhược?”. Viết:

“Phu cữu bất vũ, nhi bạo thân chi tặc tử, ngược, vô nãi bất khả dĩ?”. Nhiên tắc ngô dục bạo vu nhi hề nhược?”. Viết: “Thiên tắc bất vũ, nhi vọng chi ngu phụ nữ. Vu dĩ cầu chi, vô nãi dĩ sơ hồ?”. “Tỉ thị tắc hề nhược?”. Viết: “Thiên tử băng, hạng thị thất nhật; chư hầu hoảng, hạng thị tam nhật; vị chi tỉ thị, bất diệc khả hồ?”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Con người khi có tang sự, hầu hết đều không còn lòng dạ nào đi ra phố mua sắm đồ đạc. Vì vậy nếu như Thiên tử hay chư hầu qua đời, mà tất cả dân chúng cùng đồng lòng bày tỏ tình cảm tưởng nhớ thương tiếc, tự nhiên sẽ tạo thành một hình thức tạm ngưng hoàn toàn mọi hoạt động giao dịch mua bán chính thức trên khắp các chợ, giống như hình thức bãi chợ. Thế nhưng nếu như khi cần thiết phải mua thứ gì, thì vẫn có thể mua được trong những con hẻm nhỏ. Việc này giống như là những cái chợ lớn chính thức phải dời chuyển vào những con hẻm nhỏ để tiến hành hoạt động giao dịch. Vì vậy nó được gọi là “Tỉ thị” (dời chợ) hoặc là “hạng thị” (chợ hẻm). Phàm khi có “tỉ thị”, “hạng thị”, là biểu thị đang để tang Thiên tử hay là chư hầu, tất cả dân chúng đều hoài mang lòng thương tiếc đau đớn. Như nay vì trời thiên tai hạn hán không mưa xuống, mà Mục Công quyết định hạ lệnh bãi chợ hoàn toàn. Một mặt là biểu thị cuộc sống dân tình khốn khổ bất an, cầu xin trời cao thương xót hãy mau

chống làm mưa. Một mặt cũng bởi vì đây chính là một phần tang lễ của Thiên tử, chư hầu, việc này tương đương như là Lỗ Mục Công tự thừa nhận mình đang trong thời kỳ cư tang. Mục Công dùng hình thức này để biểu thị sự tự khiển trách mình, thỉnh cầu trời cao tha thứ, sớm giải trừ nỗi thống khổ cho dân lành. Chính vì lý do này, Huyện Tử mới bày tỏ sự đồng ý, cho rằng có thể nhanh chóng tiến hành làm như vậy.

46. Tử Tư luận về chuyện bề tôi để tang cho vua cũ.

Có một lần Lỗ Mục Công hỏi Tử Tư rằng:

“Trước đây đã từng có một mối quan hệ quân thần như là, khi vua cũ tạ thế, bề tôi vẫn có thể còn nhớ đến ân tình xưa, mà quay trở về chịu tang vua cũ, lễ chế này vốn đã có tự ngàn xưa cho đến nay phải không?”.

Tử Tư hồi đáp:

“Các bậc vua chúa có đạo đức thời cổ đại, khi cần tiến dụng nhân tài, tất cả đều phải tuân theo lễ tiết mà làm, khi sa thải không sử dụng, cũng phải căn cứ vào những lễ tiết nhất định mà tiến hành. Như vậy mới có bề tôi vì vua cũ chịu thi lễ mặc tang phục để bày tỏ lòng tôn kính. Thế nhưng các bậc vua chúa ngày nay lại không giống như vậy. Khi cần thiết sử dụng người, gần như có thể quì xuống lạy người đó, nhưng một khi không sử dụng người này, tức là khi phải sa thải, lại tỏ vẻ dường như hận thù đến nỗi muốn

đuổi người đó mau xuống vực sâu. Với mối quan hệ quân thần như vậy, những người bề tôi đó khi rời bỏ chức sắc ra đi, không kéo quân đội nước khác đến đánh trả người, vậy là đã rất tốt rồi, nào còn có cái gì để nhớ đến tình xưa, quay trở về chịu lễ tang cho vua cũ đây?”.

Phụ lục nguyên văn

Mục Công vấn vu Tử Tư viết: “Vị cựu quân phản phục, cổ dữ?”. Tử Tư viết: “Cổ chi quân tử, tiến nhân dĩ lễ, thoái nhân dĩ lễ, cổ hữu cựu quân phản phục chi lễ dã. Kim chi quân tử, tiến nhân nhược tương gia chư tất, thoái nhân nhược tương trụ chư uyên. Vô vi nhưng thủ, bất diệc thiện hồ, hựu hà phản phục chi lễ chi hữu?”. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Trong Cao Lâu hạ thiên của Mạnh Tử, có một đoạn đối đáp giữa Tề Tuyên Vương và Mạnh Tử, ý nghĩa rất giống với đoạn trong Đàn Cung này. Có thể dùng nó làm tư liệu tham khảo.

Tề Tuyên Vương nói: “Trong Lễ Kinh đã nói rằng: ‘Cựu thần nên mặc tang phục cho nhà vua đã qua đời’. Không biết trong tình huống ra làm sao, mới có thể vì vua cũ mà phục tang đây?” Mạnh Tử đáp rằng: “Nếu như bề tôi có lời khuyên răn, nhà vua có thể đủ khả năng làm được một cách thiết thực; có lời kiến nghị hay, nhà vua có thể khiêm tốn tiếp nhận lấy; nhà vua có thể vì người đó mà thi ân huệ xuống thân phận dân chúng;

hoặc giả như vì một nguyên nhân đặc biệt, không thể không rời bỏ quốc gia của mình, nhà vua vẫn có thể sai người dẫn dắt ra khỏi lãnh thổ; hơn nữa còn phái người sang quốc gia người đó cần đến ca tụng đức hiền lương của người đó, để cho ông ấy có thể được trọng dụng. Đợi đến ba năm sau khi ông ấy bỏ đi, thấy ông ấy không quay trở lại nữa, lúc này mới thu hồi nhà cửa ruộng vườn tài sản của người đó; đây chính là tấm lòng của nhà vua đã tận tâm giúp đỡ bề tôi đến ba lần Lẽ. Nếu như có thể làm được như vậy, khi vua cũ qua đời, bề tôi mới chịu để tang cho vua cũ. Ngày nay, thân phận của một người làm thuộc hạ, lời nói khuyên răn không được tiếp nhận, tất cả những kiến nghị cũng không được thu nạp, không thể vì ông ấy mà thi ân cho dân lành; nếu như bức thiết phải rời bỏ quốc gia, vua liền phái người đi khắp nơi lùng bắt người đó, lại còn qua quốc gia người đó cần đến, cất lực phá hoại danh dự của người đó, khiến cho người đó phải cùng đường bế tắc; cũng chính trong ngày người đó rời bỏ lập tức tịch thu hết nhà cửa ruộng vườn tài sản của người ta. Quan hệ quân thần đối kháng nhau như vậy, giống hệt như oan gia cừu nhân, thì làm sao còn có đạo lý bề tôi về để tang cho vua cũ đây?”.

Khi nhà vua tiến dụng nhân tài, đương nhiên đều phải có một loạt các biện pháp tuyển lựa. Và như Tử Tư nói khi sa thải không sử dụng, cũng có những lễ tiết nhất

định. Thiết nghĩ chỉ một câu trong đoạn nói của Mạnh Tử: “Tấm lòng tận tâm giúp đỡ đến ba lần”, là đã có thể làm sáng tỏ ý trên.

Kế đó lại nói đến chuyện để tang cho vua cũ. Nếu như khi đó người bề tôi vẫn còn đang ở trong nước, đương nhiên phải giống những người dân bình thường khác, vốn đã có quy định phải để tang “Tề suy tam nguyệt” cho nhà vua, không có cái gì đáng thảo luận. Vấn đề ở đây là đang thảo luận có hay không có loại lễ chế này, đó chính là tình huống người bề tôi đó thân đang ở ngoại quốc. Cả hai người, Tử Tư và Mạnh Tử đều cố ý nhấn mạnh rằng lễ chế này có hay không có, đó là cần phải nhìn vào thái độ của nhà vua đối với bề tôi như thế nào mới trả lời được. Bạn tận tâm tận tình đối với tôi, tôi cũng cần phải tận lễ vì bạn; bạn đối đãi với tôi như là một cừu nhân, tôi chỉ còn cách không tận lễ vậy. Nhất là là tang lễ, đặc biệt rất chú trọng đến yếu tố tình cảm của hai bên, có một chút tình, mới có được một chút lễ.

47. Tử Tư khóc tang người mẹ đã tái giá.

Mẫu thân của Tử Tư đã tái giá với một người họ Thứ ở Vệ quốc, về sau chết tại Vệ quốc. Có một người đem tin này báo lại với Tử Tư. Tử Tư hay được mẫu thân đã qua đời, thì đau buồn vô cùng, liền chạy vào trong nhà tông miếu khóc. Sau đó có một người học trò của Tử Tư đuổi theo, hỏi Tử Tư rằng:

“Chúng ta chỉ nghe rằng có một người mẹ nhà họ Thứ qua đời, tại sao thấy lại phải chạy vào tông miếu nhà họ Khổng mà khóc vậy?”.

Tử Tư đáp:

“Ồ, là ta sai rồi, là ta sai rồi!”.

Thế là liền trốn vào phòng khác mà khóc.

Phụ lục nguyên văn

Tử Tư chỉ mẫu tử tại Vệ, phó vu Tử Tư, Tử Tư khốc vu miếu. Môn nhân chí viết: “Thứ thị chi mẫu tử, hà vi khốc vu Khổng Thị chi miếu hồ?”. Tử Tư viết: “Ngô quá hỹ! Ngô quá hỹ!”. Toại khốc vu tha thất. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Căn cứ theo qui định của Lễ chế, nếu như phụ thân không còn nữa, nên mặc tang phục “Tề suy” khi mẫu thân qua đời, để tang ba năm; nếu như phụ thân còn tại thế, giảm xuống chỉ để tang còn một năm cho mẫu thân. Nếu như phụ mẫu ly hôn, mẫu thân qua đời tại nhà mẹ đẻ, máu huyết mẫu tử, ân tình chưa phai, mà không bị ảnh hưởng trong chuyện ly hôn của phụ mẫu, thì người con trai vẫn nên để tang một năm. Nhưng nếu như sau khi phụ thân qua đời, mẫu thân đi bước nữa, hoặc là sau khi phụ mẫu ly hôn, mẫu thân tái giá, trong hoàn cảnh này không những quan hệ phu thê bị đoạn tuyệt, mà quan hệ mẫu tử cũng đoạn tuyệt theo, vì chí ít bà ta cũng đã là mẫu thân của đứa trẻ con nhà người ta. Đã không còn

nằm trong mối quan hệ thân thuộc nữa, tự nhiên sẽ không thể lại để tang cho bà ta. Thế nhưng tình mẫu tử thiêng liêng, vẫn còn sợi dây tình cảm ràng buộc, nên khi Tử Tư nghe tin mẫu thân qua đời, đã xúc động không kìm nén lại được, âu cũng là lẽ thường tình. Chẳng qua Tử Tư vào khóc trong gia miếu của họ Khổng, đương nhiên không được thích hợp, nên phải trốn vào trong gian phòng khác, nơi không ai có thể trông thấy, để có thể mặc tình thổ lộ cho vơi nỗi bi thương, thì mới là đúng.

48. Tử Tư không lo liệu việc tang cho mẫu thân đã tái giá.

Mẫu thân của Tử Tư đã tái giá đến ở tại nước Vệ, cuối đời chết tại đó. Sau khi tin tức truyền đến, Tử Tư không hề có bất kỳ hành động nào lo liệu về tang sự. Liễu Nhược từ nước Vệ sang, không những cảm thấy kỳ lạ, mà hơn nữa còn lo lắng dùm cho Tử Tư. Vì vậy liền khuyên Tử Tư rằng:

“Người là hậu nhân của thánh nhân, mọi người khắp bốn phương đều sẽ chú ý đến người, xem người lo liệu việc tang sự như thế nào, người cần phải cẩn thận một chút mới được”.

Tử Tư hồi đáp:

“Ta làm gì có việc gì cần phải đặc biệt cẩn thận? Xin ông hãy an tâm. Ta đã từng nghe nói rằng, nếu như có lễ tiết nào đó cần phải phụng hành, mà không có đủ tiền tài

để thực hiện, thì lễ tiết đó, người quân tử có thể không cần chấp hành; dù cho là có lễ tiết nào đó cần phải phụng hành, tiền tài để thực hiện cũng đã có đủ, mà tình hình lúc đó không cho phép, thì lễ tiết này, người quân tử có thể cần phải chấp hành. Đã là như vậy, ta còn có chuyện gì cần phải đặc biệt để ý nữa?”.

Phụ lục nguyên văn

Tử Tư chỉ mẫu tử vu Vệ, Liễu Nhược vì Tử Tư viết: “Tử, thánh nhân chi hậu dã, tứ phương vu Tử hồ quan lễ, Tử cái thân chư”. Tử Tư viết: “Ngô hà thân tai! Ngô văn chi: hữu kỳ lễ, vô kỳ tài, quân tử phát hành dã; hữu kỳ lễ, hữu kỳ tài, vô kỳ thời, quân tử phát hành dã. Ngô hà thân tai?”. (Đàn cung Thương)

Thuyết minh

Phần trước đã có nói, mẫu thân của Tử Tư đã tái giá với một người họ Thứ ở nước Vệ. Như vậy coi như mối quan hệ thân thuộc với Tử Tư đã hoàn toàn đoạn tuyệt, đương nhiên Tử Tư không thể lại để tang cho mẫu thân của nhà người ta. Vì vậy sau khi tin tức truyền đến, dù cho Tử Tư trong lòng vô cùng đau buồn, nhưng bất luận như thế nào cũng không thể cử hành tang lễ tại nhà được. Tuy Liễu Nhược là người rất nhiệt tình, nhưng ông không thấu hiểu rõ sự thay đổi của mối quan hệ này. Ông thấy Tử Tư dường như có vẻ không định tổ chức tang lễ, thế nên mới nhắc nhở Tử Tư, cần phải cẩn thận

một chút, đừng làm chuyện xằng bậy, để người ta chê cười. Từ trong lời nói của Tử Tư, thì trái lại sự quan tâm của Liễu Nhược đã trở thành một vấn đề rất khó trả lời. Bởi vì nếu như phải trả lời một cách chính đáng, tức phải nói ra sự thật tái giá của mẹ, nhưng chung qui đó là người mẹ thân sinh ra mình, mà những lời này do từ cửa miệng người con trai thốt ra, thật sự không thích hợp chút nào. Cuối cùng chỉ còn cách lấy một vấn đề rộng hơn để làm lời giải thích. Sở dĩ nói có lẽ mà không có tiền tài là để thuyết minh rằng khi gặp khó khăn cũng có thể không chấp hành; sở dĩ nói có lẽ có tiền mà không đúng thời điểm của nó, tức là thuyết minh rằng tình hình không cho phép cũng có thể không làm. Mà đã nói tình hình không cho phép, tức là Tử Tư muốn mượn lời mơ hồ nói đến chuyện này, cũng đủ thấy được nỗi khổ tâm khó xử riêng của Tử Tư.

49. Trần Tử Cang phá bỏ việc dùng người để tuần táng.

Quan đại phu nước Tề là Trần Tử Xa qua đời tại nước Vệ. Bà vợ và người quản gia của ông dự tính rằng, sẽ dùng người sống để tuần táng. Và sau khi đã quyết định xong hết, lúc đó em trai của Tử Xa là Trần Tử Cang mới vừa kịp đến, họ liền đem quyết định này nói với Tử Cang, rằng:

“Tình trạng sức khỏe của ông nhà ta không được tốt,

lại không có ai hầu hạ ông dưới cữu tuyến, vì vậy chúng tôi muốn lấy người sống đem chôn theo ông ấy”.

Tử Cang nhân thấy họ đã quyết định từ lâu, ngẫm nghĩ nếu có thêm vào lời khuyên can của mình ắt cũng không có tác dụng, nên đành nói rằng:

“Đem chôn người sống theo người chết, căn bản là không hợp lẽ. Tuy nhiên đã như vậy, nếu như người chết dưới đất, thật sự bởi vì sức khỏe không tốt, mà cần thiết phải có người theo cung phụng hầu hạ, thì chỉ còn cách đành phải làm như vậy. Nhưng thật sự mà nói, về phương diện chọn lựa người để tuần táng, thì e rằng không ai sánh được với người vợ và quản gia của anh ấy, bởi vì đây mới chính là những người thân cận nhất mà có thể hầu hạ anh ấy! Vì vậy nếu như có thể hủy bỏ quyết định này, thì tôi mong rằng hãy hủy bỏ nó đi; còn giả như các người kiên quyết không hủy bỏ, thế thì theo tôi nghĩ dùng chính hai người để tuần táng là đủ rồi”.

Thế là, việc dùng người sống để tuần táng, cuối cùng đã không thực hiện.

Phụ lục nguyên văn

Trần Tử Xa tử vu Vệ, kỳ thê dữ kỳ gia đại phu mưu dĩ tuần táng. Định, nhi hậu Trần Tử Cang chí, dĩ cái viết: “Phu tử tật, mạc dưỡng vu hạ, thỉnh dĩ tuần táng”. Tử Cang viết: “Dĩ tuần táng, phi lễ dã”. Tuy nhiên, tắc bỉ tật đương dưỡng giả, thực nhược thê dữ tể? Đắc dĩ, tắc ngô

duc dĩ; bất đắc dĩ, tắc ngô dục dĩ nhị tử giả chi vị chi dã”.
Vu thị phát quả dụng. (Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Đem người sống để tuần táng, thật tàn nhẫn và không hợp đạo lý, vì vậy Tử Cang đã nói: “Phi lễ dã”. Bởi vì không hợp đạo lý, cho nên trong xã hội văn minh không thể có loại chế độ này. Nếu như cho rằng sức khỏe không tốt, nên cần phải có người mang theo xuống đất để hầu hạ, vậy thì thật tình mà nói những người thân cận nhất mới là người thích hợp để tuyển chọn nhất. Tử Cang đã đưa ra những lý do hợp tình hợp lý, để ngăn cản cái yêu cầu bất đạo lý kia, vì vậy người ghi lễ đã đặc biệt chép lại đoạn trên cho ông ấy.

50. Lý Tử Cao an táng vợ.

Khi Lý Tử Cao đưa người vợ đi mai táng, cữu xa đã đi ngang qua ruộng lúa của nhà người ta, dẫm nát không biết bao nhiêu cây lúa. Sau này Thân Tường tổng kết tình hình tổn hại báo cáo với Tử Cao và nói:

“Ông nên bồi thường tổn thất của người ta”.

Tử Cao rằng:

“Chủ nhân Mạnh gia của ta, không hề phiền trách ta vì chuyện này, bằng hữu của ta cũng không có ai vì chuyện này mà bỏ rơi ta, bởi vì ta chính là trưởng quan của cái ấp này đó! Chiếu theo những điều người đã nói, nếu như ngay cả ta cũng phải tổn tiền mua lộ để đi mai táng, nhà người

thử nghĩ xem, những người sau này e rằng cũng khó mà làm theo giống như vậy!”.

Phụ lục nguyên văn

Lý Tử Cao táng kỳ thiê, phạm nhân chi hòa. Thân Tường di cáo, viết: “Thỉnh canh chi”. Tử Cao viết: **Mạnh** thị bất dĩ thị tội dư, bằng hữu bất dĩ thị khí dư, dĩ ngô vi ấp trưởng vu tư dã. Mãi đạo nhi táng, hậu nan kế dã”.
(Đàn cung Hạ)

Thuyết minh

Trong sách Lễ ký Khúc Lễ có nói, tinh thần của Lễ là yêu cầu tự bản thân mình phải khiêm tốn nhún nhường, nhưng lại hết sức tôn trọng người khác. Giống như Lý Tử Cao đây, chỉ cố ý tiện lợi cho bản thân mình, mà gây ra tổn hại cho người khác, lại còn tìm những lý lẽ để tự bào chữa biện bạch cho mình, đương nhiên là càng không hợp lẽ. Vì vậy câu chuyện này được chú ý ghi chép lưu lại, để hậu nhân hiểu rõ được sự thất lễ ngang ngược của Tử Cao, mà lấy làm bài học cảnh giới cho những việc làm của mình.

II. THUYẾT MINH LỄ Y.

1. Ý nghĩa của quan lễ. (1).

Con người sở dĩ có thể trở thành mẫu mực, điều kiện chủ yếu chính là có đầy đủ những nguyên tắc cơ bản để đối nhân xử thế. Về nguyên tắc lễ nghĩa để đối nhân xử thế, không dễ dàng để đưa ra một chuẩn mực nào cả, tuy nhiên những chi tiết nhỏ nhặt trong cuộc sống hằng ngày lại là khởi điểm để học lễ nghĩa, ví dụ như hành động, thái độ, cư xử hàng ngày chẳng hạn tạo ra tác phong nhã nhặn trang trọng, nhỏ nhẹ ôn hòa. Khi một người đã quen với sự hàng ngày đĩnh đạc trong cử chỉ, thái độ thì phong cách đã đạt tới sự thận trọng vững vàng, ngôn từ của lời nói đích thực đạt đến sự ôn hòa mềm mỏng. Như vậy chúng ta có thể nói con người này là người hiểu lễ nghĩa. Một khi đã có những điều kiện cơ bản để đối nhân xử thế, ta có thể lấy người ấy làm mẫu mực, để quân thân trong triều yên vị, để trong gia đình cha mẹ con cái yêu thương nhau, anh em bè bạn hòa thuận. Nếu những điều nói trên thực sự làm được thì chúng ta có thể nói rằng: tập tục lễ nghi của xã hội này đã được thiết lập. Sở dĩ người này có khi bước vào tuổi 20, nhất định phải tổ chức

cho anh ta một buổi quan lễ, bởi vì sau khi tổ chức quan lễ, trang phục của anh ta mới chỉnh tề; quần áo chỉnh tề khiến anh ta nhất thiết phải có thái độ dàng hoàng, tác phong chững chạc, lời nói ôn hòa. Vì thế nói: quan lễ là điểm khởi đầu tất yếu để thành người, cho nên những vương quân tài giỏi sáng suốt thời xưa đều vô cùng coi trọng quan lễ.

Phụ lục nguyên văn:

Phàm chi nhân chi sở dĩ vi nhân giả, lễ nghĩa dã. Lễ nghĩa chi thủy, tại vu chính dụng thể, tề nhan sắc. Thuận từ linh dụng thể chính. Nhan sắc tề, từ linh thuận, nhi hậu lễ nghĩa bị. Dĩ chính quân thân, thân phụ tử, hòa tướng Ấu Quân thân chính, phụ tử thân, trưởng ấu hòa, nhi hậu lễ nghĩa lập. Quan cố nhi hậu phục bị, phục bị nhi hậu dụng thể chính, nhan sắc tề, tử lệnh thuận. Cố viết quan giả lễ chi thủy dã. Thị cố cổ giả thánh vương trọng quan (Quan nghĩa).

Thuyết minh:

Bài Quan nghĩa là nội dung của bài nghi lễ sĩ quan lễ, giải thích về ý nghĩa của việc quan lễ. Trong gia đình của kẻ sĩ, khi con trai bước sang tuổi 20, thì phải tổ chức buổi lễ gia quan long trọng cho anh ta, (con gái đến tuổi 15 có lễ cài trâm gọi là Kê lễ). Có ý nghĩa là chúc anh ta từ ngày đó trở đi là người trưởng thành.

Quan túc là mũ để đội trên đầu, là một phần của bộ

lễ phục. Trong các tiết mục của quan lễ, phải chuẩn bị ba bộ lễ phục chính thức cho anh ta, để từ hôm đó trở đi anh ta có thể dùng trong bất cứ trường hợp nào. Quần áo thì phải tự mặc trước, sau đó sẽ có một người gia quan lần lượt cho anh ta; gia quan là thời điểm quan trọng nhất của buổi lễ, vì thế gọi là lễ quan.

Ngày xưa, người ở tuổi vị thành niên gọi là đồng tử. Đồng tử thường mặc những bộ quần áo có nhiều màu sắc, nhìn là có thể nhận ra ngay sự khác biệt với y phục của người trưởng thành. Đến khi cử hành quan lễ, y phục đều là của người trưởng thành mặc. Vì thế từ ngày đó trở đi, sau khi đã khoác lên người bộ y phục của người trưởng thành anh ta sẽ cảm thấy đây là sự khởi đầu của một giai đoạn mới, không thể giống như đứa trẻ trước đây được nữa. Hơn nữa bộ y phục còn có tác dụng làm tôn lên tư cách, bản thân ăn mặc chỉnh tề cũng chính là để mình tự hiểu phải chú ý về tác phong, lời ăn tiếng nói, cử chỉ hành vi, tự kiểm soát giới hạn mình, không dám tùy tiện. Đây là sự phát huy tác dụng của lễ nghi. Chỉnh tề trong ăn mặc, đã có tác dụng hạn chế nhất định, vì thế từ đây về sau khi anh ta tham gia các buổi lễ tết, có thể tin tưởng rằng anh ta không thể có những cử chỉ lúng túng như thời thơ ấu nữa. Chỉ sau khi làm lễ quan anh ta mới có đủ tư cách để tham dự các buổi lễ khác. Cho nên người ta nói, lễ quan là điều khởi đầu của

tất cả các lễ nghi khác.

Không khí long trọng trang nghiêm của ngày lễ cũng như trong quá trình làm lễ, đương nhiên đem lại cho cậu trẻ một ấn tượng suốt đời khó quên, khiến nó nhận thức được sâu sắc đây là bước khởi đầu quan trọng nhất trong đời người. Vì vậy công việc sắp xếp và tiến hành như thế nào đều phải suy xét tỉ mỉ. Nhưng những lễ nghi hôm đó ngoài việc gây ảnh hưởng sâu sắc cho cậu trẻ ra, trên thực tế nó có thể từ ngày hôm đó trở đi, thực sự trực tiếp gia nhập vào thế giới của những người trưởng thành, điều chủ yếu vẫn là ở chỗ thành quả giáo dục của gia đình suốt mười mấy năm qua. Từ nhỏ đã được dạy dỗ tỉ mỉ những vấn đề đơn giản nhất của cuộc sống, như thế nào là chính dung thể, tề nhan sắc, thuận từ linh. Qua những điều đã học anh ta tích lũy dần dần và hiểu được những chừng mực làm người, nguyên tắc làm việc. Đến khi cử hành lễ quan tròn 20 tuổi, thực ra mà nói, đây chính là tương đương với buổi lễ tốt nghiệp hơn 10 năm giáo dục của gia đình. Vì thế lễ quan chỉ là một buổi lễ hình thức, giá trị thực tế là ở chỗ sự giáo dục thành công của gia đình. Hình thức nghi tiết, bất kể lúc nào cũng có thể thay đổi, nhưng giá trị thực chất lại không dễ coi nhẹ.

2. Ý nghĩa của quan lễ. (2)

Trong các phần của lễ quan thời xưa, đối với việc quyết định ngày giờ hành lễ và mời những người khách

đặc biệt đều phải xem quẻ. Ngay cả việc nhỏ như vậy cũng phải để trước bàn thờ tổ tiên để gieo quẻ quyết định. Đó là dụng ý muốn giáo dục con cái để chúng có thể hiểu được rằng để chuẩn bị lễ quan này đã cẩn thận kỹ càng như thế nào, từ đó mà hiểu được lễ quan đó với bản thân thật quan trọng. Đồng thời cũng để hiểu rõ rằng việc chuẩn bị tiến hành lễ quan cẩn thận như vậy chính là muốn con trẻ phải coi trọng việc lễ. Xem trọng việc lễ, cũng chính là nói lên điều căn bản để trị nước.

Nơi tiến hành lễ quan chính tại cổng đường gần thêm đông (sảnh đường phía đông). Thêm đông xưa nay là bậc thêm chỉ dành cho chủ nhân đi lên xuống công đường; lễ quan được cử hành tại đây, dụng ý là con trẻ sau khi trưởng thành, tương lai có thể thay thế được phụ mẫu, trở thành người thừa tự của gia đình. Để anh ta đứng bên vị trí của những vị khách phía tây, chúc anh ta một ly rượu, rồi lại cho anh ta thay y phục 3 lần. Các quý khách lần lượt gia quan 3 lần cho anh ta, tùy theo trường hợp mà nói, lần sau quan trọng hơn lần trước. Dụng ý của các tình tiết này là ngoài việc chúc mừng anh ta trưởng thành ra, còn cổ vũ anh ta từ đây về sau phải cố gắng vươn lên, theo đuổi những thành tựu to lớn hơn. Sau khi lễ quan chấm dứt, mọi người còn phải chọn cho anh ta một cái “tự” (tên). Để tiện khi người khác đến chúc anh ta dễ xưng hô. Do bởi người khác gọi anh ta một cách tôn trọng khiến anh

ta lúc nào, ở đâu cũng phải tự trọng, tự tôn. Đây là một hình thức thúc đẩy anh ta thành người hoàn toàn chính đáng.

Sau khi buổi lễ bên ngoài cổng đường đã kết thúc, còn phải vào trong nội thất bái kiến thân mẫu. Người mẹ cũng chính thức bái trả anh ta, giữa anh em cũng phải bái kiến lẫn nhau. Đây là vì kể từ hôm nay, anh ta đã là người lớn, không còn những lễ tiết của trẻ con nữa, vì thế tất nhiên phải dùng nghi lễ của người lớn để bái kiến người thân. Sau đó phải ăn mặc chỉnh tề đầu đội mũ, mang theo lễ vật đi bái kiến nhà vua, chỉ cần để lễ vật xuống đất là được. Cũng phải mang theo lễ vật đi bái kiến các quan trong làng và các thân sĩ đã về hưu. Những chi tiết này có ý nghĩa là anh ta đã là người trưởng thành thì phải đi bái kiến các trưởng bối trong làng.

Phụ lục nguyên văn:

Cổ giả quan lễ, thệ nhật, thệ tân, sở dĩ kính quan sự. Kính quan sự, sở dĩ trọng lễ; trọng lễ sở dĩ vị quốc bốn dạ. Cổ quan vu tô, dĩ trước đại dã. Tiểu vu khách vị, tam gia di tôn, gia hữu thành dã. Dĩ quan nhi tự chi, thành nhân chi đạo dã. Kiến vu mẫu, mẫu bái chi; kiến vu huynh đệ huynh đệ bái chi, thành nhân nhi dĩ vi lễ dã. Huyền quan huyền đoan, diện chí vu quân; toại dĩ chí kiến vu hương đại phu. Vương tiên sinh, dĩ thành nhân kiến dã (Quan nghĩa).

Thuyết minh:

Toàn bộ các nghi thức trong lễ quan thì rất nhiều, ở đây chỉ đề cập đến vài nghi thức quan trọng mà thôi. Ở mục này muốn nói về công việc bố trí buổi lễ.

Trong buổi lễ trưởng thành của con cái, khách được mời rất đông nhưng trong đó chỉ có một vị quý khách đặc biệt, người này có nhiệm vụ rất quan trọng trong việc sắp đặt thứ tự cho buổi lễ. Ông ta đích thân gia quan cho cậu trẻ, về vấn đề này nếu như có thể mời được một vị cao niên đức trọng trong làng thì tốt, thường thì cũng phải là một vị trưởng gia được người trẻ tôn kính. Họ nghĩ rằng khi cậu trẻ được người này gia quan thì vừa cảm thấy sợ vừa rất vinh hạnh và nhất định nó sẽ ghi nhớ một cách sâu sắc. Chính vì vậy việc chọn mời người khách này không thể quả loa được. Ngoài sự cẩn thận tuyển chọn ra, còn phải giống như việc quyết định ngày giờ, nghĩa là phải qua việc xem quẻ, điều này làm cho ý nghĩa của việc tuyển chọn tăng phần quan trọng và tỉ mỉ.

Phương thức mời rượu (kính rượu) thời cổ có nhiều kiểu. Trong lễ quan, cách mời rượu là từ người quý khách đứng ở phía đông của chủ vị đưa rượu cho cậu trẻ đứng phía tây của khách, để cho nó uống mà không cần mời trả lại. Kiểu này trong bản “quan nghĩa” gọi là “tiến”. Nghi thức này ít nhất chứa ba hàm ý: “Một là, biểu lộ chúc mừng sự trưởng thành. Hai là, để đưa trẻ thuận phục khi

đến nhà người khác làm khách, nhận rượu mời như thế nào. Ba là, cách mời rượu này rất có khả năng hàm ý giao chuyển trách nhiệm và yêu cầu hoàn thành trách nhiệm vì vậy chỉ cần uống mà không cần mời trả”.

Nhiệm vụ chủ yếu của người khách này là gia quan cho cậu trẻ, mũ và y phục là một bộ phối hợp, ba lần đội mũ, cậu trẻ cũng phải thay ba bộ lễ phục khác nhau, lần thứ nhất quần áo và mũ đều màu đen, vải thô, gọi là “tri bố quan phục”, là bộ lễ phục chính thức mà nhân sĩ thường mặc. Lần thứ hai, đội mũ da trắng, xiêm y cũng màu trắng, gọi là “bì biên phục” là bộ đại lễ phục mặc khi đến triều đình để gặp chư hầu quốc quân. Lần thứ ba, quần áo và mũ đều màu đỏ sẫm, vải bố, gọi là “tước biên phục” là bộ lễ phục mặc khi tham dự lễ tế tự do nhà vua chủ trì. Với ba bộ lễ phục này sĩ nhân có thể mặc để tham gia bất cứ buổi lễ nào. Đương nhiên không chỉ để ứng phó mà thôi, điều mà mọi người gởi gắm là muốn anh ta cố gắng vươn lên, vì gia đình, vì tổ quốc, làm nên những thành tựu to lớn hơn nữa.

Thậm chí nghi thức bái kiến quốc quân, các nhân sĩ quan chức trong làng, trên thực tế là muốn anh ta đi để làm quen với mọi tình cảnh, để hiểu biết thêm nhiều điều. Sau khi đã bái kiến các trưởng bối, các nhân vật quan trọng anh ta sẽ cảm thấy mạnh dạn, khí độ khoáng đạt khi gặp sự cố sẽ không sợ sệt nhút nhát. Sắp đặt cơ hội

giáo dục như thế này, có thể nói là vô cùng có ý nghĩa, có giá trị.

3. Ý nghĩa của quan lễ (3).

Cái gọi là xây dựng nên anh ta, khiến anh ta trở thành một con người hoàn chỉnh, chính là để yêu cầu anh ta sau này có thể tuân theo những lễ nghi của người trưởng thành. Tuân theo lễ nghi của người trưởng thành cũng chính là yêu cầu anh ta sau này có thể thực hiện một cách thiết thực các lễ nghi với tư cách là người con, người em, thần dân và nhân thiếu. Đối với con người này chúng ta yêu cầu anh ta làm tròn được bốn loại nghi lễ này, như vậy quan lễ trong buổi lễ trưởng thành, không đủ coi trọng sao? Làm người con phải hiếu, làm người em phải kính nhường, làm thần dân phải trung, làm phải thuận, nỗ lực để đạt được bốn loại hành vi này thì sau này mới đủ tư cách để trở thành một người trưởng thành mẫu mực. Từ đó mới có đủ tư cách để phục vụ xã hội, quản lý người khác. Cho nên các bậc tiên vương anh minh đều vô cùng coi trọng buổi lễ quan này. Có thể nói lễ quan là khởi điểm, là sự bắt đầu cho tất cả các lễ nghi, là điều quan trọng nhất trong tất cả những việc tốt đẹp.

Từ đây có thể hiểu được thời cổ đại, lễ quan được coi trọng vô cùng, bởi vì coi trọng lễ quan, cho nên phải cử hành tại tông miếu. Cử hành tại tông miếu để biểu hiện sự tôn trọng cho dù họ là chủ gia đình cũng không dám

tùy tiện quyết định việc này. Không dám tùy tiện làm chủ là biểu hiện sự khiêm tốn và cũng là biểu hiện lòng tôn kính đối với tổ tiên.

Phụ lục nguyên văn:

Thành nhân chi giả, tương trách thành nhân lễ yên dã. Trách thành nhân lễ yên dã, tương trách vi nhân tử, vi nhân đệ, vi nhân thần, vi lưu thiếu giả chi lễ hành yên. Tương trách tứ giả chi hành vu nhân, kỳ lễ khả, bất trọng dư. Cố hiếu, đệ, trung, thuận chi hành lập, nhi hậu khả dĩ vị nhân. Khả dĩ vị nhân, nhi hầu khả dĩ trị nhân dã. Cố thánh vương trọng lễ. Cố viết quan giả, lễ chi thủy dã giai sự chi trọng giả dã. Thị cố cổ dã trọng quan, trọng quan cố hành chi vũ miếu giả, sở dĩ tôn trọng sự; tôn trọng sự nhi bất cảm thiện trọng sự, sở dĩ tự tì nhi tôn tiên tổ dã (Quan nghĩa).

Thuyết mình:

Trong các sách lễ chúng ta thường gặp những câu nói hơi cường điệu về quan niệm tôn kính tổ tiên. Có lẽ đó là một trong những quan niệm tôn kính tổ tông trong ý thức truyền thống của hậu thế.

Tục lệ cúng bái tổ tiên của người Trung Quốc có từ lâu đời, nhưng trong sách lễ đặc biệt cường điệu, hiển nhiên nó cũng có giá trị và ý nghĩa đặc thù. Do việc mở rộng chế độ tế tự tông miếu vào đời Chu, khiến mọi người trong việc tuân hành lễ nghĩa tiếp thu một cách vô thức,

coi như đây là chuyện đương nhiên. Họ chỉ biết rằng phải tôn kính tổ tiên, còn ý nghĩa và giá trị đối với việc tại sao phải tôn kính tổ tiên.

Tuy nhiên mọi người nói chung tất yếu chưa hiểu hết ý nghĩa của vấn đề này, nhưng trong xã hội lại có thói quen vâng lệnh thì hành mà không hề thay đổi gì, cho nên giá trị đó vẫn cứ tồn tại.

Giá trị giáo dục lịch sử có rất nhiều mặt, nhưng nhiệm vụ giáo dục mang tinh thần hun đúc truyền thống (tân tận hỏa truyền) là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Ngọn lửa mà đời trước đốt lên sắp tắt thì đời sau có nhiệm vụ phải để lửa tiếp tục cháy, tiếp tục chiếu sáng cho đời sau, đây chính là ý nghĩa của việc hun đúc truyền thống. Người trẻ tuổi chưa chắc đã hiểu hết được ý nghĩa của cuộc sống và giá trị của sinh mạng, thường thì xem thường cuộc sống, giỡn đùa với sinh mạng. Đó là vì họ chưa hiểu thấu đáo lịch sử, họ đâu biết tổ tiên của họ đã cực khổ như thế nào để xây dựng nên nền tảng, tạo nên gia nghiệp này, cho nên họ không biết quý. Nếu như họ tận mắt thấy cha ông đã đổ mồ hôi và máu trên mảnh đất này mới dọn sạch thành mảnh vườn miếng ruộng con con, bằng mọi cách không để cho kẻ khác xâm phạm từng tấc từng phân, lúc đó họ mới hiểu ra được hiện nay mình đang gánh vác tất cả của quá khứ, họ có trách nhiệm bảo vệ quá khứ và khai phá tương lai. Ta đã là

một giọt nước trong dòng chảy truyền thống thì ta sẽ làm cho dòng chảy ngày càng lớn mạnh, càng vinh quang hơn, như vậy cuộc sống sẽ có ý nghĩa hơn. Sinh mạng mới có giá trị. Giữa quá khứ và tương lai có sự ràng buộc về tình cảm mà đồng thời quan hệ giữa cá nhân và xã hội cũng mật thiết không kém. Từ sức mạnh của tình cảm đó sẽ khiến anh ta có thể hy sinh tất cả để phục vụ cho giá trị và ý nghĩa xã hội.

Có được những nhận thức về quan điểm giáo dục lịch sử thì khi xem lại những câu “tôn tổ tiên”, “bất vong kỳ sở do sinh”, “báo bản phân thủy” trong Lễ ký mới có thể hiểu thấu đáo ý nghĩa của sự cường điệu.

4. Ý nghĩa về hôn lễ (1).

Hôn lễ là sự chuẩn bị kết hợp tốt đẹp giữa 2 họ với nhau; điều trước tiên hôn lễ: là là sự đồng tâm hiệp lực của vợ chồng, cùng nhau thờ phụng tổ tiên; kế đến là nuôi dưỡng và giáo dục con cái để nối dõi tông đường. Hôn lễ vốn có ý nghĩa trọng đại như vậy, cho nên những người quân tử có đức độ vô cùng coi trọng việc này. Vì thế trong nghi thức hôn lễ có mấy khâu quan trọng, ví dụ chuẩn bị chu đáo lễ vật để tặng nhà gái, bày tỏ chính thức quyết định chọn người con gái đó và đối tượng cũng đã “chấp thuận”, chính thức tìm hiểu gia cảnh tên tuổi, ghi lại các chi tiết đó mang về đăng trai, sau đó gieo quẻ coi bói, chuẩn bị lễ vật và báo tin “nạp cát” cho nhà gái, rồi lại

đem lễ vật hậu hĩnh hơn nữa để chính thức cầu hôn. Trong chuyện quyết định ngày giờ cử hành hôn lễ, một lần nữa lại xin ý kiến của nhà gái để “xin ngày tốt”. Trong các khâu này, đằng trai cử sứ giả đến nhà đằng gái, trong khi đó đại diện đằng gái đã chuẩn bị tiệc rượu tại miếu và đích thân ra nghênh đón đằng trai từ ngoài cổng lớn. Sau đó cùng vào nhà chính để nghe ý định của nhà trai. Những khâu này là việc đầu tiên của hôn lễ, tất cả đều phải tiến hành đúng như vậy, với thái độ tôn kính thận trọng và quang minh chính đại.

Người cha bên đằng trai dùng phương thức “tiếu”, ông đích thân đưa cho con trai ly rượu, ra lệnh cho con sang xin đằng gái được phép rước dâu. Dụng ý của nghi thức này là trong hôn lễ bất kể trong tình tiết nào bên nhà trai đều phải dành lấy phần chủ động, đằng gái ở thế bị động. Người con trai vâng lời cha sang nhà gái đón dâu, cha mẹ họ hàng đằng gái đã chuẩn bị chu đáo yến tiệc tại miếu và đích thân ra cổng chính để nghênh đón chú rể và họ nhà trai. Chàng rể mang những lễ vật dành riêng cho hôn lễ bước vào cùng nhà gái, bái chào đại diện nhà gái hai bái, rồi đặt lễ vật xuống, chuẩn bị đón cô dâu. Trong khâu này có ý nghĩa là trước mặt mọi người, cha mẹ đằng gái, cô dâu tự nguyện bước theo chồng. Thế là chú rể dắt cô dâu bước ra lễ đường, đích thân đánh xe ngựa đưa cô dâu về. Khi cô dâu bước lên xe, chú rể chuyển cho cô dâu

sợi dây thường buộc ở cửa xe, cẩn thận dìu nàng lên xe. Đến khi bảo mẫu đã đỡ nàng lên xe an toàn xe liền chuyển bánh. Khi đã cách nhà gái khoảng chừng ba vòng bánh xe chú rể mới giao dây cương cho người đánh xe, còn mình thì lên một chiếc xe ngựa khác đi trước dẫn đường. Khi đến cửa nhà, chú rể xuống xe và đứng trước cửa nhà đón cô dâu. Xe của cô dâu đến, chú rể chấp tay hành lễ, nghênh đón nàng cùng bước vào nhà trong.

Khi chính thức nhập tiệc ở tân phòng, các món ăn bày trên hai bàn tiệc đều giống nhau, dùng xong tiệc thì đến gần uống rượu tráng miệng, họ lấy trái hồ lô bỏ làm đôi làm bát uống rượu. Sắp đặt chi tiết này tất nhiên đều có dụng ý, đó là vợ chồng bình đẳng, từ đây hai người chỉ là một, cùng ăn những thức ăn giống nhau, cùng chia buồn xẻ ngọt, cùng tạo dựng hạnh phúc gia đình. Tổng hợp tất cả nghi lễ này lại cũng là để biểu lộ sự thương yêu, chăm sóc của người chồng đối với vợ.

Phụ lục nguyên văn:

Hôn lễ giả, tương hợp nhị tính chi hảo, thượng dĩ sự tông miếu, nhi hạ dĩ tục hậu thế dã; cố quan tử trọng chi. Thị dĩ hôn lễ nạp thái, vốn danh, nạp cát, nạp chứng, thỉnh kỳ, giai chủ nhân yến kỉ vu miếu, nhi báỉ nghênh vu môn ngoại. Nhập, ấp nhượng nhi thăng, thỉnh mệnh vu miếu, sở dĩ kính thận trọng chính hôn lễ dã. Phụ thân tiểu tử, nhi mệnh chi nghênh, nam tiên vu nữ dã. Tử thừa

mệnh đã nghênh. Chủ nhân yến kị vu miếu, nhi bái nghênh vu môn ngoại. Tế chấp nhận nhập, ấp nhượng thẳng đường, tái bái, diện nhận, cái thân thụ chi vu phụ mẫu dã. Hạ xuất, ngự phu xa, nhi tế thụ tuy, ngả luân tam chu. Tiên sĩ vu môn ngoại, phụ chí tế ấp phụ dĩ nhập. Cộng lao nhi thực, hợp nhi, sở dĩ hợp thể, đồng tôn ti, dĩ thân chi dã (Hôn nghĩa).

Thuyết minh:

Phần trước bài đề cập đến nội dung các nghi lễ hôn lễ của người con trai, phần này bàn về ý nghĩa của hôn lễ.

Hôn tức là hoàng hôn, ngày trước mọi người đều rước dâu vào lúc hoàng hôn cho nên gọi là hôn lễ. Sau này đã trở thành danh từ riêng cho lễ. Để phân biệt với chữ “hôn” của từ “hoàng hôn”, người ta thêm bộ “nữ” (女) vào phía trước chữ “hôn” và viết thành 婚).

Hôn lễ vốn không chỉ là việc riêng của hai người, tất yếu phải có sự liên hệ giữa hai gia đình. Điều này ở bất cứ nước nào, vào thời nào cũng vậy. Không có ai sau khi kết hôn xong thì không còn quan hệ gì với gia đình cả, vì vậy hôn nhân được xem như một gạch nối giữa gia đình và xã hội, đem kết hợp hai người xa lại với nhau mang một ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Các buổi lễ thờ cúng tổ tiên đều phải do vợ lẫn chồng đảm trách, ngoài ý nghĩa lịch sử là tôn kính tổ tiên ra còn biểu hiện một không khí hòa thuận gia đình, tinh thần đồng vợ đồng

chồng tất bề đông cũng cạn. Bên cạnh đó mục đích cuối cùng của hôn nhân chính là để “sáng tạo” ra những cuộc đời mới, kế thừa, nối tiếp cha ông. Đây không những là nhiệm vụ sinh sôi gia tộc mà còn là trách nhiệm của xã hội loài người. Việc phân tích ba ý nghĩa của hôn lễ chính là để chúng ta lĩnh hội được rằng kết hôn là một việc trang nghiêm linh thiêng, hơn nữa, là sự việc mang trách nhiệm trọng đại, đương nhiên không được phép đùa cợt, tùy tiện. Chính vì vậy hôn lễ được cử hành trước bàn thờ tổ tiên thánh thần, để mọi người nhận thức sâu sắc tính nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm đối với việc này. Ngay từ đầu phải có thái độ tôn kính thận trọng và rõ ràng minh bạch, có thể tin tưởng rằng thành công mỹ mãn là kết quả tất yếu.

Chú rể đích thân đến nhà gái đón cô dâu, được gọi là “ngheh thân”. Ở đây có ba điểm cần nói rõ: Thứ nhất, trong hôn lễ, tất cả các lễ nghi đều do nhà trai giành phần chủ động, nhà gái giữ thế bị động. Điểm này phù hợp với nguyên lý cơ bản về âm dương động tĩnh của Trung Hoa cổ đại. Người nam là dương cương lấy động làm chủ, người nữ âm nhu lấy tĩnh là chủ. So sánh với những kết luận biến hóa tự nhiên của vũ trụ và sự tích lũy kinh nghiệm trong cuộc sống thực tế hoàn toàn chính xác.

Chú rể đón cô dâu từ tay cha mẹ vợ, điều này hàm

chứa ý nghĩa đã tiếp nhận sự giao phó, khi chủ rể đứng đối diện cha mẹ vợ là từ này trở đi không những đối xử tử tế với vợ mà còn phải có trách nhiệm với nhà gia. Tinh thần trách nhiệm càng cao thì trong cuộc sống vợ chồng sau này càng yêu thương gắn bó và tin tưởng nhau hơn.

Cô dâu từ đó trở đi phải sống xa nhà nhiều năm, chia tay người thân để sống một cuộc sống mới, dù là người cứng rắn thế nào cũng cảm thấy lo sợ không yên, cho nên trong những phút giây đó rất cần sự có mặt của chú rể ở bên cạnh chăm lo săn sóc, dần dần cô dâu mới thích ứng với hoàn cảnh mới được. Vì vậy việc chú rể đến tận nhà đón dâu thật sự rất quan trọng.

Nghi thức “Vấn danh” cũng chính là để đối thiếp canh đối bát tự cho hậu thế chứ không phải là chú rể không biết tên họ của cô dâu, nếu không biết cô dâu là ai thì không thể “ nạp thái”. Đó chẳng qua là muốn chúng ta phải xem trọng vấn đề này. Chính tay người con gái viết tên tuổi của mình giao cho sứ giả đem về để tổ tiên xem xét. Kết quả của việc xem quẻ đương nhiên là có lợi nhưng cũng có nhiều cái bất lợi. Nếu hai người yêu nhau mà quẻ lại là quẻ xấu thì sẽ không lấy được nhau, như vậy có lý hay không? Thật ra phải xem ba lần, lần thứ nhất nếu tốt thì thôi, nếu không thì 10 ngày sau sẽ xem tiếp ba quẻ, nếu không được nữa thì 10 ngày sau lại xem

ba quẻ lần cuối cùng, tổng cộng xem chín lần tất sẽ có một lần tốt, vậy thì vẫn có thể đến nhà gái báo tin vui “Nạp cát” vì thế việc xem quẻ chỉ để tăng thêm sự tôn kính thận trọng trong hôn lễ. Đây chẳng qua chỉ là hình thức, tuyệt đối không phải mượn sự mê tín để phản đối việc hôn nhân.

5. Ý nghĩa hôn lễ (2).

Công việc chuẩn bị hôn lễ được tiến hành cẩn thận, quang minh chính đại thì tình cảm vợ chồng sau này sẽ thấm thiết mặn nồng hơn. Điều này chứng tỏ đã đạt được yêu cầu nguyên tắc đại thể của hôn lễ. Yêu cầu các nguyên tắc này là tạo khoảng cách giữa phái nam và phái nữ, từ đó tạo con đường qua lại bình thường giữa vợ chồng, nếu giữa nam và nữ duy trì một khoảng cách nhất định thì khi trở thành vợ chồng mối quan hệ đó mới trở nên bình thường dẫn đến mối quan hệ phụ tử càng thấm thiết, khi mối quan hệ phụ tử sâu đậm thì quan hệ quân thần mới có thể yên vị. Cho nên người ta nói hôn lễ là nền tảng của mọi lễ nghi. Có quan lễ mới có điểm khởi đầu của tất cả lễ, có hôn lễ mới có nền móng của lễ, có tang lễ, tế lễ mới được mọi người coi trọng, có lễ triều kiến, thăm viếng ngoại giao mới thấy được sự tôn quý của lễ, có lễ Xạ Hương lễ Hương ẩm tửu thì lễ mới đạt được hiệu quả mục tiêu lý tưởng cao nhất.

Phụ lục nguyên văn:

Kính thận trọng chính nhi hậu thân chi, lễ chi đại thể, nhi sở dĩ thành nam nữ chi biệt, nhi lập phu phụ chi nghĩa dã. Nam nữ hữu biệt, nhi hậu phu phụ hữu nghĩa; phu phụ hữu nghĩa, nhi hậu phu tử hữu thân; phu tử hữu thân; nhi hậu quân thân hữu chính. Cố viết hôn lễ già, lễ chi bản dã. Phu lễ, thủy vu quan; bản vu hôn trọng vu tang lễ, tôn vu triều sính, hòa vu xạ hương, thủ lễ chi đại thể dã (Hôn nghĩa).

Thuyết minh:

Mối quan hệ nhân tế trong xã hội Trung Quốc chính là Ngũ Luân, bao gồm: quân thân, phụ tử, phu thê, huynh đệ, bằng hữu. Nhưng mối quan hệ trong ngũ luân với nhau không phải lấy quân thân làm đầu mà trung tâm của ngũ luân lại là quan hệ phu thê, từ đó phát triển và hình thành các mối quan hệ khác. Có phu thê mới sinh con đẻ cái và hình thành quan hệ phụ tử, từ quan hệ phụ tử khai triển ra ngoài và hình thành quan hệ tôn ti quân thân trong xã hội. Mặt khác cũng do việc sinh con mà tạo nên quan hệ huynh đệ, từ quan hệ anh em trong nhà suy diễn ra ngoài xã hội mới có quan hệ bình đẳng giữa bằng hữu với nhau. Vì vậy trên thực tế mối quan hệ phu thê chính là trung tâm của Ngũ Luân, là nền tảng của cơ cấu xã hội. Và cơ sở của quan hệ vợ chồng lại được thiết lập trên mối quan hệ bình thường giữa nam và nữ. Cho nên, người ta nói sự trang nghiêm thận trọng của hôn lễ, mục đích là

để phòng mối quan hệ bất thường giữa nam và nữ. Giữa nam và nữ phải có một giới hạn nào đó thì quan hệ phu thê sẽ bình thường thoải mái và có ý nghĩa, quan hệ phu tử thêm thắm thiết, quan hệ quân thần thêm tôn nghiêm. Đây cũng chính là đạo lý để người đời tu thân, tề gia, trị quốc.

Các nghi lễ phổ biến trong xã hội thì rất phong phú, nhưng tám nghi lễ quan trọng thường gặp là: Quan - Hôn - Tang - Tế - Triều - Sính - Xạ và Hương. Mỗi nghi lễ đều có tác dụng và ý nghĩa đặc thù của nó. Quan lễ là buổi lễ trưởng thành, chứng tỏ tư cách của một người đủ để sau này có thể tham gia các buổi lễ khác. Cho nên nói Quan lễ là bước khởi điểm của mọi nghi lễ, hôn lễ là lễ thành gia lễ kết hợp chính thức mỹ mãn cho hai vợ chồng, phải đặc biệt chú ý đến tinh thần tôn kính thận trọng, đoàn kết thân ái của hôn lễ và yêu cầu của tinh thần này hàm chứa trong tất cả các nghi lễ khác bởi thế người ta mới nói hôn lễ là nền tảng của các lễ tiết.

Tăng Tử đã từng nói: “Thận trung truy viễn, dân đức quy hậu dĩ”. Thận trung tức nói Tang lễ, truy viễn là Tế lễ, sự phát triển rộng của Tang lễ và tế lễ sẽ làm cho tập tục trong xã hội trở nên thuần thực, chất phác, mọi người sẽ vì vậy mà xem trọng giá trị của lễ tiết. Lễ triều kiến và thăm viếng ngoại giao đều là lễ nghi của triều đình. Triều đình là nơi uy nghiêm trang trọng, bất cứ ai đến thăm

viếng hoặc cầu kiến Thiên tử, chư hầu đều cảm nhận được sự tôn nghiêm đó.

Hương Xạ và Hương ẩm tửu là những nghi lễ của nhà nông, trong những giây phút thanh thản sau khi làm lụng vất vả, họ cùng nhau uống rượu trò chuyện, tăng thêm tinh thần để tham gia cuộc thi bắn tên. Đây là một hoạt động có ý nghĩa nhất, mọi người trong làng hợp thành một tập thể hòa thuận gắn bó với nhau.

Các nghi lễ tuy có hình thức không giống nhau, tác dụng khác nhau nhưng đều theo đuổi một mục tiêu duy nhất là “Hòa” trong Luận Ngữ, Thiên dẫn Hữu Tử có nói: “Lễ chi dụng, hòa vi quý” điều này đã nói lên tác dụng cao nhất của Lễ, hiệu quả có thể đạt đến Hòa. Hòa chính là Hòa Bình, là mục tiêu của Lễ và cũng là lý tưởng cao nhất mà tư tưởng Nho gia nỗ lực theo đuổi. Trong sách lễ, Kháng Thiên có nói: “Chí trung hòa, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên” Trung là thái độ, phương thức hợp tình hợp lý mà xứng đáng nhất, còn Hòa là mục tiêu kỳ vọng cao nhất. Muốn nói nếu lúc nào cũng có thể đối nhân xử thế bằng thái độ phương thức trên thì sau cùng tất sẽ đạt được Hoà Bình lâu dài. Lúc đó trời đất cũng vì thế mà vận hành bình thường, yên ổn, vạn vật trong trời đất cũng vì thế mà sinh sôi nảy nở bình thường. Đây là hình ảnh một thế giới hòa bình vĩ đại nhất, cũng chính là kỳ vọng cao nhất của Nho gia.

6. Ý nghĩa của hôn lễ (3).

Sau khi hôn lễ kết thúc, sáng sớm hôm sau, khi trời chưa sáng cô dâu phải dậy trang điểm dàng hoàng sạch sẽ để báai kiến tôn trưởng, trời sáng có một phụ nữ giúp hành lễ đến đưa cô dâu đi gặp cha mẹ chồng. Cô dâu đựng táo, hạt dẻ, thịt khô trong những sọt tre nhỏ để làm lễ vật chính thức ra mắt cha mẹ chồng. Sau đó người hành lễ thay mặt cha mẹ chồng ban cho cô dâu một ly rượu ngọt. Cô dâu nhận ly rượu và ngồi tại chỗ để làm lễ tế cảm tạ, trước tiên tế thịt tương sau tế rượu, chứng tỏ cha mẹ chồng đã chính thức chấp nhận cô làm con dâu mới trong nhà. Khi cha mẹ chồng về phòng của mình thì cô dâu tự động xuống bếp chuẩn bị bữa cơm (món ăn chính là một con lợn con) mời cha mẹ chồng thưởng thức, chứng tỏ cô dâu tự nguyện hiếu thảo, kính trọng cha mẹ chồng. Sáng hôm sau nữa, cha mẹ chồng chính thức chiêu đãi con dâu, nghi thức “Nhất hiến chi lễ” rất quan trọng, cha mẹ chồng chúc rượu cô dâu, khi cô dâu đặt ly rượu xuống, khác với mọi khi, hôm nay cha mẹ chồng đi xuống nhà từ hướng Tây nhường Đông là hướng đi của chủ nhân cho con dâu. Ý từ nay trở đi con dâu đã thay mẹ chồng làm nữ chủ nhân trong nhà.

Phụ lục nguyên văn:

Túc hũng, phụ mộc dục dĩ sĩ kiến. Chất minh, tán kiến phụ vu cứu cô. Chấp kê, táo, lật đoạn tu dĩ kiến, tán

lễ phụ, phụ tế phủ hải, tế lễ, thành phụ lễ dã. Cừu, cô nhân thất, phụ dĩ đặc quý, minh phụ thuận dã. Quyết minh cừu cô cộng xan phụ dĩ nhất kiến chi lễ. Mạc thù, cừu cô tiên giáng tự tây giai, phụ giáng tự tộ giai, dĩ tước đại dã (Hôn nghĩa).

Thuyết minh:

Hôm sau cô dâu chính thức bái kiến cha mẹ chồng, lễ nghi này rất quan trọng, tuy chỉ là ban cho cô dâu ly rượu nhưng điều đó tỏ ý cha mẹ đã chính thức nhận con dâu. Tối hôm qua đã nhập môn và hôn lễ cũng đã được cử hành xem như không còn vấn đề gì nữa, nhưng nghi lễ chính thức bái kiến trưởng bối không thể thiếu được. Nghi lễ tuy đơn giản nhưng rất cần thiết, chứa đựng đạo lý làm người. Giữa con người với nhau do có sự qua lại mới tạo nên tình cảm, nếu cho rằng sự quen biết, qua lại với nhau là không cần thiết thì nhất định sẽ không có mối quan hệ nhân tế. Nếu mỗi người đều thu mình lại không có mối liên hệ thì xã hội này sẽ trở nên lạnh lẽo vì thiếu đi hơi ấm tình người. Trong bài lễ ký Lạc ký có nói Lễ tuy yêu cầu chúng ta phải hạn chế tiết kiệm giảm bớt các lễ nghi nhưng lại khuyên ta nên cố gắng làm được những quy định thiết thực trong giới hạn cho phép của lễ. Hơn nữa có cố gắng nỗ lực như vậy mới thực sự lấy lễ làm thuận, mỹ (nguyên văn: Lễ giản nhi tiết, dĩ tiết vị văn) nhất là đối với các bậc trưởng bối thì càng

phải chủ động hơn. Khi bạn làm được như vậy thì các bậc trưởng bối tuyệt đối không để bạn bị thiệt. Không những nhờ đó mà tạo nên được tình cảm mà còn được người khác tôn kính cho nên cô dâu tự xuống bếp làm cơm hiếu thảo với cha mẹ chồng thì cha mẹ chồng cũng chính thức mở tiệc để chiêu đãi con dâu, chúc rượu con dâu rất long trọng, đặc biệt hơn nhường đường đi phía Đông của chủ nhà cho con dâu. Những ưu đãi đặc biệt đó chính là sự qua lại giữa con người với nhau. Tất cả những nghi lễ này đều được tiến hành công khai trước mặt mọi người trong nhà để khẳng định vị trí cô dâu mới trong gia đình.

Không nên coi nhẹ và để mất đi những nghi lễ có ý nghĩa sâu sắc như vậy.

7. Ý nghĩa của hôn lễ (4).

Nghi lễ chấp nhận con dâu mới, biểu thị sự hiếu thảo tôn kính của con dâu đối với cha mẹ chồng, con dâu đủ tư cách để thay thế địa vị nữ chủ nhân. Tất cả những nghi thức đó đều yêu cầu cô dâu một cách sâu sắc, hy vọng cô sẽ làm được những điều tốt đẹp mà một người con gái nên làm như: hiếu thảo với cha mẹ chồng, hòa thuận với mọi người trong nhà, cùng chồng chia sẻ mọi nỗi niềm trong cuộc sống, làm tốt những công việc nhà như quay tơ dệt vải, quản lý thực phẩm vật dụng trong kho cẩn thận. Một người con gái có được đức tính đó thì nhất định gia đình

sẽ có nề nếp và hạnh phúc sẽ được bền vững. Cho nên các bậc vua thần ngày xưa rất xem trọng công - dung - ngôn - hạnh của người con gái. Trong ba tháng trước khi xuấ giá, người con gái phải học cách làm dâu. Nếu gia đình cô ta vẫn còn miếu tổ, địa vị "sĩ" của cha cô ta hơi thấp thì cô được gọi đến nhà của Trưởng họ để dạy dỗ. Nội dung dạy gồm bốn mục: thứ nhất dạy cô ta về đạo trình tiết nên có của người con gái, thứ hai là dạy cho cô những lời lẽ ôn hòa, thứ ba là dạy nghệ thuật làm đẹp, thứ tư dạy các kỹ năng thu vén gia đình. Sau khi học xong phải cúng tổ tiên, lấy cá làm vật tế, dùng cỏ tần rong biển để nấu canh. Những thứ đó đều rất hiền hòa, dùng làm vật tế để nói trong bất cứ trường hợp nào cô ta cũng không quên mình phải nhu mì và hòa thuận.

Dụng ý của nghi lễ là hy vọng cô ta có thể thực sự làm được những điều tốt đẹp mềm mỏng mà thuận hòa của một người con gái.

Phụ lục nguyên văn:

Thành phụ lễ, minh phụ thuận, hựu thân chi dĩ tước đại, sở dĩ trọng trách phụ thuận yên dã. Phụ thuận già, thuận vu cữu cô, hòa vu thất nhân, nhĩ hậu đương vu phụ; dĩ thành ti mạc bố bạch chi sự dĩ thẩm thủ ủy tích tàng. Thị cố phụ thuận bị nhĩ hậu nội hòa lý, nội hòa nhĩ hậu gia khả tường cữu dã. Cố thánh vương trọng chi. Thị dĩ cố già phụ thân tiên giá tam nguyệt, tổ miếu mạc

hủy, giáo vu công dung, tổ miếu kỳ hủy, giáo vu tông thất, giáo dĩ phụ đức, phụ ngôn, phụ dung, phụ công. Giáo thành tổ chi, sinh dụng ngư, chi dĩ tần tảo; sở dĩ thành phụ thuận dã (Hôn nghĩa).

Thuyết minh:

Nhu mì, hòa thuận là đức tính tốt đẹp của người phụ nữ phương Đông, đây không phải là do người nào đó đề xướng mà do sự giáo dục văn hóa lịch sử, tiềm tàng của khí hậu sản xuất hình thành nên, đây là đặc tính chung của người phụ nữ, đặc tính này phù hợp với đạo lý âm dương động tĩnh. Nhu hòa tuyệt đối không phải là nhu nhược yếu đuối mà ngược lại nó là một hình thái kiên cường khác. Quản lý một gia đình không phải là việc đơn giản, con người phức tạp việc nhà bề bộn chỉ có người phụ nữ mới đảm đương nổi, đàn ông lo việc bên ngoài còn đàn bà lo việc gia đình, bốn phận ai người này giữ, chỉ cần làm tròn bốn phận của mình thì gia đình sẽ được yên ổn, êm ấm, xã hội mới phồn vinh, đó là điều tất yếu. Nếu đổi ngược vị trí, đàn ông lo việc nhà, đàn bà ra ngoài làm việc thì khó mà tưởng tượng nổi gia đình đó sẽ như thế nào. Nếu cả hai vợ chồng cùng ra ngoài làm việc thì cũng không thể thiếu bàn tay người phụ nữ, như vậy người phụ nữ lại thêm một trọng trách nữa. Trải qua nhiều thể nghiệm trong cuộc sống thực tế, bao nhiêu là kết luận của tư duy trí tuệ, cuối cùng đã rút ra một

điều: Gia đình là thiên chức của người phụ nữ. Điều đó rất chính xác.

8. Ý nghĩa tang lễ. (1)

Khi người thân qua đời, người con hiếu thảo sẽ phải bỏ mũ xuống, chỉ chừa một miếng vải che tóc và một cây trâm, đi chân đất, vạt áo vén lên nhét vào lưng quần, hai tay đan chéo trước đầu và khóc lóc thảm thiết, buồn bã đau khổ, trong lòng như có lửa đốt, như bị thương tổn nghiêm trọng, cơ thể cạn kiệt không uống nổi một giọt nước, ba ngày tang trong nhà không nấu nướng gì cả. Hàng xóm biết được như vậy thì họ sẽ nấu ít cháo đem sang khuyên anh ta nên ăn một chút. Tại sao lại như vậy? Là vì khi trong lòng anh ta đau khổ đến cực độ thì vẻ bên ngoài cũng thay đổi, người ta không để ý đến tác phong của mình như ngày thường nữa, không nghĩ đến việc ăn uống, món ăn đối với họ trở nên vô vị, họ không để ý đến mọi việc xung quanh.

Đến ngày thứ ba nhập liệm, lúc tiểu liệm người chết vẫn nằm trên giường, gọi là Thi, lúc đại liệm sau khi đặt người chết vào quan tài thì gọi là Cữu. Lúc tiểu liệm phải tắm rửa thay quần áo nên phải di động thi thể, lúc đại liệm phải đưa linh cữu từ nhà đến nơi chôn cũng phải di động quan cữu. Những lúc di động quan cữu như vậy trong lòng gia quyến bị kích động rất mạnh, họ vùng vẫy khóc lóc mà không cách nào ngăn cản được, tâm trạng của họ

lúc đó rất phức tạp, vừa bi ai vừa căm giận, lý trí và tình cảm bị kích động, áp lực quá mạnh nên thường xé tán quần áo, giậm chân khóc lóc. Dao động cơ thể mạnh như vậy mới làm cho tâm trí ổn định phần nào, và làm vơi đi nỗi u uất trong lòng. Nhưng phụ nữ thì không thể xé nát quần áo được nên họ chỉ cởi bỏ áo ngoài, hai tay đánh vào đầu và nhảy lên, như vậy mới vơi đi nỗi đau trong lòng, bất kể nam hay nữ cũng dấm ngực và dậm chân kêu khóc, giống như trời đất sụp lở không thể thu dọn được vậy. Khi người ta đã đau khổ đến cực điểm thì họ sẽ có những biểu hiện như vậy. Trong Kinh hiếu có viết: “Dấm ngực, giậm chân kêu khóc đau xót cõi lòng đưa tiễn người thân sang thế giới khác” khi đã đưa tiễn người thân đến nơi an nghỉ và từ đó về sau sẽ không còn gặp mặt được nữa, nhưng trong lòng người con hiếu thảo vẫn còn hy vọng có thể đón linh hồn của người thân trở về và vẫn ở bên cạnh họ mãi mãi.

Phụ lục nguyên văn:

Thân thủy tử, kê tư, đồ tiễn, cực thượng nhảm, giao thủ khóc. Trắc đất chi tâm, thống tặc chi ý, thương thân, can can, tiêu phế, thủy tương bất nhập khẩu, tam nhật bất cử hỏa, cố lân lí vị chi ni chúc dĩ ẩm thực chi. Phu bi ai tại trung, cố hình biến vu ngoại dã; thống tặc tại tâm, cố khâu bất cam vị, thân bất an mỹ dã. Tam nhật nhi liệm, tại sàng viết thi, tại quan viết cửu, động thi cử cửu,

khóc dưng vô số. Trắc đất chi tâm, thống tạt chí ý bi ai chí muộn khí thịnh, cố đàn nhi dưng chi. Sở dĩ động thể an tâm hạ khí dã, phụ thân nhất nghi đàn, cố phát lung kích tâm tước dưng, ần ần diên diên, như hoại tường nhiên, bi ai thống tạt chi chí dã. Cố viết “Bích dưng khóc khắp, ải dĩ tống chi”. Tống hình nhi vọng, nghênh tinh nhi phản chi (Vấn Tang).

Thuyết minh:

Nửa phần trước của bài vấn tang chính là nội dung vốn có của ba bài Tang lễ sĩ, Tịch lễ và Ngu lễ sĩ bàn về ý nghĩa của tang lễ.

Cha mẹ mất đi là một mất mát lớn đối với người con hiếu thảo có tình cảm sâu đậm. Cho nên những biểu hiện như đấm ngực, giậm chân kêu khóc đều xuất phát tự nhiên từ nội tâm con người. Tuyệt đối không phải là nghi thức mà ai đó đã đặt ra để mọi người làm theo, vì thế các nghi thức trong tang lễ đa phần đều xảy ra theo nhu cầu tình cảm của con người lúc đó, hoặc Bộ lễ chế cũng là tự đúc kết từ những ghi nhận trực tiếp biểu hiện tự nhiên của con người lúc đó. Như lúc nhập liệm, thi thể cha mẹ bị dịch chuyển tất nhiên trong lòng họ sẽ bị xúc cảm cực mạnh và họ gào thét giận dữ là chuyện thường gặp, không thể giữ nguyên thái độ chỉnh tề như mọi khi được. Vì vậy ngay lúc đầu nên bảo anh ta bỏ mũ ra, anh ta nhất định sẽ đấm ngực giậm chân nên bảo anh ta phải đi chân đất bỏ

quần áo ra và lúc đó anh ta nhất định sẽ không thể ăn uống gì được nên quy định trong ba ngày không được nấu nướng. Nói như vậy là để chúng ta thấy rằng cách sắp đặt nghi thức trong tang lễ và được định ra theo nhu cầu tình cảm của con người.

Tận mắt thấy cha mẹ nhập liệm bị kích động mạnh thì sẽ kêu khóc giậm chân cho nên tang lễ có nghi thức khóc nhảy. Khi lòng dạ như lửa đốt, đau khổ đến cực điểm thì sẽ tự động xé bỏ quần áo để cảm thấy được mát mẻ thoải mái phần nào. Nên tang lễ có nghi thức cởi bỏ quần áo. Những điều này cũng được đúc kết từ tình trạng tự nhiên lúc đó. Nếu không hiểu được nguồn gốc của nghi thức này, dụng ý sắp đặt từ đầu thì không nên tùy tiện đánh giá hoặc vứt bỏ theo ý mình.

Khi đưa linh cữu đi mai táng, tận mắt nhìn thấy thi thể của cha mẹ mình bị chôn vùi dưới đất, e rằng có không ít người chịu đựng không được sự thay đổi từ hữu hình sang vô hình họ thường đòi ở lại mộ không chịu ra về. Nếu muốn khuyên họ thì phải đành nói rằng người chết tuy thi thể không còn nhưng linh hồn vẫn tồn tại, nếu muốn linh hồn của cha mẹ có nơi để về không phải phiêu bạt thì hãy mau trở về để chuẩn bị lễ tế mới được. Bất kể trên thế gian này có hay không có linh hồn nhưng nói như vậy họ sẽ đồng ý về nhà không đòi ở lại nữa. Thực ra Tế lễ và Tang lễ cũng chỉ dựa vào một chút hy vọng mong

manh nhưng nó lại là niềm an ủi động viên rất lớn đối với những người đau khổ bi thương. Vậy ai nỡ nhẫn tâm khẳng định rằng đó chỉ là sự mê tín hoang tưởng và nhất định phải phá vỡ nó?

9. Ý nghĩa của tang lễ (2).

Trong lúc đưa đi mai táng, quan cữu phía trước, con cái theo sau, suốt quãng đường đi họ luôn nhìn ra phía trước trong lòng lo lắng như đang theo đuổi cái gì đó nhưng lại không cách nào đuổi kịp, trong lòng hoảng sợ không yên, sau khi chôn cất xong họ khóc suốt đến khi về nhà. Dáng vẻ vẫn như đang tìm kiếm cái gì đó mà vẫn không tìm thấy. Trước đây có người nói: nỗi lòng của con cái khi chôn cất cha mẹ giống như đứa trẻ bị lạc giữa đám đông cứ tìm kiếm kêu khóc mãi. Sau khi chôn cất trên đường trở về trong lòng họ do dự bởi hồi không biết linh hồn cha mẹ ở đâu có thật là đang theo họ trở về không, họ cứ tìm kiếm và đương nhiên là tìm không thấy. Khi sắp đến nhà, họ hy vọng cha mẹ sẽ đứng bên cửa chờ họ về như trước đây nhưng khi bước vào nhà họ không thấy gì cả. Họ lại nghĩ cha mẹ họ ngồi trong nhà như mọi khi, họ lên nhà và cũng chẳng thấy gì, không lẽ ở trong phòng? Vào phòng sao lại không thấy gì cả? Mọi vật dụng trong nhà đều như có sự hiện hữu của cha mẹ nhưng cảnh vật thì vẫn vậy, người xưa lại không còn. Lúc này mới thật sự hiểu rằng cha mẹ đã mất, mất vĩnh

viễn không còn nhìn thấy nữa và họ lại khóc lóc đấm ngực giậm chân để vơi đi nỗi đau trong lòng. Lúc này tình cảm của họ chuyển từ căm hận tội độ sang xót xa thâm thẳm và rồi lại có chút hy vọng họ có thể cảm thông với linh hồn người đã khuất, nhưng hoang mang không biết làm cách nào. Cuối cùng họ cũng hiểu ra sự thật nhưng không biết than thở bằng cách nào. Đến lúc này tâm trí họ đã bình tĩnh và hoàn toàn tuyệt vọng, chỉ có thể giấu đau thương mất mát tận đáy lòng. Bài vị của cha mẹ được đặt vào miếu tổ và từ đó về sau những lúc thờ cúng tổ tiên cũng chỉ có thể làm tế hương theo phương thức tế quỷ thần nhưng bất kể như thế nào ít nhiều gì họ cũng hy vọng rằng cha mẹ có thể trở về tiếp nhận sự hiếu kính của họ.

Sau khi đắp xong mộ về nhà họ không nở ở trong căn phòng ẩm áp của mình, và họ ra bờ tường ngoài cửa dùng những cành cây cắm xéo lên bờ tường làm thành chòi lá và tạm thời sống ở đó. Vì họ nghĩ cha mẹ họ lúc này đang lạc lõng rét mướt ngoài trời, trong lòng họ cảm thấy buồn bã xót thương nên cũng không muốn ở trong nhà, họ ngủ trên rơm rạ, lấy bùn đất làm gối đầu vì họ nghĩ rằng cha mẹ cũng phải ngủ trong bùn đất rơm rạ. Từ đó về sau mỗi lần nhớ thương cha mẹ lại khóc lại buồn bã khoảng ba năm. Đó là do nỗi nhớ mong sâu sắc của người đưa con hiếu thảo và cũng là tình cảm tự nhiên

của con người.

Phụ lục nguyên văn:

Kỳ vọng tông dã, vọng vọng thiên, cấp cấp nhiên, như hữu truy nhi phát cấp dã, kỳ phản khốc dã, hoàng hoàng nhiên, nhược hữu cầu nhi phát đắc dã. Cố kỳ vọng tông dã như mộ, kỳ phản dã như nghi. Cầu nhi vô sở đắc chi dã. Nhập môn nhi phát kiến dã, thương đường hựu phẩn kiến dã, nhập thất hựu phát kiến dã. Vọng hỉ, tang hỉ, bất khả phục kiến kỷ hỉ. Tâm thường yên, thương yển, hốt yên, khái yên, tâm tuyệt chí bì nhi kỷ hỉ. Tế chi tông miếu, dĩ quý hưởng chi, kiểu hạnh phúc phẩn dã. Thành khoảng nhi quy, bất cảm nhập sở thất, cư vu ỷ lự, ai thân chi tại ngoại dã; tâm khổ chẩm khối, ai thân chi tại thổ dã. Cố khốc khắp vô thời, phục cần tam niên, tự mô chi tâm, hiếu tử chi chí dã nhân tình chi thực dã. (Vấn tang).

Thuyết minh:

Khi an táng trở về nhà, họ lại khóc vì ở đâu cũng thấy hình bóng của cha mẹ, rồi tiếp đó phải lo lễ Ngu tế cho linh hồn cha mẹ. Ngu tức Yên, Ngu lễ là lễ tế cho tâm hồn được yên vị. Sau lễ Ngu tế, không được khóc lóc nữa, lễ chế gọi là “Tốt khóc” các nghi thức của Tang lễ từ trước đến nay đều bị cho là phức tạp nặng nề nhưng nó có lý do riêng của nó. Khi cha mẹ vừa mất, nhập liệm, con cái khóc lóc vùng vẫy không cách gì ngăn cản nổi, nhưng đến

khi chôn cất thì chỉ được khóc từ sáng đến tối còn những lúc khác không được khóc. Sau lễ Ngu tế cũng không được khóc trước mặt mọi người. Đó là những hạn chế trong quy định của tang lễ. Mới nghe thì cho rằng đó là những hạn chế tiêu cực nhưng thực tế nó lại mang ý nghĩa rất tích cực.

Khi cha mẹ trở thành người thiên cổ bất cứ ai cũng cảm thấy vô cùng thương xót và rất có thể anh ta sẽ bị rơi vào hố sâu của đau khổ tức là anh ta có thể sẽ đau khổ suốt đời. Nếu như mỗi người chúng ta khi đến tuổi trung niên gặp phải cảnh biệt ly đó cũng đều thất vọng đến bạc nhược tinh thần thì cả xã hội sẽ bị tê liệt. Để bảo toàn nguyên khí của xã hội nên đã quy định kỳ hạn cao nhất của tang lễ không quá ba năm. Gọi là để tang ba năm nhưng trên thực tế chỉ có 25 tháng. Trong thời gian đó nhất định tinh thần phải được ổn định trở lại, điều đó không dễ thực hiện cho nên cần phải sắp đặt nhiều nghi thức để người ta từng bước chấp nhận sự thật, dần dần khép lại tình cảm, che giấu nỗi đau, đến lúc mãn tang mới có thể cởi bỏ tang phục tiếp tục chính thức hòa hợp với cuộc sống thực tế. Vì vậy mới có nhiều nghi thức đủ để người ta có thể dần dần thích ứng với sự chuyển biến này. Sự nặng nề của tang lễ cũng có lý do bắt buộc của nó, khi cha mẹ vừa mất có thể khóc lóc bữa bái, nhưng khi chôn cất xong chỉ được khóc một lần trong

thời gian từ sáng đến tối, sau khi làm lễ Ngu tế thì không được khóc nữa. Tang phục may bằng sợi đay như lúc đầu mặc là mỏng nhất, tang phục sau lễ tế được thay đổi dần dần, càng thay càng dày, cuối cùng là một bộ bằng đay tương đối dày, khi cởi ra cũng rất dễ dàng. Ý là muốn giúp cho mọi người từng bước từng bước học cách thu lại và che giấu. Mục đích cuối cùng là hoàn toàn hồi phục. Nói ngược lại, nếu không có nỗi đau xót lớn lao như vậy thì không cần phải giúp đỡ gì cả, để tự nó hồi phục bình thường cũng không cần thiết phải có nhiều nghi lễ như vậy.

10. Ý nghĩa của thời kỳ để tang (1).

Có người hỏi:

“Trong lễ tang, cái gọi là ba năm để tang, có tác dụng gì?”.

Trả lời:

“Đó chính là sự thể hiện tình cảm ít hay nhiều giữa người với người, qua đó mà định ra chế độ nghi lễ. Lợi dụng chế độ lễ văn này, để thể hiện quan hệ qua lại trong cộng đồng, bao gồm sự giới hạn thân hay sơ, xa hay gần, sang hèn kính bỉ. Một khi đã vạch ra giới hạn, thì không thể tùy ý tăng giảm. Vì thế trong lễ tang cho dù ở đâu vào thời nào cũng không thể sửa đổi được nguyên tắc này.

Khi một người bị trọng thương, khá lâu mới hồi phục

trở lại, khi nhận một sự đau buồn sâu sắc thì thời gian để trở lại bình thường cũng không ngắn. Vì thế thời hạn để tang trong ba năm, chính là sự phối hợp với sợi dây tình cảm mà định ra lễ nghi; Đó là giới hạn lớn nhất cho những nỗi thống khổ to lớn nhất. Thậm chí sự sắp đặt việc phục sức cho những ngày để tang cũng nhằm biểu lộ sự đau khổ vô cùng lớn của thân chủ, như: tang phục may bằng vải dày khô, gậy trúc xám, ở trong lều cỏ, ăn cháo lỏng, ngủ trên đồng cỏ và đầu thì gối trên bùn.

Phụ lục nguyên văn:

“Tam niên chi tang hà dã?”. Viết: “Xưng tình nhi lập văn, nguyên dĩ sức quần biệt, thân sơ qui tiết chi tiết, nhi bất khả tổn ích dã. Cổ viết: “Vô dị đạo dã. Sáng cụ giả nhật cụ, thống thậm giả kỳ dư trì, tam niên giả, xưng tình nhi lập văn, sở dĩ vi chí thống cụ dã. Trảm suy, thủ tượng, cư ý hỉ, thực chúc, tâm khổ, chẩm khối, sở dĩ vi chí sức dã” (Tang niên gian).

Thuyết minh:

Tang phục chủ yếu để biểu lộ tình cảm. Tình cảm có thân có sơ cho nên có người thân người không thân, lẽ sẽ có sự khác biệt ít nhiều. Đương nhiên người thân thì tình cảm sẽ sâu nặng hơn, tang phục sẽ tương đối phức tạp; người họ xa tình cảm cũng xa, tang phục cũng vì thế mà đơn giản hơn. Chính vì thế mà người ta cho rằng chế độ tang phục là mực đo tình cảm sâu nặng, thân sơ. Họ hàng

gia tộc là tổ hợp quan hệ cực kỳ phức tạp, mà cũng chỉ chế độ tang phục của người Trung Quốc mới có thể phân hoạch một cách rõ ràng. Vì thế chế độ tang phục rất tỉ mỉ, tinh tế và có nội dung, nó đã hình thành nên một phần di sản quan trọng trong nền văn hóa Trung Quốc.

Xét trên bề mặt của vấn đề, công dụng trọng điểm của chế độ tang phục ở chỗ “phân”, nhưng thực ra cốt lõi quan trọng nhất của nó lại là “hợp”. Ví dụ: họ hàng tương đối xa, có lẽ ngày thường ít khi qua lại, nhưng chế độ tang phục cho ta biết giữa đôi bên còn có mối quan hệ họ hàng, khi gặp nhau đương nhiên sẽ thân mật hơn, khi có việc sẽ có thêm sự giúp đỡ; họ hàng xa còn như vậy, họ hàng gần lại còn thân thiết hơn; trong năm cấp loại tang phục người ta có thể từ đây biết được vốn đều là người nhà, từ đó thiết lập nên quan niệm gia tộc mang màu sắc đặc biệt sâu đậm của người Trung Quốc, càng vì thế mà đi sâu vào lòng người. Kiểu quan niệm này sẽ phản ánh:

- Về chính trị: hình thành một hệ thống cục diện lịch sử phân chia lâu ắt có ngày tụ hợp.

- Về xã hội: đó là tình thái đoàn kết hợp tác với tư tưởng “một giọt máu đào hơn ao nước lã, càng phân biệt nội ngoại trong quan niệm về gia tộc.

11. Ý nghĩa của thời kỳ để tang (2).

Có người hỏi:

“Nói là để tang ba năm, song thực tế 25 tháng đã kết thúc rồi. Lúc này, nỗi lòng đau đớn của kẻ để tang vẫn chưa nguôi, sự nuối tiếc với người đã khuất vẫn chưa quên được, song quy định của quần áo để tang lại đã chấm dứt ngay. Nếu quy định như vậy phải chăng biểu thị tình cảm của chúng ta tiễn đưa người thân rời khỏi thế gian này chỉ đến đây thôi, và đó cũng là sự khôi phục cuộc sống bình thường của người đang sống phải không?”

Trả lời:

“Phàm là sinh sống ở giữa trời đất này đối với các loài động vật có hơi, có máu nhất định đều có cảm tính tứ giác. Và các loại động vật có cảm tính tứ giác đều không thể không nhận biết đồng loại của mình. Ví như các loài muông thú lớn, nếu như chúng bị mất bạn đời hoặc lứa đôi, thì một tháng sau hoặc một mùa sau nhất định nó sẽ trở lại nơi cũ tìm kiếm. Và nếu ngẫu nhiên nó lại đi qua nơi mà đã sinh ra chúng thì chim muông sẽ bay lượn một vòng, kêu lên mấy tiếng lớn, còn dã thú thì lấy chân cào cào, đi quanh mấy vòng rồi mới bỏ đi. Song trong các loài động vật có máu có hơi thì không loại nào có cảm tính hơn con người. Vì thế khi con người có người thân mất đi, và gánh nặng đau khổ về tâm lý cho đến khi chết vẫn chưa thôi. Như vậy thì làm thế nào? Nếu như chúng ta làm theo các điều ngu xuẩn ấy, vô tri vô thức hoặc giả tà ác bất chính, hoặc nữa như tư tưởng hành vi của các kẻ

phóng đăng hay sao? Đối với họ thì cha mẹ có mất lúc sáng sớm thì buổi tối họ đã quên sạch sành sanh rồi. Và nếu làm như ý nghĩ của họ thì cũng chẳng bằng loại cần thú nữa. Nếu đúng như vậy thì chúng ta có thể sống với họ được không, mà không để xảy ra rối loạn hay sao? Nói một cách khác cứ theo hành vi tư tưởng của các kẻ quân tử có tu dưỡng mà làm có được không? Họ cho là để tang ba năm chỉ cần 25 tháng kết thúc là được, giống như từ trong cổng nhìn ngựa chạy bên ngoài, trong nháy mắt đã qua rồi. Nếu theo cách suy nghĩ của họ thì kéo dài nỗi đau khổ thì thật là vô cùng tận. Vì vậy cổ thánh tiên vương lấy đó mà quyết định xây dựng một thời hạn thích hợp, định ra chế độ tang lễ đủ để đa số mọi người thấy hợp tình hợp lý. Và như vậy vấn đề đó sẽ được giải quyết một cách tự nhiên.

Phụ lục nguyên văn:

Tam niên chi táng, nhị thập nguyệt nhi bế táng thương vi tận, tư mạc vi vong. Nhiên nhi phục dĩ thị đoạn chi giả, khởi bất tống tử hữu di, phục sinh hữu tiết dã ? “Phàm sinh thiên địa chi gian giả; hữu huyết khí chi thuộc hữu chi, hữu chư chi thuộc mạc bất chi ái kỳ loại. Kim thị đại điều thú, tắc thất táng kỳ quần phỉ, việc nguyệt du thời mã, tắc tất phản tuần. Quá kỳ cố hương, vũ hốc mã, minh hiệu mã, địch xác mã, chi phủ mã, nhiên hậu nãi năng khứ chi. Tiểu giả chi vu yển tước, dư hữu điều khiêu chi

khuyh mã. Nhiên hậu nãi năng khứ chi. Cố hữu huyết khí chi thuộc giả, mạc chi vu nhân, cố nhân vu kỳ thân dã, chi tử bất cùng. Tương do phu ngu xi tà dâm chi nhân dư? Tắc bỉ triệu tử nhi tích vong chi, nhiên nhi từng chi, tắc thị tăng điều thú, chi bất khổ dã, phu mã năng tương du quần cư nhi bất loạn hổ? Tương do phu tu sức chi quân tử ma? Tắc tam niên chei táng, nhị thập ngũ nguyệt nhi bế, khổ tây chi quá khổng, nhiên nhi toại chi, tắc thị vô cùng dã. Cố tiên vũ trong mã vi chi lập trung chế tiết. Nhất sử túc dĩ thành văn lý, tắc thích chi ai” (Tam niên vấn).

Thuyết minh:

Cái gọi là lễ táng ba năm, thực tế chỉ có 25 tháng, vì 25 tháng có tính toán thế nào đi nữa cũng sang năm thứ ba rồi, vì thế mới gọi là ba năm. Tình hình cụ thể thế nào, dưới đây sẽ nói rõ.

Thời hạn để tang không được phép kéo dài quá ba năm, song cũng có người cho rằng nhanh quá, có người lại cho rằng lâu quá. Điều đó là vì mưa sao cho khắp, trên thế gian này không thể có việc nào vừa lòng mọi người cả cho nên chỉ cần hợp tình hợp lý và hợp với nhu cầu của số đông là đáp án tiêu chuẩn nhất rồi.

12. Ý nghĩa của thời kỳ để tang (3).

Có người hỏi:

“Thế thì thời gian để tang chỉ cần một năm có được

không?”.

Trả lời:

- Nếu là những người thân nhất thì một năm thôi cũng được.

- Vì lý do gì vậy?

Trả lời:

- Bởi vì một năm qua đi, thiên địa nhật nguyệt vận hành cũng đã tuần hoàn biến đổi. Xuân hạ thu đông cũng qua một lần, phàm những sự vật nào sinh sống trong khoảng trời đất đó đều không có lặp lại thời gian quá khứ, mà bắt đầu đi vào một cuộc đời mới, nên không có cách nào so sánh quy luật tự nhiên đó nên chỉ một năm là chấm dứt.

- Thế thì vì sao lại có nơi kéo dài ra ba năm?

Trả lời:

- Việc đó để biểu thị còn nặng hơn thời gian để tang một năm. Nếu lấy thời gian một năm để tính gấp đôi thì phải 2 năm mới mãn kỳ.

- Cũng có loại để tang dưới 9 tháng thì tính ra sao?

Trả lời:

- Vì có loại họ hàng xa nên thời gian để tang chưa đến một năm.

- Vì thế việc phân chia thời hạn để tang dài nhất là ba năm, dùng quần áo xô là mức độ thấp, sau đó lấy thời hạn một năm và hợp lại thành 5 loại. Sự phân chia thời

gian để tang phần trên là lấy sự vận chuyển của thiên thời, phần dưới là vận dụng biến hóa của địa hình, và phần giữa là căn cứ vào mối quan hệ với thân thuộc. Có thể nói là chế độ tang lễ hợp tình hợp lý. Con người sở dĩ duy trì được sinh hoạt quần thể với nhau, mà lại giữ được chung sống hòa bình, đoàn kết nhất trí, có thể nói mọi đạo lý là ở trong đó cả.

“Vì thế lễ chế để tang ba năm là một thành quả hoàn mỹ nhất, nếu như làm đúng như vậy thì thực là một sự cống hiến long trọng nhất và to lớn nhất. Đó cũng là các bậc thánh vương các thời đại nêu ra, và cũng là tiêu chuẩn mà mọi người cùng tuân thủ, song có biết được lễ chế đó như thế nào.

Khổng Tử nói:

“Trẻ con sau ba năm mới được rời khỏi vòng tay bế ẵm của cha mẹ, cho nên khi cha mẹ mất đi, con cái phải báo đáp ân huệ vất vả nhất của cha mẹ trong ba năm, để tang cha mẹ ba năm là lễ tang thông thường của mọi người trong thiên hạ”.

Phụ lục nguyên văn:

Nhiên tắc hà dĩ chí kỳ dã? Chí thân dĩ kỳ đoạn. Thị hà dã. Viết: “Thiên địa tắc kỷ dịch ai, thứ thôi tắc kỷ biến ai, kỳ tại thiên địa chi trung giả, mạc bát canh thử mã dĩ thị tượng chi dã, nhiên tắc hà dĩ tam niên dã?” Viết: “một là sử phật cập dã, cố tam niên dĩ vi long, tư, tiểu công dĩ

vi sát, Kỳ cửu nguyệt dĩ vi gian, thượng thủ tương vu thiên hạ thủ pháp vu địa, trang thủ tặc vu nhân. Nhân chi sở dĩ quân cư hòa nhất chi lý tận ai. Cố tam niên chi táng, nhân đạo chi chí văn giả dã, phu thị chi vị chí long, thị bách vương chi sở đồng, cổ kim chi sở nhất dã, vu hữu chi kỳ sở do lai giả dã Khổng Tử viết: “Tử sinh tam niên, nhiên hậu miễn vu phụ mẫu chi hoàn, phu tam niên chi táng, thiên hạ chi đạt táng dã.

Thuyết minh:

Quần áo tang lễ là dùng để mặc khi có người thân chết, thời hạn để tang là thời hạn mặc quần áo tang. Quần áo tang và thời hạn để tang phải phối hợp vận dụng, mặc loại quần áo gì thì để tang bao lâu, song có lúc vì điều kiện khác nhau, hoặc vì thay đổi nguyên nhân thì quần áo vẫn như vậy, song thời hạn lại thay đổi vì thế phải nói riêng về quần áo và thời hạn, rồi mới nói gộp lại.

Quần áo tang lễ có 5 loại, và khác nhau rõ nhất là vải xô dày thưa. Nếu lấy sự thay đổi của trang phục để biểu thị sự cách biệt về quan hệ thân thiết thì không phải chỉ có 5 loại. Song đại thể thì chia làm năm loại là được. Quần áo tang gồm năm loại là táng, kỳ, đại, công, tiểu công; tư ma. Xét về tên gọi các loại quần áo tang thì đại công và tiểu công có thể là sự phân chia quần áo kiểu “công phục”. Vì loại quần áo này bao gồm các loại

thân thích nhiều quá, thân sơ cũng không rõ ràng, vì thế từ loại một chia ra loại hai, tên gọi cũng từ đó chia ra đại công và tiểu công. Và kết hợp với thời hạn để tang, rất có thể quần áo xô cũng do phân chia từ công phục mà ra. Như phần trước nói thì quần áo để tang lấy “Kỳ” làm cơ sở, ân nghĩa càng nặng thì càng tăng thêm 25 tháng, gọi là quần áo tang lễ để tang ba năm. Còn ân tình nhẹ hơn thì giảm đi một nửa hoặc nửa năm, vì thế lúc đầu có thể chia có ba loại thôi. Nhưng vì loại “công” bao hàm thân thích quá nhiều nên quan hệ họ hàng xa gần không giống nhau nên lại phải chia thêm. Vì thế quan hệ gần thì lại tăng lên, giữa một năm và nửa năm cộng thêm chín tháng tên gọi thì căn cứ vào lớn bé mà định, cũng có loại đại công chín tháng, và tiểu công nửa năm. Nhưng rồi sau đó thấy loại tiểu công cũng bao hàm nhiều quan hệ thân thuộc quá nên lại chia bớt đi những quan hệ xa xôi. Và đó cũng là nguyên tắc giảm một nửa, và chia loại vải xô ba tháng. Nói tóm lại là có năm loại quần áo để tang. Tuy rằng “công nhỏ” đã chia lên thành “công lớn”, chia xuống thì là vải xô. Còn loại tiểu công thì không bao hàm các loại quan hệ thân thuộc khác nhau, nên đã đổi thời hạn để tang từ nửa năm thành bảy tháng và năm tháng, song tên gọi thì không sửa được nữa nên có loại tang bảy tháng và năm tháng, và cũng vì không sửa lại tên gọi nên mới gộp thành quần áo tang lễ năm loại.

Về mặt quần áo để tang và thời hạn để tang, dùng phương thức biểu quyết để giới thiệu dưới đây sẽ càng rõ hơn nữa.

1. BA LOẠI QUẦN ÁO ĐỂ TANG THỜI KỲ ĐẦU.

PHỤC TRANG

THỜI HẠN

Ai 3 năm (Tái Kỳ)

(Tăng đôi)

(Cơ chuẩn) Kỳ 1 năm

(Giảm 1/2)

Công 1/2 năm

2. NĂM LOẠI QUẦN ÁO ĐỂ TANG THỜI KỲ SAU.

PHỤC TRANG

THỜI HẠN

Ai 3 năm (Tái Kỳ)

Kỳ 1 năm

[Đại công 9 tháng

(Tăng 1/2)

[Tiểu công (1/2 năm)

{ 7 tháng

{ 5 tháng

(Giảm 1/2)

Quần áo xô 3 tháng

Quần áo lễ tang 5 năm, thời hạn lễ tang cũng 5 loại (tiểu công 7 tháng và 5 tháng không chia ra nữa). Bên ngoài thì thấy chỉ có 5 loại phối hợp giữa quần áo và thời hạn. Trên thực tế quần áo còn có tăng giảm, thời hạn cũng có giảm đi. Giữa quần áo và thời hạn có thể phân chia phối hợp vì thế có rất nhiều đẳng cấp để phân chia các loại quan hệ thân thiết.

Lấy việc phân chia thời hạn để tang thì lễ tang được một năm, có 12 tháng, 9 tháng, 6 tháng và 3 tháng. Ngoài việc lấy tiêu chuẩn cơ bản một năm ra rất may là có khoảng cách 3 tháng khác nhau, và tuần hoàn một năm theo tự nhiên. Mỗi năm có bốn mùa và mỗi mùa có ba tháng, vì thế có thể nói rằng căn cứ vào việc quay chuyển của thời tiết. Trong quan hệ thân thích ngoài những quan hệ xa gần cố định ra, còn có nguyên nhân giàu sang nghèo hèn. Ví như sĩ đối với sĩ, và sĩ đối với đại phu lễ chế cũng đã khác nhau rồi. Nguyên nhân khác biệt đó cũng giống như địa hình cao thấp khác nhau nên phải tùy nơi, tùy chỗ mà thay đổi. Vì thế về điểm này có thể nói là tùy theo địa hình mà thay đổi, và cần thiết phải theo quan hệ nhân tế nữa để định ra sự khác biệt xa gần thân sơ. Vận dụng những nguyên tắc trên càng không có vấn đề gì.

Việc phân chia thời gian để tang lấy cơ sở là một năm. Nếu ân tình thâm sâu thì tính thời gian một năm rồi tăng thêm như vậy là 24 tháng, chứ không phải là 25 tháng. Vì sao mà lại 24 tháng cộng thêm một tháng nữa? Bởi lẽ như vậy sẽ bước sang năm thứ ba, cho nên gọi là để tang ba năm, phù hợp với lời Khổng Tử đòi hỏi báo đáp cha mẹ ít nhất là ba năm.

13. Ý nghĩa của tế lễ (1).

Tổ chức lễ tế không thể nhiều lần quá vì nhiều lần

quá làm người ta thấy phiền phức, và khi thấy phiền phức rồi thì sẽ làm giảm bớt ý nghĩa kính trọng đi. Lễ tế cũng không thể có số lần quá ít và số lần quá ít sẽ làm cho người ta biếng nhác và khi đã biếng nhác thì người ta dễ quên. vì vậy, quân tử có đức thường theo sự tuần hoàn một năm bốn mùa của thiên nhiên để định ra lễ chế từng mùa xuân hạ thu đông.

Khi mùa thu đến, sương mù bao phủ trái đất những quân tử có đức thấy sự thay đổi thời tiết như vậy, trong lòng tự nhiên trào lên tâm trạng buồn bã. Mà cảm xúc đó không phải là do nhiệt độ bên ngoài ảnh hưởng mà là vì cảnh tượng đang náo nhiệt bỗng dưng trở nên tiêu điều, khiến cho tự trong cõi lòng thâm kín thương nhớ người thân thích của mình. khi mùa đông đến, mưa phùn giăng khắp mặt đất, những người quân tử có đức thấy sự thay đổi thời tiết như vậy tự nhiên trong lòng có một cảm giác rung động với thời tiết, nhớ mong những người thân đã khuất. Rồi theo sự hồi sinh mùa xuân cũng tái hiện ra trước mắt. Sự thay đổi thời tiết tự nhiên đã dẫn đến tình cảm hoài niệm người thân, vì thế an bài ra cái lệ mỗi năm cúng tế một lần đều hợp tình hợp lý cả.

Mọi người thường với tâm tình vui vẻ nghênh đón sự hồi sinh do thần xuân mang đến, và với tâm trạng buồn rầu tổng tiễn sự phồn hoa của thần mùa thu đem đi. Cũng vì vậy mà các tiết mục lễ mùa xuân có âm nhạc, còn mùa

thu thì không có âm nhạc.

Phụ lục nguyên văn:

Tế bất dục số, số tắc phiền, phiền tắc bất kinh. Tế bất dục sơ, sơ tắc đãi, đãi tắc vong. Tự có quân tử hợp chư thiên đạo. Xuân để thu thường. Sương lộ ký giáng, quân tử lữ chi, tất hữu thê thương chi tâm, phi kỳ hàn chi vị dã. Xuân, vũ lộ ký nhu, quân tử lữ chi, tất hữu truật thích chi tâm, như tương kiến chi. Lạc dĩ nghênh lai, ai dĩ tống vãng, cố hữu đạo nhi thường vô lạc (Tế nghĩa).

Thuyết minh:

Lễ cúng có chia hai loại trong và ngoài. Đối với sông núi, nhật nguyệt, phong cũ, đều cử hành bên ngoài, cho nên gọi là cúng lễ bên ngoài. Còn cúng bái tổ tiên ở nhà thờ hoặc cúng vái đều là cúng lễ bên trong. Phần này nói về lễ cúng bên trong là chính.

Lễ cúng nhà thờ thường xuyên gọi là “Thời hanh lễ”, có nghĩa là mỗi năm cúng lễ chỉ có bốn lần, số lần không nhiều cũng không ít, nhất là những lúc thay đổi bốn mùa làm cho mọi người nhớ đến người thân, phối hợp sắp đặt một lần cúng lễ, để cho tâm tình được an ủi tương đối thỏa mãn, thực là hợp tình hợp lý.

Sự thay đổi bốn mùa từ hạ sang thu rồi từ đông sang xuân, cảnh quan khác nhau rất rõ rệt. Mùa hạ thì trước mắt mọi người đều phồn hoa phát triển, nhưng rồi khi gió thu về mọi vật đều trở nên tiêu điều lạnh lẽo,

dường như thân mùa thu đã cuối đi mọi sức sống dồi dào, cho nên rất dễ làm cho mọi người liên tưởng đến cuộc sống của những người thân đã bị đẩy sang thế giới khác, nỗi đau đớn ẩn giấu trong tim tất nhiên sẽ trào lên và những tình cảm thân thiết nhớ đến người thân cũng sẽ dâng lên. Mùa đông khắp trái đất lạnh lẽo cô quạnh, nhưng rồi đến mùa xuân thì mưa phùn giăng giăng khắp nơi, mặt đất bắt đầu nhô lên chút lộc xuân, cành cây cũng bắt đầu thay phục trang mới. Sự thay đổi đó giống như thân mùa xuân lại đem cuộc sống trở về nhân gian, trong lòng mọi người lại trào lên một hy vọng mãnh liệt, sinh mệnh của người thân thích cũng theo vạn vật nảy sinh trở lại nhân gian này. Từ mùa xuân sang hạ và từ mùa thu sang đông cảnh sắc thay đổi không mạnh mẽ như mùa xuân, mùa thu, song vì khí hậu cho nên sự khác biệt về bốn mùa cũng thật rõ rệt. Cho nên sự thay đổi bốn mùa, bất luận là mang đến hy vọng hay là bất khoản cũng đều động chạm đến nỗi bi ai và đau đớn thâm kín từ trong đáy lòng. Vì thế có tổ chức cúng lễ đứng về mặt ân tình của người thân mà nói thì cũng đã là niềm an ủi to lớn rồi.

14. Ý nghĩa tế lễ (2).

Trước khi cúng lễ phải chuẩn bị thật đầy đủ. Tế trai có 2 loại: trước tiên là chuẩn bị các sự vụ đối ngoại, gọi là tăn trai, sau đó là chuyên bài trừ các tạp niệm trong lòng

gọi là chí trai. Khi làm chí trai ở nhà phải tập trung hết tinh thần nghĩ đến cuộc sống của người thân thích khi cùng sống với mình, nghĩ đến lời ăn tiếng nói, nghĩ đến chí hướng ước nguyện, nghĩ đến những việc vui những tập quán, sở thích của người thân. Từ khuôn khổ bên ngoài dần dần nghĩ đến những chi tiết nhỏ nhất. Tâm ý như vậy tập trung suy nghĩ ba ngày để hình dung lại hình tượng của người thân mình cúng giỗ, tất nhiên sẽ hiện ra rõ ràng trước mắt mình.

Phụ lục nguyên văn:

Chí trai vu nội, tảo trai vu ngoại. Trai chí nhật, tứ kỳ cư xứ, tứ kỳ tiểu ngũ, tứ kỳ chí ý, tứ kỳ sở lạc, tứ kỳ sở thị. Trai tam nhật, nãi kiến kỳ sở vi trai lão (Tế nghĩa).

Thuyết minh:

Hy vọng hôm tổ chức lễ cúng không bị sự việc nào bên ngoài quấy nhiễu thì phải sắp xếp công việc trước. Trong cuốn Lễ ký có nói rằng tảo trai phải 7 ngày. Trong 7 ngày đó đủ để giải quyết mọi việc cần làm rồi. Sau đó về nhà chí trai. Trong sách lễ có nói chí trai 3 ngày và mục đích của chí trai là bài trừ những tạp niệm trong lòng sau đó sẽ toàn tâm toàn ý làm việc cúng lễ. Như vậy thì cúng lễ mới làm cho tâm chí chúng ta được an ủi và thỏa mãn. Muốn đạt tới mục đích trong lòng không có tạp niệm thì trong ba ngày phải tập trung tư tưởng nhớ lại những chi tiết cuộc đời của người thân lúc sinh thời. Ba ngày suy

nghe trong đầu óc sẽ toàn là hình tượng của người thân thương và những phiền đoạn cuộc đời của người thân mà không còn bất cứ một tạp niệm nào xen vào nữa.

15. Ý nghĩa tế lễ (3).

Sau khi tập trung toàn tâm toàn ý cho đến ngày làm lễ cúng, vừa bước vào phòng ngẩng đầu lên sẽ phảng phất như thấy hình tượng người thân ở trên đó. Từ phần cúng lễ buổi sáng cho đến các vật cúng lễ dâng lên thần, hiểu tử đi quanh ba lần, bắt đầu đi lùi ra ngoài cửa chờ đợi, song tinh thần vẫn tập trung ở phía trong, nhất định sẽ nghe thấy bên trong, tưởng tượng động tác bên trong, trong lòng cũng cảm thấy mãn nguyện rồi. Phần buổi chiều tiến hành cho đến khi dâng lễ cúng thần và cũng là thời khắc sắp kết thúc cúng lễ, hiểu tử lại lùi lại ra ngoài cửa để chú ý lắng nghe, nghe đến việc sắp kết thúc cúng lễ mà trong lòng cảm thấy luyến tiếc, nhất định sẽ nghe thấy tiếng thở dài thông cảm sâu sắc của người thân, vì thế mà thấy rõ là, các bậc thánh hiền đời xưa có lòng hiếu kính luôn luôn hình dung ra trước mắt mình dung mạo của người thân, bên tai luôn văng vẳng tiếng cười giọng nói của người thân mình, tâm ý chỉ nguyện, hứng thú và nguyện vọng giữ mãi mãi trong lòng. Vì nếu bạn có thể tiếp nhận tâm nguyện của người thân, nhận chân hiểu rõ những ý nguyện của người thân thích thì dù họ có mất sớm nhưng cảm giác vẫn thấy gần gũi

như lúc còn sống. Và nếu bạn có những ý nghĩ chân thật, thành tâm cúng lễ dù người thân có ở trong khoảng mộng lung, song cảm giác vẫn thấy như rõ ràng và chân thực. Hình tượng người thân sống sờ sờ trước mắt chẳng qua là do những cảm giác chân thực rõ ràng đã luôn luôn được ghi nhớ trong đáy lòng. Vậy thì khi cử hành tế lễ, tại sao không tận tâm tận ý với tấm lòng của mình mà làm nhỉ?

Phụ lục nguyên văn:

Tế chi nhật, nhập đường, ái nhiên tất hữu kiến hồ kỳ vị; chu hoàn xuất hộ, túc nhiên tất hữu văn hồ kỳ dung thanh; xuất hộ nhi thính khái nhiên tất hữu văn hồ kỳ thán tức chi thanh. Thị cố tiên vương chi hiệu dã, sắc bất vong hồ mục, thanh bất tuyệt hồ nhĩ, tâm trí thị dục bất vong hồ tâm. Chí ái tắc tồn, chí xác tắc trú. Trú tồn bất vong hồ tâm, phu an đắc tắc kính hồ? (Tế nghĩa).

Thuyết minh:

Khi cúng giỗ, mong rằng người cúng (tế giả) phải chuyên tâm hết sức, tốt nhất tìm một văn bối (người thân cao tuổi) ăn mặc trang phục như người thân lúc sống, ngồi ở chỗ cúng thờ, sẽ tăng thêm cảm giác chân thực trong lúc cúng giỗ, tăng thêm hiệu quả cúng giỗ. Vai trò này gọi là “thi”. Khi bắt đầu cúng giỗ, “thi” ngồi tại chỗ thờ cúng, người chủ lễ khi vừa bước qua cửa, vụt ngẩng đầu lên sẽ thoáng có cảm giác tự nhiên nhất là qua ba ngày chí trai,

luôn luôn thấy hình bóng người thân, và kiểu làm như vậy sẽ có cảm giác như phảng phất thấy hình bóng chân thực sẽ càng nhớ thương nên mới làm giỗ cúng như vậy. Lúc này như nhìn thấy người thân ở trước mặt, không những không sợ mà lại còn cảm thấy rất thân thiết như đã gặp lại người thân lúc sinh thời. Và cũng là một lần tỏ rõ lòng thành kính.

Việc cúng giỗ tổ tiên thời Chu bắt đầu từ sáng sớm cho đến hoàng hôn cả ngày. Trước sau chia ra làm hai giai đoạn: buổi sáng gọi là “triều sự”, buổi chiều gọi là “quý thực”. “Triều sự” giống như mở màn, phần chủ yếu là “quý thực”. Nghi thức và vật cúng của hai giai đoạn này tất nhiên là khác nhau, song cùng đều là mời “thi” thay mặt để dùng đồ cúng là giai đoạn cao trào nhất. Dùng xong coi như là kết thúc giai đoạn này. Nhưng khi “thi” đang chuẩn bị dùng đồ cúng lễ thì mọi người phải đi ra khỏi phòng để chờ, bởi lẽ người và thần không thể trực tiếp giao tiếp với nhau. Việc tiến hành các phần đều dùng “chúc” làm cầu nối. Điều đó cũng có ý nghĩa tăng thêm tính chất thần bí và từ đó làm mọi người tăng thêm sự tôn kính và tín nhiệm đối với thần. Nếu như con người trực tiếp nói chuyện với thần, nhìn thấy động tác của thần sẽ có cảm giác là giữa người và thần chẳng có gì khác nhau cả, và cũng chẳng có gì kỳ lạ cả. Vì thế khi “thi” thay mặt thần để hưởng đồ cúng lễ tất cả mọi người đều phải ra ngoài,

không thể ngồi xem thần ăn như thế nào. Ở bên ngoài tuy không nhìn thấy song nghe thấy, chuẩn bị những đồ cúng như vậy cũng với mục đích là tỏ rõ tấm lòng thành kính, hy vọng thần sẽ dùng nhiều, vì thế trong lúc triều sự nghe thấy tiếng ăn tiếng uống của thần trong lòng sẽ thấy vui sướng. Và, đến khi lễ quý thực nghi đến lúc dùng đồ cúng lễ, có nghĩa là toàn bộ lễ cúng đã sắp kết thúc, thần sắp đi xa. Trong lòng tất nhiên sẽ cảm thấy luyến tiếc và vì sao lại kết thúc nhanh chóng như vậy. Lúc này mà thấy thần ở trước mặt, hầu như không muốn chia ly nữa nên buông ra tiếng thở dài luyến tiếc đồng thời cũng thấy rằng việc chuẩn bị bao lâu nay, cũng như những vất vả trong ngày cúng lễ đã được báo đáp xứng đáng, cho nên người chủ lễ phải có tình cảm sâu xa và toàn tâm toàn ý với tấm lòng thành kính để cúng giỗ thì mới có kết quả hoàn mỹ được. Nếu không như vậy thì sẽ giả tạo, sơ xuất chẳng có ý nghĩa gì cả.

16. Khổng Tử luận về sự khác nhau giữa chủ tế và trợ tế

Có một lần Khổng Tử đi lễ gia miếu mùa thu và tự mang lễ vật đến nơi cúng bái với tâm trạng rất thẳng thắn, chân đi nhẹ nhàng. Sau khi cúng lễ xong, Tử Tư mới nói với Khổng Tử:

“Trước đây thầy nói với chúng con rằng, trong lúc cử lễ nhất định phải nghiêm trang, thận trọng và hồi hộp lo

âu. Nhưng hôm nay khi làm lễ cúng gia miếu không thấy thầy nghiêm trang, thận trọng và hồi hộp lo âu, như vậy có nghĩa làm sao vậy?”.

Khổng Tử trả lời rằng:

“Cái gọi là nghiêm trang, thận trọng, nhìn bên ngoài có một tình cảm xa cách, còn gọi là hồi hộp lo âu thì nét mặt biểu hiện cảnh giác suy nghĩ. Vì vậy nếu như trong lòng biểu thị hết sức xa cách người và hết sức cảnh giác, suy nghĩ thì làm sao có thể cùng cảm thông về tinh thần với người đã khuất. Trong tình hình đó làm sao có thể gọi là nghiêm trang, thận trọng và hồi hộp lo âu nữa. Thí dụ như chúng ta đi tham gia lễ cúng của thiên tử với chư hầu. Khi vào phòng cúng lễ cử hành quý thực, âm nhạc nhảy múa bắt đầu, chuẩn bị dâng lên trên các lễ vật, theo trình tự cúng lễ, phối hợp với tiết tấu ca nhạc, văn võ bá quan đều bận rộn chuẩn bị, vì vậy các quân tử bận rộn đó tất nhiên là phải tỏ vẻ nghiêm trang thận trọng, hồi hộp lo âu rồi, run sợ lo lắng xảy ra sơ xuất gì đó nên làm sao họ có thể cảm thông với thần linh được. Cho nên nói rằng, không thể giải thích một phía được mà phải căn cứ vào các trường hợp khác nhau, giải thích lần lượt thì mới đúng.

Các hiệu tử khi làm lễ cúng, mọi việc phải chuẩn bị chu đáo, trước tiên phải chuẩn bị đầy đủ đồ cúng lễ, không thể không sắp xếp đầy đủ vẹn toàn cho nên phải chuyên

tâm nhất trí sắp xếp. Đợi sau khi quét dọn nhà thờ xong, các đồ dùng cúng lễ đã bày biện xong xuôi, các đồ cúng đã phải chuẩn bị đầy đủ. Hai vợ chồng sau khi tắm rửa trai giới xong, ăn mặc quần áo đẹp đẽ, tự tay bày các đồ lễ cúng đặt lên nơi thờ rồi đi ra không để lộ một chút tình cảm nào mà hết sức tập trung, thận trọng nguyên tắc, lo lắng hồi hộp như sắp phải nhận một công việc gánh vác không nổi, thận trọng cẩn thận như sợ xảy ra khiếm khuyết bất cứ lúc nào. Với tâm trạng và thái độ như vậy để tiến hành cúng lễ, các bạn thử nghĩ xem, lòng thành kính của họ đối với người thân thích đã đủ chưa?

Nếu như đem các đồ cúng lễ dâng lên một lúc theo trình tự lễ nghi, phối hợp với tiếng ca múa nhạc, văn võ bá quan đều bận rộn. Chủ tế tự tay bưng các đồ cúng lễ dâng lên nơi cúng, lúc này quan lễ sẽ thay mặt tỏ lòng thành kính với thái độ trầm ngâm, có sự trao đổi cảm thông về mặt tinh thần, và mong mỗi thần sẽ hưởng dùng các đồ cúng lễ. Đó mới là ý nguyện thực lòng của hiếu tử.

“Một hiếu tử khi cử hành lễ bái, chỉ cần người đó phải hết sức thành tâm mới được. Hành động của người đó bất luận như thế nào đi nữa cũng phải thành thật hết sức và phải thực sự nghiêm túc, hành động của người đó bất luận ra sao đều phải thực sự chín chắn. Chỉ cần người đó mang hết tâm tình yêu thương ra và bất cứ hành động

gì cũng đều chứa chan tình yêu thương sâu xa, chỉ cần người đó làm thật đúng theo lễ nghi thì dù hành động của anh ta có biểu hiện thế nào cũng không thất thố đâu. Giữa bước tiến, bước lùi là thể hiện tâm nguyện yêu thương nơi cúng bái. Khi đi lên là để nghe người thân dặn dò, khi lùi đứng bên đường như là chờ đón xem còn có việc gì gọi đến mình nữa không, mọi tinh thần ý chí đều gói gắm vào người thân thích. Vì vậy một hiếu tử có lòng hiếu thảo thì chỉ cần nhìn thái độ, động tác là biết rõ như thế nào, nhìn người đó đứng ở đây, nếu trong lòng đầy tâm ý hiếu thảo sẽ thấy người đó rất chăm chú, mình hơi nghiêng về phía trước, nhìn thấy người đó khi đi tới chỗ bệ thờ trong lòng tràn đầy sự tôn kính và cũng tự nhiên thấy khuôn mặt rạng rỡ, nhìn thấy người đó bưng các đồ cúng với tâm tình rất tôn kính, tất nhiên trên nét mặt người đó sẽ biểu lộ nỗi vui mừng. Khi thấy người đó lùi ra đứng bên như chờ đợi người thân xem có sai bảo gì hay không và đã đến lúc mang đồ cúng xuống và đi ra ngoài suy nghĩ, nét mặt luôn luôn thể hiện tôn kính yêu thương, vô cùng thành khẩn, không chút thay đổi. Ngược lại, khi hiếu tử làm lễ cúng, nếu đứng ở đó mà không hơi nghiêng mình về phía trước trước, chứng tỏ người đó vô học thô thiển, nếu người đó đi đến chỗ thờ cúng mà nét mặt không vui vẻ rạng rỡ, chứng tỏ người đó rất xa lánh người thân của mình, khi bưng các đồ cúng lên bàn thờ nếu nét mặt người đó không vui vẻ và

tỏ rõ lòng thành của mình thì rõ ràng là người đó không yêu quý người thân của mình, khi đứng sang bên mà không thể hiện vẻ chờ đợi người thân có sai bảo gì không, chứng tỏ người đó quá ngạo mạn, khi đã hạ đồ cúng lễ xuống mà nét mặt không tỏ vẻ thành kính khẩn thiết, thì chứng tỏ người đó hoàn toàn quên mất dụng ý của nguồn gốc cúng lễ. Nếu làm lễ cúng như vậy có thể nói là hoàn toàn mất hết ý nghĩa.

Nếu một hiếu tử có tấm lòng thương yêu với người thân của mình thì sẽ có thái độ trầm tĩnh ôn hòa. Và những người có thái độ như vậy sẽ thể hiện thái độ vui vẻ sung sướng và tất nhiên sẽ biểu lộ thái độ hoan hỉ mời thân dùng lễ vật. Nói ngược lại, sự biểu hiện của hiếu tử như bùng lên vật bảo ngọc quý trọng, giống như bê một bát canh đầy tràn mà không chút nào thay đổi nét mặt, chuyên tâm chăm chú, cẩn thận nghiêm túc lo âu hồi hộp giống như sắp nhận một việc không gánh vác nổi, cẩn thận nghiêm túc như sợ bất cứ lúc nào cũng xảy ra sơ xuất với một dáng điệu nghiêm nghị lạnh lùng, chờ đợi nghiêm trang, thật sự ổn định. Để căn bản không phải là nghi thức cần thiết đối với người thân mà là thái độ cần thiết giúp cho người khác hoàn thành cúng lễ”.

Phụ lục nguyên văn:

Trọng ni chưởng, phụng tôn nhi tiến, kỳ than dã xác kỳ hành xu xu dĩ số. Dĩ tế, tử cố gắng viết: “Tử chi

ngôn tế, tế tế tất tất nhiên; kim tử chi tế, vô tế tế tất tất hà dã?”. Tử viết: “Tế tế giả, dung dã viễn dã; tất tất giả, dung dã tự phản dã. Dung dĩ viễn, nhược dung dĩ tự phản dã, phu hà thần minh chi cập giao? Phu hà tế tế tất tất chi hữu hồ? Phản quý lạc hành, tiền kỳ tiền thổ, tư kỳ lễ lạc, bị kỳ bách quan quân tử chí kỳ tế tế tất tất, phu hà hoang hốt chi hữu hồ? Phu ngôn khởi nhất đoạn nhi dã, phu cách hữu sở đương dã. Hiếu tử tương tế, lự sự bất khả dĩ bất dự, bỉ thời cụ vật, bất khả dĩ bất bị, hư trung dĩ tự chi. Cung thất kỹ tu, tương thất kỹ thiết, bách vật ký bị, phu phụ trai giới một dục thính dục, phụng thừa nhi tiến chi, động động hồ thuộc thuộc hồ như phật thăng, như tương thất chi, kỳ hiếu kính chi tâm chí dã dữ? Tiến kỳ, tiến trở, tự kỳ lạc nhạc, bị kỳ bách cung, phụng thừa nhi tiến chi, vu thị dụ kỳ chí ý, dĩ kỳ hoang hốt dĩ dữ thần minh giao, thứ hoặc hưởng chi. Thứ hoặc hưởng chi, hiếu tử chi chí dã. Hiếu tử chi tế dã, tận kỳ xác nhi xác yên, tận kỳ tín nhi tín yên tận kỳ kính nhi kính yên, tận kỳ lễ nhi bất quá thất yên. Tiến thoái tất kinh: như thân thính mệnh tắc hoặc sử chi dã. Hiếu tử chi tế khả tri dã: Kỳ cập chí kính dĩ khuất, kỳ tiến chi dã kính dĩ du, kỳ tiến chi dã kính dĩ dục, thối chi lập, nhu tương thu mệnh, dĩ thiết nhi thôi. Kinh tế cho sắc bật tuyệt vu diện. Hiếu tử chi, tế dã, lập nhi bất khuất, cố dã; tiến nhi bất dự, sơ dã, tiến nhi bất dục, bất

ái dã; thôi lập nhi bất như thụ mệnh ngạo dã, dĩ triệt như thối, vô kinh tế chi sắc, nhi vong bản dã. Như thị nhi tế, thất chi hỹ. Hiếu tử chi hiếu thâm ái giả tất hữu hòa khí, hữu hòa khí giả tất hữu dụ sắc, hữu dụ sắc giả tất hữu viên dung. Hiếu tử như chấp ngọc, như phụng nãi, đồng đồng ngộ ngộ nhiên, như phật thăng nhi tượng thất chi, nghiêm giới nghiêm cách, phi sở dĩ sự, thân dã thành nhân chi đạo dã. (Tế nghĩa).

Thuyết minh:

Phàm sự lập trường khác nhau, mục đích khác nhau, và tất nhiên thái độ cần thiết lúc đó cũng khác nhau.

Việc cúng lễ gia trong thời Chu rất là vất vả, hầu như phải mất một ngày, nghi thức tất nhiên là vô cùng phức tạp, vì thế trong nhà thờ cúng lễ ngoài vợ chồng chủ tế ra còn cần nhiều người giúp đỡ. Người chủ lễ và phụ lễ về mặt lập trường cũng đã khác nhau rồi. Người chủ lễ tổ chức cúng lễ là vì nhớ đến người thân hy vọng có dịp lại được cùng người thân bên nhau và tỏ rõ ý nguyện lòng thành kính nuôi dưỡng nên mới có sự sắp xếp cúng lễ như vậy. Trước tiên là phải sắp xếp chuẩn bị thật tỉ mỉ, dọn dẹp nơi thờ cúng, chuẩn bị các đồ cúng rồi phải tắm gội sạch sẽ, bỏ công bỏ sức ra để có thể trình bày suy nghĩ với thần linh, mong muốn thần linh thưởng dụng mọi thứ đã chuẩn bị thì trong lòng sẽ được an ủi và thỏa mãn. Do đó khi chủ lễ đi vào nơi cúng ngồi

trước nơi thờ nhìn thấy nét mặt phẳng phất của “thì” thời không tỏ ra sợ hãi vì hồn ma, ngược lại như thấy trở về bên người thân trước đây, trong lòng thấy thân thiết, vui vẻ mời thần linh dùng, tự tay bê từng thứ đồ cúng, vội vã đưa tới chỗ thờ dâng lên. Còn người phụ lễ thì chẳng qua chỉ nhận một việc nào đó trong toàn bộ cuộc lễ. Vai trò của người phụ lễ chỉ là vai phụ hay chạy cõ mà thôi, nhiệm vụ cũng chỉ là tiến hành theo đúng lễ nghi mà thôi mong muốn làm gì thì làm như vậy, làm sao hoàn thành thuận lợi công việc của mình là được rồi và coi như đạt tới mục đích rồi, cần giữ thái độ thận trọng không được để sai sót, thất thố điều gì, và cũng vì họ không có tình cảm thâm sâu với đối tượng cúng bái nên không thể đòi hỏi sự cảm thông tinh thần được, vì vậy thái độ cũng có khác với người chủ lễ.

Nếu mình là người chủ lễ thì chỉ cần có lòng thương yêu sâu sắc thì làm việc gì cũng đúng. Sự biểu hiện lòng thương yêu, không cần phải có người chỉ dẫn mà ai cũng làm được cả. Nhưng đối với người phụ lễ tham dự lễ cúng của người khác, giúp người ta hoàn thành công việc thì phải học trước nội dung công việc, quy tắc lễ nghi. Vì vậy Khổng Tử thường dạy học trò, chuẩn bị cho họ đi vào triều tham gia cúng lễ của thiên tử và chư hầu. Cái gọi là “đầy đủ trọn vẹn” có nghĩa là thái độ của người phụ lễ cần có.

17. Khổng Tử bàn về công dụng của lễ giáo

Có một lần, Lỗ Ai Công thỉnh giáo Khổng Tử như sau:

“Thế nào là đại lễ? Vì sao mà những nhà quân tử có tu dưỡng khi bàn về lễ bái đều biểu thị lòng tôn kính và coi trọng”.

Khổng Tử trả lời rất khiêm tốn:

“Tôi là người bình thường, không có tư cách bàn về ý nghĩa của lễ”.

Ai Công lại nói:

“Ngài đừng quá khiêm tốn như vậy. Xin nói tường tận đi”.

Khổng Tử đành phải trả lời rằng:

“Theo tôi được biết, quần chúng xã hội sở dĩ có thể duy trì được quy luật sinh hoạt chung thì nguyên nhân quan trọng nhất là lấy lễ làm đầu. Nếu không có nghi lễ thì không sự thích hợp cúng vái thần linh. Không có sự khác biệt cúng lễ thì không có cách nào phân chia các địa vị khác nhau như vua quan, giàu nghèo, tiên được, già trẻ. Không có được giới hạn của lễ thì chúng ta không phân biệt được những quan hệ thân thiết phức tạp như cha, con, gái trai, huynh đệ... hoặc giả như quan hệ xa gần đi lại cưới xin. Và cũng vì thế mà những người có học đều tôn kính và trọng thi, và cũng từ sự hiểu biết của họ hướng dẫn cho quần chúng hiểu rõ và nhận thức tầm quan

trọng của nó mà không làm mất đi sự vận dụng trình tự lễ nghi. Nếu như việc cúng lễ trời đất có sự phân biệt vua quan, nam nữ... đã được phổ biến và có hiệu quả thì sau đó sẽ bổ sung các chi tiết, trau chuốt thêm. Đợi đến khi nhân dân đã quen thuộc rồi sẽ dần dần giảng giải chi tiết lễ nghi, như chuẩn bị thực phẩm cúng giỗ ra sao, bày biện các loại thịt heo, sau khi an táng xong thì dâng lên nhà thờ họ ra sao, sau khi lễ xong thì mời cơm khách họ hàng thân thuộc với tình cảm đôn hậu. Muốn cho nhân dân thích hợp với hoàn cảnh, an cư lạc nghiệp.

Tính ra các loại lễ phục, quy hoạch nhà ở, hạn chế xe cộ và đồ dùng không được phù hoa, thức ăn không được quá mức. Nhà cầm quyền không những lấy lễ để giáo dục nhân dân cần kiệm mà bản thân cũng thực hiện cần kiệm mà không nên xa xỉ phù hoa, để cùng đồng cam cộng khổ với đời sống nhân dân. Các vua chúa ngày xưa đều truyền bá lễ giáo như vậy”.

Ai Công lại hỏi:

“Vì sao các vua chúa bây giờ lại không làm như vậy?”.

Khổng Tử trả lời:

“Các vua chúa bây giờ thường tham tài hiếu sắc mà không bao giờ thỏa mãn, hành vi thường phóng túng tùy tiện mà không biết lễ nghi, không bao giờ quan tâm đến đời sống của dân mà thái độ lại ngạo mạn, bắt dân nộp thuế vét sạch sành sanh, phản lại ý nguyện của dân, xử

phạt những người chính trực, vì dục vọng mà không từ một thủ đoạn nào. Các vua chúa thời trước đối xử với dân như ở trên nói, còn vua chúa bây giờ đối với dân như ở dưới nói, vì thế vua chúa ngày nay không có một ngài nào lại thực hiện lễ giáo được”.

Phụ lục nguyên văn:

Ai Công vấn vu Khổng Tử viết: “Đại lễ như hà? quân tử chi tín lễ, hà kỳ tôn dã?”. Khổng Tử Viết “khâu dã tiểu nhân, bất túc dĩ tri lễ”. Quân viết: “phu, ngô tử ngôn chi dã” KHổng Tử viết: “Ngô văn chi, dân chi sở do sinh, lễ vi đại phi lễ vô dĩ tiết sự thiên địa chi thần dĩ, phi lễ vô dĩ biện quần thần, thương hạ, thương ấu chi lập dã, phi lễ thiên dĩ biệt nam nữ, phụ tử huynh đệ chi thân, hôn nhân sơ số chi giao dã. Quân tử dĩ bỉ chi vị tôn kính nhiên. Nhiên hậu dĩ kỳ sở năng giáo bách tính bất phế kỳ hội tiết hữu thành sự, nhiên hậu trị kỳ điều số văn chương phủ phát tự kỳ thuận chi, nhiên hậu tín kỳ tang toán, bị kỳ đình trừ thiết kỳ thi lập, tu kỳ tông miếu, thế thời dĩ kính tế tự, dĩ tự tông tục. Tức an ký cư, tiết sửu kỳ y phục, bỉ kỳ cung thất, xa bất điều kỷ, khí bất khắc lữ, thực bất nhị vị, dĩ dữ ân đồng lợi. Tích chi quân tử chi hành lễ giả như thử. Công viết: “Kim chi quân chi hồ mạc hành chi? Khổng Tử viết: “Kim chi quân chi, hảo thực vô yến, dân đức bất quyện, hoang dã ngạo mạn, cố dân thị tận, ngô kỳ chúng lễ phạt hữu đạo, cầu

đắc đang dục, bất dĩ kỳ sở. Tích chi dụng dân giả do tiên, kim chi dụng dân giả do hậu; kim chi quân tử mạc vi lễ dã”. (Ai Công vấn).

Thuyết minh.

Ở thời đại Tiên Tần không có tôn giáo và cũng chẳng có coi trọng luật pháp. Thể chế của quốc gia lúc đó với nhân tâm xã hội hoàn toàn lấy lễ bái làm trọng tâm. Từ trọng tâm ấy, sản sinh ra quan niệm trật tự bên ngoài và đạo đức bên trong. Quan niệm trật tự phản ánh cuộc sống bình thường và công dụng rõ rệt của nó như Khổng Tử nói: nghi thức lễ nghi, khác biệt giàu nghèo, giới hạn thành sơ vi... Quan niệm đạo đức phản ánh lòng người đó là quan niệm chính trị lấy dân làm gốc với ý thức sinh hoạt tiết kiệm, ổn định khi quan niệm thứ tự và đạo đức phát huy tác dụng của nó, tất nhiên là chính trị ổn định, sinh hoạt vui vẻ. Thời Lỗ Ai Công, chính trị rối loạn, chư hầu đại phu tranh chấp quyền lợi, đời sống nhân dân không được coi trọng, vì vậy Khổng Tử rất nhấn mạnh lễ trị giáo hóa. Hy vọng mượn đó để chỉ bảo Ai Công và để thực hiện lý tưởng chính trị Nho gia.

18. Khổng Tử luận về thái độ biểu hiện của lễ giáo

Khổng Tử khi nghỉ ở nhà, ba học trò là Tử Trương, Tử Cống, và Tử Du ngồi bên hầu và nói chuyện với nhau về lễ giáo, Khổng Tử bèn nói: “Ba trò hãy ngồi yên để ta

nói cho các trò hay lễ giáo ra sao và để khi các trò nhận thức đầy đủ rồi, sau này sẽ phát huy đem tinh thần của lễ giáo truyền bá xuống thiên hạ”.

Tử Cống đứng lên, hỏi thầy:

- Xin hỏi thầy, thực sự thế nào là lễ giáo ạ?”.

Khổng Tử trả lời rằng:

- Nếu như chỉ có thái độ kính trọng hư tâm mà hành động thực tế lại không phù hợp với yêu cầu của lễ giáo, như vậy có thể gọi là thô thiển vô tư, giống như một người ở nhà quê, nếu thái độ tỏ ra rụt rè thận trọng, song hành động thực tế thì lại không phù hợp với yêu cầu lễ giáo như vậy có thể gọi là việc làm giả tạo, giống như người cầm điếu đi xin ăn. Song nếu là thái độ rõ rệt quá sức nhiệt tình, mà hành động lại không phù hợp với lễ giáo thì có thể gọi là giả tạo giống như người điên vậy.

Cuối cùng còn đặc biệt nhấn mạnh:

“Cần chú ý với thái độ mặc cảm, cẩn thận giả tạo làm cho mọi người không phân biệt được mà cho rằng người đó thực sự là từ bi, nhân hậu, hiểu biết lễ giáo. Loại thái độ này không thể dung nạp được.

Và sau đó răn đe các trò thêm:

“- Tử Trương thường biểu hiện hơi quá mức còn Tử Hạ thì thiếu khiêm tốn, giống như Tử Sản nước Trịnh vậy, là phụ mẫu của thần dân mà lại không cho ăn no và lại không dạy con cái lễ giáo nữa”.

Tử Cống lại đứng dậy và hỏi thầy rằng:

“- Thưa thầy như vậy thì phải làm thế nào mới đúng mức ạ”.

Khổng Tử nói:

“- Như vậy thì phải nắm chắc lễ giáo. Vì chỉ có lễ giáo thì mới chế định ra tiêu chuẩn đúng mức được”.

Phụ lục nguyên văn:

Trọng Ni yển cư, Tử Trương, Tử Cống, ngôn du thị, tòng ngôn chi vu lễ. Tử viết: “cư, nữ tam nhân giả, ngôn ngữ nữ lễ, sử nữ dĩ lễ chu lưu, vô bất biên dã Tử Cống viết tịch nhi đối viết: “Cảm vấn hà như?”. Tử viết: “Kính nhi bất trung lễ, ụ chi dã; cung nhi bất trung lễ vi chi cấp; dũng nhi bất trung lễ, vi chi nghịch”. Tử viết: “Cấp đoạt từ nhân!”. Tử viết: “Sư, nhi quá, nhi thương dã bất cấp. Tư Sản do chúng nhân chi mầu dã, năng thực chi, bất năng giáo dã”. Tử Cống viết tịch nhi đốc viết: “Cảm vấn tương hà dĩ vi thử trung giả dã”. Tử viết: “Lễ hồ lễ! Phu lễ sở dĩ chế trung dã” (Trọng Ni yển cư).

Thuyết minh:

Đó là đoạn thứ nhất trong thiên Trọng Ni yển cư, phía dưới còn là một đoạn dài thảo luận về lễ giáo. Đoạn này là Khổng Tử dạy cho ba học trò của mình, lần lượt chỉ ra những khuyết điểm của họ mong họ sẽ tự kiểm điểm để cầu tiến. Ngài nói có một số người biểu hiện rất hư tâm, có một số lại quá nhiệt tình. Đó là nói cái thừa và cái

thiếu của Tử Trương và Tử Hạ. Còn nói về hành động giả tạo là chỉ quả trách Tử Cống. Ba người này đều là những bậc hiền giả nổi tiếng, song trong con mắt của Khổng Tử thì họ vẫn còn có khuyết điểm vì vậy mới cầu toàn trách bị nói đến họ. Thực ra những khuyết điểm mà ngài chỉ ra cũng là những khuyết điểm thông thường. Việc nói rõ những thiếu sót đó lại càng thấy rõ ranh giới lễ giáo thông thường phải làm sao mới đúng. Đáp án chính xác nhất là câu nói cuối cùng: “lễ, sở dĩ chế trung dã” “trung” chính là tình trạng tiêu chuẩn phù hợp, xác đáng. Bất cứ việc gì cũng không thể nói tuyệt đối tốt hay xấu được, tuyệt đối đúng hay không đúng. Chỉ cần nhận rõ hoàn cảnh và lập trường là có thể phân định rõ phạm vi, không bị xúc động và cũng chẳng lơ là nhẹ tênh, không phải giả tạo, giải quyết công việc một cách xác đáng, chắc chắn. Và đó cũng là phù hợp với tiêu chuẩn lễ giáo.

19. Khổng Tử luận về dụng ý của thủ chế.

Chị của Tử Lộ mất, Tử Lộ đã mãn kỳ thủ tang, có thể cởi bỏ quần áo tang, song Tử Lộ vẫn không muốn thay quần áo, Khổng Tử bèn hỏi:

“- Vì sao trò lại chưa muốn thay quần áo tang vậy?”.

Tử Lộ đáp:

“- Gia đình con anh chị em rất ít, bây giờ chị con lại mất đi nên con rất buồn, không có lòng nào thay quần áo tang cả”.

Khổng Tử nói:

“- Lúc đầu Minh Quân thánh vương định ra lễ giáo là dụng ý sâu xa cho nên chỉ có người nào hiểu biết đạo đức nhân nghĩa, tuy rằng cũng suy nghĩ không nở lòng như Tử Lộ đấy, song khi đã hiểu rõ dụng ý của lễ chế thì không thể vi phạm được”.

Tử Lộ sau khi nghe Khổng Tử giáo huấn mới thay quần áo để tang.

Phụ lục nguyên văn:

Tử lộ hữu tử chi táng. Khả dĩ trừ chi hỹ, nhi phạt trừ dã. Khổng Tử viết: “Hà phạt trừ dã?”. Tử Lộ viết: “Ngô quả huynh đệ nhi nhi phạt nhĩ dã”. Khổng Tử tứ: “Tiên vương chế lễ, hành đạo chi nhân giai phạt nhĩ dã. Tiểu Lộ văn chi, khu trừ chi (Đàn cung thượng).”

Thuyết minh:

Bất cứ chế độ nào đã quy định, nhất định là đã qua suy nghĩ cẩn thận chu đáo, và cũng đều xuất phát từ phúc lợi của đại đa số quần chúng. Vì thế mà có lúc do lợi ích (lập trường) cá nhân không phù hợp hay không vừa ý thì phải nghĩ đến nguyên lý của chế lễ, vì thế mà mọi người mới đi vào quỹ đạo trật tự, mà không bị cảm giác ủy khuất (mặc cảm) nữa.

20. Khổng Tử luận về tiêu chuẩn lễ táng.

Tử Du hỏi Khổng Tử giải quyết lễ táng có tiêu chuẩn cố định hay không? Khổng Tử đáp:

“- Làm lễ táng phải xem trong nhà của cái thế nào mà định đoạt. Gia đình giàu có thì làm linh đình một chút, gia đình nghèo khó thì làm đơn giản một chút”.

Tử Du nói:

“- Theo thầy nói, gia cảnh có người giàu kẻ nghèo, như vậy thì làm lễ táng đâu có tiêu chuẩn thống nhất phải không?”.

Khổng Tử nói:

“- Lễ táng tất nhiên là có tiêu chuẩn quy cách, song những nhà giàu có đòi hỏi thích hợp mà không phải vượt quá tiêu chuẩn là được. Nếu là nhà nghèo khó chỉ cần một cỗ áo quan, khâm liệm người chết từ đầu đến chân và cũng không quy định phải thủ túc bên quan tài bao nhiêu ngày mà chôn cất lúc nào cũng được. Khi mai táng chỉ cần có người thân đứng bên, tự tay mình kéo dây thừng từ từ cho qian tài xuống huyệt là được. Bởi lẽ bất luận là giàu có hay nghèo túng cũng đều làm hết sức mình, làm hết nghĩa tình thì còn ai trách móc là không đúng tiêu chuẩn?”.

Phụ lục nguyên văn:

Tử Du vấn táng cụ, phu tử viết: “Xưng gia chi hữu vong”. Tử Du viết: “Hữu vong ác hồ tề?”. Phu Tử viết: “Hữu vô quá lễ, cầu vong hỹ, liêm thủ túc hình, hoàn táng huyệt quan nhĩ đối, nhân khải hữu phi chi giả tai?”. (Đàn Cung thượng)

Thuyết minh:

Để thích ứng với nhu cầu của nhân quyền xã hội và để sử dụng một cách phổ biến thì việc định ra các lễ nghi phải có quy cách riêng của nó, và những quy cách tiêu chuẩn đó không phải đặt ra không có sửa đổi, nhất là chưa phù hợp với ý định của người định quy cách và nếu không hợp quy cách thì sẽ thất lễ. Khổng Tử đã nói chỉ cần hết sức hết lòng làm thì hợp với nguyên tắc rồi. Và đó mới là tiêu chuẩn thực sự, song đó cũng là đối với người không đủ năng lực cố gắng đạt tới tiêu chuẩn, đối với những người giàu có thì không đòi hỏi vượt qua lễ nghi, vì đó cũng là nhằm vào những kẻ thích phô trương và cũng là sự hạn chế có thiện ý đối với việc phá hoại chế độ.

21. Tăng Tử luận về lễ chấp.

Tử Cống tham quan lễ chấp cúng tế quỷ thần dịp cuối năm, Khổng Tử bèn hỏi Tử Cống có cảm giác thoải mái không, Tử Cống trả lời:

“- Náo nhiệt thì thiệt náo nhiệt, mọi người trong cả nước đều như phát rồ lên vậy, song tôi thì chẳng thấy điều gì thoải mái cả”.

Khổng Tử bèn bảo Tử Cống rằng:

“- Một năm họ vất vả mấy trăm ngày, do ân huệ của vua chúa nên mới được vui vẻ, sung sướng một ngày cúng lễ e rằng cái lý lẽ bên trong đó có lẽ trò chưa thấu rõ. Nếu

cuộc sống của nhân dân lúc nào cũng căng thẳng như tên nằm trên cung bắn, không nới lỏng một chút thì đến Văn Vương cũng chẳng làm được. Nhưng nếu cứ thả lỏng mà không biết giữ chặt thì Văn Vương, Vũ Vương cũng không muốn làm như vậy. Vì vậy có lúc khẩn trương thì cũng cần có một lúc thoải mái. Và đó mới là đạo cai trị của Văn Vương và Vũ Vương vậy!”.

Phụ lục nguyên văn:

Tử Cống quan vu lạc, Khổng Tử viết “Dịch dã lạc hồ?” đối viết “Nhất quốc chi nhân giai nhược cuồng, dịch lai tri kỳ lạc dã”. Tử viết “Bách nhật chi lạc, nhất nhật chi trạch, phi nhĩ sở tri dã. Trương nhi bất tri, Văn, Vũ phát năng dã; trì nhi bất trương, Văn, Vũ phát vi dã. Nhất trang nhất trì, Văn, Vũ chi đạo dã”. (Tập ký hạ)

Thuyết minh:

Tháng mười hai hàng năm, đó là khi việc nông đã làm xong và cũng là những ngày cuối năm, vì vậy từ Thiên tử cho đến quan chức địa phương trong làng lần lượt triệu tập dân chúng cử hành lễ chạp cúng bái linh đình, phàm những quần thần vạn vật giúp đỡ cho nông dân trồng trọt đều là đối tượng cúng bái, để tỏ lòng cảm tạ đã bảo vệ phù hộ cho nông dân trong năm. Trước khi cúng lễ có hóa trang đi rước, biểu diễn thần uy, sau khi cúng lễ xong còn có lễ dâng rượu, cho nên không khí rất náo nhiệt. Nhất là do không bị áp lực về mặt tinh thần và công việc làm nên

tinh thần vô cùng sáng khoái, uống rượu vào lại càng thoải mái, thật sự khiến cho mọi người cảm thấy một năm lao động cực nhọc lúc này đã được đền bù lại. Vì thế, việc thiết đặt ra bài diễn lễ này, là để cho bậc lãnh đạo thấu hiểu rõ đạo lý khi căng khi chùng một cách thiết thực, quan tâm chế định điều chỉnh công việc làm ăn, nghỉ ngơi cho thân phận người dân. Những người bình thường chỉ biết chiều theo mà làm, vị tất đã có thể nói ra được tầng ý nghĩa này.

22. *Tăng Tử luận về tiếng khóc.*

Tăng Thân thỉnh giáo phụ thân mình là Tăng Tử rằng:

“- Khi cha mẹ mất, con cái khóc lóc có cần phải theo thanh điệu nhất định không ạ?”.

Tăng Tử trả lời:

“- Con cái đi giữa đường thốt nhiên không tìm thấy cha mẹ mình thì con nghĩ xem tiếng khóc ấy có cần thanh điệu nhất định không hả?”.

Phụ lục nguyên văn:

Tăng Thân vấn vu Tăng Tử viết “Khốc phụ mẫu hữu thườn thanh hô?”. Viết: “Trung lộ anh nhi thất kỳ mẫu yên, hà thường thanh chi hữu?”. (Tập ký hạ)

Thuyết minh:

Trong sách Lễ Ký Nhân Truyện có một đoạn thuyết minh liên quan đến việc dùng thanh điệu của tiếng khóc

để thể hiện nỗi đau đớn. Nặng nhất là khóc tang kiểu Trảm Suy chỉ khóc một hơi cho đến cuối, giống như khóc đứt cả hơi; nhẹ hơn một chút là khóc tang kiểu Tề Suy, khi khóc có thể giữ lại một chút hơi, rồi lấy thêm hơi để khóc tiếp; nhẹ hơn nữa có khóc tang kiểu Đại Công, khi khóc có thể chuyển hơi mấy lần và kéo theo một âm đuôi; nhẹ hơn cả là khóc tang kiểu Tiểu công và Tư ma, khi khóc chỉ cần làm dáng điệu bi ai là được rồi. (Nguyên văn Trảm suy chi khóc, nhược vãng chi bất phản, Tề ai chi khóc, nhược vãng nhi phản, Đại công chi khóc, tam khúc nhi ai, Tiểu công, Tư ma ai dung khả dĩ). Điều này không phải là ai đã quy định mặc tang phục như thế nào thì cách khóc sẽ như vậy, mà ở đây muốn nói rõ nỗi bi thương mà con người gặp phải nặng có nhẹ có vì vậy tiếng khóc cũng sẽ khác nhau, đó là phản ứng hoàn toàn tự nhiên. Tất nhiên, khi gặp nỗi đau lớn lao mất cha mẹ, hầu như khóc không ra hơi nữa, hoàn toàn là biểu lộ chân tình chứ còn nói đến chuyện sử dụng thanh điệu gì để mà khóc nữa hay sao?

23. Tăng Tử luận về cách dùng lễ khí.

Trọng Hiến và Tăng Tử đều là học trò của Khổng Tử cả. Có một hôm Trọng Hiến bảo với Tăng Tử rằng:

“- Đối với vật phẩm tuần táng sau khi người thân mất đi, thời Hạ dùng chỉ là các mô hình dáng kiểu của đồ vật chứ không phải là các đồ vật thực sự, như vậy là có ý

bảo với dân chúng rằng, con người ta sau khi chết đi không còn tri giác nữa. Người đời Ân Thương lại lấy đồ cúng thường dùng trong khi tế tự tông miếu mà chôn theo, là có ý nói với dân chúng, người chết rồi vẫn có tri giác. Cho đến đời Chu cả hai thứ đồ vật chôn theo và đồ cúng lễ hợp lại táng chung với nhau, là có ý nói với dân chúng rằng; người sau khi đã chết, còn hay không còn tri giác nữa; thì nên duy trì thái độ không xác định”.

Tăng Tử không đồng ý, nói:

“- Có lẽ không phải như vậy đâu! Nói tới mình khi thì chỉ có thể nói đó là vì linh hồn của người thân nên chuẩn bị đặc biệt một loại khí cụ dùng làm đồ cúng lễ; ngay cả tế vật dùng khi tuần táng cũng chỉ để nói lên ý rằng có thể lấy chính đồ vật mình đang sử dụng để dâng hiến. Thực ra dùng bất cứ loại nào trong hai thứ đó cũng biểu thị tấm lòng kính trọng thờ cúng, chứ không có gì khác nhau. Vì thế nói như người thời Hạ xưa, vì sao lại có ý nghĩ nhận định là sau khi người thân mất đi nhất định là vô tri vô giác? Tất nhiên điều đó là không đúng rồi”.

Phụ lục nguyên văn:

Trọng Hiến ngôn vu Tăng tử viết “Hạ hậu thị dụng minh khí, thị dân vô tri dĩ, Ân nhân dụng tế khí, thị dân hữu tri dĩ, Chu nhân kiêm dụng chi, thị dân nghi dã”. Tăng tử viết: “Kỳ bất nhiên hồ! Kỳ bất nhiên hồ! Phu

minh khí, quý khí đã, tề khí, nhân khí đã. Phu cổ chi nhân, hồ vi nhi tử kỳ thân hồ”. (Đàn cung thượng)

Thuyết minh:

Hình thức dùng đồ cúng lễ không phải là quan trọng nhất, mà có thể thay đổi theo thời đại, điều quan trọng là ý định thiết kế sắp xếp các kiểu khí cụ đó đã nảy sinh hiệu quả tác dụng ra sao. Trọng Hiến đã giải thích sai lệch về ý nghĩa của sự khác nhau trong việc chôn theo đồ dùng của ba thời đại, nên Tăng Tử mới nghiêm khắc bác bỏ. Tăng Tử chỉ bác bỏ nhận định sai lầm của Tăng Hiến đối với việc dùng minh khí đời Hạ, là để nói với dân chúng rằng người chết không có tri giác, còn đối với việc hợp dụng hai loại đồ dùng thời Chu, thì biểu thị cách nói nghi hoặc cho nên không bài xích. Song đã giải thích dụng ý của minh khí, đương nhiên đã bao hàm luôn trong đó lễ ý của đời nhà Chu nên không cần phải nói thêm nữa.

24. Lễ nghi biến đổi thích nghi.

Tử Lộ làm tổng quản một gia đình quan đại phu nước Lỗ họ Quý Tôn. Gia đình Quý Tôn làm lễ cúng gia miếu. Từ lúc trời còn chưa sáng họ đã bắt đầu, kéo dài suốt cả ngày hôm đó vẫn chưa kết thúc, đến khi trời tối thì đốt đuốc lên tiếp tục tiến hành. Cho dù có thể lực cường tráng đi nữa, tâm ý cung kính lòng thành đi nữa, thì đến lúc này tự nhiên cũng cảm thấy mệt mỏi uể oải. Những người trông coi đều mệt mỏi quá đổi, kéo lê chân đi hoặc đứng

tựa chỗ nào đó mà miễn cưỡng đối phó với nghi thức cúng lễ. Kiểu cúng lễ như vậy, tất nhiên là giảm hẳn lòng kính cẩn.

Lại sắp sửa cúng gia miếu, lần này Tử Lộ có tham gia, và đã sắp xếp mới lại việc quản lý. Khi trong nhà cử hành cúng lễ chính thức thì sai người mang những tế phẩm cần thiết đã chuẩn bị sẵn sàng đầy đủ ở bên ngoài trước, lần lượt đưa đến cửa theo thứ tự, giao cho người đứng bên trong đem dâng cho chủ lễ. Đến khi làm lễ cúng ở trên sảnh đường cũng vậy phải chuẩn bị sẵn các mâm cỗ đầy đủ. Người từ dưới bậc thêm bê lên giao cho người đứng trên chuyển vào trong cho người chủ trì phụ trách lễ đãi. Lễ cúng bắt đầu tiến hành từ sáng sớm cho đến xế chiều, là đã kết thúc.

Khổng Tử nghe được câu chuyện này vô cùng tán dương và nói:

“Ai bảo Tử Lộ không hiểu được lễ!”.

Phụ lục nguyên văn:

Tử Lộ vi Quý thị tế. Quý thị tế đãi ẩm nhi tế, nhật bất túc, kế chi dĩ chúc. Tuy hữu cường lực chi dụng, túc kính chi tâm giai quuyến ai hỹ. Hữu tư phả dĩ lâm tế kì vi bất kính đại hỹ. Tha nhật tế, Tử Lộ dữ, thất sự giao hồ hộ, đường sự giai hộ giai chất minh nhi thủy hành sự, yếu trào nhi thối. Khổng Tử văn chi, viết “Thùy vi do dã nhi bất chi lễ hồ! (Lễ khí).

Thuyết minh:

Cúng lễ chủ yếu là tỏ lòng kính trọng, nếu tâm không có thì cúng lễ chỉ là hình thức, thế thì chẳng có ý nghĩa gì cả. Thời nhà Chu cúng gia miếu từ sáng sớm đến hoàng hôn cả ngày làm việc quá mệt mỏi rồi, nếu lại đốt đuốc tiếp tục nữa thì chẳng ai chịu được cả, vì thế mà những người trông coi mệt mỏi đã quá nên chỉ làm việc miễn cưỡng giảm bớt lòng thành. Nếu như về kỹ thuật có cải tiến đôi chút mà vẫn giữ được ý nghĩa của cúng lễ có phải càng tốt hơn không? Vì thế nếu mà biết thay đổi cách cúng lễ có phải là tốt hơn không?

25. Khổng Tử luận về hiếu.

Tử Lộ nói:

“- Những người nghèo không có tiền thật đáng thương! Khi phụ mẫu còn sống chẳng có cách nào phụng dưỡng tốt cả, đến khi phụ mẫu mất đi cũng chẳng có cách nào táng lễ như lễ nghi đã quy định”.

Khổng Tử cho rằng không nên nói như vậy. Ngài nói:

“- Khi cha mẹ còn sống có lẽ chỉ ăn chút đậu hay cháo tấm đỡ đói, chỉ có uống nước là đỡ khát, song phận làm con cái nếu làm cho tinh thần cha mẹ thỏa ý, cuộc sống rất vui vẻ thì cũng đã gọi là tận hiếu rồi. Khi cha mẹ mất đi, chỉ cần có đủ áo quần mặc cho người thân từ đầu đến chân rồi chôn cất hoặc mai táng bất kể lúc nào, hoặc

giả thậm chí chưa chuẩn bị kỹ thì cũng chẳng sao vì con cái với tiền của hiện có đã gắng hết sức mình làm lễ tang thì như vậy đã hợp tình rồi”.

Phụ lục nguyên văn:

Tử Lộ viết: “Thương bản dã! Sanh vô di vi dưỡng, tử vô vi lễ dã” Khổng Tử viết: “Hấp thụ ẩm thủy, tận kỳ hoan. Tư chi vị hiếu, liêm tục tác hình, hoàn táng nhi vô hanh, xưng kỳ tài, tư chi vị lễ. (Đàn cung hạ)

Thuyết minh:

Để cho mọi người nói chung dễ làm hình thức cúng lễ phải có một số chế độ, quy cách và nghi thức. Nhưng các chế độ, quy cách và nghi thức không có nghĩa là không thay đổi hoặc thiếu cũng không được, thậm chí có lúc còn phải nhấn mạnh quan niệm giữa quyền lực và tình cảm của lễ nghi, nhất là khi tài lực, vật lực không đủ, không nhất thiết phải hoàn toàn phù hợp với quy cách. Vì thế thời cổ không ai định ra lễ nghi cho dân.

Cũng vì e rằng dân nghèo không đủ tài lực nên có đặt ra tiêu chuẩn, nếu không làm được thì cũng là vô ích. Lại nữa, thế gian có nhiều người nuôi dưỡng cha mẹ đầy đủ, song không có lòng tôn kính thì sao có thể coi là tận hiếu được? Và cũng có người khi làm lễ mai táng thật là khoa trương tốn kém, thậm chí vượt quá tiêu chuẩn xem như vậy có phù hợp lễ nghi hay không? Vì thế phải xem là có hợp lễ nghi hay không là do hoàn

toàn từ tấm lòng xem có thành ý hay không chứ không phải nghèo hay giàu.

26. Tăng Tử luận về hiếu.

Tăng Tử có nói rằng, “Có ba loại hiếu: hiếu vĩ đại nhất là người có đại công, đại đức đem lại hạnh phúc cho mọi người, được mọi người tôn kính và cũng làm rạng rỡ tên tuổi phụ mẫu cho hậu thế. Tiếp đó là loại khi lập thân trong xã hội lấy phẩm đức làm đầu, suốt đời không bị ai chỉ trích phê bình điểm xấu nào và cũng không đem lại tiếng xấu cho cha mẹ. Sau cùng là loại chỉ đem hết sức mình ra phụng dưỡng cha mẹ mà thôi. Học trò của Tăng Tử là Công Minh Nghĩa, thưa rằng:

“Nhu thầy có thể gọi là người có hiếu được chưa ạ?”.

Tăng Tử rất khiêm tốn trả lời:

“Trò nói gì vậy, nói gì vậy. Chữ hiếu đối với những người quân tử có tu dưỡng thì khi cha mẹ còn chưa nghĩ đến đã phải quan tâm chuẩn bị cho cha mẹ mọi thứ rồi, và cố gắng hết mình làm lời cha mẹ, thậm chí cố gắng hoàn thành những điều tâm nguyện mà cha mẹ chưa làm được, và hơn nữa trở thành một người sống đúng đắn như lời dạy bảo của cha mẹ. Chỉ cần làm được ba điều đó đâu có dễ dàng. Thầy chỉ mới hết sức phụng dưỡng cha mẹ thôi, sao có thể gọi là hiếu được?”.

Phụ lục nguyên văn:

Tăng Tử viết: “Hiếu hữu tam: đại hiếu tôn thân, kỳ

thứ phát nhục, kỳ hạ năng dưỡng”. Công minh nghĩa vấn vu Tăng Tử viết: “Phu tử khả dĩ vi hiếu hồ?”. Tăng Tử viết: “Thị hà ngôn dữ, thị hà ngôn dữ! Quân tử chi sở vi hiếu giả: tiên ý, thừa chí, dụ phụ mẫu vu đạo. Tham trực dưỡng dã, an năng vi hiếu hồ?”. (Tế nghĩa)

Thuyết minh:

Thường thường mọi người quan niệm rằng phụng dưỡng cha mẹ là chữ hiếu mà không biết rằng, ngoài việc phụng dưỡng song thân ra còn có nhiều việc quan trọng cần phải làm. Bởi lẽ còn có ranh giới và tầng thứ cao hơn. Căn cứ vào những lời Tăng Tử, chúng ta không những hiểu rõ những đạo lý trên mà còn hiểu rõ phạm vi linh động của chữ hiếu và không phải chỉ hạn chế trong quan hệ phụ mẫu nữa, khi chúng ta đứng vững trong xã hội, sự biểu hiện các mặt của bản thân, khi chúng ta lập công, lập đức có thành tích mưu phúc lợi cho mọi người thì đó là sự mở rộng và vươn lên của hiếu. Nếu như hiếu nội dung, phạm vi và tầng thứ của chữ hiếu thì không những có lợi cho người thân của mình mà còn có lợi cho con người và việc làm thậm chí có lợi cho cả xã hội quốc gia nữa.

27. Lạc Chính Tử Xuân luận về hiếu.

Có một ngày Lạc Chính Tử Xuân từ nhà thờ đi xuống không cẩn thận bị té ngã đau chân, mấy tháng không ra khỏi cửa, nét mặt luôn luôn đau đớn. Các môn sinh đệ tử

bền thưa rằng:

“- Chúng con thấy chân thầy đã khỏe từ lâu rồi. Sao mấy tháng nay thấy không ra cửa, nét mặt lại khó chịu. Đó là vì nguyên nhân gì vậy?”.

Lạc Chính Tử Xuân bền trả lời rằng:

“- Các trò hỏi về việc này rất đúng, thực là đúng. Trước đây ta được đã nghe thầy ta là Tăng Tử có nói rằng: “Mọi vật trời sinh ra, đất nuôi dưỡng vạn vật thế gian không có gì sánh nổi con người. Cha mẹ sinh ra ta hoàn hảo cho đến lúc qua đời thì chúng ta phải làm đầy đủ để đền đáp công ơn cha mẹ. Vì chỉ có làm như vậy thì mới là người có hiếu. Cái gọi là đầy đủ hoàn chỉnh có hai mặt ý nghĩa: về mặt hình thức mà nói là chỉ thân thể khỏe mạnh không bị mất mát gì, còn về thực chất mà nói là không có tư tưởng hành vi nào xấu xa đáng hổ thẹn. Nếu làm được như vậy mới là con người hoàn chỉnh đầy đủ không phụ lòng cha mẹ. Con người đáng trọng chính là vì làm đầy đủ hoàn chỉnh chữ hiếu. Cho nên một quân tử có tu dưỡng, đi một bước cũng phải thận trọng, không được quên hiếu nghĩa với cha mẹ. Chân ta tuy khỏe lâu rồi song trong lòng ta vẫn khó chịu nên nét mặt không vui lắm”.

Qua đó chúng ta thấy trong cuộc sống hàng ngày không thể quên cha mẹ dù chỉ trong giây lát, nói ra một câu cũng không thể quên cha mẹ, luôn luôn phải ghi nhớ

rằng đền đáp cha mẹ mới được, vì vậy dù trong giây lát cũng không được quên cha mẹ, cho nên chúng ta phải đi trên con đường rộng rãi, chứ không được tham gần mà đi con đường nhỏ hẹp lạnh, cần phải ngồi thuyền qua sông mà không được coi thường mà lội nước. Vì chúng ta phải nghĩ đến một điều là đừng dùng thân thể của mình do cha mẹ sinh ra để làm việc mạo hiểm nói câu bao quát không được phép quên cha mẹ, vì thế chúng ta không được nói những câu không đúng và cũng không thể để ai chửi rửa bản thân mình và không được có hành vi cử chỉ nào đáng hổ thẹn cả, tất nhiên là ư được liên lụy đến danh dự của cha mẹ mình. Như thế mới gọi là có hiếu!”.

Phụ lục nguyên văn:

Lạc Chính Tử Xuân hạ đường nhi thương kỳ túc sở nguyệt bất xuất, do hữu ưu sắc. Môn đệ tử viết: “Phu tử chi túc trầu hỹ, sở nguyệt bất xuất, do hữu ưu sắc? Hà dã?”. Lạc Chính Tử Xuân viết “Thiên như nhĩ chi vấn dã, thiên như nhĩ chi vấn dã! Ngô văn chư Tăng Tử, Tăng Tử vấn chư phu tử viết: “Thiên chi sở sinh, địa chi sở dưỡng, vô nhân vi đại. Phụ mẫu toàn nhi sinh chi tử toàn nhi quy chi, khả vi hiếu hỹ. Bất khuy kỳ thể, bất nhục lý thân, khả vi toàn hỹ. Cố quân tử khoảnh bộ nhi phát cảm vong hiếu dã. Kim dữ vong hiếu chi đạo, thị dĩ hữu ưu sắc dã”. Nhất cử túc nhi bất cảm vong phụ mẫu, nhất xuất ngôn nhi bất cảm vong phụ mẫu. Nhất cử túc nhi bất cảm vong

phụ mẫu, thị cố đạo nhi bất kính, chu nhi bất du; bất cần dĩ tiên phụ mẫu chi dĩ thể hình dãi. Nhất xuất ngôn nhi bất cảm vong phụ mẫu, thị cố ác ngôn bất xuất vu khẩn, phản ngôn bất phản vu thân; bất nhục kỳ thân, bất tu kỳ thân; khả vi hiếu hỹ. (Tế nghĩa)

Thuyết minh:

Lạc Chính Tử Xuân là học trò của Tăng Tử, quan niệm về hiếu của ông cũng là học từ Tăng Tử. Hai đoạn trên của bài này là lời của Tăng Tử. Ngài nói: “Thân thể chúng ta là do cha mẹ sinh ra. Mỗi cử chỉ hành vi của chúng ta đều là di thể của cha mẹ. Nếu nghĩ như vậy các người không cần thận sao được? (Nguyên văn: “Thân dã giả, phụ mẫu dĩ thể dã, hành phụ mẫu chi dĩ thể, cảm bất kính hồ?”) ý định của Tăng Tử là nhắc chúng ta, khi chúng ta bị tổn thương, có thể mình không để ý, song cuối cùng cha mẹ chúng ta lại cảm thấy đau đớn, như là chính bản thân cha mẹ chứ không phải chúng ta. Nếu hiểu được điều này thì không nói những lời “hảo hán làm việc một mình chịu đựng”, “Hai mươi năm sau vẫn là hảo hán”. Ít nhất thì cũng nghĩ rằng nếu làm như vậy có làm cha mẹ mình lo lắng không. Chỉ cần nghĩ đến như vậy thì tự nhiên trong ta tưởng hành vi của mình có một sức mạnh chế ngự có trách nhiệm với hành động của mình. Ngày tháng trôi đi, sẽ thành tập quán làm việc có suy nghĩ, những người như vậy không những vững vàng

chín chắn mà còn trưởng thành thêm nhiều. lại như Tăng Tử nói những kẻ yêu mến cha mẹ không làm tổn thương được cha mẹ mình, những lời nói như vậy để hướng dẫn mọi người phải cẩn thận với hành động của mình. Vì thế bị ngã đau chân cũng chả là việc đáng kể gì. Nhưng Lạc Chính Tử Xuân đã suy nghĩ về hành động sơ xuất của mình trong mấy tháng. Đó chính là sự tu dưỡng của thánh hiền chỉ bảo.

28. Khổng Tử bàn về Đại đồng và Tiểu hhang.

Trước đây Khổng Tử đã được mời tham dự việc cúng lễ quý thần cuối năm và nhất là làm quý khách của buổi cúng lễ đó. Khi tham dự lễ xong đi ra Ngài đã trông thấy hai cổng chào treo pháp lệnh cúng lễ cho dân coi. Khổng Tử rất cảm kích thở dài. Lúc đó Tử Vu đứng đợi bên, bèn hỏi:

“- Thầy đã chẳng bảo rằng, người quân tử phải đầy sức sống chứ không nên thở dài. Vì sao hôm nay thầy lại thở dài thế?”.

Khổng Tử trả lời:

“- Lúc đó là thời đại có thể chế chính trị hoàn mỹ và lý tưởng nhất. Rồi sau đó đến đời Hạ, Thương, Chu có những lãnh tụ kiệt xuất, ta chưa có bao giờ nhìn thấy như vậy, may mà các tư liệu văn hiến còn ghi chép lại để ta biết được đại thể tình hình.

Thực hiện chính trị lý tưởng nhất là cùng nhau lo

cho thiên hạ, về chính trị giới thiệu những người tài năng ra chủ trì chính trị, đòi hỏi có lực, có uy tín, dạy dỗ mọi người thân mật đoàn kết. Vì thế trong xã hội, mỗi người đều có phụ huynh thân yêu của mình, chăm sóc con cái mà còn mở rộng tấm lòng nhân ái, làm cho các bậc phụ lão được hưởng thụ vui sướng, làm cho mỗi tráng kiệt cống hiến hết tài lực của mình, làm cho các cháu nhi đồng được dạy dỗ tốt đẹp và làm cho các cô nhi, quả phụ, người già không ai nuôi dưỡng, người tàn phế, bệnh tật đều được sự chăm sóc đầm ấm. Nam nhân có sức là có ruộng cày, người có khả năng thì phụ vụ xã hội người nào cũng có công việc chính đáng, nữ nhân thì người nào cũng có gia đình riêng của mình. Những nguồn tài lực không thể để rơi vãi không sử dụng mà cần gắng sức khai thác có thu hoạch sẽ cùng hưởng với quần chúng xã hội, không cất giấu trong túi quần mình. Nếu gặp việc gì đòi hỏi mọi người phải cống hiến tâm lực, và mọi người đem hết sức ra, và cũng đừng nghĩ chỉ khi nào có lợi cho cá nhân mới thế. Trong tình hình xã hội như vậy, mọi người đối xử chân thành với nhau tất nhiên sẽ không có âm mưu quỷ kế nào và cũng không có trộm cướp xung hùng xung bá làm loạn. Vì vậy nhà nào cũng có cửa sổ song hỉ là để ngăn gió sương mà thôi, đóng hay không cũng chẳng có ích lợi gì. Và đó cũng là một thế giới thái bình thực lý tưởng.

Từ thời Hạ, Thương, Chu đến nay, xã hội lý tưởng hoàn mỹ như vậy đã qua đi thiên hạ đã trở thành từng nhà từng họ. Sự khai thác tài nguyên, sự cống hiến lao động đều cũng chỉ về lợi ích của mình, chức vị của chư hầu hoặc giả huynh đệ rủi ro, hoặc phụ tử tương truyền đã trở thành lễ chế cố định. Mặc dù phải xây dựng thành trong thành ngoài, đào cống bảo vệ thành, làm thành thiết bị bảo vệ thành, làm thành thiết bị bảo vệ, nhất là chú trọng tới tinh thần lễ nghĩa để hình thành kỷ luật và dùng các biện pháp kỷ luật để xác định danh phận quần thần, ân tình cha con, tình hữu ái huynh đệ, tình cảm phu thê, đồng thời cũng lấy đó để xây dựng chế độ, vạch rõ giới ranh ruộng đất tôn trọng những người có dũng khí, tài năng hết lòng bảo vệ tài sản của mình. Công lao của họ đều là của cá nhân cả, vì thế mà những âm mưu lừa dối, đấu cơ tất nhiên sẽ theo đó mà nảy sinh, và những sự việc tranh giành nhau cũng theo đó mà xảy ra. Trong thời kỳ này các đời vua Hạ Vũ, Thương Thang, Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương, Chu Thành Vương và Chu Công là những nhân vật kiệt xuất nhất dùng phương thức đó để trị vì thiên hạ. Sáu vị lãnh đạo chính trị đó, không có vị nào không thận trọng lấy nguyên tắc trị nước là tuân thủ lễ chế. Căn cứ vào nguyên tắc của lễ chế để giáo dục nhân dân ngũ đức là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, để nhân dân hiểu rõ thế nào là thích đáng, đúng sai, hình thành một

tính cách thành tâm thực thà, chỉ rõ những tội ác, sai lầm và nêu ra những điển hình mẫu mực nhân ái, phong thái kiên định. Mục đích của giáo dục ngũ đức và hướng dẫn thái độ cư xử và hành vi của nhân dân. Nếu có người vi phạm năm điều mỹ đức đó, dù là người có quyền có thế cũng đuổi đi, vì mọi người sẽ coi họ là tai họa. Và đó cũng là quy mô thu nhỏ của nền chính trị lý tưởng hoàn mỹ nhất và cũng là thời đại quốc gia hưng thịnh, dân tình yên ổn”.

Tử Vu lại hỏi tiếp:

“- Như thầy nói thì lễ là một thứ cực kỳ cần thiết cho xã hội quốc gia phải không ạ?”.

Khổng Tử trả lời:

“- Lễ là pháp chế tự nhiên của tiên thánh minh vương áp dụng để quy phạm thành quả của đời sống nhân dân. Nhân loại tuy là sản vật tự nhiên, vì vậy nếu mất đi các pháp chế đó sẽ không còn tồn tại. Nếu thích hợp với các pháp chế đó thì mới sinh tồn được, vì thế trong Kinh Thi nói về hình dáng chuột có viết “Các người hãy xem chú chuột nhỏ mà còn lễ độ với lão chuột lớn, như vậy con người đối xử với con người không lễ độ hay sao? Người mà không có lễ độ sao không chết sớm đi? Xem ra như vậy, hưng thịnh của lễ nghi phải căn cứ vào sự thay đổi của trời đất, phù hợp với diễn biến tự nhiên của pháp chế, phù hợp với đất đai sông núi, phù hợp với nguyên tắc của

từng nơi, phải phối hợp với sự tôn nghiêm của quỷ thần, phù hợp với đòi hỏi của tâm lý uy nghi. Điều này rất trừu tượng và chứa đựng một tinh thần cao cả, phải biết dùng hình thức cụ thể của lễ nghi để phát triển. Vì thế nhân dân sẽ thành thạo lễ táng lễ cúng, lễ tạ, lễ dâng rượu, lễ phong chức, hôn lễ, lễ triều quan, lễ văn an... và cũng do ngày một hiểu biết và hiểu rõ dụng ý sắp đặt của các lễ nghi đó cũng như hàm xúc tinh thần. Cho nên thánh nhân chỉ lấy những lễ nghi cụ thể đó để dạy dỗ nhân dân. Thiên hạ quốc gia sẽ nhất định đạt được thành tích trị an bình thường và phù hợp với lý tưởng”.

Phụ lục nguyên văn:

Tích giả Trọng Ni dĩ vu lập tân. Sự tất xuất, du vu quan chi thương, vị nhiên nhi thán. Trọng Ni chi thán, cái thán Lỗ dã. Tín yển tại trắc, viết: “Quân tử hà thán?”. Khổng Tử viết “Đại đạo chi hành dã, dĩ tam đại chi anh, binh vị chi kiên dã, nhi hữu chí yên. Đại đạo chi hành dã, thiên hạ vi công, tuyển hiền dĩ năng, giảng tín tu mục; cố nhân bất độc thân kỳ thân, bất độc tử kỳ tử, sử lão hữu sở chung, tráng hữu sở dụng, ấu hữu sở trường, căng quả cô độc phế tật giả, giai hữu sở dưỡng; nam hữu phận, nữ hữu quy. Hóa ác kỳ khí vu địa dã, bất tất vi kỳ, thị cố mưu bế nhi bất hưng, đạo thiết loạn tặc nhi bất tác, cố ngoại hộ nhi bất bế, thị vị đại đồng. Kim đại đạo tức ẩn, thiên hạ vi gia các thân Kỳ thân, các tử kỳ tử, hóa lực vi kỳ. Đại

nhân thế cấp dĩ vi lễ thành quách câu trì dĩ vi cố. Lễ nghi dĩ vi kỷ, dĩ chính quần thần dĩ bằng phụ tử, dĩ mục huynh đệ, dĩ hòa phu phụ, dĩ thiết chế độ, dĩ lập điển li, dĩ hiền dũng tri, dĩ công vi kỷ, cố mưu dụng thị tác, nhi binh do thử khởi. Ngu, Thương, Văn, Vũ, Thành Vương, Chu Công, do thử kỳ tuyên dã. Thử lục quân tử giả, vị hữu bất cần vu lễ giả dã. Dĩ trừ kỳ nghĩa, dĩ khảo kỳ tín, trừ hữu quá, hình nhân giảng nhượng, thị dân hữu thưởng. Như hữu bất do thử giả, tại thế giả khứ, chúng dĩ vi vương, thị vi tiểu khang”. Ngôn phục vấn viết: “Như thử hồ lễ chi cấp dã?”. Khổng Tử viết: “Phu lễ, tiên vương dĩ thừa thiên chi đạo, dĩ trị nhân chi tình, cố thất chi giả tử, đắc chi giả sinh. Thi viết: “Tương hữu thể, nhân nhi vô lễ? Nhân nhi vô lễ, hồ bất tử? Thị cố phu lễ, tất bản vu thiên, thanh vu địa, liệt vu quý thần, đạt vu tang, tế xạ, hương, quan, hôn, triều, sinh, cố thánh nhân dĩ lễ thị chi, cố thiên hạ quốc gia khả đắc nhi chính dã”. (Lễ vận)

Thuyết minh:

Chương lễ vận là hỏi đáp giữa Giai Tử Du và Khổng Tử và nói rõ từ xưa đến nay, lễ chế thay đổi theo phương thức sinh hoạt, dần dần đi vào truyền thống và lễ chính là công năng để duy trì trật tự xã hội trong cộng đồng quần chúng. Toàn văn khá dài, mà văn tự lại nghiêm túc. Nhưng đoạn đầu ghi chép về Khổng Tử bàn về những nét giống nhau chủ yếu và khác nhau về chi tiết của chính trị

là đoạn viết nổi tiếng. Đoạn viết “Thiên hạ vi công” cũng là “đại đồng”. Đoạn này so với “tiểu khang” còn nổi tiếng hơn.

Xã hội đại đồng mà Khổng Tử nói là chỉ thời đại trước Nghiêu, Thuấn. Lúc đó sinh hoạt đơn thuần, dân chúng thuần thực, và lúc đó người cai trị đã lấy đức trị dân, không phải lệ thuộc vào bất cứ chế độ hình thức nào mà nhân dân thì cũng trong sạch, vô tà, giúp đỡ lẫn nhau, hòa mục với nhau, tuyệt nhiên không có mưu mô gì và trộm cướp gì cả. Đó là một thiên đường toàn mỹ, toàn thiện, trong con mắt Khổng Tử đó là một xã hội lý tưởng ngưỡng vọng nó không những đẹp đẽ mà còn đầy tình nghĩa sau này.

Nhưng rồi sau ba đời, lòng người biến đổi phức tạp đi, chỉ dựa vào khái niệm đạo đức trừu tượng mà duy trì nên phải có lễ chế bó buộc ở vòng ngoài mới có thể có hiệu quả răn đe hành vi của quần chúng, và cũng vì thế mà từ tư tưởng trị đức trở thành hình thái Lễ trị, mọi việc phải làm theo quy chế đã định trước. Bất luận là lễ chế chính trị, kế thừa quân quyền, chế độ tư hữu tài sản quan hệ nhân quả v.v... đều trở thành lễ chế cố định rồi tuyên truyền và thực hiện. Ba đời Hạ, Thương, Chu, những nhà trị vì đất nước xuất sắc đã mở ra một cục diện an khang. Lợi dụng cục diện an khang mà lễ trị đặt ra để so sánh xã hội đại đồng nên có chỗ hơi khác nhau, vì vậy mới gọi là

tương đối là “tiểu khang”. Song nói chung với dân thường thì vẫn được an cư lạc nghiệp cho nên so với thời Xuân Thu loạn thế của Khổng Tử sống, vẫn được coi là có nền chính trị lý tưởng.

Tinh thần của xã hội đức trị là từ trong ra ngoài, mọi người đều phát huy tâm tính thuần khiết, chí thiện mà đối nhân xử thế, vì thế phải xây dựng một lối sống phúc hậu cho dân và đạo đức sâu xa tự giác. Nhưng rồi khi con người trở nên phức tạp, tình thế không còn như trước nữa và nền đạo đức sâu xa bị hạ thấp, thuần túy đức trị dân không ổn, và vì thế mà lễ chế đã từ ngoài và trong dùng đủ loại lễ chế để tỏ rõ tiêu chuẩn quy luật để nhân dân tôn trọng lễ nghi, và từ hình thức nghi lễ bên ngoài trở thành nhận thức nội tâm rồi lâu dần sẽ có hiệu quả giáo huấn lý tưởng.

Khổng Tử sau khi giới thiệu hai loại xã hội điển hình, đoạn cuối cùng cho ta thấy rõ tuy Khổng Tử cực kỳ ca ngợi cái đẹp và hướng đến xã hội đại đồng, song ông vẫn nhấn mạnh tới lễ trị, bởi vì nhân tâm đạo đức trên thực tế đã xuống cấp đến mức độ nào rồi, không thể đòi hỏi mọi người lại trở lại sự thuần khiết vô tà cổ đại được. Khổng Tử là không phải là con người siêu phàm. Những ngôn luận của ông đều nói rõ phải sửa đổi trong thực tiễn, cho nên ông mới nêu ra ranh giới lý tưởng cao nhất. Song chỉ có thể mong ước mà không làm được. Nói về tình hình

thực tế xã hội tiểu khang thì có thể làm được, cho nên Khổng Tử đi các nước, du thuyết chư hầu đều nói tới lý luận quân thân phụ tử, kỷ cương lễ nghi. Ít ra trong đoạn văn này tâm nguyện của Khổng Tử cũng muốn đề xướng tới hình thái xã hội tiểu khang, chắc chắn là như vậy.

29. Nhân tố của lễ chế.

Việc định ra lễ có năm loại nhân tố, quan trọng nhất là quan niệm thời đại, tiếp đó là quan hệ luân lý, rồi đến nhân tố chủ thể và đối tượng rồi đến nhân tố sử dụng và cuối cùng là nhân tố điều kiện phối hợp. Ví như Nghiêu truyền cho Thuấn, Thuấn truyền cho Ngu, đó là thời đàn thượng. Thương Dị đuổi Hạ Kiệt, Vũ Vương thảo phạt Thương Trụ, đó là thời đại cách mạng. Do thời đại khác nhau nên Kinh Thi Văn Vương có đoạn viết: “Không phải là ta muốn gấp rút thực hiện nguyện vọng của mình mà là muốn theo đuổi chữ hiếu đối với các bậc tiên đế đã xây dựng đất nước rực rỡ”.

Thời đại khác nhau, quan niệm tư tưởng cũng không giống nhau, lễ chế cũng thay đổi. Như thiên tử cúng trời đất, chư hầu cúng mẫu quốc, tình nghĩa cha con, đạo nghĩa vua tôi. Đó là quan hệ luân lý tôn trọng tiên bối, phụ tử vua tôi. Lại như cúng lễ sông nước thủy thần và lễ quỷ thần nhà thờ tổ (tông miếu) do thiên địa và nhân, quỷ khác nhau lễ nghi cũng khác nhau. Và đó cũng là nhân tố đối tượng chủ thể. Lại như lễ táng và lễ cúng, lễ

đi lại giữa quan khách tất nhiên cũng không giống nhau, và đó cũng là sự khác biệt về ý nghĩa sử dụng. Hoặc như lễ cúng một đầu dê hoặc một đầu lợn, sau khi lễ xong những người đến giúp cúng lễ đều được một miếng thịt cúng để biếu thị cùng hưởng lộc cúng, còn lễ lớn có lợn, bò, dê ba loại cũng chẳng có thịt cúng để thừa lại. Và đó cũng là sự sắp xếp phối hợp có điều kiện. Lại như với thân phận chư hầu thì phải đem cúng nạp các loại lễ vật vô cùng quý giá, lại còn đại biểu chờ thụ phong, mang một ý nghĩa ngọc sáng. Còn như những nhà đại phu thì lấy đầu ra bảo ngọc và cũng chẳng có cung đình như chư hầu, bỏ ra xây dựng những ngôi nhà đồ sộ. Đó cũng là vì thân phận khác nhau nên lễ chế cũng có ý nghĩa phối hợp thích đáng với nhau.

Phụ lục nguyên văn:

Lễ, thời vi đại, thuận thứ chi, thể thứ chi, tuyền thứ chi, xưng thứ chi. Nghiêu thụ Thuấn, Thuấn thụ Ngu, Thương phóng Kiệt, Vũ Vương phạt Trụ; thời dã. Thi vân: “Phỉ cách kỳ do, luật truy lai hiếu”. Thiên địa chi tế, tông miếu chi sự, phụ tử chi đạo, quân thần chi nghĩa, tuân dã. Xã tắc sơn xuyên chi sự, quỷ thần chi tế, thể dã. Tang tế chi dụng, tân khách chi giao, nghĩa dã. Cao đồn nhi tế, tại quan giai túc; đại lao nhi tế, bất tất hữu dư thừa chi vệ xưng dã. Chư hầu dĩ quy vi bảo, dĩ giai vi thụ, gia bất bảo quy, bất tạng giai, bất đài môn ngôn hữu xứng dã. (Lễ ký)

Thuyết minh:

Sự thay đổi quan niệm thời đại, sự khác biệt luận lý, sự thay đổi chủ thể tương đối, sự chênh lệch giữa ý nghĩa sử dụng, sự khác nhau về điều kiện phối hợp. Năm loại nhân tố đó, tự nhiên hình thành thay đổi lễ chế. Điều đó nói rõ lễ chế không phải bất biến, mà có thể thay đổi theo nhu cầu thích ứng. Vì vậy chúng ta hiểu rằng lễ chế có thể thay đổi được. Cần nhắc mấy điểm còn chú ý như sau:

1. Nếu cần sửa đổi phải căn cứ vào năm nhân tố đó để thay đổi lễ chế.

2. Nếu chưa hiểu rõ toàn bộ hoàn cảnh khách quan hoặc nhận thức cội rễ lịch sử văn hóa chưa đầy đủ nếu những người như vậy mà đem sửa đổi sẽ dễ phát sinh sai lệch chủ quan bản vị. Trong sách Lễ ký đã viết rằng: “Không phải địa vị thiên tử không thể tùy ý thảo luận lễ chế, và dễ dàng định lại chế độ, không được tùy tiện sửa chữa văn tự”. (Nguyên văn: phi thiên tử bất nghị lễ, bất chế độ bất khảo văn) ý nói là không có thân phận thì khó suy tính đầy đủ, sửa đổi dễ bị sai lệch.

3. Tuy rằng lịch sử có sửa đổi lễ chế, song thực ra chỉ là dựa trên chế độ lễ chế sẵn có, tu bổ sửa chữa, rất ít khi định ra cái mới hoặc phát minh. Trong phần chính luận ngữ Khổng Tử đã nói: “Lễ của nhà Thương căn bản là theo nhà Hạ, còn lễ nhà Chu lại là theo nhà Thương, trong số đó sự tăng giảm có thể nhìn thấy rõ. Vì vậy sau

thời Chu trải qua trăm năm trong đó có những điều tăng giảm đều nhìn thấy rõ” (Nguyên văn Ân nhân vu Hạ Lễ sở tổn ích khả tri dã. Chu nhân vu ân lễ, sở tổn ích khả tri dĩ. Kỳ hoặc kế chu giả, tuy bách thế khả tri dã”) Lễ của nhà Hạ nhà Thương văn hiến không đủ. Những tư liệu sớm nhất giữ được đến nay đều là nói về lễ nhà Chu, nên những nhà nghiên cứu lễ học, nhất định phải truy cứu nguồn gốc Lễ học, rồi mới xem tới sự thay đổi lịch sử thời đại. Do đó sửa đổi lễ chế không có thể theo yêu ghét cá nhân mà tùy tiện sửa mới lại, nhất là không thể đem những thứ từ nước khác áp dụng vào nước mình.

4. Hình thức của lễ là thay đổi theo biến thiên thời đại, song không thể coi lễ nghi lúc đầu tiên sẽ không bao giờ được sửa đổi. Vì thế mà ngày nay chúng ta còn phải nghiên cứu nguyên nhân lễ chế cổ đại cũng là để nhận thức những điều thích hợp nhất với tình hình hiện tại, trong xã hội xưa kia có những mặt tinh thần nào thành công. Cần nắm được giá trị tinh thần của lễ nghi để sửa đổi. Làm cho xã hội ngày nay hay làm cho hậu thế sau này là phải tuyệt đối chính xác mới được.

III. TU DƯỠNG ĐỨC PHẨM.

1. Điển hình của nho gia (1).

Có một lần Lỗ Ai Công hỏi đũa Khổng Tử rằng: “Lão tiên sinh, những gì mà ông mặc trên người, có phải là loại phục trang riêng biệt tiêu biểu của nho gia hay không?”.

Khổng Tử trả lời rất cẩn thận:

“- Lúc nhỏ tôi sống ở Lỗ quốc, đã mặc loại áo bào rộng quần lớn mà người nước Lỗ thường hay mặc, sau đó một thời gian dài tôi đến Tống quốc, lúc đó tôi lại đội loại mũ mà người nước Tống thường hay đội. Tôi chỉ nghe nói một quân tử có phẩm hạnh, trên hành vi đạo đức phải uyên bác, hơn người; trên quần áo không bao giờ tạo ra cái khác người, đại khái là nhập gia tùy tục là được rồi. Cho nên tôi chưa bao giờ nghe ai nói rằng: “Nho gia có loại phục trang riêng biệt nào cả”.

Ai Công nói: “Vậy cũng tốt, tôi đang muốn nghe thử xem Nho gia có chỗ nào hơn người trong hành vi đạo đức”.

Khổng Tử trả lời rằng:

“- Vấn đề này không phải hai ba câu vội vã là có thể nói hết được. Nếu như muốn nói rõ tường tận sở rằng sẽ làm mất thời gian của ngài, để đó từ từ nói mới được,

không chừng đến lúc đối ca của bọn nô bộc, tôi vẫn chưa nói hết chuyện!”.

Khổng Tử nói vậy là muốn xem thử Ai Công có phải thật lòng muốn nghe không. Kết quả Ai Công sai người trái chiếu, ngồi chuẩn bị nghe. Khổng Tử ngồi bên cạnh, lúc này mới chậm rãi nói:

“- Nho gia có rất nhiều đặc điểm mà người khác không có, cho nên cần phải nói rõ từ nhiều góc độ khác nhau mới được. Có một loại Nho gia cố gắng rèn luyện thái độ đạo đức đúng đắn và cả phương diện học vấn, làm cho bản thân rạng rỡ, giống như những viên châu báu trên cái chiếu ngồi vậy, rồi đợi các vị Thánh vương, minh quân chiêu dụng. Hăng say gắng sức học từ sáng đến tối, hỏi biết thật nhiều để đến lúc người khác hỏi mà trả lời. Dùng chữ tín để đối với người, chữ trung để đối với sự việc, tạo cho bản thân một nguyên tắc sống hàng ngày, chờ người ta đề cử. Nghiêm túc và nỗ lực thực hiện lý tưởng nhân cách của mình, để chờ người sử dụng. Những người đó đều tự mình bồi dưỡng như vậy để trở thành một nhân tài hữu dụng”.

Phụ lục nguyên văn:

Lỗi Ai Công vấn vu Khổng Tử viết: “Phụ tử chi phục, kỳ nho phục dữ?”. Khổng Tử đối viết: “Khưu thiếu cư Lỗ, y phùng dịch chi y”, trường cư tống, quan chương phủ chi quan. Khưu vấn chi dã, quân tử chi học dã bác, kỳ phục dã

hương. Khuu bất tri nho phục”. Ai Công viết: “Cầm vấn nho hành”. Khổng Tử đối viết: “Cự sở chi, bất năng chung kỳ vật; tất sở chi, nãi lưu, canh bộc vị khả chung dã”. Ai Công mệnh tịnh, Khổng Tử thị, viết: “Nho hữu tịch thượng chi trân dĩ thí sinh, túc dạ cường học dĩ đãi vấn, hoài trung tín dĩ đãi cử, lực hành dĩ đãi thủ, kỳ tự lập hữu như thử giả. (Nho hành)

Thuyết minh:

Nho gia cũng là người, điểm duy nhất không giống với một số người là do họ có được hành vi phẩm chất đạo đức cao thượng. Biểu hiện cụ thể của hành vi phẩm chất đạo đức có nhiều phương diện, để giúp cho một số người có thể hiểu rõ các phương diện hành vi phẩm chất đạo đức của Nho gia cần có những hạng mục nào, để từ đó có thể định viên mọi người học tập, chấn chỉnh thái độ nhân cách đúng đắn, thay đổi thị hiếu của xã hội; đồng thời cũng vì nêu gương điển hình cho Nho gia những đời sau, cho nên Khổng Tử đã nói rõ thêm từ những góc độ khác nhau. Trong sách cổ của Nho gia, ngoài những luận ngữ lẻ tẻ thường thấy, phải có những phong cách đặc biệt của Nho gia để nói rõ một cách trực tiếp và cụ thể, và cũng chỉ có một sách viết về đạo hạnh của Nho gia mà thôi. Cho nên những người đọc sách của đời sau, không ai mà không đọc bộ sách này. Trải qua bao nhiêu năm sàng lọc hư. đức, những đặc điểm có được trong bộ sách này dần

dần đã trở thành đại biểu cho tinh thần truyền thống của người Trung Quốc. Những đặc sắc của tinh thần truyền thống được phản ánh trên lịch sử, đã sáng lập nên nhiều câu chuyện hùng tráng lâm ly, cũng đã từng tạo nên bao nhiêu là câu chuyện điển hình.

Đoạn văn đầu tiên này muốn nói lên Nho gia bắt ép người ta học hỏi hiểu biết thế nào, dùng trung tín để làm cái gốc của họ như thế nào, gắng thực hiện tinh thần thực tiễn như thế nào, đồng thời cũng nói rõ ra rằng Nho gia chỉ đòi hỏi tự mình bồi dưỡng kiến thụ, mà xã hội lại phải nương tựa những cống hiến của những con người này mới có thể tiến bộ phồn vinh.

2. Điển hình của nho gia (2)

Xem diện mạo bên ngoài của một số Nho gia, áo quần vừa vặn không cần phải mới mẻ khác lạ gì, hành động đặc biệt cẩn thận. Lúc gặp những chuyện vi phạm nghiêm trọng đến nguyên tắc làm người của mình, họ có thể kiên trì giữ đúng hình vi phẩm chất thường ngày, nghiêm túc chối từ cự tuyệt, thái độ giống như là rất ngạo mạn, nhưng gặp những chuyện nhỏ nhất không ra gì mà cần phải chối từ họ lại tỏ thái độ khiêm tốn, khách khí gần như là quá đáng đến lúc đối mặt với những chuyện cáu, họ tỏ vẻ nghiêm túc uy nghi, thái độ như không muốn làm bất cứ chuyện gì; nếu như gặp phải chuyện nhỏ nhất, họ lại khiếm tốn hổ thẹn, tỏ vẻ không làm việc gì thì không được. Nếu

như là chuyện không hợp đạo nghĩa, họ tuyệt nhiên không tham dự, cho nên khó mà dùng quan tước lợi lộc để mà tiến dụng họ; cho dù đã nhận chức, không cùng quan điểm họ sẽ không chịu cùng nhau mưu lợi, họ cũng sẽ từ bỏ chức vụ bất cứ lúc nào. Nhưng mà bất cứ là tiến hay là lui, họ đều đem tài đức chôn giấu ở trong lòng, bên ngoài biểu hiện một bộ dáng nhu nhược không có năng lực, một chút sắc sảo cũng không chịu lộ ra ngoài. Bề ngoài của Nho gia xem ra đều là như vậy cả.

Phụ lục nguyên văn:

Nho hữu y quán trung, động tác cẩn. Kỳ đại nhượng như mạn, tiểu nhượng như nguy. đại tắc như uy, tiểu tắc như quý. Kỳ nan tiến nhĩ dị thối dã, dục dục nhược vô năng dã. Kỳ dung mạo hữu như thử giả (Nho hành)

Thuyết minh:

Bề ngoài của Nho gia tạo cho người ta một ấn tượng rất là thanh khiết, điều cần thiết là phải khiêm tốn lễ nhượng. Đã dùng lễ nghi để kiềm chế bản thân cho nên phục trang hành động nhất định đều vô cùng cẩn thận, không cần phải có biểu hiện đặc biệt. Nhưng mà lễ nhượng không phải chuyện nào cũng giống nhau một cách tuyệt đối, đương nhiên phải xem chuyện lớn hay chuyện nhỏ, nhưng quan trọng nhất là xem có đúng với nguyên tắc cơ bản để người làm việc hay không. Không cần phải mới mẻ lập dị, không cần phải lấy lòng mọi người, không cần

phải biểu hiện đạt tới mục đích; đây đều là bản sắc của Nho gia, cũng là điểm dễ mến của Nho gia.

3. Điển hình của nho gia (3).

Có một số Nho gia rất nghiêm túc cẩn thận trong sinh hoạt thường ngày, vô luận là đứng hay ngồi đều tỏ vẻ đoan trang cung kính mỗi lần nói một câu đều phải suy nghĩ trước có đúng thời điểm hay không. Mỗi một động tác, một hành vi nhất định phải phù hợp với nguyên tắc công minh chính trực và ôn hòa. Bất cứ trên đoạn đường nào, cũng không vì lợi ích của riêng mình mà xảy ra tranh chấp với người khác. Bất cứ trong thời gian nào cũng không vì thời tiết nóng lạnh mà gây gổ với người khác làm mất đi sự vui vẻ, thoải mái. Không tranh chấp với người khác giống như tiếc rẻ mạng sống bản thân mình vậy, nhưng tuyệt đối không phải là tham sống sợ chết, mà là chờ đợi, đợi đến lúc gặp được chuyện lớn đáng được đấu tranh, thì họ sẽ không tiếc tính mạng mà giành lấy. Lúc thường chỉ biết làm sao để nỗ lực bồi dưỡng bản thân, làm cho bản thân trở thành người hữu dụng, sau đó có cơ hội mới có thể hy vọng mà làm nên. Nho gia đối với dự trữ thái độ đạo đức đúng đắn và dự đoán đánh giá giá trị của bản thân mình vẫn thường tỏ ra như vậy.

Phụ lục nguyên văn:

“Nho hữu cư xử tề nan, kỳ tọa khởi cung kính, ngôn tất tiên tín, hành tất trung chánh. Đạo đồ bất tranh hiềm

dị chi lợi, đông hạ bất tranh hiểm dương chi hòa. Ái kỳ tử dĩ hữu dãi dã, dương kỳ thân dĩ hữu vi dã, Kỳ bị dự hữu như thử giả. (Nho hành)

Thuyết minh:

Cái chết có lúc nặng như núi Thái Sơn, nhưng có lúc nhẹ như lông hồng, đó chính là sự phán đoán xem giá trị của sinh mạng có đáng hay không. Nếu như chỉ đấu tranh về tình cảm, giành giật vì lợi ích riêng tư, đương nhiên cái chết rất được coi trọng, cho nên người xưa có nói: “Thiên kim chi tử, bất tử vu đạo tặc, quân tử bất lập, vu nguy tường chi hạ”, chính là cho rằng chết như vậy thật là không đáng. Nên biết tiếc rẻ sinh mạng hữu dụng của bản thân, không vì đại nghĩa thì không nên hy sinh tính mạng. Cho nên lúc bình thường cần phải cẩn thận từng lời nói hành động, duy trì chính đạo, tự mình bồi dưỡng bản thân đợi đến ngày làm nên nghiệp lớn.

4. Điển hình của nho gia (4).

Từ trước đến giờ Nho gia không cho rằng bạc vàng châu báu là quý giá, mà chỉ cho rằng phẩm chất tốt có được là sự trung thực mới là đáng quý. Từ trước đến bây giờ chưa bao giờ nghĩ đến việc mua đất đai để làm cửa cái, mà lại dùng quan niệm ngược lại để làm đất dung thân. Từ trước đến giờ không yêu cầu phải tích lũy nhiều tài vật quý giá, mà yêu cầu học nhiều thơ ca, sáu môn nghệ thuật, vậy mới gọi là giàu có, phong phú. Những người này nếu

muốn bủa lưới, vây đón rất khó, nhưng lại dễ dàng mời họ đến nhận chức của triều đình, làm việc cho đất nước bằng sự báo đền, ân thưởng chính đáng; tuy rằng dễ dàng mời họ đến làm việc cho triều đình, nhưng lại rất khó dùng bổng lộc để mà cung cấp cho họ. Bởi vì nếu như không phải đúng thời cơ thích hợp, những người này vẫn im lìm ẩn mình trong bóng tối; không chịu bộc lộ bản chất của mình, cái này không phải là khó mời mọc hay sao. Nếu như những người có chức tước cao hơn mà không giữ đạo nghĩa, những người này nhất định sẽ không chịu hợp tác! Điều này không phải là khó dùng bổng lộc để mà cung cấp cho họ hay sao? Họ muốn rằng trước tiên là làm việc vì đất nước, sau đó mới lấy những kết quả mà mình đáng được thưởng, điều này không phải là rất dễ dàng mời họ làm việc cho triều đình hay sao? Cho nên Nho gia thường tỏ ra như vậy khi tiếp xúc với những người khác.

Phụ lục nguyên văn:

“Nho hữu bất bảo kim ngọc, nhĩ trung tín dĩ vi bảo. Bất cần thổ địa, lập nghĩa dĩ vi thổ địa. Bất cần đa chức, đa văn dĩ vi phú. Nạn đắc nhĩ dị lộc dã, dị lộc nhĩ nan thu dã. Phi thời bất kiến, bất diệc nan đắc hồ? Phi nghĩa bất hợp, bất diệc nan súc hồ? Tiên lão nhĩ hậu lộc, bất diệc dị lộc hồ? Kỳ cận nhân hữu như thử giả. (Nho hành)

Thuyết minh:

“Một số người rất coi trọng vàng bạc, điền sản, tài

phú, Nho gia thì chỉ coi trọng trung tín, đạo nghĩa, các môn nghệ thuật thơ ca, vì không tranh chấp với những người khác nên họ dễ dàng gần gũi với một số người. Nếu như những người nằm ở địa vị cao làm việc đúng với nguyên tắc trị sự, thành tâm mưu lợi cho quốc gia, lúc đó Nho gia không có lý do gì để mà không ra làm việc cho triều đình, cho nên họ đều dễ dàng gần gũi giống như những người khác vậy. Nhưng với một điều kiện duy nhất, đó chính là nhất định phù hợp với đạo nghĩa cơ bản làm người mới được.

5. Diễn hình của nho gia (5).

Những Nho gia nếu như gặp phải có người dùng một số lớn lễ vật tiền tài đến nhờ vả họ, hoặc là dùng những vật được nhiều người yêu thích đến bao vây họ, tuy rằng lợi ích nằm ngay trước mắt, nhưng họ tuyệt nhiên không vì đó mà làm ra những chuyện không phân biệt thị phi, làm tổn hại đạo nghĩa. Nếu như gặp phải người khác dùng số đông người để mà bức hiếp họ, dùng vũ khí để hù dọa họ, tuy rằng trước mắt chỉ còn một con đường chết, họ cũng không vì đó mà làm chuyện phản bội lương tâm, làm sai những hành vi phẩm chất thường ngày. Có lúc vì biểu dương chính nghĩa mà họ liều chết đấu tranh với những thế lực ác độc của xã hội, vì đại nghĩa mà họ hăng hái dùng cầm đấu tranh đến cùng, không cần suy nghĩ lực lượng của bản thân có đủ hay không. Họ lấy sự an nguy

của thiên hạ làm trách nhiệm của bản thân, việc đúng là phải làm, vì nghĩa không hối hận, cũng không suy nghĩ xem năng lực của mình ra sao nữa. Nhất cử nhất động, đều phải yêu cầu hợp tình hợp lý, cho nên những chuyện đã làm rồi tuyệt đối không có gì hối hận. Chỉ cần việc này phải làm thì sẽ nghiêm túc làm, không cần phải lo lắng thành bại sau này ra sao. Nếu như ngẫu nhiên mà không cẩn thận ngôn ngữ, nói sai lời liền lập tức sửa chữa. Tuyệt đối không tái phạm lần sai thứ hai. Đối với những lời nói thêm thắt, đặt điều, không cần phải tìm hiểu kỹ càng, những lời nói hoang đường tự nhiên sẽ mất đi. Tự mình đi thật ngay, ngồi thật vững, nếu có gặp những trở ngại dả kích, cũng không ảnh hưởng gì đến mình. Trong những cảnh ngộ không đắc ý, vẫn có thể giữ bốn phạm, không cần học những thủ đoạn không chính đáng của người khác, để mà mưu cầu lợi ích riêng. Cách đối nhân xử thế của Nho gia thường có những điểm đặc biệt khác người như thế này.

Phụ lục nguyên văn:

“Nho hữu ủy chi dĩ hóa tài, yêm chi dĩ lạc hảo, kiến lợi bất khuy kỳ nghĩa. Kiếp chi dĩ chúng, tử chi dĩ bình, kiến tử bất canh kỳ thủ. Chi chí trùng quốc bác, bất trình dũng giả. Dẫn trọng đỉnh, bất trình kỳ lục. Vãng giả bất hối, lai giả bất dự, quá ngôn bất tái, lưu ngôn bất cực, bất đoán kỳ uy, bất tập kỳ mưu. Kỳ đặc lập hữu như thủ giả

(Nho hành).

Thuyết minh:

Trong xã hội có một số người làm việc để đạt tới mục đích thường bất chấp thủ đoạn, hoặc giả dùng một số lớn tiền bạc để thông đồng, hay dùng những chuyện vui thú để kéo người khác theo mình. Bất kể người ta dùng thủ đoạn gì, vấn đề là chúng ta có thể hiện kiên định ý chí hay không, giữ vững nguyên tắc mà thôi. Thái độ phẩm chất của Nho gia là đặc biệt coi trọng việc phân biệt nghĩa khí và lợi ích; dầu có thể rơi, máu có thể chảy nhưng ý chí không thể nào bị khuất phục, đây chính là khí phách kiên cường có được ở Nho gia. Cho nên Mạnh Tử đã từng nói rằng: “Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thử chi vị đại trượng phu”. (Đặng Văn Công chép lại). Đặc biệt là cái chuyện lấy thiên hạ làm trách nhiệm của mình. Gặp lúc đất nước dân tộc bị lâm nguy, cái tinh thần được tiềm tàng sâu kín ở trong lòng lập tức phát huy.

6. Điển hình của nho gia (6).

“Nho gia có được một bề mặt rất là ôn hòa, nhưng hành vi phẩm chất thường ngày lại rất là kiên quyết; một số người dễ dàng gần gũi với họ; nhưng lại không thể dùng phương thức không lễ độ mà hiếp bức họ; có thể giết chết họ, nhưng không thể sỉ nhục họ. Nơi ở của Nho gia không yêu cầu phải phồn vinh hoa lệ, thức ăn thức uống

của họ không yêu cầu phải thịnh soạn, những sai lầm sơ sót của họ có thể nhẹ nhàng mà nói ra, tốt nhất là đừng ở trước mặt nhất nhất chỉ trích họ. Đời sống vật chất của họ lại rất giản đơn, nhưng đời sống tinh thần của họ lại rất là nghiêm túc. Tính cách kiên nghị bất khuất của Nho gia là như vậy đấy.

Phụ lục nguyên văn:

“Nho hữu khả thân nhĩ bất khả kiếp dã, khả cận nhĩ bất khả bức dã. Khả sát nhĩ bất khả nhục dã. Kỳ cư xử bất dâm, kỳ ẩm thực bất nhục, kỳ quá thất khả vi biện nhĩ bất khả diện số dã. Kỳ cương nghị hữu như thử giả (Nho hành).

Thuyết minh:

Thà chết mà không chịu sự áp bức sỉ nhục, đây là biểu hiện của sự kiên nghị. Cái ăn, cái ở đều có thể đơn giản tùy tiện, đời sống tinh thần rất là nghiêm túc, đây là tính kiên cường, nhưng có sai lầm, tốt nhất là không nên ở trước mặt nhất nhất quở trách, lúc lại giống như nói rõ tính kiên cường của Nho gia, lúc lại hình dung vượt quá giới hạn một cách khiêm nhường.

7. Điển hình của nho gia (7)

“Nho gia có người lấy trung tín làm giáp trụ, lấy lễ nghĩa để làm lá chắn bảo vệ bản thân. Mỗi lần làm bất cứ việc gì, nhất định đều lấy nhân ái làm tiền đề, gặp phải chuyện nào cần phải xem xét quyết định kỹ càng, nhất

định đều lấy đạo nghĩa làm chủ. Cho dù đang ở dưới ách thống trị bạo ngược, cũng tuyệt đối không thay đổi lập trường và tông chỉ vốn có của bản thân. Cách ứng xử việc đời, tự mình giữ vững nguyên tắc hành vi phẩm chất thường ngày của mình là như vậy đó.

Phụ lục nguyên văn:

“Nho hữu trung tín dĩ vi giáp vị, lễ nghĩa dĩ vi can lỗ, ái nhân nhĩ hành, bảo nghĩa nhĩ xứ, tuy hữu bạo chính, bất cánh kỳ sở. Kỳ tự lập hữu như thử giả (Nho hành).

Thuyết minh:

Trung là phương thức làm việc một cách tận tâm tận lực; tín là thái độ thật thà đối với người khác; lễ là căn cứ theo hành vi đúng với nguyên tắc tập quán; nghĩa là phán đoán đúng sự thiện ác, thị phi. Một người nếu như có thể nắm được nguyên tắc trung tín, tận tâm làm việc, thành thật đối với người, thị phi phân minh; sử dụng những thái độ này để mà ứng xử với xã hội, dần dà mọi người sẽ khâm phục, tôn kính người đó, rồi sẽ không ai dám bắt nạt người đó, cho nên đây là cách tốt nhất để bảo vệ bản thân mình. Nhân, chính là ám chỉ trung tín; nghĩa - là ám chỉ lễ nghĩa. Cho nên, trong đoạn trên nói là giáp trụ, đoạn dưới lại dùng chữ “ÁI”; đoạn trên nói là lá chắn, đoạn dưới lại viết là chữ “BẢO”. Trung tín làm giáp trụ, chính là nói lấy nhân ái làm tiền đề, lễ nghĩa làm lá chắn, cũng chính là nói lấy lễ nghĩa làm thành căn cứ của

những xem xét, quyết định. Có thể lấy nhân nghĩa làm cái gốc căn bản để đối nhân xử thế; cho nên tuy rằng gặp phải triều chính bạo tàn cũng đủ để yên thân giữ phận.

8. Điển hình của nho gia (8).

“Nho gia có người nơi ở chỉ khoảng chừng một mẫu, căn phòng chỉ cỡ chừng một trượng, cửa lớn được che bằng một tấm màn trúc, phía trên có thêm một cái cửa nhỏ hình cầu vồng, cái cửa nhỏ này thường được đan bằng cỏ bồng. Trên tường khoét một cái lỗ rồi đặt vào đó một cái miệng hũ bị vỡ, thì đã gọi là cửa sổ được rồi. Tổng cộng chỉ có một bộ lễ phục, ra cửa mới mặc vào, vừa về đến nhà là thay ra xếp lại ngay, hai ngày mới có một lần đúng là bữa ăn. Nếu như quan lớn có thể nhận biết họ đãi ngộ họ, họ sẽ tận tâm, tận lực mà làm việc, tuyệt đối không dám hai lòng. Nếu như quan lớn không tín nhiệm, họ cũng không dám dùng phương thức nịnh hót lấy lòng để mà yêu cầu tiến dụng. Thái độ phục vụ xã hội, làm việc cho triều đình của Nho gia là như vậy đó.

Phụ lục nguyên văn:

“Nho hữu nhất mẫu chi cung, hoàn đồ chi thất, tất môn khuê du, bồng hô ung dũ; dị y nhĩ xuất, tịnh nhật bố thực. Thượng đáp chi, bất cảm dĩ nghi; thượng bất đáp, bất cảm dĩ siễn. Kỳ sỹ hữu như thử giả.

Thuyết minh:

Lúc mà người ta bị khốn cùng thường hay nghĩ ra

nhiều cách để mưu cầu lợi ích. Có lẽ có người có thể dùng phương pháp không chính đáng mà đạt được quyền cao chức trọng, nhưng họ lại không biết rằng họ đã đánh mất đi cái nhân cách của mình. Nhân cách là vô giá, sau khi đánh mất đi thì không có cách nào bổ cứu lại được cả. Nếu như bạn bè của họ biết được chân tướng, cố nhiên sẽ coi họ không ra gì; người nhà của họ, còn cái của họ, nếu như cũng vì điều này mà không tha thứ cho họ, thì những cái hư danh này còn giá trị gì nữa? Một người Nho gia cho dù hoàn cảnh khốn khổ như thế nào, quan lớn tín nhiệm hay không, họ vẫn cứ phục vụ xã hội như nguyện ước ban đầu, cuộc sống tuy khốn nhưng không khổ, cứ sống như vậy trong lòng chắc chắn sẽ thanh thản hơn.

9. Điển hình của nho gia (9).

Nho gia tuy rằng cùng sinh sống với người của xã hội hiện tại, nhưng lại thường xem xét tỉ mỉ hành vi cư xử của người xưa, và lấy đó làm chuẩn mực để bản thân noi theo khi làm việc; vì giữ gìn sự công minh chính trực cho xã hội ngày nay, họ thường nghĩ rằng bản thân mình phải làm gương cho thế hệ sau, cho nên lời nói và hành động của Nho gia đều rất là nghiêm túc, cẩn thận.

Nếu như không gặp được thời đại chính trị tiến bộ, người ở trên không tín nhiệm họ, không chịu viện dẫn để bạt; người ở dưới không hiểu rõ họ, không chịu để cử giới thiệu, lại còn một số người nịnh hót, bợ đỡ thích sinh sự

lập bè kết đảng để mà hãm hại họ; ở trong hoàng cảnh này, nhiều lắm cũng chỉ làm da thịt của họ bị thương nhưng tuyệt đối không thay đổi được ý chí vốn có của họ. Tuy rằng ngày thường vẫn gặp những khốn đốn trong cuộc sống, nhưng họ vẫn làm việc theo tính công minh chính trực không bị ảnh hưởng của ngoại cảnh. Cho dù đang ở trong hoàn cảnh gian nan nhất, họ vẫn nhớ rõ nỗi khốn khổ của bá tánh, lúc nào cũng muốn làm một chút việc cho bá tánh. Tấm lòng yêu nước thương dân của Nho gia thường như vậy.

Phụ lục nguyên văn:

“Nho hữu kim thế dữ cư, cổ nhân dữ khô; kim thế hành chi, hậu thế dĩ vi khải. Thích phát phùng thế, thượng phát viện, hạ phát thôi, sàm siển chi đan, hữu tử đẳng nhĩ nguy chi giả, thân khả nguy giả, nhĩ chí bất khả đoạt giả. Tuy nguy khởi cư, cánh tín kỳ chí, do tướng bất vong bá tánh chi bệnh dã. Kỳ ưu tư hữu như thử giả (Nho hành).

Thuyết minh:

Một người có lý tưởng thì mục tiêu của họ là muốn cải tạo hiện thực, cứu giúp mọi người, nhưng một số đông người sẽ không hiểu được khổ tâm của người đó, những người chịu an phận với hiện thực tất nhiên sẽ bài xích những gì mà người đó nêu ra. Còn có một số người vì bảo vệ quyền lợi đã đạt được của mình, không muốn những chuyện cải tạo sẽ làm tổn thất lợi ích cá nhân, nên sẽ hợp

lại tạo áp lực với người đó, thậm chí có thể làm hại người đó nữa. Cũng có thể do sức mạnh của dư luận, mỗi người một ý mà kết quả xảy ra không rõ ràng, không phân biệt được đúng hay sai. Nhưng một Nho gia chân chính, không những có lý tưởng cao siêu, mà còn cần phải biết lo cho thiên hạ trước, sau đó mới vui phần của mình, cho dù là thân thể bị tổn thương, cuộc sống ngày thường lại gặp nhiều trắc trở lo âu, nhưng với ý chí vốn có, tận lực làm việc vì xã hội quốc gia, vì quần chúng nhân dân, cũng đáng lắm chứ.

10. Diễn hình của nho gia. (10)

Nho gia có tính học hỏi rất lớn, nhưng không bao giờ suy nghĩ hoặc ngừng lại; làm việc một cách thiết thực, mà không bao giờ thấy mệt mỏi hoặc tỏ vẻ lười biếng cả. Lúc mà không đạt được nguyện vọng vẫn giữ gìn bốn phận, không tỏ vẻ kỳ lạ, lúc mà đạt được đến lý tưởng một cách thực tiễn thì thái độ vẫn bình thường. Họ thật sự rất là hiểu biết, bản chất của lễ giáo tuy rằng rất nghiêm ngặt, nhưng cái hiệu quả lớn nhất vẫn là lúc bình thường, cho nên họ đối với những người có thể lấy trung tín mà tu dưỡng cẩn thận bản thân mình, cố nhiên tán thưởng, mà đối với người dùng cách xử sự nhẹ nhàng, trong lúc buồn phiền cũng đồng tình với cách xử sự trên, đối với số ít những người có tài đức họ sẽ tận lực đề cử, và cũng có cả tấm lòng khoan dung ôn hòa sẵn sàng dung nạp quảng

đại quần chúng. Tuy rằng có những phẩm chất như vậy, nhưng có lúc họ cũng phải giấu đi cái góc cạnh sắc sảo của mình, hòa mình vào quần chúng; Nho gia thường tỏ ra như vậy khi xử sự và đối đãi với người khác.

Phụ lục nguyên văn:

“Nho hữu truyền học nhĩ bất cùng, đốc hành nhĩ bất quyện, u cư nhĩ bất dâm, thượng thông nhĩ bất khốn. Lễ chi dĩ hòa vi quý; trung tín chi mỹ, ưu du chi pháp, cử hiền nhĩ dung chúng, hủy phương nhĩ ngỗ hợp. Kỳ khoan dụ hữu như thử giả. (Nho hành)

Thuyết minh:

Truyền thống giáo dục gia đình, đều yêu cầu trẻ nhỏ phải có tấm lòng rộng lượng, tính tình nhân hậu, lúc nào cũng phải có tính khoan dung, ôn hòa. Nguồn gốc của quan niệm này, chính là bị ảnh hưởng bởi thủ giáo, lễ giáo mà ra cả. Thơ tam bách, nhất ngôn dĩ tộ chi, viết tư vô tà (viết trong “Luận ngữ vi chính”), chính là dạy mọi người làm việc phải làm theo hướng đúng. Có thể nghĩ đến hướng đúng cho mọi chuyện, người đó tất nhiên sẽ tự tạo ra điển hình. “ôn nhu đôn hậu”. Bản chất của “Lễ” tuy rằng yêu cầu ràng buộc, hạn chế, nhưng những mục tiêu đạt đến cuối cùng lại là sự ôn hòa của tri giác. Trong mục tiêu của tri giác, yêu cầu phải giữ nghiêm kỷ luật, đối đãi với người khác rộng lượng. Ăn nói nhẹ nhàng, đối xử khoan dung, tự nhiên sẽ làm người ta dễ gần gũi hơn, làm người

ta tin tưởng mình hơn; ít ra khi mà tấm lòng rộng mở, tất nhiên sẽ làm giảm đi rất nhiều những lo lắng trong tinh thần, không làm người ta cáu giận, cho nên cuộc sống sẽ trải qua thoải mái vui vẻ hơn. Nếu như tâm ý thoáng đạt, phí phách được phát huy mạnh mẽ, có thể làm chuyện lớn hóa nhỏ, thì người ta mới có điều kiện đầy đủ để làm chuyện lớn.

11. Điển hình của nho gia (11).

Lúc đề cử những người hiền năng, Nho gia chỉ cần có đúng là nhân tài hay không, không bao giờ vì lòng ích kỷ mà đưa lên những người thân cận của mình, cũng không bao giờ vì hiềm khích cá nhân mà không tiến dụng kẻ thù của mình. Nhất định phải trải qua một cuộc khảo tra kết quả công việc, biết được tài đức của người đó có đúng tiêu chuẩn hay không, mới tận lực mà đề cử người đó vào chỗ mà người cấp cao cần có; chỉ cần biết được rằng người được đề bạt là một nhân tài cho đất nước, tuyệt nhiên không vì sự báo đáp của mình mà hy vọng đạt được một sự báo đáp xứng đáng. Đến nỗi cho dù người được Nho gia đề cử giúp các chư hầu đạt được sự an dân trị quốc, thực sự có lợi cho quốc gia, thì Nho gia cũng đã yên lòng thôi, tuyệt đối không vì công lao này mà mong muốn một sự ban thưởng nào cả. Nho gia đối với chuyện đề cử, giữ gìn nhân tài thường là như vậy đó.

Phụ lục nguyên văn:

“Nho hữu nội xứng bất tị thân, ngoại cử bất ti oán. Trình công tích sự, thôi hiển nhĩ tiến đạt chi, bất vọng kỳ báo. Quân đắc kỳ chí, cầu lợi quốc gia, bất cầu phú quý. Kỳ cử hiển viện năng hữu như thử quả. (Nho hành)

Thuyết minh:

Tác dụng của “Lễ”, ngoại trừ “định thân sơ” ra, còn phải có thể “minh thị phi” (ghi trong “Lễ ký khúc lễ”). Một mặt là quốc gia muốn có người tài đức để làm việc, một mặt trải qua sự khảo sát, xác định có phải là hiền tài hay không, sau đó mới không dẫn đo mà để cử cho chính phủ. Cho nên người này có là thù hay là bạn cũng không quan trọng, chỉ cần có lợi cho đất nước là được rồi. Việc cử người hiền không phải là việc khó, nhưng nếu giữ không vì tư lợi, không cần báo đền, chỉ một lòng tận trung báo quốc, đó mới là cái quý khó mà có được.

12. Điển hình của nho gia (12).

Trong quan hệ bằng hữu, đồng đạo cùng chung ý chí của Nho gia, nếu như nghe được việc gì có ích cho tu dưỡng đạo đức, họ sẽ nói cho nhau biết; nhìn thấy một việc gì có lợi cho đạo hạnh của Nho gia là liền chuyển lời cho nhau. Gặp được một cơ hội tốt để thăng quan tiến chức, nhất định sẽ nhường nhịn lẫn nhau; gặp phải những tình huống hoạn nạn, nhất định sẽ gánh phần trách nhiệm ấy cho mình. Bạn thân của mình cứ ở mãi địa vị thấp hèn, bản thân có cơ hội thăng quan tiến chức, họ sẽ nguyện ý đợi

bạn mình cùng thắng tiến với nhau. Nếu như bản thân mình ở một nơi vô cùng thuận lợi, bạn mình ở một nơi xa xôi khó khăn, nhất định sẽ tìm cách mà đón bạn mình đến cùng nhau tận lực mà làm việc vì lý tưởng. Đối với các đồng đạo cùng chí hướng, Nho gia thường nghĩ cách đề cử như vậy đó.

Phụ lục nguyên văn:

“Nho hữu văn thiện dĩ tương cáo dã, kiến thiện dĩ tương thị dã, tước vị tương tiên dã, hoạn nạn tương tử dã, cửu tương đãi dã, viễn tương trí dã. Kỳ nhiệm cử như thử dã. (Nho hành)

Thuyết minh:

Trong quan hệ giữa những người có cùng chí khí, lý tưởng tương đồng; việc giáo dục đức hạnh, đẩy mạnh sự nghiệp phải hỗ trợ lẫn nhau, cùng nhau bắt tay vào làm việc một sự nghiệp thật là vẻ vang, đó mới mà một chuyện vui mừng.

13. Điển hình của nho gia (13).

Nho gia có người giữ phẩm chất được trong sạch, đắm chìm trong vinh quang của đạo đức, từ trước tới nay chưa bao giờ bị dính vào chuyện dơ bẩn. Làm việc cho quan trên, họ chỉ mong được tiếp nhận ý kiến của bản thân, không cần mong phải được biểu dương. Dùng phương thức kín đáo tế nhị để mà sửa chữa lỗi lầm của quan trên, làm họ vô tình thay đổi quay về đường chính đạo, mà họ

tự mình cũng không biết được. Nếu như có kiến nghị tích cực họ sẽ dùng cách nhẹ nhàng ý nhị mà dẫn dắt, không cần phải gấp gáp để mà đạt đến. Không bao giờ cố ý trước mặt những người mà biểu hiện vẻ cao quý của mình, và cũng không bao giờ cố ý khoa trương công tích của mình, nói ít thành nhiều. Lúc xã hội yên bình, người có tài có đức tất sẽ có địa vị, đứng cùng với các bậc hiền tài cùng thời, làm họ có thể coi trọng mình hơn. Lúc xã hội bất ổn hỗn loạn, đạo đức bị suy đồi, nhưng cũng không vì vậy mà đau khổ, mà nên rèn luyện khí tiết, giữ vững cương vị. Nếu như có ý kiến của ai đó tương đồng ý kiến với mình, họ cũng không thêm tán dương. Nếu như có ai bất đồng ý kiến với mình, họ cũng không vì vậy mà phê bình. Nho gia vẫn dùng cách hành sự độc lập, khác người như vậy.

Phục lục nguyên văn:

Nho hữu tảo thân nhĩ dục đức, trần ngôn nhĩ phục, tịnh nhĩ chính chi, thượng phát tri dã. Thô nhĩ kiên chi, hựu bất cấp vi dã. Bất lâm thám nhĩ vi cao, bất gia thiếu, nhĩ vi đa, thế trị bất khinh, thế loạn bất tử. Đồng phát dữ, dị phát phi. Kỳ đặc lập độc hành hữu như thử giả. (Nho hành)

Thuyết minh:

Ở đây nói cách làm việc độc lập của Nho gia, tuyệt nhiên không nói Nho gia cố ý biểu thị hành vi của mình phải khác người như thế nào, mà chỉ rằng do Nho gia có

thể biết được thế nào là tự trọng tự ái, cho nên trong thái độ làm người làm việc của họ có những điểm hiển nhiên khác hẳn với loại người không biết tự trọng và không biết tự ái. Ví như Nho gia không cường điệu chính mình, không gấp gáp biểu hiện, không muốn đưa cao thân phận, nhưng cũng không xem nhẹ bản thân, không dễ dàng tán thưởng hoặc phê bình người khác, những điểm này không chỉ là sự phân biệt của Nho gia và giới hạn của thế tục, mà còn dựng nên một điển hình quân tử cho hậu thế.

14. Điển hình của nho gia (14).

Nho gia không muốn chuyện gì cũng vâng lệnh thiên tử, không muốn phục dịch chư hầu, kỷ luật rất cẩn thận nghiêm túc, nhưng đối với người thì vô cùng rộng lượng, khoan hồng. Cứng rắn khi rèn luyện hành vi phẩm chất thường ngày của mình, nhưng đối với người lại rất là hiền hòa. Tính học hỏi rộng rãi, nhưng lại biết được những cái học được phải sử dụng vào đâu; thành thạo thi ca, văn chương tài giỏi, nhưng lại biết được những thực chất bao hàm trong đó để rèn luyện hành vi phẩm chất thường ngày của mình. Cứ cho là phong cho họ một quốc gia đi nữa, họ cũng chẳng coi vào đâu, cho nên họ không tùy tiện đi làm thần tôi cho thiên tử, càng không chịu những thế lực áp bức mà đi thờ phụng vua chúa. Đối với những quy định về hành vi của bản thân, Nho gia thường tỏ ra như vậy đó.

Phụ lục nguyên văn:

Nho hữu thương bất thần thiên tử, hạ bất sự chư hầu. Thận tịnh nhĩ thượng khoan, cường nghị dĩ dĩ nhân, bác học dĩ trị phục, cận văn chương, để lệ liêm ngưng. Tuy phản quốc, như tri thù, bất thần bất sĩ. Kỳ quy vi hữu như thử giả. (Nho hành)

Thuyết minh:

Nho gia không cần danh lợi, coi phú quý như một đám mây bay, cho nên không chịu vì địa vị bổng lộc mà đi thờ phụng thiên tử, chư hầu. Nhưng lại không phải là bốn cột với đời, không phải là tổ thái độ xem tất cả không ra gì. Bọn họ lấy tu dưỡng phẩm chất đạo đức để mà làm cơ sở, phục vụ đại chúng làm mục tiêu. Cho nên nghiêm ngặt, kỷ luật với mình mà đối đãi với người khác lại vô cùng rộng lượng. Cứng rắn trong hành vi thường ngày mà lại đối với người một cách hiền hòa. Nhưng mà chuyện có liên quan đến danh lợi, họ bắt buộc phải xem xét có phù hợp với nguyên tắc hay không. Cho nên chỉ sợ học tràn lan, mà họ phải chú ý đến học cái gì có ích; sợ những cái phù hoa mà họ phải càng rèn luyện thêm khí tiết. Đây chính là cái mà Nho gia nắm được giữa những xuất xứ của từ ngữ.

15. Điển hình của nho gia (15).

Nho gia đối với việc giao thiệp bạn bè, bắt buộc phải cùng chí thú, cùng mục tiêu; tu dưỡng phẩm cách, gạt hái

những kết quả cũng phải tương đồng. Lúc địa vị của nhau ngang bằng mới cảm thấy vui vẻ cho đồng đạo; nếu như có sự khác biệt cao quý thấp hèn, cũng không bao giờ coi khinh bạn mình, tuy không gặp mặt đã lâu, nhưng lúc này lại hiểu rất rõ. Ngẫu nhiên nghe được một số lời nói hoang đường bất lợi cho bạn mình, họ cũng không bao giờ tin. Cử chỉ hành vi của họ, nhất thiết phải căn cứ theo nguyên tắc chính trực, phải lấy lập trường của đạo nghĩa làm tông chỉ. Chí đồng ý hợp, mới có thể kết giao với họ; đạo không đồng, thì mau lui bước không quan hệ. Đối với sự kết giao bằng hữu, Nho gia vẫn thường tỏ ra như vậy.

Phụ lục nguyên văn:

Nho hữu hợp chí đồng phương, doanh đạo đồng thuật, tính lập tắc lạc, tương hạ bất yển; cửu bất tương kiến, văn lưu ngôn bất tín. Kỳ hành, bốn phương lập nghĩa. Đồng nhĩ tiến, bất đồng nhĩ thoái. Kỳ giao hữu hữu như thử giả. (Nho hành)

Thuyết minh:

Quen biết bạn bè, quý ở chỗ hiểu rõ nhau. Hiểu nhau chí đồng ý hợp, hiểu nhau đều là lấy đạo nghĩa làm tông chỉ, đương nhiên cũng có thể hiểu được lời đồn đại, bịa đặt là không thể tin được.

16. Điển hình của nho gia (16).

Những đạo đức đẹp đẽ có được của Nho gia còn rất nhiều, ví như nói bốn tính ôn hòa thiện lương, đó là do họ

đã có được bản chất của “nhân”, lòng thành kính cẩn thận, đó là do họ đã có được cơ sở của “nhân”; tấm lòng khoan dung rộng lượng, đó là tác dụng bên trong của “nhân”; phong thái khiêm tốn nhường nhịn, đó là tác dụng bên ngoài của “nhân”, cử chỉ uy nghi, phù hợp với tiết độ, đó là biểu hiện thái độ đúng đắn của “nhân”; lời nói có ý nghĩa, đúng trong tâm, đó là phong thái văn chương của “nhân”, nội tâm bình tĩnh vui vẻ, lúc nào cũng có thể ca hát, đó là sự tu dưỡng của “nhân” đã đạt được tới hiệu ứng của hoàn cảnh ôn hòa; đức hạnh không ngừng tích lũy giữ lại, đồng thời cũng có thể phát tán đi, chiếu soi người khác, đó là sự tu dưỡng của “nhân” sau khi đạt tới trình độ tương đương, tự nhiên sẽ xảy ra hiện tượng làm phổ biến. Những đạo đức đẹp đẽ này, Nho gia kỳ thực đều đã có, nhưng họ còn chưa hiểu hay là không dám nói những gì mà mình làm được nhất định đều có thể phù hợp với “nhân”. Sự khiêm nhường của Nho gia thường là như vậy đó.

Phụ lục nguyên văn:

“Ôn lương giả, nhân cho bốn dã; kính thân giả, nhân chi địa dã; khoan dụ giả, nhân chi tác dã; tôn tiếp giả, nhân chi năng dã; lễ tiết giả, nhân chi mạo dã; ngôn đàm giả, nhân chi văn dã, ca lạc giả, nhân chi hòa dã; phân tán giả, nhân chi thi dã; nho giả kiêm nhĩ hữu chi, do thả bất cảm ngôn nhân dã. Kỳ tôn nhượng hữu như thử giả.

(Nho hành).

Thuyết minh:

“Nhân” ở trong lý luận của Nho gia, vẫn được xem như là tên gọi chung của tất cả đạo đức sạch sẽ, cũng là sống mà có bốn tính lương thiện. Nhưng mà do sự nhiễm bẩn trong hoàn cảnh sau đó, làm “nhân” dần dà mất đi sự rạn vỡ vốn có của nó. Cho nên Nho gia rất coi trọng việc làm thế nào để khôi phục lại thái độ đạo đức gọi là “đạo”, mục tiêu cuối cùng của “đạo” là nhân; cho nên vì vậy lương thiện ôn hòa, kính cẩn thận trọng đều là một mặt của nhân. Cho nên Nho gia vượt hơn người bình thường chính là nhờ có được thái độ nhân đức đúng đắn này. Những nhin cung kính cũng là một bộ phận của tu dưỡng, cho nên Nho gia tuy rằng đã có được loại nhân đức, nhưng cũng dám tự thỏa mãn.

17. Điển hình của nho gia (17).

“Nho gia tuy ở trong hoàn cảnh nghèo khó, nhưng lại không vì vậy mà chán chường uể oải, suy sụp tinh thần; tuy sống trong hoàn cảnh giàu sang phú quý, cũng không vì vậy mà kiêu ngạo tự mãn, bại hoại khí tiết. Không bao giờ vì những khốn đốn nhục nhã của quân vương gây ra mà quay lưng lại với chính đạo, không bao giờ vì sự kiểm chế của quan lớn mà chán nản buồn rầu, không bao giờ vì những khó khăn của bọn quần thần quan lại mà tỏ ra mất bình thường. Loại người này mới có thể gọi là Nho gia.

Bây giờ có một số người nhận thức về Nho gia còn chưa thật chính xác, đem những người vốn không phải là Nho gia ra gọi bậy bạ là Nho gia, cho nên thường có người chỉ trích, phê bình những Nho gia giả hiệu đó”.

Đây là một đoạn cuộc nói chuyện giữa Lỗ Ai Công và Khổng Tử, nhân lúc Khổng Tử trở về Lỗ quốc. Nghe hết lời Khổng Tử, từ lúc đó trở đi, Lỗ Ai Công nói chuyện càng phải thực tại, hành động càng phải hợp lý, mà còn nói: “Cả cuộc đời này của ta, không còn dám lấy Nho gia ra mà nói đùa nữa”.

Phụ lục nguyên văn.

“Nho hữu bát văn hoạch vu bản tiện, bát sung khuất vu phú quý, bát hỗn quân vương, bát luy trưởng thượng, bát mẫn hữu ty, cố viết nho. Kim chúng nhân chi mệnh nho dã vọng, thường dĩ nho tương cấu bệnh”. Khổng tử chí xá, Ai Công quán chi, văn thử ngôn dã, ngôn gia tín, hành gia nghĩa. “Chung một ngôn thể, bát cảm dĩ nho vi hí” (Nho hành).

Thuyết minh:

Trong tam lễ mục lục của Trịnh Huyền, chữ “Nho” có ba cách giải thích: thứ nhất là khoan dung rộng lượng, bất luận là trong hoàn cảnh nào cũng có thể thích ứng. Thứ hai nhu mì ôn hòa, người người đều muốn gần gũi, do đó mà có thể đạt đến đích phục chúng. Thứ ba là dễ chịu, tự mình sẽ được đắm chìm trong sự tu dưỡng đạo đức, làm

sáng lên hào quang của đạo đức, tưới nhuần tâm ý của quần chúng, người như thế này mới là một Nho gia chân chính. Có lý tưởng cao thượng, có đạo đức sâu rộng, bất luận là có khác biệt về hoàn cảnh giàu sang hay bần tiện, cũng không ảnh hưởng gì đến lý tưởng và hành vi phẩm chất thường ngày, đây chính là biểu hiện của sự khoan dung rộng lượng. Đối với những khốn đốn nhục nhã của quân vương, sự kiểm chế của các quan lớn, sự khó khăn của bọn quần thần quan lại, họ đều có thể dùng thái độ khoan dung rộng lượng để mà xử sự với bọn chúng, dần dần đạt mục đích thu phục chúng, đây chính là biểu hiện của nhu mì ôn hòa hun đúc tài năng, phẩm chất, nhờ đó cảm hóa mà trở về đường chính, đây là biểu hiện của sự dễ chịu. Cho nên chỉ có người như vậy mới đủ tư cách được gọi là Nho gia. Nho gia sở dĩ được tôn trọng, là do những điều kiện có được ở bên trong thái độ đúng đắn, mà không phải là trang phục bên ngoài phải khác người. Lỗ Ai Công hỏi những gì mà Khổng Tử mặc có phải là quần áo riêng biệt của Nho gia hay không, Khổng Tử đương nhiên không vui, cho nên mới dạy bài học này cho Lỗ Ai Công.

18. Lễ Tam Cương Bát Mục Đại học để tu dưỡng đạo đức phát triển sự nghiệp.

Cái đạo lý thường nói bên trong cái gọi là bác đại tinh thâm, là nhấn mạnh một người làm sao để có thể khôi phục lại được đức tính rạng rỡ vốn được trời ban cho

làm nó chiếu rọi quảng đại quần chúng, làm người người có thể nhận được cảm thụ nó mà tự mình đổi mới, nhấn mạnh rằng phải đạt đến cảnh giới cao nhất của lý tưởng mới thôi.

Có thể biết được mục tiêu đạt đến của thế lực là ở nơi chí thiện, sau đó nội tâm mới có phương hướng định ra, nội tâm xác thực có định hướng, sau đó tâm ý mới yên tĩnh mà không bị vọng động; tâm ý nếu quả là yên tĩnh không vọng động, sau đó mới có thể an nhiên thích ứng với mọi hoàn cảnh, sau đó mới có thể xem xét suy nghĩ kỹ càng mọi chuyện; có thể xác định mọi chuyện đều có thể xem xét kỹ càng, sau đó trong phương diện tu dưỡng về đạo đức mới có thể đạt được những thu hoạch chính đáng. Bất cứ vật nào cũng đều có sự bắt đầu và kết thúc, có đầu và có cuối, nếu như chúng ta biết trình tự nên sắp xếp cái nào trên trước, cái nào ở sau, đó là đã tiếp cận được với đạo lý tu dưỡng đạo đức.

Cổ nhân nếu muốn làm mọi người trong thiên hạ đều có thể khôi phục đức tính trong sáng vốn có của mình, thì phải bắt đầu làm từ việc quản lý quốc gia của mình; muốn quản lý quốc gia của mình; muốn hoàn chỉnh gia đình của mình, phải bắt đầu từ việc tu dưỡng bản thân của mình; muốn tu dưỡng bản thân, thì phải bắt đầu từ việc chấn chỉnh, trạng thái tâm lý của bản thân được cân bằng, muốn chấn chỉnh được trạng thái tâm lý của bản thân,

thì phải bắt đầu từ việc nắm chắc ý nghĩ và hoạt động của bản thân mình một cách thiết thực; muốn nắm được ý nghĩ và hoạt động của bản thân, thì phải bắt đầu từ việc nhận thức được những gì đạt được là thiện hay là ác; nhận thức được những gì thiện, ác chính là phải thâm nhập được thực tế mà phân tích sự vật. Nói ngược lại, sự vật có thể được nghiên cứu phân tích, sau đó mới có thể yêu cầu nhận thức ra cái thiện cái ác; nhận thức được cái thiện cái ác, sau đó mới có thể yêu cầu nắm chặt lấy ý nghĩ và hoạt động một cách thiết thực; nắm vững được ý nghĩ hoạt động một cách thiết thực, sau đó mới có thể chấn chỉnh được trạng thái tâm lý; trạng thái tâm lý được chấn chỉnh, sau đó mới có thể yêu cầu tu dưỡng bản thân mình, bản thân mình tu dưỡng tốt, sau đó mới có thể yêu cầu được vấn đề hoàn chỉnh gia đình; gia đình được hoàn chỉnh rồi thì sau đó mới có thể yêu cầu vấn đề quản lý quốc gia; quốc gia được chăm lo thật tốt, sau đó mới có chuyện thiên hạ thái bình.

Từ trên xuống dưới, cao quý như vua chúa, bản tiện như dân nghèo, người nào cũng phải lấy việc tu dưỡng bản thân để làm gốc. Nếu như cả bản thân mình mà cũng không được tu dưỡng, chăm lo một cách chu đáo, thì cái chuyện làm cho thiên hạ thái bình không thể nào làm được cả. Đối với công việc tu thân được liệt vào hàng quan trọng thì quan tâm, mà lại coi thường việc trị quốc bình

thiên hạ là việc thứ yếu đây là việc có được từ trước đến nay. Có thể coi trọng việc tu thân, chính là biết được cái gốc rễ.

Phụ lục nguyên văn.

Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, chỉ tại vu chí thiện. Trị chỉ nhi hậu Lữ định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc. Vật hữu bảo mật, sự hữu chung thủy, tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hỹ. Cổ chi dục minh minh đức vu thiện hạ giả, tiên trị kỳ quốc, dục kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân; dục tu kỳ thân giả, tiên chánh kỳ tâm; dục chánh kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý; dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ tri; trí trị tại cách vật. Vật cách nhi hậu tri chí, tri chí nhi hậu ý thành, ý thành nhi hậu tâm chánh, tâm chánh nhi hậu quốc trị, quốc trị nhi hậu thiên hạ bình. Tự thiên tử dĩ chí vu thế nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vị bản. Kỳ bản loạn nhi mật trị giả, phu hỹ. Kỳ sở hậu giả bạc, nhi kỳ sở bạc giả hậu, vị chi hữu dã. Thứ vị tri bản. (Đại học).

Thuyết minh.

Những điều mà Trịnh Huyền nói ở trên đều là sự quảng đại của việc học, những điều đó có thể áp dụng vào chính trị (xem Tam Lễ mục lục) có thể gọi là học vấn thâm sâu của việc làm chính trị, nhưng ở đây đã nói rõ “lấy trị thân làm gốc”, cho nên những nhà Nho thời Tống

coi trọng giá trị của một người biết tu dưỡng đạo đức, cũng là đúng thôi.

“Minh minh đức”, “thân dân”, “chỉ vụ chí thiên” là ba cương lĩnh trong sự học hỏi hiểu biết rộng lớn của Chu Vi Hi. Cách vật, tri thi, thành ý, chánh tâm, tu thân tề gia, trị quốc, bình thiên hạ là tám điều mục của tu thân. “Chỉ vụ chí thiên” là mục tiêu cuối cùng của tu thân, bình thiên hạ. Cho nên “Minh đức tu thân” là đạo lý học vấn sâu rộng của mọi người.

Sau khi tu thân mới có thể tề gia trị quốc, bình thiên hạ. Vì vậy những điều này chính là diễn biến bên ngoài của việc tu thân. Mà quá trình nội hàm của tu thân, chính là “Cách vật, tri thi, thành ý, chánh tâm” cách vật tuy rằng là công phu cơ bản nhất của việc tu thân nhưng bản thân của cách vật vẫn phải có đầy đủ năm điều kiện tiên quyết sắp xếp theo đúng thứ tự. Đó chính là định - tĩnh - an - lự - đắc. Vì vậy một người nuôi dưỡng bản thân phải bắt đầu từ việc xác định việc tự mình nỗ lực đạt đến mục đích chí thiện, có phương hướng đã định rồi, thì trong lòng mới yên tĩnh, mới có thể thích ứng với mọi hoàn cảnh, mới có thể suy nghĩ được chu đáo sau đó trong lúc thâm nhập nghiên cứu cái lý lẽ của sự vật mới thu hoạch được cái ý chính xác của mình mong muốn. Quan sát phân tích mọi chuyện của thiên hạ rồi thu được cái tâm đắc. Lúc đó mới hưởng thụ được cho mình cách phân biệt và

nhận biết cái thiện ác, mới có thể trong lúc ý niệm của bản thân có điều phấp phồng, tự mình nắm lấy thiện ý mà gạt bỏ đi điều ác ý ở trong đầu; mới có thể hoàn chỉnh cân bằng trạng thái tâm lý bản thân. Bất luận là ở trong hoàn cảnh phản ứng của mình đều phải phối hợp với tiết độ, đối nhân xử thế đều phải giữ thái độ bình thường, như vậy mới đạt được yêu cầu của sự tu thân, có thể đối với bất cứ sự việc nào phân biệt rõ thiện ác, thì phi của nó mà lại có thể giữ thiện bỏ ác. Dần dà, tự nhiên có thể hiểu biết được những điều thiện ác qua sự phân tích đánh giá của lý tánh. Vốn điều là tự có trong tâm ta, chẳng qua nó đã bị hoàn cảnh sinh hoạt ó nhiễm che lấp đi mà dần dà mất đi sự sáng minh mẫn của nó. Sau khi trải qua sự hiểu biết về kiểm chứng có trình tự mạch lạc như thế, khiến cho tính đức trong sáng vốn có, dần dà khôi phục lại ánh sáng. Sau cùng đạt đến mục tiêu tu thân.

Đó là ranh giới thứ nhất, sau đó thì có thể phát huy ánh sáng và nhiệt độ để chiếu sáng và sưởi ấm người khác. Trước tiên ta tiếp xúc là người nhà rồi đến rộng rãi với mọi người trong nước, làm cho họ đều cảm nhận tính đức này mà làm cho mọi người tự đổi mới do đó mới đạt đến cách giới thứ hai. Tiến tới nữa mà đạt đến mức người trong thiên hạ đều có thể tẩy tình trần ai ô trước, còn bản tánh vốn là thuần nhiên chí thiện của ta thì không có tranh chấp thị phi. Không tà ác bạo loạn - Đó chính là

cảnh giới tối cao của thiên hạ thái bình rồi vậy. Thiên hạ thái bình là lý tưởng cao mà xa, nhưng bước đầu vẫn là cá nhân. Cho nên trọng điểm của nó vẫn là ở chỗ tu thân như thế nào.

19. Cái gì là “Thành Kỳ Ý”

Cái gọi là “Thành kỳ ý” - thành thực nghiêm túc làm chủ lấy hoạt động của mỗi một ý niệm - Hàm ý chính của câu nói này, là không lừa dối bản thân mình. Làm sao để có thể làm được điều gọi là không lừa dối chính mình? Đối với ý niệm không tốt phải làm giống như cầm ghét món đồ vô cùng thối tha để mà bài trừ đi một cách thiết thực; đối với ý niệm tốt, phải xem như cảnh sắc đẹp đẽ, điểm lệ để yêu thích mà gìn giữ nó. Làm được như vậy, thì có thể nói là làm cho mình được phong phú và đầy đủ rồi. Bởi vì trong ta sẽ không còn những điều vô căn cứ. Cho nên người quân tử lúc có một mình thì rất cẩn thận gìn giữ sự thay đổi biến hóa của ý niệm. Bạn nhìn xem một số hạng người tiểu nhân, ăn không ngồi rồi thường làm chuyện bậy bạ, việc xấu gì cũng làm được. Nhưng sau khi thấy được người quân tử, thì núp núp, ló ló, che giấu những việc làm xấu của mình đồng thời tìm cách phô trương cái hay, cái tốt. Kỳ thực, lúc người ta nhìn mình, thì cũng biết được vì như nhìn thấu rõ tim gan, thử hỏi, che giấu như vậy, có lợi ích gì? Đó là muốn nói rằng: những điều bạn thực sự nghiêm túc gìn giữ ở nội tâm, nhất định sẽ biểu lộ

ra bên ngoài, cho dù muốn che đậy đi nữa cũng không thể vậy. Cho nên người quân tử khi chỉ có một mình, tựa như lúc càng không thể làm cho mọi người biết, vì thế càng đặc biệt cẩn thận ý tứ. Tăng Tử đã từng nói: “Tuồng tượng rằng có 10 con mắt đang nhìn chăm chú bạn, có 10 ngón tay đang chỏ vào bạn, sự giám sát như thế, mới đủ nghiêm vậy!”.

Người có của cải giàu sang thì tự nhiên dùng tiền bạc để trang hoàng nhà cửa của mình; người có phẩm cách đạo đức thì cũng sẽ dùng đạo đức để làm tốt đẹp bản thân. Nội tâm phong phú rộng rãi thì thâm tâm cũng thư thái dễ chịu. Cho nên người quân tử nhất định làm chủ lấy hoạt động ý niệm trong tâm, gắng sức giữ lấy điều chân thực và gạt bỏ điều vọng tưởng.

Phụ lục nguyên văn.

Sở vị “Thành kỳ ý” giả, vô tự khi dã. Như ố ác xú, như háo hảo sắc, thử chi vị tư khiêm cố quân tử tác thân kỳ độc dã. Tiểu nhân nhân cư vị bất thiện, vô sở bất chí, kiến quân tử nhi hậu yếm nhiên, yếm kỳ bất thiện nhi thứ kỳ niệm. Nhân chi thị kỷ, như kiến kỳ phế can nhiên, tác hà ích hĩ? Thử vị thành vu trung, hình vu ngoại. Cố quân tử tác thân kỳ độc dã. Tăng Tử viết: “Thấp mục sở thị, thấp thủ sở chỉ, kỳ nghiêm hồ?”. Phù nhuận ốc đức nhuận thân, tâm quảng thể bàn. Cố quân tử tác thành kỳ ý. (Đại học).

Thuyết minh:

Thành ý, là điều trọng điểm nhất của tu thân. Hoạt động của ý niệm, nếu là đại thiện hay đại ác, thì mọi người ai cũng có thể nhìn nhận ra được, đồng thời quyết định giữ lấy hay bỏ đi. Nhưng ý niệm về đại ác, đại thiện suy cho cùng là rất ít, mà tuyệt đại đa số hoạt động ý niệm dẫn khởi, phát sinh đều là những chuyện lật vạt, nhỏ nhoi. Đã là chuyện nhỏ nhoi, thì thường cũng không mấy để ý xem cái ý niệm đó suy ra là thiện hay ác nữa. Cho dù đã cố phán đoán nó là thiện hay ác, cũng vẫn cho là chuyện nhỏ, không quan hệ lớn lao gì, nên cũng không thèm để ý đến. Thái độ dễ dãi với mình này, thực tế chính là việc che giấu lừa gạt bản thân. Đợi đến sự phát triển của ý niệm hình thành nên quan niệm, mà ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi, lúc hành vi do nhiều lần thực hiện mà thành ra thói quen, thì bây giờ có muốn sửa đổi cũng rất là khó khăn vậy. Cho nên tu dưỡng “Thành ý” tức là yêu cầu chúng ta lúc ý niệm trong tâm bắt đầu trỗi dậy, sau khi đã phán đoán qua thiện ác, lợi hại, bất kể ý niệm này quan hệ đến chuyện lớn, chuyện nhỏ gì, đều phải đặt nó dưới kính hiển vi có độ phóng to nhất mà xem xét. Nếu như là thiện niệm, thì xem nó như là cảnh sắc tươi đẹp, hoa mỹ diễm lệ để mà cảm thấy yêu thích và gìn giữ, duy trì. Dần dà, bất cứ ý niệm nào khởi phát trong tâm đều là tốt đẹp, thanh tịnh cả, khi đó ta đã được lên thêm một

bạc trong cảnh giới tu thân.

Ý niệm vốn là hoạt động tâm lý của ta, chẳng qua ở trước mặt người khác, sự phán đoán và lựa chọn thiện ác thị phi tương đối dễ hạng tiểu nhân kia, có thể làm bất cứ điều chi. Cũng biết là ở trước bậc quân tử thì che giấu điều không tốt của mình, nếu như chỉ có một mình ở một nơi riêng biệt mà bất cứ ai cũng không nhìn thấy, không nghe thấy, ý niệm trỗi dậy trong tâm chỉ mình ta biết mà thôi, và lúc này sự nhắc nhở của người khác là hoàn toàn không có sẽ rất dễ cho rằng không có ai hay biết rồi buông thả kỷ cương. Thỉnh thoảng một số ý niệm trỗi dậy. Có lẽ lúc đầu không có chi gọi là thiện ác, nhưng sau đó có khả năng theo khuynh hướng bất thiện. Nếu do bản thân dễ dãi mà không triệt để bài trừ, rất có thể đó là gốc phát triển lên mà không biết. Cho nên càng ở chỗ ít ai để ý đến, thì càng phải tưởng tượng như đang chịu giám sát của 10 con mắt và chỉ bảo của mười ngón tay, đề cao cảnh giác như vậy, thì mới là tu dưỡng cái gọi là “thân độc tồn hành”.

20. “TRUNG” và “HÒA”.

Tự đức - Cái bản tánh tự nhiên thiên phú đủ để cấu thành nhân tố, lý tính làm người. Điều mà phù hợp hoàn toàn tư tưởng hành vi của bản tính. Chúng ta gọi là “Đạo”, yêu cầu dẫn dắt người ta trải qua quá trình tu dưỡng, mà từ từ hướng đến phương pháp giáo hóa về Đạo, chúng ta

gọi là “Giáo”. “Đạo” đã là nguồn gốc của bản tính con người, đương nhiên không thể tách rời. Nếu như có thể tách rời thế thì không phải là Đạo chân chính nữa. Người quân tử tu đức không dám ly khai cái Đạo này, cho nên càng ở nơi người ta không thấy được, không nghe được, càng cẩn thận để phòng, càng lo lắng e sợ. Bởi vì họ hiểu được không có gì rõ ràng hơn chỗ mình tưởng là kín đáo, không có gì làm nổi bật hơn chỗ mà mình tưởng là nhỏ nhoi. Cho nên, người quân tử lúc ở chỗ có một mình thì càng đặc biệt cẩn thận.

Con người chịu sự tác động của sự vật bên ngoài, tự nhiên là có biểu hiện tình cảm: yêu, thích, vui, buồn. Trước khi những tình cảm này trỗi dậy, chúng ta gọi là sự cân bằng điểm tĩnh của “Trung”, những tình cảm này khi có xúc cảm mà phát khởi, biểu hiện bên ngoài đều hợp với chế độ lý tính, chúng ta gọi là sự hòa nhã đoan chính của “Hòa”. “Trung” của trạng thái cân bằng điểm tĩnh này, bao hàm bản thể lý tính tự nhiên to lớn của sự vật trong thiên hạ, mà “Hòa” của trạng thái hòa nhã đoan chính, tức đại biểu cho hình thái sinh hoạt lý tưởng cao nhất của sự vật có trong thiên hạ. Do đó nếu như có thể chân chính làm được việc lấy “Trung” làm bản thể một cách hoàn toàn, từ từ cố gắng mà đạt đến hình thái lý tưởng tối cao “Hòa”, thế mới gọi là vô cùng. Vận hành của trời đất, tuần hoàn của tự nhiên, đều thu được sự an bài bình thường,

muôn vật đều có thể đạt tới sự sinh tồn và phát triển một cách bình thường.

Phụ lục nguyên văn.

“Thiên mệnh chi vị tánh, suất tánh chi vị đạo”, tu đạo chi vị “Giáo”. Đạo dã giả, bất khả tu du ly dã; khả ly, phi đạo dã. Thị có quân tử giới đạo thân, hồ kỳ sở bất đồ, khủng cụ thổ kỳ sở bất văn. Mạc kiến hồ ẩn, mạc hiển hồ vi, cố quân tử thận kỳ độc dã. Hỉ, nộ, ai, lạc chi vị phát, vị chi “Trung” dã giả, thiên hạ chi đại bản dã, hòa dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã. Chí trung hòa, thiên địa vi yên, vạn vật dục yên (Trung Dung).

Thuyết minh:

“Trung” chính là trạng thái cân bằng điểm tĩnh không thiên kiến, không xung động, không có lòng ích kỷ, và không có tà niệm. “Dung” ý nghĩa là vận dụng; Trung Dung là nói vận dụng cái trạng thái cân bằng điểm tĩnh này. Lúc xử lý một sự việc gì, phải giữ lấy cái trạng thái tâm lý cân bằng, điểm tĩnh, đại khái mọi người đều làm được, nhưng để được như thế ở mọi sự việc, mọi lúc, thì chỉ có thánh nhân mới làm được. Đối với người bình thường mà nói, thì cần phải cố gắng và học hỏi. Thánh nhân có thể giữ trạng thái tâm lý cân bằng điểm tĩnh trong mọi lúc, cho nên mới có thể biểu hiện tư tưởng hành vi hoàn toàn phù hợp nhân tính. Người thường không sánh bằng thánh nhân. Do đó phải lấy nhiều phương pháp làm chỉ

dẫn, khiến họ hướng về Đạo, những phương pháp tu dưỡng này gọi là “Giáo Hóa” nhưng mà thánh nhân suy ra cũng rất khó đạt được, phần lớn đều là hạng người bình thường, vả lại bản tính hợp đạo của thánh nhân vốn là không cần mạnh đương nhiên để làm rõ, giảng giải và giáo hóa cho hạng người bình thường vậy. Do đó ở trong toàn thiên “Trung Dung” trừ những điều phải đem ra so sánh mới phần nào nói rõ Đạo của thánh nhân, đại bộ phận đều là nhấn mạnh ở chỗ giảng giải mặt tu dưỡng của con người.

21. Tu dưỡng “THÀNH”

Thiết thực tự động gìn giữ nghiêm túc bản tánh con người để làm người, thực thi công việc thì gọi là “Thành”. Kiểu phương thức hành vi hoàn toàn theo bản tính tự nhiên này, gọi là “Đạo của Trời”, lấy nhân tánh để làm điểm gốc - học tập một cách bị động như thế nào để làm người xử sự, để mong có thể nắm bắt được trạng thái của nó, gọi là “Thành” vậy kiểu phương thức hành vi hoàn toàn căn cứ vào học tập tu dưỡng làm người này, gọi là “Đạo của người”, người mà có thể nắm bắt gần gũi nhân tính một cách tự động để làm người và xử sự thì không cần trải qua quá trình học tập miễn cưỡng, tự nhiên mà hợp với quy củ, không cần suy nghĩ sâu xa, những đạo lý trong đó tự nhiên mà có ở tâm. Phù hợp với đạo lý tưởng một cách ung dung không bức bách, đó là biểu hiện của Thành nhân. Người mà thông qua học tập bị động nắm

bất vững vàng nhân tính để làm người - như thế phải biết phán đoán học tập ra sao chứ đừng lựa chọn về mặt thiện lương. Vả lại, còn phải nắm vững chắc tất cả những điều học tập được, đó là phương thức tu dưỡng của người bình thường chúng ta.

Do đó, chúng ta phải học tập sâu rộng, có gì khó khăn, nghi ngờ phải hỏi cho tận tường. Sau khi hiểu rồi còn phải suy nghĩ cho kỹ càng. Ngoài ra, còn biết phân tích phán đoán, sau khi có sự lựa chọn thì có thêm khả năng thực sự làm việc. Đó là quá trình học tập ra sao. Nếu như không học thì khỏi phải nói, còn đã học rồi mà chưa biết thì không được bỏ qua. Nếu như không hỏi thì thôi, đã hỏi rồi mà còn chưa hiểu, thì không được bỏ qua; nếu như không suy nghĩ thì thôi, còn đã suy nghĩ mà chưa tâm đắc thì không được bỏ qua. Nếu như không phân tích phán đoán thì thôi mà đã phân tích phán đoán mà vẫn chưa rõ ràng thì không được bỏ qua. Nếu như không làm thì thôi, còn đã làm mà chưa xong thì không được bỏ qua. Người ta học một lần có thể biết được, ta phải học 100 lần. Người ta học 10 lần mới biết, ta phải học một ngàn lần. Nếu thật có thể dùng phương pháp này mà học tập thì kẻ như ta khờ dại nhưng sau nhất định sẽ thông minh hơn người, tuy là một người yếu đuối rồi nhất định cũng sẽ trở thành kiên cường.

Do sự nghiêm túc gìn giữ các điều thuận phác chân

chính ở bên trong chính mình - từ đó sẽ hiểu được cái gì là thiện ác. Đó gọi là tự nhận ra bản tính. Qua sự chỉ điểm của người khác, biết được những cái gì là thiện, cái gì là ác. Từ đó mà phấn đấu học hỏi, nghiêm túc giữ gìn điều thiện, thiết thực bài trừ điều ác. Đó gọi là tác dụng của giáo hóa. Người mà nghiêm túc thực sự gìn giữ sự thuần phác chân chánh bên trong mình, nhất định biết phân biệt rõ ràng thiện ác, hiểu được cái gì là chủ thể của đạo đức, có khả năng tiếp thu sự chỉ bảo, biết phân biệt thiện ác, biết được cái đáng quý của đạo đức, nhất định có thể dốc lòng học hỏi nghiêm túc thực sự nắm bắt được chủ thể của đạo đức và kết quả của nó là như nhau vậy.

Phụ lục nguyên văn.

“Thành giả, thiện chi đạo dã”; Thành chi dã. “Nhân chi đạo” dã. Thành giả, bất miễn nhi trung, bất tư nhi đắc, thịnh dung trung đạo, thánh nhân dã, thành chi giả, thạch thiện chi cố chấp chi giả dã. Bài học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi. Hữu phát học, học chi phát năng, phát thổ dã. Hữu phát vấn, vấn chi phát chi, phát thổ dã. Hữu phát tư, tư chi bất đắc, hữu phát biện, biện chi phát minh, phát thổ dã. Hữu phát hành, hành chi phát đốc, phát thổ dã. Nhân nhất năng chi. Kỷ bá chi. Nhân thập năng chi, kỷ thiên chi. Quả năng tác cường. Tự thành minh, vi nhân cách; tự minh thành, vi chi giáo. Thành tác minh hỉ, minh tác thành hỉ

(Trung Dung).

Thuyết minh:

Cái gọi là thiên đạo nhân đạo, một kiểu biểu hiện thuận với tính tự nhiên, một kiểu phương thức tu dưỡng làm người. Thiên đạo là bản tính thuần phác chân chính ở bên trong tự động phát sinh ra ngoài. Cho nên không cần trải qua sự miễn cưỡng, suy nghĩ - tự nhiên mà hợp với quy củ. Đương nhiên như thế chỉ có thánh nhân mới làm được. Nhân đạo tức là những điều học biết được từ bên ngoài một cách bị động, rồi linh tính khởi phát dần dần, tích lũy từng phút một mà cuối cùng đạt đến thiện bất luận là do tự nhân biết bản tánh bên trong mà nắm bắt được chủ thể đạo đức hay là do sự chỉ dẫn kinh nghiệm kiểm chứng sự việc, phấn đấu học hỏi từ đó mà nắm vững được chủ thể đạo đức. Cách thức tu dưỡng của thánh nhân và người thường tuy khác nhau mà kết quả thì vẫn như nhau. Do đó đối với hạng người bình thường thì tác phải tìm tòi phương thức học tập, học rộng hỏi sâu suy nghĩ cẩn thận, phấn đấu thực hành là phương thức thường xưa nay vẫn thế. Người ta học một lần, ta học một trăm lần. Đó là phương pháp tăng cường học tập. Ngoài phương pháp nghiên cứu tu dưỡng ra, càng phải biểu thị rõ có lòng quyết tâm học hỏi mới có hiệu quả.

22. "Hiếu học - Lưu hành - Tri sĩ".

Quan hệ cộng đồng xã hội có năm điều, mà tính đức

cộng đồng thì có ba mục. Đó là nói tới: quân thần, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu chi giao với nhau. Năm điều này là quan hệ chung qua lại của người trong xã hội, Trí, Nhân, Dũng ba mục này là tính đức chung qua lại của người trong xã hội. Mà điều kiện để nối liền chúng với nhau chính là chữ “Thành” có người dường như mới sinh ra đã biết vậy, có người phải học tập mới biết, thậm chí có người khó khăn lắm mới biết được. Nhưng bất luận thế nào, đợi đến khi biết được, thì đều là như nhau. Có người rất tự nhiên mà có thể làm được, có người phải trải qua sự dẫn dắt xuyên suốt, mới có thể làm được, có người phải phí nhiều sức lực mới có thể làm được. Bất luận thế nào, đợi đến khi thành công thì cũng đều như nhau.

Một người nếu như có thể vui thích nỗ lực học tập, trải qua ngày dài tháng rộng, dần dần tự tiếp cận với Trí, có thể theo đó mà nghiêm túc hành thiện, dần dà tự tiếp cận với Nhân, biết điều nhục nhã không bằng người mà cố gắng sửa đổi, thời gian qua rồi cũng sẽ tự tiếp cận với Dũng. Đối với ba điều này có sự hiểu biết như trên thì có thể biết cách tu dưỡng bản thân ra sao. Có thể biết tu dưỡng bản thân ra sao vậy tiến tới mà có thể biết xử lý người khác như thế nào. Có thể xử lý người khác như thế nào thì tiến tới cũng có thể biết cai trị quản lý quốc gia ra sao.

Phụ lục nguyên văn.

Thiên hạ chi đạt Đạo Ngũ, sở dĩ hành chi giả tam viết: “Quân thần dã phụ tử dã, phu phụ dã, huynh đệ dã, bằng hữu chi giao dã” ngũ giả thiên hạ chi đạt Đạo dã. Trí, Dũng, Nhân tam giả, thiên hạ chi đạt đức dã. Sở dĩ hàng chi giả nhất dã. Hoặc sinh nhi tri chi, hoặc học nhi tri chi, hoặc khốn nhi tri chi, cập kỳ tri chi, nhất dã. Hoặc an nhi hành chi, hoặc lợi nhi hành chi, hoặc miễn cưỡng như hành chi, cập kỳ thành công, nhất dã hiểu học cần hồ thi, lực hàng cần hồ nhân, tri sĩ cần hồ Dũng. Thi kỳ tam giả, tắc tri sở dĩ tu thân. Thi sở dĩ tu thân, tắc tri sở dĩ thi nhân. Thi sở dĩ thi nhân tắc tri sở dĩ thị thiên hạ quốc gia hỉ.

Thuyết minh:

Tài trí của con người có cao thấp, ngu hiền khác nhau. Cái gọi là “sinh ra mà biết” “an nhiên mà làm” - đó là thánh nhân, người bình thường không cách nào hy vọng đạt được. Tiếp đó là “học mà biết” và “có lợi mà làm” đó là phần lớn chúng ta. Thậm chí phải “khó khăn lắm mới biết” và “miễn cưỡng mà làm” - đó là chỉ hạng người tà, trí thấp kém. Nhưng không kể hàng nhất đẳng kia, chỉ cần có thể giữ lấy nguyên tắc một điều là “Thành”. Giữ gìn thái độ nghiêm túc thiết thực, thánh nhân nhận biết, thực hành thuận theo bản tính thuần thiên, người bình thường dựa theo phương thức giáo dục hay trải qua học tập, hay qua sự chỉ dẫn xuyên suốt, hay chịu cực khổ, hay

phí nhiều sức lực, kết quả đều có thể quy về gốc chí thiện vẫn là như nhau. Cái gọi là “hiếu học” “lực hành”, chính là chữ “Thành” của người bình thường. Mà “thi sĩ” tức là chữ “Thành” của người tài trí thấp kém. Những điều bàn luận trong toàn thiên “Trung Dung”, thực tế là lấy “Thành” làm trọng tâm. Chỗ nói đến “Thành” cũng đặc biệt rất nhiều.

23. Nội hàm của âm nhạc và công dụng của nó

Khởi nguyên của mọi âm thanh, có thể nói là đều do tâm ta do cảm phát mà sinh ra vậy tâm ta vốn là tĩnh lặng, nó sở dĩ động, là do phản ứng kích thích bên ngoài khiến như vậy. Tâm ta chịu sự phản ứng mà tâm ý trỗi dậy, tự nhiên sẽ hình thành âm thanh đơn thuần. Rồi sau đó lại phát hiện những âm thanh đó không những có chỗ khác biệt mà còn thường có thể hòa ứng với nhau. Thế là mới sinh sản ra biến hóa âm thanh trong, đục, cao, thấp v.v... Do biến hóa âm thanh để điểm tô cái đẹp, thì gọi là âm thanh êm tai, tiến tới sắp xếp trình tự các âm thanh bất đồng mà êm ái để nghe lại làm nên khúc điệu. Thêm các đạo cụ dùng trong vũ đạo như búa khiên, lông vũ, đuôi trâu bò... Thế mới gọi là khúc nhạc hoàn chỉnh. Cho nên khúc nhạc tuy là do tổ hợp nhiều âm mà có, nhưng xét ngược bản nguyên của nó vẫn là khởi điểm từ tâm ta có cảm ứng với kích phát ngoại giới. Cho nên lúc trong lòng có cảm xúc với tình cảnh đau khổ, biểu hiện của thanh âm

nhất định là gấp gáp mau lẹ. Lúc đó lòng có cảm xúc với hoàn cảnh vui, biểu hiện thanh âm nhất định là nhẹ nhàng, lưu loát. Nếu như lúc trong lòng có cảm xúc với tình cảnh khiến người ta giận, biểu hiện âm thanh nhất định là cương trực mà có lắng giác, nếu như lúc có cảm xúc với tình cảnh làm người ta ái mộ, biểu hiện thanh âm nhất định là ôn hòa và uyển chuyển. Sáu biểu hiện tình cảm trên, không phải là điều vốn có của bản tính, có thể nói đều là do cảm xúc đối với ảnh hưởng ngoại vật mà sinh ra. Do đó các vua chúa thời cổ đại đối với những sự vật dễ khiến người ta cảm xúc đều đặc biệt xử lý một cách cẩn thận. Cho nên phải dùng quy phạm Lễ để dẫn dắt hướng tư tưởng quan niệm không bị lệch lạc. Dùng âm nhạc đúng đắn để điều hòa thanh âm của người, để tính tình không theo điều bạo ngược. Dùng sự thống trị chính trị để quy hoạt hình thái sinh hoạt của người dân, để ý thức hành vi không đến nỗi phạm lỗi lầm ngang ngược. Dùng hình phạt chế tài để ngăn ngừa phạm tội, khiến hành động cử chỉ không theo đường bất chính. Do đó, Lễ, Nhạc, Hình, Chính, các phương pháp hình thức tuy có bất đồng, nhưng mục tiêu cuối cùng là như nhau, đều khiến lòng dân quy về một mối, khiến hình thái chính trị lý tưởng phát huy được hiệu quả của nó.

Phụ lục nguyên văn.

“Phàm âm chi khởi, do nhân tâm sinh dã., Nhân

tâm chi động, vật sử chi nhiên dã, cảm hồ vật nhi động, cố hình vu thanh. Thanh tương ứng, cố sinh hiếu, biến hành phương, vị chi âm. Bĩ âm nhi nhạc chi, cập càn uy vũ kỳ, vị chi nhạc. Nhạc gia âm chi sở do sinh dã, kỳ bốn tại nhân tâm chi cảm vu vật tâm. Thị cố kỳ ai tâm cảm giã, kỳ thanh tiên dĩ sát, kỳ nhạc tâm cảm giã, kỳ thanh xiển dĩ hoãn, kỳ hĩ tâm cảm giã. Kỳ thanh phát dĩ tàn, kỳ nộ tâm cảm giã, kỳ thanh thô dĩ lệ; kỳ kính tâm cảm giã, kỳ thanh trực dã. Kỳ ái tâm cảm gia. Kỳ thanh hòa dĩ nhu. Lục giã phi tành giã. Cảm ư vật nhi hậu động. Thị cố tiên vương thận sở dĩ cảm chi giã. Cố lễ dĩ đạo kỳ chí, nhạc dĩ hòa kỳ thanh, chinh dĩ nhất kỳ hành, hình dĩ phòng kỳ quan. Lễ, Nhạc, Hình, Chính, kỳ cập nhất dã. Sở dĩ đồng nhân tâm nhi xuất thị đạo dã. (Nhạc ký).

Thuyết minh.

Lý luận của Nho gia cho rằng nhân tâm là sự im lặng, bản thể đều thuần cái thiện, giống như một tấm gương trong, một mặt yên tĩnh không gợn sóng, nhờ có sự vật ở bên ngoài thâm nhập vào trong, gương mới phản ánh lại hình tượng, nước hồ mới có thể gợn sóng, lòng người mới có thể phát sinh ý niệm. Phản ứng của ý niệm có nhiều loại, có vui mừng, có giận dữ, có buồn, có lạc quan, có kính trọng, có yêu thương, những phản ứng này đều gọi chúng là tình. Biểu hiện của tình, trực tiếp nhất chẳng qua chỉ là giọng nói. Kêu to hét lớn cũng là giọng

nói, âm điệu được điều chỉnh và làm như thế nào cũng chỉ là giọng nói. Nhưng mà kêu la làm sao có thể biểu đạt được tâm tình trạng thái. Nhưng âm điệu có thể làm người ta không cảm thấy vô vị, cho nên âm nhạc và cuộc sống con người có một sự liên quan vô cùng mật thiết. Những vị thánh hiền thời cổ đại đã chú ý đến điểm này, họ biết rằng âm nhạc không chỉ làm cho tâm tư người ta cảm thấy thông suốt, làm người ta gạt hái đầy đủ sự vui vẻ một cách đầy hứng thú, mà còn có thể rèn luyện tính tình, bồi dưỡng tình cảm, đưa nhân tính trở về cảnh giới lương thiện, cho nên phải lấy biện pháp giáo dục cảm hóa bằng âm nhạc phối hợp với lễ nghi hình thức chính trị để mà gánh lấy trách nhiệm giáo dục công dân, chăm lo cho xã hội. Đáng tiếc rằng nhạc lý thời đó đã không được lưu truyền đến ngày nay, cho nên “lục kinh” mà Khổng Tử đặt ra, bây giờ chỉ còn lại “Ngũ kinh”. Cũng may trong “Lễ ký” còn giữ lại được một bộ nhạc ký, đó là một bộ văn tự chuyên bàn lý luận âm nhạc của Trung Quốc cổ đại và giáo dục cảm hóa bằng âm nhạc. Trong bài đầu tiên này, chúng ta đã có thể nhận biết một số lý luận cơ bản đối với âm nhạc, và tôn chỉ thực thi phối hợp giữa lễ nhạc với hình thức chính trị.

24. Nội hàm của âm nhạc và công dụng của nó (2).

Phàm là người đều có huyết khí, tâm trí, những thứ này là bản tính có được khi sinh ra. Có huyết khí cho nên

dễ dàng bị kích động, có tâm trí cho nên dễ dàng nhận thấy cảm ứng. Nhưng trong lúc nhận lấy ảnh hưởng của sự vật bên ngoài, những biểu hiện các mặt của tình cảm như “hỉ, nộ, ái, lạc”, được sinh ra sau khi phản ứng bị kích thích, lại thường thiếu những bản năng khống chế bình thường. Sau khi nhân tâm tiếp nhận được cảm ứng về sự vật bên ngoài mà sinh sản ra ý niệm, thường sẽ thuận theo tác động của cảm ứng, dần dần hình thành cụ thể các khuynh hướng của hoạt động ở trong lòng và ý thức. Cho nên, nếu như nghe phải loại nhạc có tiết tấu ngắn ngủi, cục súc mang một ý tưởng nhỏ nhặt mà hẹp hòi, một số người đương nhiên sẽ bị ảnh hưởng, dần dần sẽ có xu hướng ưu tư, bi ai, phiền não, bất an. Nếu như, nghe một loại nhạc mang tiết tấu đơn thuần, mang ý tưởng khoan dung quảng đại, âm điệu bình dị, khí chất cao nhã, người ta tự nhiên sẽ cảm nhận một trạng thái khỏe mạnh và lạc quan. Nếu như nghe loại nhạc mạnh bạo, cường mãnh có thể làm người ta chấn động thân thể, huyết mạch hưng phấn, người ta tự nhiên sẽ có phản ứng dũng mãnh kiên nghị. Nếu như nghe loại nhạc trầm thấp, nặng nề, người ta nhất định sẽ có xu hướng trang nghiêm cung kính. Nếu như nghe loại nhạc mô tả một cuộc sống yên bình dư dả, người ta nhất định sẽ có một trạng thái tràn đầy lòng hiếu thảo. Nếu như nghe loại nhạc hỗn độn, tản mạn, tiết tấu nhẹ nhàng có vẻ kích thích, người ta tất nhiên sẽ có

những phản ứng dâm loạn.

Cho nên cổ đại tiên vương phải căn cứ theo tính tình của người ta mà sáng tác nhạc khúc; hơn thế nữa, họ còn lấy những số liệu biến hóa của âm luật, trời đất âm dương làm thành tiêu chuẩn để khảo cứu tính cách của con người, lấy cái lễ nghĩa khi xem xét phân biệt thị phi để làm thành tấm gương mẫu mực khi xử lý tính cách con người. Đồng thời điều hòa âm dương sinh sát, đưa vào sự biến hóa không cùng tính chất của ngũ hành, làm dương khí hoạt bát sinh động không đến nỗi phát tán quá nhiều ra ngoài, làm âm khí tĩnh trầm lặng không đến nỗi bị giữ chặt ở bên trong, làm con người có cá tính mạnh mẽ nóng nảy không dễ dàng bị kích động, làm con người nhu nhược không còn phải lẫn tránh khi gặp chuyện. Âm dương cương nhu nếu điều hòa được trong nội tâm, sẽ sinh sản ra hiệu quả chí trung chí hòa rất hữu dụng. Sau đó nếu như lại dùng các loại nhạc khí trình diễn âm thanh nhẹ nhàng hòa hợp, biểu hiện bằng một phương thức thích hợp nhất, những ảnh hưởng đó sẽ làm người người đều có thể nhận biết chính xác tính tình vốn có của mình mà an phận, không phát sinh những chuyện giành giật tranh đoạt lẫn nhau nữa. Sau đó mở rộng việc dạy nhạc, làm cho người dân coi nó cũng bình thường như tục lệ vậy, cho nên việc thiết lập ra đẳng cấp trong việc học tập, phải theo tuổi tác lớn nhỏ, tài nghệ cao thấp, để mọi người chia ra nỗ lực

mà học tập. Chiếu theo đẳng cấp đã định ra, dần dần tăng cái độ sâu và độ lớn của tiết tấu, để bọn họ có thể nhìn ra cái đẹp hay bên trong các điệu ca vũ, để bọn họ có thể nhận thức được cái tư tưởng cao siêu đầy đạo đức nhân hậu được ẩn ý bên trong các nhạc khúc. lại so sánh sự tương hợp giữa các loại nhạc khí và giọng trầm thanh lớn nhỏ của mười hai âm luật, sắp xếp theo thứ tự cao thấp của ngũ thanh, để họ biết được cách lấy ngũ thanh thập nhị luật tượng trưng cho đạo lý hành vi của con người. Cho nên những vấn đề giàu nghèo, thân thuộc xa lạ, lớn nhỏ nam nữ đều có thể biểu hiện rõ ràng trong nhạc khúc. Cho nên đã có người từng nói rằng:

“Nhờ sự quan sát và thưởng ngoạn âm nhạc, mà cuộc đời con người ta mới có thể đạt đến cái nhận thức thiết thực!”.

Phụ lục nguyên văn.

Phu dân hữu huyết khí, tâm tri chí tính, nhĩ vô hĩ nộ ai lạc chi thường, ứng cảm khởi vật nhĩ động, nhiên hậu tâm thuật tình yếm, thị cố chí vi tiêu sát chi âm tác, nhĩ dân tư ưu. Xiển đài man dị, phồn văn giản dị, phồn văn giản tiết chi âm tác, nhĩ dân khang lạc. Thô lệ mãnh khởi, phẩn mạc quảng bồn chi âm tác, nhĩ dân cương nghị. Liêm trực cần chính trang thành chi âm tác, nhĩ dân túc kính. Khoan dụ nhục hảo, thuận thành hòa đông chi âm tác, nhĩ dân từ ái. Lưu tịch tà tán, địch thành địch lạm

chi âm tác, nhi dân dâm loạn. Thi cổ tiên vương bản chi tình tánh, kê chi độ số, chế chi lễ nghĩa, hợp sanh khí chi hòa, đạo ngũ thường chi hành; sử chi dương nhi bất tán, âm nhi bất mật, cương khí bất nộ, nhu khí bất nhiếp. Tứ sường giao vu trung, nhi phát tác vụ ngoại, giai an kỳ vị, nhi bất tương đoạt dã. Nhiên hậu lập chi học đẳng, quảng kỳ tiết tấu, tinh kỳ văn thái, dĩ thăng đức hậu, luật tiểu đại chi xung, dĩ chung thủy chi tự, dĩ tượng sự hành. Sử thân sơ quý tiên, trưởng ấu nam nữ chi lý, giai hình biến vu nhạc. Cổ viết: nhạc, quan kỳ thâm hỹ!".. (Nhạc ký)

Thuyết minh.

Bản tính của con người là lương thiện, dễ dàng tiếp thụ cảm ứng của sự vật bên ngoài, tiến tới hình thành một khuynh hướng ý niệm hoạt động tự nhiên. Mà âm nhạc lại đặc biệt có thể thâm sâu vào nội tâm, nếu như dẫn dắt những điều thiện, thay đổi những tập quán cũ tất nhiên rất dễ dàng, nếu như không chú ý coi sóc, thì hậu quả không thể nào tưởng tượng ra được, cho nên mới thực thi nhạc giáo. Nét khái quát toàn diện của việc thực thi nhạc giáo, ngày nay không thể nào nhìn thấy được, nhưng đoạn văn này cũng đã nói rõ về nội dung và phương pháp giáo dục bằng âm nhạc, đặc biệt là cường điệu hiệu quả của sự mong muốn, ở chỗ bồi dưỡng những ý tưởng cao siêu, thể nghiệm và quan sát đạo lý hành vi của con người, đích xác là rất đáng quý. Ở đây đề cập đến các loại hình

âm nhạc, có thể tạo nên những ảnh hưởng như thế nào đối với con người.

25. Giá trị tinh thần của lễ nhạc

Một vị quân tử có đức hạnh đã từng nói rằng: “Quan hệ giữa chúng ta và lễ nhạc thực ra rất quan trọng, tuyệt đối không thể có sự cách ly về thời gian”. Trong lúc chúng ta tận tâm trong âm nhạc để bồi dưỡng tâm tính của bản thân, thì những ý niệm ôn hòa, chính trực, từ bi, bác ái, thành thật, trung tín tự nhiên sẽ sinh sôi đầy trong lòng. Sau khi các ý niệm ôn hòa, chính trực từ bi, bác ái, thành thật, trung tín sinh ra, chúng ta sẽ cảm thấy vui vẻ và thoải mái. Lúc chúng ta cảm thấy trong lòng vui vẻ và thoải mái, tự nhiên chúng ta cũng sẽ cảm thấy ở bất kỳ nơi nào, đều có thể thích ứng mà không phiền não gì cả. Có thể thích nghi với mọi hoàn cảnh, chúng ta sẽ cứ như vậy mà không thay đổi. Có thể cứ như vậy mãi, vậy nhất định có thể tự nhiên mà phù hợp với bản chất trời sinh mà không có điều bộ kịch cỡm. Có thể phù hợp với bản chất trời sinh, thì nhất định có thể đã thông tâm ý và thần trí lẫn nhau, không cần phải miễn cưỡng tự nhiên sẽ phù hợp với quỹ đạo mà thôi. Có thể mỗi một chuyện đều phù hợp với thiên tính mà không ra vẻ điệu bộ, chúng ta không cần phải giải thích rõ ràng gì nhiều, mà đã có thể đạt được lòng tôn kính và tự tưởng của nhiều người, có thể mỗi một chuyện đều làm đã thông được tâm ý và thần trí,

cũng không cần phải biểu thị sắc thái như thế nào, tự nhiên sẽ có thể nhận được lòng kính trọng và phục tùng của người người.

Tận tâm với âm nhạc, cái công dụng chính là ở việc tu tâm dưỡng tính, dồn hết tâm sức vào lễ nghĩa, cái công dụng đạt được chính là kiểm điểm hành vi của bản thân mình. Có thể kiểm điểm được hành vi của bản thân, sinh hoạt thường ngày nhất định sẽ trang trọng kính cẩn. Ngày thường lúc nào cũng trang trọng, giữa cái gọi là đối nhân xử thế, nhất định sẽ có được sự uy nghiêm làm người ta kính phục. Nếu như trong lòng ta có một khoảnh khắc không vui, thì cái ý niệm gian tà sẽ thừa cơ len lỏi vào trong tâm hồn; nếu như có một lúc nào đó, bề ngoài diện mạo chúng ta không quan trọng, không cẩn thận, thì cái ý niệm tán mạn, lãnh đạm sẽ xâm nhập vào ta. Cho nên âm nhạc làm cho tính tình của người ta phát sinh tác dụng cảm ứng, lễ nghĩa làm cho hành vi của người ta phát sinh tác dụng hạn chế. Cảnh giới tối cao của âm nhạc, chính là sự hòa nhã của ý niệm tính tình; cảnh giới tối cao của lễ nghĩa, là hành vi làm việc được thuận tiện. Nếu như một người thật sự có thể đạt được tới cảnh giới của việc nội tâm hòa nhã mà ngoại hình thông thuận, một số người chỉ cần nhìn thấy sắc diện của người đó, thì không bao giờ tranh luận vấn đề thị phi với người đó, chỉ cần nhìn vẻ mặt của người đó, người ta tự nhiên không bao giờ có ý

nghe lãnh đạm cả. Đó là bởi vì ánh sáng của đức tính chí thiện, chiếu từ nội tâm ra tới bên ngoài đủ để làm điển hình của đạo đức, người ta tự nhiên sẽ không có ai mà không cung kính khi nghe người đó nói, bởi vì đạo lý đúng đắn biểu hiện ở chỗ xem xét quyết định mọi sự việc, đủ để làm cái cột mốc đúng của hành vi, người ta tự nhiên sẽ không ai không thuận phục người đó. Cho nên, có người đã nói rằng: “Nếu như có thể hiểu rõ ràng đúng đắn đạo lý của lễ nhạc, lại giỏi vận dụng nó, đem nó thực hành trên thiên hạ. Sau này tuyệt nhiên sẽ không có chuyện gì mà gọi là khó xử lý cả”.

Âm nhạc đã có thể người ta sản sinh tác dụng cảm ứng trong tính tình, lễ đã có thể làm người trong hành vi phát sinh ra tác dụng hạn chế, nhưng phần con người ta không thích hình vi bị hạn chế quá nhiều, cho nên tinh thần của lễ là lấy khiêm tốn, kính cẩn làm chủ. Phần lớn con người ta thích cảm ứng của tính tình, cho nên tinh thần của âm nhạc lấy vui vẻ mãn túc làm chủ. Lễ tuy rằng yêu cầu khiêm tốn, kính cẩn là bất đắc dĩ, nhưng trong cái hạn chế thấp nhất của lễ, lại cần phải yêu cầu miễn cưỡng nhưng nghiêm túc mà hoàn thành nó, mà còn nên làm một cách hợp lý để có thể chí thiện chí mỹ. Âm nhạc tuy rằng yêu cầu phải đầy đủ sự vui vẻ, mãn túc, nhưng trong cái giới hạn cao nhất, lại càng phải yêu cầu tự mình ức chế bản thân. mà còn phải ức chế bản thân

sao cho chí thiện chí mỹ. Nếu như trên phương diện lễ nghĩa, chỉ biết khiếm tốn, mà không thể làm hợp lý, kết quả nhất định sẽ dần dần bị giảm đi, nếu không muốn nói hoàn toàn bị mất đi. Nếu như trên phương diện âm nhạc chỉ biết theo đuổi cái vui vẻ mãn túc, mà không thể ức chế bản thân, kết quả cũng nhất định sẽ do việc không ngừng theo đuổi, mà phát tán hết đi rồi không kịp thu hồi. Cho nên lễ có đi có lại, âm nhạc có sự trùng hợp của chủ đề, có sự tái hiện của các tiết tấu chương mục. Sau khi ta làm đúng lễ nghi mà đạt được hồi báo ngay, thì lập tức có thể cảm thấy được sự đầy đủ và vui vẻ. Những nhạc khúc lưu hành mà có sự trùng lặp của chương tiết, chủ đề không ngừng trùng lặp, thì liền lập tức đạt được sự đầy đủ trong cuộc sống. Lễ bởi vì có thể miễn cưỡng nghiêm túc đi làm sau đó mới có hồi báo, nhạc bởi vì không chế sau đó mới có sự lặp lại. Trên hình thái giống như không giống nhau, nhưng trên vấn đề tại tâm tu thân mà nói, đạo lý của nó chỉ là một mà thôi.

Phụ lục nguyên văn.

Quân tử viết: “Lễ nhạc bất khả tư tu khử thân”. Chí nhạc dĩ trị tâm, tắc dĩ trực tử lượng chi tâm dầu nhiên sanh hĩ. Dĩ trực tử lượng chi tâm sanh tắc lạc, lạc tắc an, an tắc cửu, cửu tắc thiên, thiên tắc thần. Thiên tắc bất ngôn nhi tín, thần tắc bất nộ nhi uy, chí lạc dĩ chí tâm giả dã. Chí lễ dĩ trị cung tắc trang kính, trang kính tắc nghiêm

uy. Tâm trung tư tri bất hòa bất lạc, nhi bỉ trá chi tâm nhập chi lữ. Ngoại mao tư tu bất trang bất kính, nhi di mạn chi tâm nhập chi lữ. Cố nhạc dã giả, động vu nội giả dã, lễ dã giả, động vu ngoại giả dã. Nhạc cấp hòa, lễ cấp thuận, nội hòa nhi ngoại thuận, tắc dân thiêm kỳ nhan sắc nhi phát dữ tranh dã, vọng kỳ dung mao nhi dân bất sinh dị mạn yểm. Cố đắc huy động vu nội, nhi dân mạc bất thừa thính, lý phát chư ngoại, nhi dân mạc bất thừa thuận. Cố viết: “Chí lễ nhạc chi đạo, cử nhi thác chi thiên hạ vô nam lữ”. Nhạc dã giả, động vu nội giả dã; lễ dã giả, động vu ngoại giả dã. Cố lễ chủ kỳ giảm nhạc chủ kỳ doanh. Lễ giảm nhi tiến, dĩ tiến vi văn, nhạc doanh nhi phản, dĩ phản vi văn. Lễ giảm nhi bất tiến tắc tiên, nhạc doanh nhi bất phản tắc phóng, cố lễ hữu báo, nhi nhạc hữu phản. Lễ đắc kỳ báo tắc lạc, nhạc đắc kỳ phản tắc an. Lễ chi báo, nhạc chi phản, kỳ nghĩa nhất giả. (Nhạc ký).

Thuyết minh.

Hình thái biểu hiện của âm nhạc, là cung cấp trực tiếp bằng một hương, người ta chỉ có tiếp nhận mà thôi, lễ thì khác hẳn, nó là hình thái có đi có lại. Âm nhạc là cảm tình trực tiếp phát xuất từ trong lòng ra, mà lễ phải theo đuổi ý niệm, cho nên nó là nguyên do để sản sinh ra loại cảm tình này. Cho nên chủ đề của âm nhạc có thể đơn thuần là sự rõ ràng, ca ngợi các đức tính, cái thành công của sự nghiệp, mà ý chính của lễ lại là theo đuổi cái

nguyên thủy, cảm động nhớ mãi cái đức tính, sự nghiệp đó. Cho nên công năng của âm nhạc là ca tụng cái đẹp, từ việc ngâm nga tán thưởng cái đẹp mà đưa về sự ôn hòa, công dụng của lễ là làm người ta cảm động mà nhớ mãi, từ trong hoài niệm cảm kích mà dẫn đến cái ân tình sâu đậm, từ đó có thể nhận biết được cái tính tình của người ta. Ngâm nga tán thưởng cái đẹp cố nhiên yêu cầu sự đầy đủ, nhưng không ức chế lại, để lời tán thưởng giống như là lời nịnh hót cái đẹp, vậy thì nó sẽ phản lại mà không đẹp nữa. Cho nên nhạc khúc nhất định phải có sự lặp lại của chương tiết, chủ đề do sự tái lập nhiều lần sẽ làm nội dung rõ ràng hơn. Sự có đi có lại của lễ, quan trọng là ở chuyên người đưa đến ta mời đưa đi, người ta làm cho mình, mình phải có tinh thần để mà báo đáp cho người ta. Lúc làm ơn cho người ta, không ai có ý nghĩ là đợi chờ hy vọng người ta báo đền, càng không có quyền lợi gì cả. Cho nên chúng ta có cần báo đền hay không báo đền cũng không quan trọng, như thế nào ta cũng sai. Trong tình hình đó, giáo dục lễ chính là cổ vũ khích lệ người ta nhớ đến ơn tình mà báo đáp. Tuy rằng điều này đã là hạn độ thấp nhất, có thể không làm, nhưng cũng có thể miễn cưỡng mà làm, còn những chuyện nên làm đương nhiên càng phải làm một cách thiết thực. Đồng thời do sự có đi có lại, tự nhiên sẽ làm thấm sâu thêm cái cảm tình, sự tăng tiến của cảm tình giữa người và người, tất nhiên sẽ

dem lại sự ấm áp của tình người cho xã hội, đương nhiên là đáng được khích lệ rồi.

26. Tử Hạ luận nhạc.

Có một lần Ngụy Văn Hầu thỉnh giáo Tử Hạ rằng: “Nếu như tôi ăn mặc thật chỉnh tề, thì trong lúc nghe nhạc khúc xưa, phải thường xuyên đánh thức mình, nhắc nhở mình không ngủ gật mới được. Nhưng mà đến lúc nghe nhạc của Trịnh quốc và Vệ quốc, thì lại khác rồi, tôi chưa bao giờ cảm thấy chán ghét cả. Xin hỏi cái loại nhạc khúc cổ điển đó tại sao lại làm người ta buồn chán vậy? Mà loại âm nhạc mới tại sao lại làm người ta cảm thấy hưng phấn vậy?”.

Tử Hạ trả lời rằng: “- Chúng ta trước hết hãy bàn đến loại nhạc xưa trước đã, lúc biểu diễn động tác này đều đồng tiến đồng thối, bộ pháp nhất trí, âm điệu nhu hòa, khí khái hào hùng, tất cả các cuộc diễn tấu của nhạc quân huyền, cần phải nghiêm khắc tuân thủ hạn chế của tiếng nhạc, và để nó phối hợp với nhau nhịp nhàng. Lúc bắt đầu tiếng nhạc phải nhẹ nhàng từ tốn, lúc kết thúc thì phải gấp rút giống như tiếng kim loại chạm nhau vậy, ở đoạn giữa dùng một loại nhạc khí làm bằng da rỗng ruột tên gọi là “tướng” để mà phụ họa, để điều chỉnh tiết độ những âm thanh hỗn tạp khác, dùng một loại khí đập tay hình cái thùng dài, có tên gọi là “nhã” để đốc thúc các động tác mau mau tiến hành. Cho nên một quân tử có tài

đức ở lúc này có thể nói thêm những lời thảo luận, nói rõ trong những nhạc khúc này chứa đựng những ý thức truyền thống của người xưa, và đạo lý tương quan giữa âm nhạc và việc tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ. Đây chính là hiệu quả có thể tỏ rõ cho người ta thấy được của nhạc khúc xưa.

Bây giờ chúng lại bàn về loại nhạc mới, lúc biểu diễn động tác cứ khúc khuỷu quanh co, giọng hát thì phóng dăng mà lại có chút tà khí, đủ để làm người ta không thể nào khắc chế được bản thân, rồi còn thêm một số màn giống như hát kịch vậy, người lùn này, khỉ con này, nam nữ lại hỗn độn chung một chỗ, vốn không biết gì là giới hạn nam nữ, càng không biết còn có sự khác biệt của tôn ti trật tự giữa cha và con. Cho đến kết thúc, cũng không thể nói rõ gì về vấn đề bao hàm bên trong của âm nhạc, càng không có cách nào hy vọng mượn bài hát này để mà nói lên quan niệm nhận thức truyền thống của cổ đại. Đây chính là hiệu quả có thể nói lên trong âm nhạc thời đại mới. Những cái ông hỏi ngày hôm nay chính là nhạc khúc chân chính, nhưng những thứ mà ông thích lại chỉ là những âm hưởng đơn thuần. Nhạc khúc có vấn đề bao hàm ở bên trong và hưởng thụ âm hưởng đơn thuần, có chút gần nhau, nhưng thật chất lại hoàn toàn khác nhau”.

Phụ lục nguyên văn.

Ngụy Văn Hầu vấn Tử Hạ viết: “Ngô đoan miện nhi

thính cổ nhạc, tắc nhi khúng ngoa; thính Trịnh, Vệ chi âm, tắc bất tri quyện. Cảm vấn cổ nhạc nhi bi hà dã? Tân nhạc tri như thử hà dã? Tử Hạ đối viết: “Kim phu cổ nhạc, tiến lữ thông lữ, hòa chính dĩ quảng, huyền bào sêngh hoàng, gôi thủ phủ cổ, thủy tần dĩ văn, hạ loạn dĩ vô, tri loạn dĩ tương, tấn tậ dĩ nhĩ. Quân tử vu thị ngũ, vu thị đạo cổ, tu thân cấp gia, bình quan thiên hạ, thử cổ nhạc chi phát dã. Kim phu tân nhạc, tiến phủ thối phủ, gian thanh dĩ lạm, nhược nhi bất dĩ, cấp ưu thù nho, nao tạp tử nữ, bất tri phụ tử, nhạc chung bất khả dĩ ngữ, bất khả dĩ đạo cổ. Thử tân nhạc chi phát dã. Kim quan chi sở văn giả nhạc dã, sở hảo giả âm dã, phu nhạc giả âm tương cận nhi bất đồng”. (Nhạc ký)

Thuyết minh.

Bộ nhạc ký của lễ ký, là một bộ sách thảo luận liên quan đến những vấn đề trong âm nhạc, đoạn này mượn lời của Tử Hạ, để mà nói rõ nhạc khúc ôn hòa của thời xưa và loại nhạc đang lưu hành của hai nước Trịnh, Vệ hoàn toàn không giống nhau. Điểm không giống nhau lớn nhất ở đây không phải là hình thức trên phương diện động tác, mà là nói rõ cổ nhạc lúc nào cũng có một lý tưởng sùng bái cao độ, và có một tác động giáo dục, đối với loại nhạc mới chỉ yêu cầu hưởng thụ đầy đủ cảm giác tất nhiên không thể nào giống nhau được về giá trị.

IV. QUY PHẠM CỦA CUỘC SỐNG

1. Lễ đối với cha mẹ (1)

Phàm lễ của những người làn con trai con gái, mùa đông cần phải lưu ý xem cha mẹ đã đủ ấm chưa, mùa hạ nên quan tâm xem cha mẹ đã đủ thoáng mát chưa, tối hằng đêm phải trải giường cho cha mẹ, làm cho người cảm thấy dễ chịu khi an giấc, sớm mỗi ngày phải đích thân mình đến hỏi thăm vấn an cha mẹ, để ý đến tình trạng sức khỏe của cha mẹ; trước mặt cha mẹ, không được phép tranh giành với những người đồng lứa khác.

Khi gặp bạn thân của phụ thân, nếu như không gọi ta lại gần, thì không được tùy tiện tiến lên phía trước; không bảo ta đi ra, thì không được tùy tiện lui ra phía sau, không trực tiếp hỏi đến ta, không được tùy tiện ứng đối xen vào; đây cũng là những hành vi nên có của một người con hiếu thảo.

Hỏi những người làm con trai con gái, nếu cần phải đi ra ngoài, nhất định phải thưa bẩm với cha mẹ, được sự cho phép của cha mẹ mới có thể đi ra ngoài; khi trở về nhất định phải vào diện kiến cha mẹ ngay, để cha mẹ an tâm. Đi ra ngoài chơi nhất định phải có nơi chốn thường

xuyên đến, đã đi học tất phải có những bài tập bình thường phải làm.

Hồi những người làm con trai con gái, bình thường ở trong nhà không được phép chiếm lấy vị trí tôn quý nhất của cả nhà, không được phép ngồi đúng ngay vị trí chủ tọa, không được phép đi giữa con đường chính cũng không được phép chiếm đứng ngay giữa cửa nhà. Trong nhà có mời khách mở yến hội, không được tự ý chủ trương tính toán nhiều ít. Trong nhà tổ chức cúng tế, không được phép đảm nhận ngồi vào vị trí thay thế người được cúng tế, mà tiếp nhận lễ bái của người ta. Lúc nào cũng phải chú ý đến những ý định của cha mẹ, trước khi cha mẹ kịp nói ra hoặc phải chỉ thị, đã tự động đi làm hết tất cả những việc nên làm. Khi ra ngoài, không được tùy tiện leo trèo lên những nơi cao, cũng như không được phép đến gần vực sâu, không ngấu hứng chằm chọc phê phán người khác, cũng không tùy ý vui đùa.

Một người con hiếu thảo, sẽ không làm những chuyện mất mặt, cũng sẽ không hành động nguy hiểm để cầu may, bởi vì e rằng những việc này liên lụy đến cha mẹ, khiến cho cha mẹ bị mang tiếng xấu.

Cha mẹ còn tại thế, không được phép bỏ hết sức lực vì bằng hữu, cũng như không được phép có sự tích lũy riêng tư của mình.

Hồi những người làm con trai con gái, khi cả cha mẹ

đều còn sống, áo mũ không được dùng thuần đường viền màu trắng. Nếu như phụ thân đã qua đời, thì người con mồ côi chủ sự của nhà đó, áo mũ không được phép dùng đường viền quá màu mè.

Phụ lục nguyên văn.

Phân vi nhân tử chi lễ, đông ôn nhi hạ thanh, hôn định nhi thần tĩnh, tại sừ di bất tranh.

Kiến phụ mẫu chấp, bất vị chi tiến, bất cảm tiến; bất vị chi thoái, bất cảm thoái, bất vấn, bất cảm đối thử hiếu tử chi hành dã.

Phu vi nhân tử giả, xuất tất cáo, phản tất diện, sở du tất hữu thường, sở tập tất hữu nghiệp.

Vi nhân tử giả, cư bất chủ áo, tọa bất trung tịch, hành bất trung đạo, lập bất trung môn, thực hưởng bất vị khải, tề tự bất vị thi; thính vu vô thanh, thị vu vô hình; bất đẳng cao, bất lâm thâm, bất cầu tử, bất cầu tiếu.

Hiếu tử bất phục ám, bất đẳng nguy, cục nhục thân dã, thụ mẫu tôn, bất hứa hữu dĩ tử, bất hữu tư tà.

Vi nhân tử giả, phụ mẫu tôn, quan y bất thuần tô, cô tử đương thất, quan y bất thuần thái. (Khúc Lễ thượng)

Thuyết minh.

Khúc lễ là một bộ sách lễ thời cổ đại, nội dung toàn là ghi chép những quy cũ nhỏ nhặt cần chú ý trong cuộc sống thường ngày. “Khúc” có ý nghĩa là khúc chiết tường tận, đem những quy cũ tiểu tiết nhỏ nhặt trong sinh hoạt,

tường tận ghi chép lại, chính là khúc lễ. Hình thức của khúc lễ đại khái như là những điều lệ, rất tiếc nguyên bản đã sớm bị thất lạc. Trong sách Lễ ký lễ khí có nói: “Khúc lễ tam thiên” toàn bộ những quy cũ nhỏ nhất trong sinh hoạt, đương nhiên nguyên gốc có đến hơn ba ngàn điều, đó là điều có thể chấp nhận được. Thiên đầu tiên của lễ ký chính là Khúc Lễ, đó là bởi vì dùng câu đầu tiên của toàn thiên. “Khúc Lễ viết” làm đầu đề, cũng giống y như nguồn gốc của các đầu đề “Học nhi”, “Vi chánh” trong Luận Ngữ. Nội dung toàn thiên khúc lễ, cũng vẫn là những điều lệ của những quy cũ nhỏ nhất trong sinh hoạt, rất có thể có không ít điều lệ chính là nguyên văn bài viết trong sách Khúc Lễ ban đầu.

Chữ “ao gia” trong “Quân bất chủ áo”, là một phần kiến trúc của gian nhà, Hứa Thận và Trịnh Huyền đều nói nó nằm ở góc phía Tây Nam gian nhà. Đây là nơi tế thần, nên cũng là nơi tôn quý nhất trong toàn bộ ngôi nhà, nhưng đó cũng là nơi trẻ nhỏ rất dễ dàng leo lên chơi, chính vì vậy mà Khúc Lễ đã đặc biệt lưu ý trẻ nhỏ không được phép ngồi lên trên đó.

Chữ “Thuần” trong “bất thuần tố” “bất thuần thái”, là ý nghĩa của đường viền. Thuần tố là đường viền quanh màu trắng tinh, sắc trắng tượng trưng cho tang sự, thế nên khi cha mẹ còn cùng chung sống, đương nhiên đường viền quanh áo mũ không được phép viền màu trắng tinh.

Phụ thân qua đời, đưa trẻ mỗi cô chủ ngôi nhà, sẽ đại diện cả gia đình bày tỏ niềm thương tiếc và đau đớn tưởng niệm mãi mãi, vì vậy đường viền quanh áo mũ không được phép có màu sắc, mà toàn bộ chỉ dùng một màu trắng.

2. Lễ đối với cha mẹ (2).

Khi ta bên cạnh cha mẹ hoặc cha mẹ chồng, nếu cha mẹ có điều gì sai khiến nhờ vả, ta cần phải đáp ứng ngay lập tức, trả lời một cách cung kính lễ phép. Khi tiến thoái ở khúc quanh, phải cẩn thận lưu tâm, đoan trang thận trọng. Trong khi đi lên chính đường hay đi xuống bậc thêm, hoặc ra vào cửa ngõ, phải nhẹ chân nhẹ tay, không được khua động âm ỹ. Không được tùy tiện nôn ọe, ợ no, hắt xì hơi, ho, ngáp dài, vươn vai, không được đứng nghiêng ngả, cũng như không được đứng dựa dẫm; không được nhìn xéo người ta; không được phun nước bọt, hỉ nước mũi. Thời tiết đột nhiên bỗng trở lạnh, cũng không được đứng phía trước mặt thân trưởng khoác thêm áo quần, không được gãi ngứa trước mặt thân trưởng. Nếu không có việc gì cần thiết phải vận động mạnh, không được nói lỏng áo hoặc để lộ tay ra. Nếu không phải dưới đất có nước, không được xắn vén váy xống; lần áo trong và áo lót không được phép lòi ra bên ngoài.

Luôn luôn chùi sạch đờm dãi nước bọt cho cha mẹ. Mũ mào của cha mẹ đã dơ, lập tức nên thay xuống đem đi giặt. Quần áo lỡ sút đường chỉ may hay bị rách ra, lập tức

phải mang đi khâu vá lại cho lành. Năm ngày nấu nước nóng một lần, mời cha mẹ tắm rửa, ba ngày gội đầu một lần; trong khoảng thời gian này, phát hiện trên mặt cha mẹ có chỗ bẩn, nên đi nấu một ít nước nóng cho cha mẹ rửa mặt; chân bị dơ, cũng cần phải nấu nước rửa chân.

Vạn nhất cha mẹ có điều gì sai trái, cần phải nhỏ nhẹ tế nhị, vui vẻ hòa nhã lựa lời khuyên can không được tiếp nhận, thì liền phải tỏ vẻ hiếu thuận cung kính hơn nữa, để làm cho cha mẹ tạm nguôi ngoai. Đợi đến khi cha mẹ đã vui vẻ thì tiếp tục nhắc lại lời khuyên can. Nếu như cha mẹ vẫn không hài lòng, mà sự thật của nó khiến cho cha mẹ đắc tội với hàng xóm láng giềng, thì vẫn phải cẩn thận ân cần nhắc đi nhắc lại lời khuyên can. Nếu như dẫn đến việc cha mẹ phát nóng giận, vô cùng khó chịu, đánh đập mình, thậm chí chảy cả máu, cũng không được oán hận, mà vẫn như cũ phải tỏ vẻ ra càng hiếu thuận cung kính hơn trước thì mới được.

Phụ lục nguyên văn.

Tại phụ mẫu cứu cô chi sở, hữu mệnh chi, ứng duy kính đối. Tiến thoái chu hoàn thân tể, thăng giáng xuất nhập ấp du. Bất cảm uyết y, để khái, khiếm thân, phả ý, đệ thị, bất cảm thóa thể. Hàn bất cảm tập, dương bất cảm tạo. Bất hữu kính sự, bất cảm đàn tích, bất thiệp bất quyết; tiết y khâm bất kiến lý.

Phụ mẫu thóa thể bất kiến, quan đới cầu, hòa khô

thỉnh thấu, y thường cầu, hòa khôi thỉnh cán; y thường trấn liệt, nhấn châm chỉnh bổ huyết. Ngũ nhật tắc đàm thang thỉnh dục, tam nhật cụ mộc. Kỳ gian diện cầu, đàm phan thỉnh hủy, đàm thanh thỉnh tẩy.

Phụ mẫu hữu quá, hạ khí di sắc nhu thanh dĩ gián. Gián nhược bất nhập, khởi kính khởi hiếu. Thuyết, tắc phục gián. Bất thuyết, dữ kỳ đắc tội vu hương đăng châu lư, ninh thực gián. Phụ mẫu nộ bất thuyết, nhi thất chi lưu huyết, bất cảm tậ oán, khởi kính khởi hiếu (Nội tắc).

Thuyết minh.

Trước mặt cha mẹ có thể tập được thói quen kính cẩn lễ phép, đến khi ra ngoài xã hội tự nhiên sẽ hiểu được cách thức nghi thái đoan chính, kính thuận trường quan. Vì vậy tuy là “Nội tắc” trong gia đình, nhưng kỳ thực đó cũng chính là mẫu mực giáo dục phẩm cách, có khi nghe người ta nói rằng, đây là phong độ của người lớn, kia là tính khí của người nhỏ, sở dĩ có sự khác biệt này chính là do cách giáo dục con cái trong gia đình nghiêm hay không nghiêm.

Người già cả và cha mẹ đã cao tuổi thì lại gần giống trẻ con, có khi cũng không biết đến ấm lạnh, cần thiết phải chăm sóc cẩn thận. Trong quan niệm luân lý truyền thống của Trung Quốc, bản chất của nó là dựa vào tình thân phát huy và nhấn mạnh tình thương yêu, được biểu hiện ra hình thức bên ngoài đó là sự tận tâm chăm sóc,

chúng ta chăm sóc trẻ nhỏ, tất nhiên là không có gì đáng nói, nhưng đối với những người già cả cần có nhu cầu cho tận tâm tận ý, đây chính là nhân tố chủ yếu khiến cho gia đình đầm ấm, xã hội đoàn kết.

Khi cha mẹ có điều sai trái, con cái cần phải khuyên can một cách uyển chuyển, lời kéo cha mẹ dần dần quay về con đường chính. Việc này so với những việc làm phụng dưỡng hiếu thảo hằng ngày cấp bậc càng ở mức độ cao hơn, càng khó hơn. Trong sách Khúc Lễ của Ký Lễ có nói: Bề tôi can gián trưởng quan, ba lần không nghe, có thể từ quan mà đi, con cái khuyên can cha mẹ, ba lần không nghe, lại không thể rời bỏ cha mẹ mà đi, vì vậy chỉ còn có cách vừa khóc vừa làm theo lời cha mẹ (nguyên văn: “Vi nhân thần chi lễ bất hiển gián, tam gián nhi bất thính, tắc đào chi; tử chi sự thân dã, tam gián nhi bất thính, tắc hiệu khắp nhi tùy chi”.) Tuy là tạm thời nghe theo, nhưng khóc lóc vẫn là một cách thức bày tỏ, hy vọng cha mẹ sẽ cảm thấy động lòng, hồi tâm suy nghĩ lại lời nói của mình. Cách biểu lộ như vậy và cách càng tỏ vẻ hiếu thuận cung kính hơn, để cha mẹ cảm thấy vui sau đó lại nói quay về vấn đề cũ y như nhau. Thế nhưng bất luận như thế nào, cha mẹ cuối cùng vẫn là cha mẹ, cha mẹ không tiếp nhận lời can gián, thậm chí trong cơn nóng giận, đã chửi bới đánh đập, nhưng trong lòng người con cũng không nên có một chút tư hào tâm ý oán hận nào. Bởi vì trong quan

niệm luân lý kính dâng lòng thương yêu, chỉ có thể chính bởi vì bản thân không dốc hết lòng làm tròn trách nhiệm khuyên nhủ chăm sóc mới cảm thấy hổ thẹn áy náy, chứ tuyệt không được có bất kỳ sự bất mãn nào đối với cha mẹ, đó chính là chân nghĩa của câu: "Thiên hạ vô bất thị chi phụ mẫu".

3. Lễ đối với cha mẹ (3).

Nếu như cha mẹ phát bệnh, trong lòng người trai ưu buồn, tuy đội mũ trên đầu, nhưng không còn tâm ý nào mà đi sửa sang chải chuốt tóc tai. Tư thái đi trên đường cũng không được thông dong an nhàn như thường ngày. Nói năng cũng đặc biệt trở nên thận trọng. Dụng cụ dờn ca càng không có lòng dạ nào mà đụng đến. Ăn thịt ăn rau cũng không muốn để ý xem mùi vị của nó như thế nào. Uống rượu cũng không uống đến nổi đỏ mặt tía tai. Đã không muốn mở miệng vui vẻ cười đùa, thì cũng sẽ không giận dữ la lối quát mắng lớn tiếng. Những tình trạng này, vẫn cứ duy trì mãi cho đến khi bệnh tình của cha mẹ hoàn toàn khỏe mạnh, lúc đó mới được hồi phục lại những sinh hoạt thường ngày.

Cha mẹ qua đời. Tuy trong lòng buồn thảm đau đớn cực độ, ăn không trôi, uống không xuống, lại thêm một vết thương tinh thần, thân thể nhất định sẽ gầy mòn, thế nhưng không được phép ra đến nông nổi hình trạng xơ xác tiêu tụy, trơ xương, còn thị lực và thính lực cũng kh

được phép vì chuyện này mà ảnh hưởng sa sút. Trong nhà khi đi lên đi xuống sảnh đường không đành lòng đi bên thêm phía đông, nơi người thân thường hay lui tới, ra vào cũng không được đi trên ngõ ra cổng chính.

Nếu như người thân qua đời, trong thời gian con cái phải thủ lễ để tang, thì đến khi nào trên đầu nổi chóc ngựa mới được gội đầu, trên mình phát sinh ghẻ lở mới được tắm rửa. Trong người cảm thấy khó chịu, mới được phép uống một ít rượu, ăn một ít thịt, khi khỏe lên liền phải hồi phục lại nguyên trạng. Nếu như vì quá sức đau khổ mà ngã bệnh, không dám nhận nổi những nghi thức của tang lễ, việc đó được xem như là: đối với con cái không có lòng yêu thương, đối với những người thân có tâm kính hiếu. Những người đã năm mươi mà phải để tang cũng không được phép quá mức sầu thương mà hủy hoại thân thể, đối với người sáu mươi tuổi, không được phép làm cho thân thể càng suy yếu đi, còn với những người đã bảy mươi, chỉ cần khoác bộ tang phục lên người là được rồi, vẫn uống rượu ăn thịt như thường lệ, hơn nữa còn được ở trong phòng, bất tất phải ra sống ngoài gian nhà tranh.

Phụ lục nguyên văn.

Phụ mẫu hữu tật, quan giả bất tiết, hành bất tường, ngôn bất đoạ, cảm sất bất ngự, thực nhục bất chí biến vị, ẩm tửu bất chí biến mao, tiểu bất chí thần, nộ bất chí dị. Tật chỉ phục cố.

Cư tang chi lễ, hủy tích bất hình, thị thính bất suy. Thăng giáng bất do tộ giai, xuất nhập bất đương môn tụy.

Cư tang chi lễ, thủ hữu sang tắc mộc, thân hữu dương tắc lục, hữu tận tắc ẩm tửu thực nhục, tất chỉ phục sơ. Bất thăng tang, nãi tĩ vu bất từ bất hiếu. Ngũ thập bất chí hủy, lục thập bất hủy, thất thập tụy suy ma tại thân, ẩm tửu thực nhục, xứ tại nội (Khúc Lễ thượng).

Thuyết minh.

Cha mẹ người thân qua đời, trong nỗi buồn thảm đau đớn, thân thể hao gầy đó là chuyện tự nhiên. Nhưng nếu vì lý do này mà gầy ốm đến nỗi người chẳng ra người hoặc là thậm chí đổ bệnh ra đó, thì điều này chắc chắn là không hay rồi. Vì thế thường nghe người ta nói rằng cần phải bảo trọng kìm chế bớt đau thương, chính là ý này đây. Bởi vì có người qua đời, thì cũng là tổn thất của xã hội. Nhưng nếu vì lý do này lại làm cho một người nữa ngã bệnh, đó cũng chính là một tổn thất của xã hội. Để tránh việc tổn thất trùng lập như thế này, tất nhiên phải đặt ra một mức hạn chế đây thiện ý đó là: không được phép gầy ốm đến nỗi thân hình tiêu tụy trơ xương, không được phép khóc than đến nỗi mắt nhìn không thấy, tai nghe không được. Nếu như có nhu cầu, đương nhiên có thể đi tắm gội, đôi khi còn có thể uống rượu ăn thịt, để duy trì thể lực và tinh thần. Nếu như thật sự không thể chống đỡ nổi về mặt tinh thần và thể lực nữa mà sinh bệnh thì

điều này đã nghiêm trọng lắm rồi. Có rất nhiều nghi tiết tang lễ, nếu như không thể tự bản thân mình đứng ra chủ trì hoặc tham dự, đối với người thân quá cố mà nói, đương nhiên là không được kính trọng, đối với con cháu thế hệ sau trong nhà mà nói, việc này được xem như là không có quan tâm yêu thương chúng. Bởi vì đối với tang lễ của cha mẹ, cả cuộc đời bất quá chỉ có một hoặc hai lần. Thế mà đúng vào ngay lúc này nếu như bản thân mình lại ngã bệnh, thì rốt cuộc cái tang lễ này đầu đuôi quá trình nên tiến hành như thế nào, e rằng cũng không có cơ hội làm lại một lần nữa cho thế hệ sau xem. Đối với con cái đã làm mất đi một cơ hội giáo dục, điều này giống như là căn bản không có lòng yêu thương con trẻ của mình. Vì vậy việc ngã bệnh vào lúc tang lễ diễn ra hoàn toàn không chỉ đơn thuần một vấn đề là làm hay không làm lễ tiết đó, mà còn bao hàm trong đó vấn đề trách nhiệm đối với rất nhiều sứ mệnh truyền thống chưa được thừa kế lưu truyền lại. Vì thế cổ nhân đã nói rằng điều này chẳng khác gì là “bất từ bất hiếu”, đây là cách nói nửa đùa nửa thật, ý là muốn cho người ta phải suy nghĩ nhiều đến vấn đề này.

4. Lễ đối với bậc trưởng lão.

Khi gặp người niên kỷ lớn hơn ta một thế hệ, thì nên đối đãi ngang hàng với phụ thân, nếu như lớn hơn ta khoảng mười tuổi, thì nên xem như huynh trưởng mà đối xử, chỉ lớn hơn khoảng năm tuổi, thì khi đi đường bên

cạnh người ấy ta nên một tụt về phía sau nửa bước. Khi năm người cùng đi với nhau, nên dành cho bậc cao tuổi một chỗ ngồi riêng.

Khi cần bàn bạc chuyện gì với bậc trưởng lão, nhất định phải mang cái ghế dựa và cây trượng theo hầu trưởng lão. Trưởng lão hỏi ta một vài vấn đề, nếu như ta không khiêm tốn từ chối trước, mà trực tiếp hỏi đáp như vậy, thì coi như là không biết phép tắc.

Phàm khi phải quét mặt đất phía trước chỗ trưởng lão ngồi nhất thiết cần phải cầm cái chổi ép sát phía trên cái ki, rồi lại dùng ống tay áo che phủ lên, nhẹ nhẹ vừa quét vừa lùi về phía sau. Cần chú ý không được để bụi bay vào người trưởng lão, và hướng cái ki quay về phía mình mà quét.

Khi trải chiếu ngồi cho trưởng lão, đặt chiếu nằm vắt ngang qua tay, hai đầu rủ xuống giống như hình dạng cái cầu vòm. Sau đó thỉnh thị trưởng lão, nếu là chỗ ngồi, cần biết phải quay vị trí về phương nào. Nếu là chỗ nằm, nên hỏi xem chân hướng về đâu. Vị trí ngồi cũng có thứ tự tôn ti trên dưới, nếu như hướng ngồi quay về hướng nam hoặc phía bắc, nên lấy phương nam là vị trí tôn quý, nếu như ngồi hướng về phía tây hay đông, thì lấy phương nam làm vị trí tôn quý.

Khi cần phải ngồi hầu chuyện bên cạnh các bậc trưởng lão, không được phép mang giày lên sảnh đường. Khi cởi

giày dưới sảnh đường, cần chú ý không được quay mặt đối diện với bậc thềm. Khi bước xuống sảnh đường, chuẩn bị mang giày vào, trước tiên nên quỳ xuống nâng giày lên, tránh sang một bên xô chân vào. Nếu như đích thân trưởng lão tiễn khách, thì nhất định phải quay mặt về phía trưởng lão mang giày, trước hết quỳ xuống di chuyển đôi giày đến bên mình, sau đó cúi người xuống cho chân vào chiếc giày.

Phụ lục nguyên văn.

Niên trưởng dĩ bội, tắc phụ sự chi; thập niên dĩ trưởng, tắc huynh sự chi; ngũ niên dĩ trưởng, tắc kiên tùy chi. Quần cư ngũ nhân, tắc trưởng giả tất dị tịch.

Mưu vu trưởng giả, tất thao kỹ trượng dĩ tòng chi. Trưởng giả vấn, bất từ nhượng dĩ đối, phi lễ dã.

Phàm vị trưởng giả phần chi lễ, tất gia trừu vu ki thượng, dĩ duệ câu nhi thoái, kỳ trần bất cập trưởng giả, dĩ ki tự hướng nhi báo chi.

Phụng tịch như kiều hoành, thỉnh tịch hà hướng, thỉnh nhâm hà chỉ. Tịch nam hương bắc hướng, dĩ tây phương vi thượng; đông hướng tây hướng, dĩ nam phương vi thượng.

Thị toa vu trưởng giả, lữ bất thượng vu đường, giai lữ bất cảm đương giai. Tựu vu quỳ nhi cử chi, bình vu trắc. Hương trưởng giả nhi lữ. Quỳ nhi thiên lữ, phục nhi nạp lữ (Khúc lễ thượng).

Thuyết minh.

Có rất nhiều phương thức sinh hoạt hiện đại không

giống như ở thời cổ đại, nhưng tình thần của lễ chế cổ đại vẫn còn có thể thích dụng với hiện đại. Tỉ như ngày nay khi theo hầu bên các bậc cao niên, ta phải bưng trà và cầm ống thuốc dùm cho các cụ, vậy ý nghĩa của nó không giống như mang ghế dựa và cây trượng hay sao? Khi nói chuyện cùng với trưởng lão, mà cướp ngang lời nói thì cũng là không lễ phép. Có vài người khi vào cửa liền phải cởi giày, nếu đợi đến khi vào đúng chỗ mới cởi giày thì e rằng không hay lắm. Nếu như chủ nhân tiễn khách, chúng ta quay lưng về phía chủ nhà, rồi sau đó khom lưng xuống để mang giày, thì quả thật hình ảnh này không được lịch sự. Nếu như chủ nhân là người cao tuổi, thì lại càng chứng tỏ sự vô ý vô phép tắc của mình.

Những tiểu tiết trong sinh hoạt giống như thế này, thực tế là rất nhiều, nói không hết mà học cũng không xong. Thế nhưng sau khi đã có được những điều này, tự nhiên sẽ khiến cho chúng ta trong một vài tình huống nào đó, có thể cứ lấy đây làm chuẩn mà suy ra, chí ít nó cũng nhắc nhở chúng ta phải suy nghĩ cẩn thận hơn một chút, tránh bị thất lễ. Giả như biết được rằng vị trí chỗ ngồi ngày xưa là có tôn ti trật tự trên dưới, thì ngày nay nếu như chúng ta đến nhà các bậc trưởng lão chí ít cũng nên biết đứng tránh sang một bên trước, quan sát toàn bộ cách bố trí phòng khách một chút, rồi chọn lấy một vị trí thích hợp nhất ngồi xuống, đừng có mạo muội ngồi vào

ghế của chủ nhân. Nếu như có mấy người cùng đi với nhau, đương nhiên phải nhường cho người tương đối lớn tuổi trong nhóm, ngồi vào vị trí gần các bậc trưởng lão nhất. Tuy đây chỉ là những chi tiết nhỏ nhặt vụn vặt, thế nhưng nó đủ để hình thành cho chúng ta một thói quen sinh hoạt tốt là phạm bất cứ chuyện gì cũng phải suy nghĩ thật nhiều, thận cẩn thận kỹ lưỡng. Nhỏ thì là điều kiện để đạt được thành tựu trong sự nghiệp cá nhân, lớn thì biểu hiện cho phong độ của một đại quốc lớn mạnh một quốc gia lễ nghĩa.

5. Lễ đối với thầy giáo.

Khi đi phía sau thầy giáo, không được phép nói chuyện với người bên kia đường. Bỗng chợt gặp thầy giáo trên đường, phải mau chạy đến trước người, đứng nghiêm chấp tay vái cung kính, nếu như thầy giáo có lời cần nói, liền trả lời một cách chăm chú, nếu như không cần dặn dò việc gì, thì phải nhanh chóng cáo từ lui đi.

Học trò đến nhà thầy giáo, trong khi tìm chỗ ngồi xuống, thái độ phải nghiêm trang, không được phép đùa giỡn tí tởn. Khi ngồi xuống phải dùng hai tay nhắc phần áo xống phía dưới cách mặt đất một xích (đơn vị đo lường của Trung Quốc thời cổ = 1/3m BT), để không bị vướng vúi bất tiện. Sau khi ngồi xuống không được tùy tiện vứt tung quần áo, chân không được giang ra quá rộng. Giả sử sách vở, nhạc cụ của thầy vừa đứng ngay phía trước chân ta,

thì ta nên ngồi xuống sau đó dịch chuyển những thứ đó, nhất thiết không được phép bước qua chúng.

Nếu như chỉ là nói chuyện, cố gắng nên ngồi ở phía sau, nếu là ăn uống, lại cần phải cố gắng ngồi ở phía trước. Tư thế ngồi nhất thiết phải ổn định, giữ trạng thái tự nhiên. Trưởng lão không hỏi đến ta, không được phép tùy tiện nói leo vào. Dung mạo phải đoan chính, nghe chuyện phải cung kính. Khi bản thân cần phát biểu, không được lấy lời của người làm thành ý kiến của mình, cũng không được phép phụ họa theo đuôi ý kiến người ta; nói chuyện nhất định phải dựa trên những sự thật đã qua, hoặc trích dẫn những câu cách ngôn của tiên vương của thánh hiền.

Khi ngồi hầu chuyện với thầy giáo, nếu như thầy có lời muốn hỏi, phải đợi thầy nói hết câu hỏi, mới được trả lời. Nếu như có vấn đề trong bài vở, cần phải thỉnh giáo thầy, nhất định trước tiên phải đứng lên; khi cần thầy giáo giảng giải rõ thêm một chút, trước hết cũng phải đứng lên rồi mới hỏi. Khi phụ thân gọi, không được phép dài giọng trả lời lê thê chậm chạp, khi thầy giáo gọi cũng vậy, phải trả lời vừa nhanh gọn vừa dứt khoát, mà còn phải đứng dậy nữa.

Khi ngồi hầu chuyện cùng các bậc tôn trưởng, nếu như thấy họ ngáp dài, vươn vai, hoặc là chuẩn bị cầm trượng hay giày dép, hoặc là ngẩng đầu nhìn xem trời

sớm hay muộn, thì lúc này người hầu chuyện nên cáo từ lui ra. Khi ngồi hầu chuyện cùng bậc tôn trưởng, nếu như bậc tôn trưởng mở lời hỏi sang chuyện khác, thì cần phải đứng dậy trả lời. Khi ngồi đàm thoại hầu tiếp các tôn trưởng, nếu như có người vào nói: chờ một chút, tức còn có chuyện khác cần nói với người, lúc này người hầu chuyện nên tránh lui qua bên cạnh ngồi đợi.

Phụ lục nguyên văn.

Tòng vu tiên sinh, bất việt lộ nhi dữ nhân ngôn. Tao tiên sinh vu đạo, xu nhi tiến, chánh lập cung thủ. Tiên sinhs dữ chi ngôn, tắc xu nhi thoái.

Tương tức tịch, dung vô tộ, lưỡng thủ khu ý khứ tể xích, y vô bậ, túc vô quệ. Tiên sinh như sách cần sắt tại tiền, tọa nhi thiên chi, giới vật việt.

Hư tọa tận hậu, thực tọa tận tiền. Tọa tất an, chấp nhi nhan. Trường giả bất cập, vô ngôn. Chánh nhĩ dung, thính tất cung, vô tiểu thuyết, vô lô đồng. Tất tắc cổ tích. Xung tiên vương.

Thị tọa vu tiên sinh, tiên sinh vấn yên, chung tắc đối. Thỉnh nghiệp tắc khởi, thỉnh ích tắc khởi. Phụ triệu vô nặc, tiên sinh triệu nô nặc, duy nhi khởi.

Thị tọa vu quân tử, quân tử khiếm thân, soạn trưng lư, thị nhật tảo mô, thị tọa giả thỉnh xuất hỹ. Thị tọa vu quân tử, quân tử vấn canh đoạn, tắc khởi nhi đối. Thị tọa vu quân tử, nhược hữu cáo giả viết: Thiếu nhàn nguyên

nữu phục dã. Tắc tả hữu bình nhi dĩ (Khúc lễ thượng).

Thuyết minh.

Trong bài trên có một vấn đề, đó là khi cần phải xin ý kiến thầy giáo hay là yêu cầu thầy thuyết minh bổ sung ở một cấp độ cao hơn, trước hết học sinh cần phải đứng dậy, nếu như thầy giáo gọi một học sinh nào đó trả lời, học sinh cũng phải đứng lên. Đây chính là tinh thần tôn sư trọng đạo. Học trò kính trọng thầy giáo, tự nhiên thầy giáo càng hăng say dạy học, thế là các bài giảng cho học sinh càng sinh động đặc sắc hơn, đạo đức nghề nghiệp càng thuần khiến, đương nhiên cái mà học sinh gặt hái được sẽ càng phong phú đa dạng hơn. Vì vậy nếu học sinh biết tôn sư trọng đạo, thì người được lợi nhiều nhất vẫn là học sinh.

6. Lễ về giới hạn giữa nam nữ.

Người nam và người nữ, không được phép ngồi chung hỗn độn, quần áo không được treo chung trên cùng một giá treo áo; từng mỗi người tự có khăn lược của riêng mình, không được phép dùng lẫn lộn; đưa đồ vật cũng không được phép chính tay chuyển cho. Giữa người chị dâu và con trai chồng không được phép quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không được phép nhờ thím hay thứ mẫu giặt quần áo lót dùm mình. Những lời nói ở ngoài đường phố, không được đem vào trong nhà, ngược lại những chuyện nhỏ nhặt trong nhà cũng không được kể ra bên

ngoài. Người nữ đến tuổi thành niên sau khi đã đeo đồ trang sức, nếu như không phải là sự cố trọng đại, không được phép tùy tiện đi đến gần phòng người con gái đó. Cô bác gái, chị em gái, con gái, phàm đã đi lấy chồng, khi trở về thăm nhà, thì ngay cả anh em trai ruột của chính mình cũng không được phép cùng ngồi chung một chỗ, cũng như không được phép cùng ăn chung trong một đồ đựng. Cha và con cái không được cùng ngồi trên một cái ghế.

Giữa người con trai và con gái, nếu như chưa có thông qua mai mối của người trung gian, không được phép tự ý riêng tư trao đổi tên tuổi cho nhau. Trước khi chính thức tiếp nhận sính lễ, hai bên không được phép qua lại hoặc thân cận với nhau. Vì vậy khi tiến hành hôn lễ nhất định phải đăng ký ngày tháng với quan trên, hơn nữa cần phải cử hành gia tế trình báo tổ tiên, và chuẩn bị tiệc rượu thiết đãi bà con láng giềng và bạn bè đồng liêu. Những thủ tục nghi thức này được thiết đặt ra đều nhằm để nhấn mạnh sự khác biệt giữa nam và nữ.

Phụ lục nguyên văn.

Nam nữ bất tạp tọa, bất đồng di giả, bất đồng cân tiết, bất thân thụ. Tẩu thúc bất thông vấn, chư mẫu bất tấu thường. Ngoại ngôn bất nhập vu (不相), nội ngôn bất xuất vu (不相). Nữ tử hứa giá, anh, phi hữu đại cố, bất nhập kỳ môn. Cô, tỉ muội, nữ tử tử, dĩ giá nhi phản, huynh đệ phát dũ đồng tịch nhi tọa, phát dũ đồng khí nhi thực. Phụ

tử bất đồng tịch.

Nam nữ phi hữu hành môi, bất tương tri danh; phi thụ tộ, bất giáo bất thân. Cố nhật nguyệt dĩ cáo quân, trai giới dĩ cáo quý thân, vi tửu thực dĩ triêu hương đẳng liêu hữu, dĩ hậu kỳ biệt dã.

Thuyết minh.

Ranh giới giữa nam và nữ thời xưa, yêu cầu tương đối nghiêm khắc, dụng ý của nó chỉ là để phòng ngừa ngăn chặn mà thôi. Vì vậy trong sách Giải Kinh Lễ ký có viết: tac dụng giáo hóa của lễ, trên thực thể nó luôn luôn thấp thoáng ẩn hiện không thấy được, trong khi tội ác chưa kịp hình thành, chính lễ đã góp phần khống chế nó, khiến cho chúng ta càng ngày càng đi vào con đường lương thiện, xa rời tội ác, mà bản thân cũng vẫn chưa nhận ra. (Nguyên văn: “Cố lễ chi giáo hóa dã vi, kỳ chi tả dã vu vị hình, sử nhân mục đồ thiện viễn tội nhi bất tự tri dã”). Khi hình thành bất kỳ một loại lễ chế nào, tất nhiên phải có bối cảnh và nguyên nhân của nó. Vào thời kỳ sớm nhất khi con người sinh hoạt tụ cư, ranh giới giữa nam và nữ đương nhiên chưa có gì phân biệt giới hạn. Sau khi từ xã hội hoang dã tiến dần lên thành một xã hội văn minh, con người tự nhiên tự cảm thấy rằng sự không phân biệt nam nữ đã gây nên rất nhiều tội ác và nhiều vấn đề, nếu không tăng cường hạn chế thì trật tự sẽ không thể kiến lập, xã hội sẽ không thể thành hình, vì vậy mới có những yêu cầu

ng nghiêm khắc của Lễ. Sau khi có được những hạn chế của Lễ, quan hệ vợ chồng sẽ bình thường, gia đình sẽ vững mạnh, thì như vậy xã hội mới tiến bộ. Mà tác dụng của lễ, trong tất cả mọi tình huống bình thường, lại không nhận ra được. Thế nhưng nếu như do không nhận thấy được tác dụng của lễ, hoặc ngộ nhận cho đó là sự hạn chế không cần thiết, mà hủy bỏ hoặc phá hoại nó đi thì nam nữ sẽ không có sự cách biệt, tệ nạn dâm dục thác loạn sẽ tràn ngập. Sau khi nó đã trở thành một vấn đề đạo đức xã hội nghiêm trọng rồi, thì lúc đó có muốn văn hồi lại tình thế cũng rất khó khăn. Vì vậy lễ chế cổ đại thả rằng chấp nhận bị phê bình là nghiêm khắc, bảo thủ, không khai thông, một mục vẫn cứ duy trì việc hạn chế bó buộc của lễ đối với ranh giới giữa nam và nữ, có thể nói đây chính là một quyết định sáng suốt thấy được cái lớn mà giữ lại cái nhỏ. Những chỗ này, cũng chính là bài học đáng để cho chúng ta ngày nay phải suy nghĩ.

7. Giáo dục thiếu niên nhi đồng (1).

Trước mặt trẻ thơ, người lớn cần phải luôn luôn mẫu mực thành thật, không dối gạt để làm gương cho chúng xem. Những trẻ vị thành niên, không cần mặc áo lông thú và váy dài. Cần giáo dục chúng tư thế đứng nghiêm trọng, mặt hướng thẳng về phía trước, mắt không được liếc ngang dọc, không được có kiểu dáng nghiêng đầu hóng nghe người ta nói chuyện. Nếu như người lớn tuổi cần

nắm dặt tay chúng, chúng cần phải học cách thức dùng hai tay cung kính nâng bàn tay của người lớn tuổi. Nếu như người lớn tuổi công đưa trẻ trên lưng, quay đầu lại nói chuyện với chúng, đứa bé cần phải dùng tay che miệng lại rồi mới trả lời.

Phụ lục nguyên văn.

Ấu tử thường thị vô cuồng. Đồng tử bất y cầu thường. Lập tất chánh phương, bất khuynh thính. Trưởng giả dữ chi đề huê, tắc lưỡng thủ phụng trường lão chi thủ. Phụ kiểm bích chiếu chi, tắc yểm khẩu nhi đối. (Khúc lễ thượng).

Thuyết minh.

Từ khi trẻ bắt đầu hiểu biết là phải luôn luôn lúc nào cũng chú ý đến phong thái cử chỉ của nó, nhẹ nhàng từ từ uốn nắn giáo dục, để cho chúng có thể lấy mà sử dụng cả một đời cũng không hết. Khi mới bắt đầu đại khái không nằm ngoài hai tiêu chuẩn đoan chính và cung kính, nếu như có thể làm cho chúng luôn ghi khắc hai tiêu chuẩn này, tin chắc rằng trong quá trình trưởng thành, chúng nhất định sẽ không trở thành hư đốn được. Sau đó lại dần dần dạy bảo chúng chú ý đến các tính cách như là: cẩn thận, cần cù, đôn hậu, giản dị, tiết kiệm... Và các quan niệm sinh hoạt khác, mãi cho đến khi nào chúng thực thụ trưởng thành mới thôi. Từ đây có thể nhận thấy rằng, cách giáo dục để đào tạo nung đúc một con người thành nhân trong các gia đình trước đây, đã chiếm một phần

quan trọng biết bao.

Trẻ em không nên mặc áo lông, bởi vì áo lông quá ấm, trong khi trẻ khí huyết còn đang dồi dào sung túc, thì không cần thiết phải có thói quen yếu đuối như vậy. Trẻ con không nên mặc váy dài, bởi vì váy giống như quần kéo dài đến bàn chân, mà trẻ con còn phải để cho chúng làm việc nhà, nên đương nhiên mặc váy không được tiện lợi. Trẻ con nên mặc váy khố ngắn, may bằng chất liệu vải màu đen.

8. Giáo dục thiếu niên nhi đồng (2).

Trẻ em khi đến thời kỳ có thể tự ăn cơm, cần thiết phải dạy cho chúng thói quen sử dụng bàn tay phải. Khi biết nói, phải dạy cho nó biết cách đối ứng. Cách đối ứng của con trai phải vừa nhanh gọn mà vừa chính xác, của con gái tương đối ôn hòa hơn. Túi đeo trên người, của con trai bằng da thuộc, của con gái dệt bằng chất sợi tơ. Năm lên sáu tuổi, bắt đầu dạy cho chúng biết đếm số, nhận định phương hướng đông nam tây bắc. Từ bảy tuổi, phải dạy cho chúng sự khác biệt giữa nam và nữ, chúng không được phép ngồi chung một chỗ, ăn chung một món. Tám tuổi, dạy chúng khi ra vào cửa ngõ hoặc ngồi vào bàn ăn uống, nhất thiết đều phải đi sau người lớn tuổi, bắt đầu chỉ cho chúng học tập cần phải khiêm tốn nhường nhịn như thế nào. Chín tuổi, dạy chúng thiên can địa chi và phương pháp tính đếm ngày tháng từ mồng một, mười

lăm... Khi đến mười tuổi, liền cho ra ngoài học hỏi, không giữ trong nhà, vẫn mặc áo khố không được dệt bằng chất liệu tơ như trước. Từ sáng sớm cho đến tối khuya học những lễ tiết ứng đối tiến thoái đổ rượu, cần mẫn đọc sách viết chữ, học tập cách giáo dục phẩm chất đạo đức chân thực, không dối gạt. Đến năm mười ba tuổi, đã phải học âm nhạc, đọc thơ, luyện tập văn võ. Những thiếu niên từ mười lăm tuổi trở lên, phải học múa võ, và kỹ thuật cưỡi ngựa bắn tên.

Phụ lục nguyên văn.

Tử năng thực thực, giáo dĩ hữu thủ. Năng ngôn, nam duy nữ thú. Nam (九) cách, nữ (九) ti. Lục niên, giáo chi số dũ phương danh. Thất niên, nam bử bất đồng tịch, bất cộng thực. Bát niên, xuất nhập môn hộ cập túc tịch ẩm thực, tất hậu trưởng giả, thủy giáo chi nhượng. Cửu niên, giáo chi sở nhật. Thập niên, xuất tộ ngoại phó, cư túc vu ngoại, học thư kế, y bất bạch nhu khô, lễ soái sở. Triều tịch học ấu nghi. Thỉnh di giản lượng. Thập hữu tam niên, học nhạc, tụng thi, vụ thực. Thành đồng, vũ tượng, học xạ ngự (Nội tắc).

Thuyết minh.

Bé trai bé gái từ mười tuổi trở về trước, cách dạy dỗ huấn luyện trong gia đình giống y như nhau. Từ mười tuổi về sau, con trai phải đi ra ngoài theo thầy học hỏi, con gái giữ lại trong nhà, đương nhiên từ đó về sau nội dung giáo

dục không còn giống nhau nữa. Mười tuổi trở đi, con trai phải học “ấu nghi”, đây là giáo dục về cách sinh hoạt chính thức của thiếu niên. Đáng tiếc những nội dung này đều không được bảo lưu, nhưng từ sau đời nhà Tống lại có không ít tác phẩm nổi tiếng liên quan đến ấu học như là Tiểu Học (Chu Hi), Đồng Môn Huấn (Lã Bồn Trung). Ấu Nhi Tập Châm (PHương Hiếu Nhữ)..., có thể dùng để tham khảo. Chỉ ít từ các quyển sách Nội Tắc của lễ ký. Thiếu Nghi, Văn Vương Thế Tử, vẫn có thể nhận thấy được cách giáo dục của cổ đại đối với ấu nhi, đồng tử không những rất được coi trọng, mà hơn nữa còn được phối hợp thực hiện một cách có kế hoạch với sự phát triển của thể xác và tinh thần.

9. Quy cũ sinh hoạt chung.

Trong sinh hoạt thường nhật, cần phải chú ý đến phong cách tác phong của mình. Không được phép đồng tai nghe chuyện bí mật; không được gân cổ gân họng để đối đáp; không được có ánh mắt bất định, đảo vòng bốn phía; không được phóng dăng buông thả; không được có bộ dáng biếng nhác. Khi đi trên đường không được giậm chân thỉnh thoảng, ngạo mạn bất cần; khi đứng không được người nghiêng ngả chân cao chân thấp, khi ngồi không được phép dạng hai chân duỗi ra phía trước, giống như cái ki, khi nằm không được phủ phục trên giường mà ngủ. Tóc tai cần phải chải gọn vắn chặt, không được để cho nó

rơi xoa xuống. Mão đội trên đầu không được phép tùy tiện tháo ra, ngay cả trong khi lao động, cũng không được phép để lộ thân thể, hoặc khi nóng gắt cũng không được phép vén váy quần lên.

Khi đến nhà người ta làm khách, không thể đòi hỏi tất cả phải chiều theo thói quen của mình. Khi chuẩn bị lên sảnh đường, cần đánh tiếng hỏi trước. Nhìn thấy phía trước cửa nhà người ta có hai đôi giày, nếu như nghe được tiếng nói chuyện ở bên trong vọng ra, thì có thể bước vào, còn nếu như không nghe thấy chuyện trò phía trong đó, không nên đường đột xông vào. Khi bước vào cửa phòng, mắt luôn phải nhìn xuống đất. Sau khi bước qua cửa, hai tay phải cung kính chấp bái trước ngực, ánh mắt không được đảo ra trước sau trái phải khắp mọi chỗ. Nguyên cửa nhà người ta đang mở, vẫn cứ để cho nó mở như vậy; nguyên là đang đóng, cũng đóng lại y như cũ. Nếu như phía sau mình có người cần vào, thì không được đóng chặt cửa lại. Sau khi tiến đến gian phòng, cần để ý không được giẫm lên giày của người khác, cũng không được bước qua phía trên chỗ ngồi của người khác. Vào trong phòng, cần phải nhắc váy áo lên đi thật nhanh đến một góc nhà trước, có thể mượn hành động để xem xét rõ vị trí ngồi thích đáng. Khi nói chuyện, bất luận là đáp nhanh hay đáp chậm, nhất thiết đều phải ứng đối một cách cẩn thận.

Phụ lục nguyên văn.

Vô trắc thính, vô kiểu ứng, vô dâm thị, vô đại hoang. Du vô cự, lập vô phả, tọa vô chi, tẩm vô trạng. Liêm phát vô thể, quan vô miễn, lão vô đàn, thử vô khiêm thường.

Tương thích xá, câu vô cố, tương thương đường, thanh tất dương. Hộ ngoại hữu nhị lữ, ngôn văn tắc nhập, ngôn bất văn tắc bất nhập. Tương nhập hộ, thị tất hạ. Nhập hộ phụng (), thị thêm vô hồi. Hộ khai diệc khai, hộ hạp diệc hạp. Hữu hậu nhập giả, hạp nhị vật toại. Vô tiền lữ, vô tích tịch. Khu y xu ngung, tất thận duy mặc. (Khúc lễ thượng).

Thuyết minh.

Lúc trước thường nghe các bậc cao niên dạy con trẻ rằng: phải “lập như tùng, tọa như chung, ngọa như cung”, hoặc nói: “ngồi phải có tướng ngồi, đứng phải có tướng đứng, ăn phải có tướng ăn”, ngồi không được phép gác hai chân, kỵ nhất là không được rung đùi, không được phép giành ăn, không được mở miệng nói xằng bậy..., tất cả những điều này có lẽ đều là những quy củ về hành vi tác phong vô cùng nhỏ nhặt trong cuộc sống thường ngày. Dưới sự dạy dỗ ân cần tích lũy từ ngày này qua tháng nọ, quả thật đã khiến cho con người dần dần hình thành một điển hình nho nhã mẫu mực, đoan trang lịch lãm, và lẽ đương nhiên là con cháu của Thuyết minh gia đình có chú trọng đến giáo dục, khi đi đến đâu cũng đều được mọi người kính trọng. Chỉ ít đến nhà người khác, chúng sẽ

không tự tiện xông bừa vào, vô phép vô lễ, mà vẫn không hay biết tại sao mình không được yêu thích. Vì vậy có người nói, nhận xét con người phải nhìn từ những việc nhỏ, hành vi càng nhỏ nhất, càng mới có thể nhận ra được là có được dạy dỗ hay không. Tất cả các cấp trường của nhà Hán đều được trang bị bộ môn giáo dục. Nhưng cho dù cách giáo dục ở trường học có nghiêm khắc cỡ nào đến đâu chăng nữa, về phương diện này, rốt cuộc dường như vẫn không sánh được với sự ảnh hưởng sâu sắc từ giáo dục của gia đình.

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI TRÂN TRỌNG GIỚI THIÊU :
TÌNH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

(Bộ bách khoa toàn thư về văn học cổ TQ)

Phát hành trong năm 1995 - 1996

1. **Luận ngữ** (*Hoa nhân đích thánh kinh*) Thánh kinh của người Trung Hoa.
2. **Mạnh Tử** (*Nho gia linh hồn*) Linh hồn của nhà Nho.
3. **Lão Tử** (*Đạo đức đích ảo bí*) Đạo đức huyền bí.
4. **Trang Tử** (*Đại tự nhiên đích trí tuệ*) Trí tuệ của vô vi.
5. **Mặc Tử** (*Nhân gia chi tổ*) Ông tổ của đức kiên nhẫn.
6. **Tuân Tử** (*Cảnh thế chi thư*) Sách cảnh giác đời.
7. **Liệt Tử** (*Thâm tư đức hiển giả*) Tư tưởng sâu sắc của bậc hiền nhân.
8. **Hàn Phi Tử** (*Pháp gia đích đại thành*) Sự tích tụ tư tưởng Pháp gia.
9. **Tả truyện** (*Liệt quốc phong vân đồ*) Bức tranh về cuộc điện liệt quốc.
10. **Chiến quốc sách** (*Thần thương thiết kiểm lục*) Sách ghi chép những lời lẽ đanh thép.
11. **Thượng Thư** (*Thượng cổ chi thư*) Sách chép về thời thượng cổ.
12. **Lễ ký** (*Lễ sự kinh điển*) Kinh điển về việc lễ.
13. **Thi kinh** (*Viễn cổ đích hồi thanh*) Tiếng vọng thời xa xưa.
14. **Sở từ** (*Thi chi ai huyền*) Dòng thơ buồn hận.
15. **Sử ký** (*Sử chí cự cấu*) Cơ cấu lớn của lịch sử.
16. **Tôn Tử binh pháp** (*Chế thắng vũ kinh*) Sách võ kinh, mưu lược để quyết thắng địch.
17. **Quân thiết luận** (*Phủ quốc chí đạo*) Đạo làm giàu cho đất nước.
18. **Hoài Nam Tử** (*Thuyết tiên luật đạo*) Sách nói về tiên, bàn về đạo.
19. **Sơn Hải Kinh** (*Cổ lão đích tàng bảo đồ*) Những bức tranh về bảo tàng vật giấu từ thời xưa.
20. **Nhạc phủ** (*Hữu thanh đích thi thiên*) Một thiên thơ cổ có âm thanh.
21. **Bảo phác tử** (*Khởi hồi thanh thuật*) Phép tiên linh nghiệm.
22. **Nhan thị gia huấn** (*Vọng tử thành long*) Sách dạy dỗ con nên người.
23. **Lạc Dương giả lam ký** (*Cổ đô thịnh sự*) Việc hưng thịnh tại cổ đô Lạc Dương.
24. **Đường đại thi tuyển** (*Khóa viết thời đại đích phong bí*) Thơ tuyển đời Đường.
25. **Đường đại truyện ký** (*Ký ngụ bút đoan đích giai cấu*) Truyện truyền kỳ đời Đường.
26. **Chính quán chính yếu** (*Luận chính đích bảo điển*) Những mẫu mực quý về chính trị đời Đường Thái Tông.
27. **Đường Tống Từ Tuyển** (*Độc thụ nhất xi đích từ chương*) Từ tuyển đời Tống.
28. **Đường Tống Bát Đại Gia** (*Khó ai chích nhân khẩu đích tản văn*) Tám nhà thơ lớn đời Đường - Tống.

29. **Thông Điển** (*Điển chế đích bách khoa toàn thư*) Bách khoa toàn thư về điển chế cổ Trung Quốc.
30. **Lục Tổ Đàm Kinh** (*Thiền tông đích tinh hoa*) Tinh hoa phái thiền tông.
31. **Cao Tăng Truyền** (*Phật môn đệ tử đích truyền kỳ*) Truyền kỳ về các đệ tử của Phật.
32. **Thế thuyết tân ngữ** (*Nhân văn xã hội đích tổ miêu*) Sách bàn rõ việc đời thời xưa.
33. **Tư trị thông giám** (*Hùng vĩ đích thư trung đế quốc*) Bộ sử chép về chính trị cổ của Trung Quốc.
34. **Nguyên nhân tản khúc** (*Tửu diên ca tích đích tản xướng*) Những bài tản ca người đời Nguyên viết dùng để hát vui trong tiệc rượu.
35. **Hí khúc cổ sự** (*Phong văn văn nghệ đích tập thành*) Những tưởng tích cổ nổi tiếng của Trung Quốc.
36. **Thần tiên truyện** (*Trung Quốc đích "Thiên Phương Dạ Đàm"*) Truyện thần tiên của Trung Quốc.
37. **Tổng Minh thoại bản** (*Ấn tại chỉ thượng đoản thiên tiểu thuyết*) Các truyện ngắn thời Tống, Minh in trên giấy.
38. **Nhân tình ngẫu ký** (*Thuận tình tự thích đích sinh hoạt lạc chương*) Cách thưởng thú thanh tao ngày xưa.
- 39. **Tam Quốc Diễn Nghĩa** (*Vô thanh đích bi hi*) Truyện Tam Quốc Diễn Nghĩa.
40. **Tây Du Ký** (*Không thể đích kỳ thư*) Cuốn sách kỳ lạ truyền rộng muôn đời.
41. **Hồng Lâu Mộng** (*Thạch đầu đích chán hám*) Đệ nhất tình thư của Trung Quốc xưa.
42. **Thủy Hử truyện** (*Thảo mãng anh hùng phổ*) Cuốn sách viết về sự tích các anh hùng.
43. **Liêu Trai chí dị** (*Dã quỷ cô hồn huyết lệ thiên*) Cuốn sách ghi lại bí tình của ma quỷ.
44. **Phong Thần Bảng** (*Thần ma nhân yên phong, yên lục*) Sách chép về chiến tranh giữa thần, tiên, người và ma quỷ.
45. **Thiên Công khai vật** (*Khoa uyển kỳ ba*) Sách ghi chép về công nghệ của Tổ Quốc.
46. **Đông Kinh Mộng Hoa Lục** (*Bắc Tống kiện binh tả văn tạp ký*) Sách ghi lại những điều vụn vặt nghe được ở kinh đô nhà Tống.
47. **Nho Lâm Ngoại Sử** (*Phúng thích tiểu thuyết đích kiệt tác*) Kiệt tác phẩm về châm biếm.
48. **Minh Thanh tiểu phẩm** (*Ca, khúc, tiểu, mạn, đích chán văn*) Sách ghi chép thật về vui buồn, yêu ghét ở đời.
49. **Văn sử thông nghĩa** (*Sử bút văn tâm đích giao dung*) Sách bàn về nghĩa, lý văn sử (luận viết sử).
50. **Minh Di đãi phỏng lục** (*Bảo quốc vô môn đích tranh ngôn*) Sách bàn về thuật trị nước.
51. **Lão Tàn Du Ký** (*Thanh sơn lục thủy đích ưu tư*) Sách viết về thú du lâm xưa.
52. **Kinh hoa duyên** (*Kinh tử lý đích thần thoại*) Tiểu thuyết bách khoa toàn thư.

TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

LỄ KỶ

(Kinh điển về việc lễ)

Biên soạn: **NHỮ NGUYỄN**
Hiệu đính: **TRẦN KIẾT HÙNG**

Chịu trách nhiệm xuất bản:
HOÀNG VĂN BỐN
Biên tập: **THÁI HOÀNG**
Sửa bản in: **HỒNG TRANG**
Bìa: **CHÂU NHIÊN KHANH**
Trình bày: **CHÂU NHIÊN KHANH**

In 1000 bản, khổ 14,5x20,5. In tại: XN In Thủ đức. Số Đăng ký
KHXB: 03VH/ĐN/554. Cục xuất bản cấp ngày: 4-9-1995
Quyết định xuất bản số: 717/QĐXB ngày 4-11-1995
In xong và nộp lưu chiểu tháng: 12-1995

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI, Số 4 Nguyễn Trãi, Biên Hòa, Đồng Nai
Điện thoại: (01.61) 22613 - Ban biên tập: (01.61) 25292

NHÀ XUẤT BẢN ĐÔNG NAI

Trân trọng giới thiệu :

BỘ SÁCH QUÝ TRỌN BỘ 52 TẬP

SẼ ĐƯỢC ẤN HÀNH LẦN LƯỢT TRONG NĂM 1995 - 1996

BÁCH KHOA TOÀN THU
TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC



Trung Quốc - Đất nước có chiều dài lịch sử lâu đời, có nền triết học văn học nghệ thuật phát triển sớm nhất phương Đông.

Từ thời Xuân Thu Chiến Quốc đến cuộc Cách mạng Tân Hợi 1911, trải qua hơn 2000 năm chế độ phong kiến đã bảo tồn và gìn giữ một kho tàng văn hóa triết học, văn học nghệ thuật, nho học tinh túy đồ sộ. Trong đó phải kể đến : Kinh Thi, Tả Truyện, Chiến Quốc sách; với Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử, Hàn Phi Tử... Có thể nói đó là những hạt châu sáng chói ngàn năm, soi sáng trí tuệ cho các thế hệ sau, bằng những giá trị tinh thần sâu sắc.

Ngày nay, nó vẫn giữ vị trí quan trọng trong các giá trị tinh thần, làm giàu thêm kiến thức cho con người.

Bộ sách do một nhóm các nhà nghiên cứu và giảng dạy Trung văn của Trường Đại Học Sư Phạm biên soạn và hiệu đính. Gồm : Trần Kiết Hùng, Phan Kỳ Nam, Lê Văn Sơn, Giáp Văn Cường, Hồ Sỹ Hiệp, Nguyễn Văn Ái, Nguyễn Thiện Chí, Hàn Thế Chân, Võ Ngọc Liên, Phùng Quý Sơn, Hoàng Tuyết Nga... biên soạn.

Trần Kiết Hùng - Giảng viên văn học Trung Quốc và là Phó chủ nhiệm khoa Trung văn Trường Đại Học Sư Phạm TP Hồ Chí Minh hiệu đính và giới thiệu.

Chúng tôi tin rằng bộ sách này sẽ giúp ích cho bạn đọc làm giàu thêm kiến thức của mình.

SÁCH PHÁT HÀNH TẠI

Cửa hàng sách

56A BÀ TRIỆU - HÀ NỘI

ĐT : 267207